

UNG - TRÌNH  
và  
BỬU - DƯỞNG

# TÙNG THIỆN VƯƠNG

TIỀU-SỬ VÀ THI-VĂN  
(1819 — 1870)

慈 善 王

Kỷ-niệm  
Đệ-Nhất Bách-chu-niên  
HUE — SAIGON  
1970



ƯNG - TRÌNH  
và  
BỬU - DƯỞNG

# TÙNG THIỆN VƯƠNG

TIỀU-SỬ VÀ THI-VĂN  
(1819 — 1870)

弔  
善  
王

*Lời Giới-thiệu*  
của PHẠM-ĐỊNH-TÂN

*Kỷ-niệm*  
Đệ-Nhất Bách-chu-niên  
HUE — SAIGON  
1970

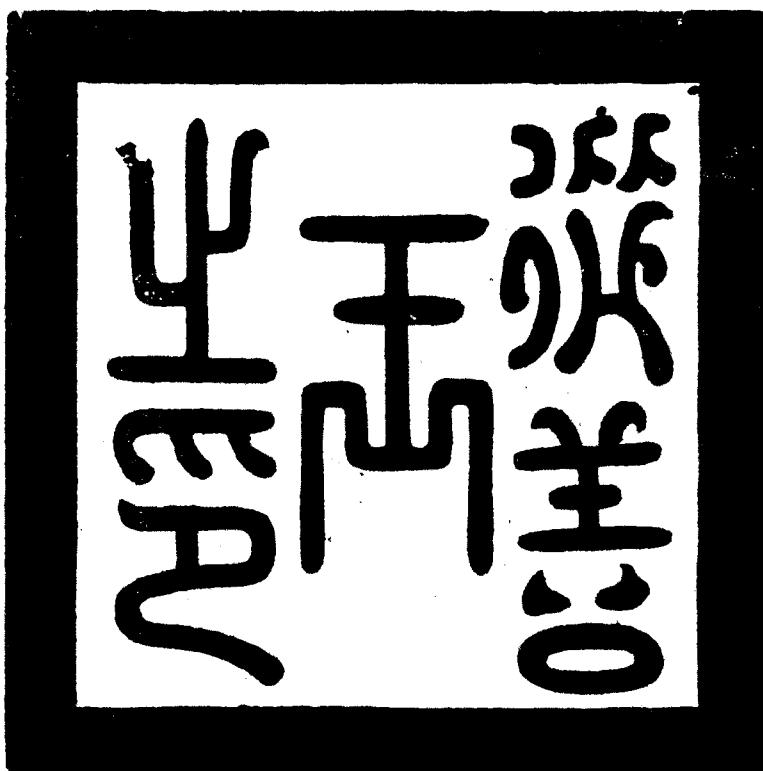
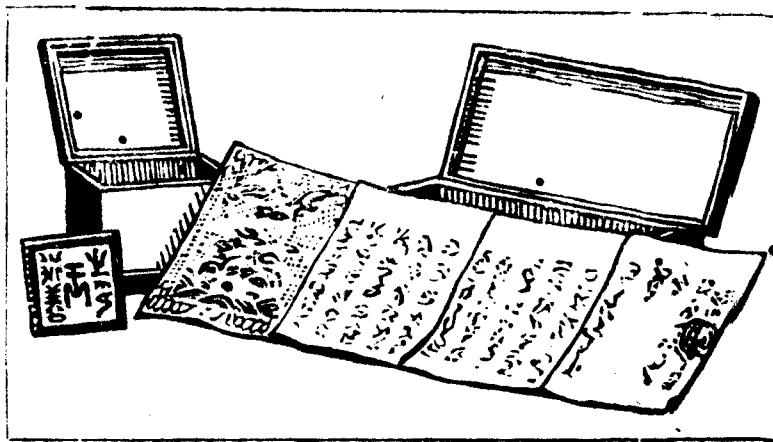
## MƯỜI BỐN PHO SÁCH CỦA TÙNG-THIỆN-VƯƠNG

- |                                      |        |
|--------------------------------------|--------|
| 1 — Thương-sơn thi-tập. . . . .      | 倉山詩集   |
| 2 — Thương-sơn từ-tập. . . . .       | 倉山詞集   |
| 3 — Thương-sơn thi-thoại. . . . .    | 倉山詩話   |
| 4 — Thương-sơn văn-di. . . . .       | 倉山文遺   |
| 5 — Nạp-bị văn-tập. . . . .          | 衲被文集   |
| 6 — Độc ngã thơ sao. . . . .         | 讀我書抄   |
| 7 — Lão sinh thường đàm. . . . .     | 老生常談   |
| 8 — Tịnh-y ký. . . . .               | 淨衣記    |
| 9 — Tịnh-ký tập. . . . .             | 精騎集    |
| 10 — Học giá chí. . . . .            | 學稼誌    |
| 11 — Thức cốc biên. . . . .          | 式穀篇    |
| 12 — Nam cầm phò. . . . .            | 南琴譜    |
| 13 — Lịch-đại Thi-nhân tiều-sử. . .  | 歷代詩人小史 |
| 14 — Thi..inh diển-nghĩa ca. . . . . | 詩經演義   |

美林英皇帝



鐵從善王詩



Thể sách và đồng-ấn của Tùng-Thiên-Vương

從 善 王 朝 服 圖



TÙNG - THIỆN - VƯƠNG  
Triều phục đồ

世 情 變 化 同 看  
晚 歲 捷 言 在 著 書

Thế tình biến hóa đồng khan dịch,  
Vân tuế kinh dinh tại trước thơ.

Thương-sơn

*Thời-thế đổi thay cờ mây cuộc,  
Niên-hoa dồn nhập sách đổi pho.*



## Lời giới-thiệu

Văn như Siêu, Quát vò Tiễn-Hán  
Thi đáo Tùng, Tuy thất Thịnh-Đường.

*Hai câu thơ trên đây không biết xuất hiện từ bao giờ và do ai sáng - tác (1) nhưng chúng đã được truyền tụng trong dân-gian từ mấy đời rồi. Như vậy, dầu muôn, dầu không, những nhân-vật được nhắc nhở trong đó đã đi vào lịch-sử, lịch-sử dân-tộc nói chung và lịch-sử văn-học nói riêng.*

*Tùng-Thiện-Vương ở trong số những nhân-vật hiếm hoi ấy. Vì thế, khi được đọc bǎn thảo viết về ngoài, tác giả những hàng chữ này rất lấy làm cảm-kích.*

*Cảm-kích vì đã được dịp biết về thi-tài và tâm-hồn của một bậc tiền-bối mà đáng lẽ một nhà văn-hóa phải thông hiểu từ lâu.*

*Cảm-kích vì trong lịch-sử văn-học nước nhà cũng như trong văn-học-sử các quốc-gia trên thế-giới, ít có những danh-nhân được chính những hàng hậu-duệ viết về mình như Tùng-Thiện-Vương vì Ông-Trịnh tiên-sinh là cháu của Tùng-Thiện-Vương và linh-mục Bửu-Dưỡng là con thứ hai của Ông-Trịnh tiên-sinh. Hai đời hậu-duệ họp lại xứng-tôn công-đức cha, ông ! Quí hóa biết bao !*

---

(1) Có thuyết cho là hai câu thơ này là của Vua Tự-Đức, nhưng đó vẫn còn là một nghi-vấn.

*Cảm-kích sau cùng là cái vinh-dự mà các tác-giả « Tùng-Thiện-Vương » đã có nhã ý dành cho tôi để bộc lộ tâm-tình mình trên đầu tác-phẩm giá-trị của các ông.*

*Tùng-Thiện-Vương là thi-bá của một thời-đai. Nhưng thời-đai Ngài là một thời-đai mà những phuơng-tiên truyền-thông chưa được phát-triển. Những tin-tức, những biến-cố ít khi lọt được ra khỏi biên-giới địa-phuơng. Đầu vây, chỉ với sự truyền-khẩu, thi-văn của Ngài đã được người đồng thời mến-chuộng và lưu truyền cho đến ngày nay.*

*Nhưng tiếc thay, ngày nay, đa số chỉ biết Ngài qua hai câu thơ trên kia. Thân-thế Ngài, thi-tài của Ngài và cho đến tâm-hồn Ngài, nhiều người đều mù mịt hay là nếu có biết thì chỉ như những người đứng trước bức tranh thủy-mạc, miệng trầm-trồ khen ngợi, nhưng chỉ thấy hình bóng ẩn hiện sau lớp sương mờ! Tiên nhân bị lãng quên cũng vì thế ~~mạnh~~những nhà thuc-giả bây giờ phải chịu phần trách-nhiệm về sự thờ-ơ của thời-đai đối với tinh-tiến.*

*Nhưng Úng-Trinh tiên-sinh và linh-mục Bửu-Dưỡng đã chu-toàn phần nào trách-nhiệm đó khi tiên-sinh thu gop tài-liệu viết tiểu-sử Tùng-Thiện-Vương, và linh-mục phiên-dịch, bình-luận thi-văn của Thương-Son. Tác-phẩm của các ông không chỉ phụng-sự gia đình vì Tùng-Thiện-Vương không phải chỉ là giòng-giỗi nhà Nguyễn mà còn là tinh-hoa của đất nước. Phát-huy thi-tài và tinh-thần của Ngài đã vượt pham-vi gia-tộc sang phuơng-diện quốc-gia. Công-lao của hai tác giả cuốn « Tùng-Thiện-Vương » chính là ở chỗ đó và chính đó cũng là điều chúng ta phải lưu ý trước tiên,*

Nhưng cỗ nhẫn còn dại « Dương thanh danh, hiền phụ mẫu ». (Hiền-dương danh minh là làm sáng danh cha mẹ).

Ung-Trịnh tiên-sinh và linh-mục Bửu-Dưỡng, với những thành-tích văn-hóa và những uy-tín đài, đạo từ bao lùn nay, đã đủ lùm vinh danh tiên-tồ. Hai vị hay đúng hơn hai thế hệ — còn hợp lại để phát-triển tinh-thần của người xưa, không những làm giàu cho văn-học của quê-hương mà còn bão hiếu và bão hiếu gấp đôi — một gương sáng đáng truyền-tụng ở thời-đại mê-chuông vỡ chắt như bây giờ.

Với bấy nhiêu ý-nghĩ, tôi tin cuốn « Tùng-Thiện-Vương » này sẽ được đồng-báo các giới hoan-nghênh đặc-biệt, nhất là những nhà giáo-dục có trách-nhiệm phát-huy tinh-hoa của dân tộc.

Rồi đây cuốn « Tùng-Thiện-Vương » sẽ đi khắp nơi trên quê-hương yêu-dẫu và nêu thi-tài của người xưa cùng lòng hiếu-thảo của hàng hậu-duệ có khởi hứng từ nhiều tư-tưởng đẹp đẽ cho một vài tâm-hồn ở thời hiện-tại và tương-lai thì các tác-giả đã có thể toại-nguyễn phần nào về việc làm của mình :

Công, tư thực đã vuông tròn,  
Đời Ông thi-há, cháu con vẫn-hiền !

SAIGON, Mạnh thu Cảnh-Tuất (1-9-1970)

**PHẠM-ĐÌNH-TÂN**

## Lời tựa

TÙNG-THIỆN-VƯƠNG, sinh-trưởng làm Hoàng-tôn, Hoàng-tử, Hoàng-dệ, Hoàng-thúc; thân-thể, Ngọc-diệp, Tôn-phò đã ghi-chép rõ-ràng. Đến làm tôi, làm con, đức-nghiệp, sử-gia cũng đã đặng vào Chánh-biên liệt-truyện.

Từ làm quốc-sĩ cho đến thành «Nhất-đại Thi-ông», trong khoảng ba bốn mươi năm, cuộc đời có lầm đoạn lv-kỳ, nhiều khi nguy đến tính-mạng.

Nhất sinh ưu hoạn, vì một chữ Tình : Tình với tò-quốc, tình với quốc-dân, tình với bạn đồng-thời, tình với người thiêng-còn Thân ở lồng miếu mà tâm ở sơn lâm. «Xem hoa nở cũng ngậm-ngùi, nghe suối reo mà đau-dớn» ; nhiều khi chỉ thấy chặng doi hàng nước mắt, hay là chỉ nghe một tiếng thở-dài mà cũng đủ động lòng, TÙNG-THIỆN-VƯƠNG chưa đến bậc «vong tình» như «Thái-thương».

Có khi ngài tự hỏi : «Mình với xã-hội là một, sao mình tự rẽ làm hai ? Mình với xã-hội là hai, sao không nhập lại làm một ? Sinh đã không ích gì cho xã-hội, thì dẫu ngồi trên vàng trên ngọc cũng là một kiếp hir-sinh. Thôi thì lấy cái tính-tình trời đã phú mà vận-dụng ra văn-chương, quản bút, dìa nghiên ; huặc có thè giúp

*quyển Tạo-hoa. Thay thiêng-văn khuy-khiuyết, Nữ-Oa phải  
tèn đá và lại cho hoàn-toàn, đối với mình, nhà là nước,  
nước là nhà, nhơn-văn khuy-khiuyết còn nhiều, lẽ nào  
chỗng đem tâm-huyết ra mà bô-cứu».*

*Mỗi viết thành 14 pho sách, vừa thơ, vừa văn, hình-  
dung đủ thể-thái, nhơn-tình; diễn tả vú-trụ-quan, nhân-  
sinh-quan và hoàn-cảnh của riêng mình.*

*Cuộc đời tương-quan với xã-hội như thế, sao chưa  
có ai, vì xã-hội mà nhắc lại cuộc đời? Hay là vì sự-tích,  
lúc thiếu-thời, còn trân-tàng trong kim-quỹ nhà vuơ,  
người ngoài muốn sưu-tầm cũng không mấy ai có phuơng  
tiện.*

Về lối dịch thi-văn thì Tuy-Lý-Vương đã nói: «Thi-  
văn của Tùng-Thiện-Vương, như cỏ hoa giữa núi, như  
mây mõng trên trời, vẻ đẹp ở tinh-thần, đều ai khéo tay,  
theo dạng vẽ bầu cũng chỉ còn hình-thức». Abel Bonnard  
lại so-sánh một cách khác: «Người dịch thi-văn cũng  
như người đem châu ngọc xứ này sang xứ kia, đều có  
hết sức giữ-gìn, giữa đường cũng thất-lạc nhiều, mười  
phần chỉ còn năm bảy.»

*Phuơng Đông, phuơng Tây, đồng một ý-kiến,  
đều công-nhận sự khó trong lối dịch thi-văn. Còn viết  
sự-tích, có thè tựa vào tài-liệu sách sử, nhưng cũng khó  
sắp đặt cho trung-tín mà gọn-gàng.*

*Viết tiêu-sử một ông hoàng-tử tại triều Tự-Đức kiêm  
thi-sĩ Nho-văn, tuy tài-liệu có ở Quốc-sử-quán, văn-bút*

còn tại già-dịnh, nhưng chúng tôi vẫn ngoại trình bày câu chuyện không hợp cảnh hợp thời, phiên-dịch bài thơ không giữ được ý-tưởng của nguyên-văn, không khỏi có nhiều điểm sai-lầm ; chỉ mong độc-giả vui lòng miễn-thú.

*Ngày Hè-nghiên, năm Quý-vỵ.*

*Hiệp-tá đại-học-sĩ,  
Tôn-nhân-phủ đại-thần,*

**ƯNG-TRÌNH**



## CHƯƠNG I

### NHẤT-ĐẠI THI-ÔNG

Năm 1870, một hôm, về mùa thu, gió chiều phảng-phất, khói tràm đứt nối giữa hư-không, ánh tà-dương lật lạt hào tàn, chỉ còn in bóng tùng trên nền cỏ. Trong khi ấy, trên núi Cửa-Sé, làng Dương-Xuân, dưới bốn chiếc lọng vàng, vua Tự-Đức đến tầm Tùng-Thiện-Vương, nhìn trước, nhìn sau, trù-trường với người thiên-cô.

Trầm thương nghìn tiếc, vua mới than-thở mấy lời :

一代詩翁逝不還

« Nhât-đại Thi-Ông thê bất hoàn »

Sao thi-ông nỡ sớm về không trở lại !

Chẳng những là thương-tiếc cho nước, mà lại còn thương-tiếc cho đời, vì thi-ông là người có lòng giúp nước, giúp đời, cho nên càng nghĩ đến tương-lai, vua càng đau-dớn.

Thi-giáo có ảnh-hưởng lớn, hóa được phong-tục, luyện được tinh-tinh. Lê-Tân, người nhà Thanh, khen thơ của Tùng-Thiện-Vương rằng :

間 作 詩 歡泣 鬼 神

« Gián tác thi ca khấp qúy thần ».

Thi, ca linh-động, đến làm cho qúy thần cũng phai khóc.

Năm 1921, người Pháp sang Tàu khảo-cứu về văn-thơ, đã khám-phá ra cái tâm-thuật, học-thuật ở Á-dông, Abel Bonnard nói : « Các thi-bá đời xưa, cũng như người La-mã, oai-võ không đủ làm cho người sợ, trước-c-lộc không đủ làm cho người ham, khi đắc-thời ra phụ-thể, truwong-dân ; khi thất-thời, về giang-hồ àn-dật ; núi, sông, trăng, gió, sắn kho vô-tận của trời, gặp cảnh-ngợ nào, cũng không đổi chí-hướng. Còn người đời nay, đã bị lợi-danh cương-tỏa, dẫu có học, cũng chỉ học đè làm nghè, không phải học đè làm người ; cho đến làm thơ mà cũng là làm nghè, thì còn có phải là làm thơ đâu nữa. »

Thơ, không phải chỉ có cái âm-vận ở nơi chữ, mà còn có cái hồn ở trong câu ; vì cái hồn thơ, rung động đến tâm-giới của người, nên thi-giáo, là một chi-phái của nguồn Nho-giáo.

Nho-giáo là gì ? Dương-Hùng, đời Hán trả lời : « Học cho biết các lẽ của trời đất và người là Nho. » Nho-giáo không phải là tôn-giáo.

Tùng-Thiện-Vương sinh vào thế-kỷ thứ 19, học-thuật của Âu Mỹ đã biến thiên, phạm-vi của nhà khoa-học đã mở rộng, đã thiên về phương-diện phú-cường ; thế mà ở Á-dông, nhất là ở nước Tàu và nước ta, còn chuyên trọng về Nho-giáo.

Vì thiếu khoa-học, nên về cách-trí không tiến-hóa, về kỹ-nghệ không sáng-kiến. Thực-dụng nhà nho cam bě đơn-giản, không chuộng sướng, chỉ ưa vui : Vui về tinh-tinh, cũng do văn-hóa tạo-thành Nho vậy. Đến con vua, cháu chúa, như Tùng-Thiện-Vương, lại càng chú-trọng về tinh-tinh, thích văn-chương, mà văn-chương của nhà nho cho đến lễ, đến nhạc, đến thi, đến ca, đều là những cơ-quan để tuyên-truyền đạo-lý.

Thơ của ngài có câu :

便 有 文 章 有 性 情

立 即 是 物 莫 动 也

Tiện hữu văn chương hữu tinh tình,

Khởi quan thị vật mãi công danh.

Mượn chỗ văn-chương ngũ tinh-tinh,

Há đem mua lấy chút công danh,

Tùng-Thiện-Vương kè văn-chương như một thứ thực-phàm, nuôi dưỡng tinh-tinh. Đồng thời các bậc lương-tướng, danh-thần như Phan-Thanh-Giản có tập Lương-Khê, Trương-Đăng-Quế có tập Quàng-Khê, cũng đều sống với văn-chương, coi văn-chương như tinh-mạng.

Dùng văn-chương để nuôi nguồn vui sự sống, không phải dùng văn-chương để tạo công-danh.

Vua Tự-Đức có nói về Tùng-Thiện-Vương :

數 尺 新 墓 此 母 葬

幾 篇 舊 詩 插 人 頭

Sò xích tân phàn tỳ mẫu mộ,

Kỳ thiện cựu vịnh bá nhân hoàn.

Vài thước đất un gǎn mộ mẹ,

Mấy bài thơ rải khắp bầu trời.

Ở Trung-Hoa, tinh nào cũng có người bình-phàm thơ  
của ngài, như Chung Ứng-Nguyễn, người bắc-Kinh, có  
thơ rằng :

若使元精降中國  
韓潮蘇海莫同流  
吁嗟公乎誰與儕  
吁嗟公乎無與儕

Nhược xứ nguyên tinh giáng Trung-quốc,  
Hàn trào, Tô hải, si đồng lưu.

Hu-ta công hò thùy dũ trù,  
Hu-ta công hò vō dũ trù.

Như Thương-Sơn sinh vào Trung-Quốc,  
Thi tài ngang với ông Hàn, ông Tô.

Than ôi ! đời nay ai sánh vai ?

Than ôi ! đời nay không có ai sánh vai được !

Lao-Sùng-Quang lại phê bình một cách khác :

孝友忠愛溢楮墨間

Hiếu, hữu, trung, ái, dật chữ mặc gian.

Đối với vua, đối với nước, đối với anh em, tình tràn  
trên giấy mực.

Phê-bình như thế, chẳng những là đúng giá thi-văn,  
lại còn đúng với học-thuật, tâm-hồn của tác-giả.

Mấy hàng chữ in ra sau này, là thủ tích của Lao  
Sùng-Quang. Trong ấy có mấy câu :

倉山一老天殆以之式是  
南邦豈得僅代詩入目之助

Thương Sơn nhất lão, Thiên dãi dĩ chí thức thi  
Nam bang, khời dặc cản dĩ thi nhân mục chí da.

Là muôn nói : Trời sinh ông Thương-Sơn để làm  
giương cho dân nước Việt-Nam, ta há dám chỉ coi là một nhà  
thơ hay mà thôi đâu ?

興於詩教明乎溫柔敦厚之旨興觀羣  
怨之義而國之政治於以日隆然則倉  
山一老夫天殆以之式是南邦豈得僅以  
詩人目之耶余以吏事見牽此事遂  
二廢回首昔年奉使名都攬轡間吟之  
樂渺不可得誦君詩蓋不禁低徊詠  
歎於不能已也

楚南勞崇光序



Thể là khen thơ, mà khen về phương-diện đạo-đức.

Văn-chương sống theo thời-đại, cách mấy mươi năm nay, thơ chữ nho, hầu như mảnh quạt mùa thu ; tuy trong các báo, thỉnh-thoảng có đăng, song người đọc thơ đã không nhiều, mà người ham thơ lại càng ít.

Năm 1942, ở đất Bắc, có два Bút-hoa, Phạm-Mạnh-Danh biên-tập những thơ của Tầu, của Ta, của Tùng-Thiện-Vương, lại khéo dùng lối văn lục-bát để giải-thích.

Phạm-Mạnh-Danh là àn-sĩ, tên không muốn cho ai biết, bỏ cả đời vào thi-văn. Sinh-tiền cây bút là cái cày, nhánh hoa là người bạn. Tiên-thế có Phan-Trứ, đậu Hoàng-Giáp đời Minh-Mạng, đã có dịp xướng họa với Tùng-Thiện-Vương ; song thời-gian ấy đã qua, chuyện trăm năm cũ. Ngày nay thơ Thương-Sơn, lại thấy đem ra biên-tập, thế thì thi-giáo lại phục-hưng chăng ?

Đời xưa đã nói : « Người làm thơ là người cày ruộng đá. Mũi bút cày luôn trên dĩa, không tham công, kể lợi, cho đến quên cả tháng ngày ». Như Tùng-Thiện-Vương thích thi văn, từ bảy tuổi học thơ, đến năm mươi hai tuổi hay thơ. Thơ làm gần hai ngàn bài, có bài dài đến 162 vần. Văn cũng làm đủ các thể, sinh-tiền trứoc-tác, sách có 14 pho. Đã xuất bản ba pho : Thương-Sơn thi-tập, Nạp-bì-tập và Thương-Sơn văn-di.

Tùng-Thiện-Vương có tự thuật mấy câu :

耽 梵 艺 窗 草 太 玄  
生 涯 笔 墨 情 前 缘  
身 人 不 解 曲 人 意  
笑 拙 王 孫 眇 石 田

*Cảm nghĩ vẫn song thao Thái-huyễn,  
Sinh nhai bút măc ngõ tiễn duyên.  
Bàng nhán bắt giải u nhán ý,  
Tiểu sát Vương-tôn canh thạch-diễn.  
  
Dám sánh ai làm sách Thái-huyễn.  
Sông theo bút măc cũng tiễn duyên  
Người xem chẳng rõ tình người viết,  
Cười ngất cho là khần thạch-diễn.*

Người cày ruộng đã thành «Nhất-đại Thi-ông», còn  
người thu hoa lợi ruộng đá là ai? Chính là những người  
biết hưởng kho vô-tận của Trời, trăng Thiên-mộ, gió Túy-  
vân, hương nước, bóng non. Khi lâm-chung, Tùng-Thiện-  
Vương đã giao quyền-lợi cho những người biết làm người,  
nói cho đúng hơn, chính là những người trì-tâm-chính, lập  
chí-cao, biết tự-chủ lấy mình, không làm nô-lệ cho con mắt  
lỗ tai.



**TRIỀU <sup>À</sup>GIA - LONG**



## CHƯƠNG II

### NGỌC-ĐIỆP

Tùng-Thiện-Vương là cháu 12 đời của Thái-tồ Nguyễn-Hoàng. Trên Thái-Tồ, là Triệu-Tồ Nguyễn-Kim, người Gia-Miêu ngoại-trang, huyện Tống-sơn phủ Hà-trung, tỉnh Thanh-Hóa.

Đức Thái-Tồ vượt qua Hoành-Sơn trước hết, gieo giống Việt vào đất Chiêm-Thành, khai-thác nước Nam. Kè từ Triệu-Tồ đến Hiếu-Võ là chín đời, trong khoảng 235 năm, từ năm 1529 đến năm 1764.

Con Hiếu-Võ, là Hiếu-Khương và Hiếu-Định, Hiếu-Khương đã trưởng-thành lại thông-minh, mà quyền-thần là Trương-phúc-Loan không đè cho nổi ngôi, tôn Hiếu-Định lên, ngài ấy mới 12 tuổi.

Năm Nhâm-ngọ, 1762, ngày thượng-nguyên, Hiếu-Khương sinh Nguyễn-Phúc-Ánh. Chưa đầy 4 năm thì Hiếu-Khương băng. Bốn bè không nhà, một mình côi cút, Nguyễn-Phúc-Ánh phải chầu hầu Hiếu-Định đè tìm cuộc sống theo thời.

Cách tám năm, đến năm 1774, vừa bị quân Trịnh vào chiếm Phú-xuân (kinh-dô), cháu theo chú vào Quảng-nam. Sang năm sau, quân Tây-sơn ở trong kéo ra, hai chú cháu phải chạy thẳng vào Gia Định.

Đông xưng, tây đột, gần bốn năm, vừa áu-chúa băng. Chưa có con, thồ-vũ đáng của ai, thì Trời cho về người ấy. Nguyễn-phúc-Ánh mới 16 tuổi, đã phải giữ kiêm-Ấn, cầm binh-quyền đánh dẹp trong hơn 25 năm, đến ngày khôi-phục được cựu-kinh, là ngày 41 tuổi.

Sang năm sau, là năm nhâm-tuất 1802, quần-thần xin tôn lên Đế-vị, để cho định nhân-tâm. Gia-Long nghe lời, lựa ngày mồng hai tháng năm, là ngày «cải-nguyên», ngày triều thọ hà.

Nhà Lê mấy trăm năm đế-nghiệp, bị họ Trịnh chuyên-quyền, nhưng chưa chiếm hết cơ-đồ, thì đã có Tây-sơn là tay anh-hùng nòi dậy; dưới vua Lê phải chạy; đánh họ Trịnh phải hàng. Song chỉ có một chữ Tài, chưa đủ cho lòng người ái-đái. Huong non sông nguyên có chủ, tiếc cho thù-doạn của Tây-Sơn, thi-thố trong khoảng 23 năm mà trót phải chịu nhường. Sau ngày tiếp kiến-nguyên triều Nguyễn, vua Gia-Long ra Bắc, lập lại các trấn, mở rộng thành Thăng-long, rồi vua vào Nam, xây cao thành Nam-vang, đặt quan bảo-hộ, vô về người Nam-chưởng, cho tự xưng thần, dân Gia Định thiểu ăն, mở kho chàn-cấp.

Mười năm sau, đặt Hoàng-tử thứ tư Nguyễn-phúc-Đàm lên làm Đông-cung hái-tử, cho có phủ-dệ riêng, tại phường

Đoan-hòa trong kinh-thành, hiện nay là sở Tam-tòa, viện Cơ-mật.

Ngày ở phủ-đệ ấy, đã sinh được chín trai. Năm 1819, ngày 24 tháng mười, tự cung Thanh-hòa, đưa ra một tin mừng : Đông-cung mới sinh thêm một trai, khi giờ đậu. Đó là Tùng-Thiện-Vương sau này.

Ngày lê Bảo-kiến là lê đưa con đến bái-kiến Vua. Bà Thục-Tân tự bồng con theo đức Đông-cung. Khi mới đến thăm điện, thì tiếng pháo, tiếng nhạc nồi vang lên cả chốn cung-định. Thuận-thiên Hoàng-hậu ngự ra, nhìn một hồi, rồi khen gương mặt cháu giống gương mặt ông.

Vua Gia-Long cũng ngự đến, thấy giữa ngực cháu có mấy nốt ruồi son, mới chỉ cho Hoàng-hậu xem, rồi đưa hai tay bồng cháu.

Sinh vừa đầy tháng, đã biết vinh-hiền là gì, tuy được nằm trên tay vua, «Mệ Mười» vẫn ngoe-ngoé là chối.

Gọi là «Mệ Mười», theo tiếng hoàng-gia cung-điện, vì Tùng-Thiện-Vương là con thứ mười của Hoàng-tử.

Trong khi ấy, tại Kỳ-dài, phát 21 tiếng lệnh, là nhà nước làm lễ thượng-lương lầu Phu-văn. Mệ-Mười mới chịu nằm yên, như đã biết nghe tiếng lệnh.

Thuận-thiên vỗ tay bồng cháu, vua Gia-Long mới ban : «Giữa ngực cháu có mấy chấm son ; ta chúc cho cháu, ngày sau sẽ được cầm ấn son, sẽ lấy văn-hóa ra giúp đời, như ta đã dựng lầu Phu-văn ngày nay».

Lầu Phu-văn là nơi treo ấn-chiếu, để bối-cáo cho thần-dân và treo bảng tên các viên đại-khoa trước khi khắc tên ở Văn-miếu,

Ngày trước ở Kỷ-đài, lầu Phu-văn thành ra nơi kỷ-niệm về đời của Tùng-Thiện-Vương ; mà chính là một nơi kỷ-niệm về lúc trung-hưng, trăm việc đều mới phôi-thai ; từ xây thành-trì, thiết dinh-trấn, chinh quân-ngũ cho đến tu địa-bộ, bầy thước đặc diền-thò cho nhất-luật cả Bắc, Nam, khai mỏ vàng, mỏ đồng, ban-bố luật hộ, luật hình, cài-định giáo-khoa và thi-pháp.

Vui với cháu chưa được bao lâu, vua Gia-Long vì quá lo nghĩ việc nước nên lâm bệnh và thăng-hà năm 1820, thọ 59 tuổi.



# **TRIỀU MINH - MẠNG**

---

### CHƯƠNG III

## ĐOAN-TRANG-VIỆN

Đầu năm Canh-thìn 1820, cải-nguyên triều Minh-Mạng  
Hoàng thái-tử lên ngôi Hoàng-đế, Tùng-Thiện-Vương sinh  
chưa được ba tháng, đã lên địa-vị ông Hoàng. Người ta  
quen gọi là « Ngài Mười », cũng có khi gọi là « Ngài anh »  
vì đã có em, là ông Hoàng-Mười-một (Tuy-Lý-Vương).

Ngài anh ít ngủ, nhiều khi khóc cả đêm ; các ngự-y cho  
là chứng « dạ đè », các quan coi việc Khâm-thiên chấm sô  
tử-vi lại đoán rằng : « Có hung-tinh chiếu mạng », tâu xin  
cúng sao Thái-bạch và xin đồi chõ.

Bà Thuận-Thiên mới đem cháu sang cung Thọ-nguyên,  
mong đè cho cháu đỡ bệnh, không ngờ cháu lại kêu khóc  
hơn trước.

Bà Thục-Tân chẳng yên lòng, mới tâu xin đưa con trở  
về viện Đoan-trang đè tự mình săn-sóc.

Đến ba tuổi biết đi, biết nói, càng sức khỏe. Chiều nào,  
mẹ cũng đem con đi dạo, trong các dãy trường-lang từ viện  
nợ qua cung kia, đè cháu đức Thuận-Thiên, và đè cho con  
đạn gió.

Tinh bà Thục-Tân điềm-dạm, không tra những đồ trân bửu, lá ngọc cây vàng, chỉ thích cảnh thiên-nhiên; quanh viện Đoan-trang, có đủ các thức lan, hoa nở cả bốn mùa, lá xanh một góc trời, ai đến cũng như lội vào giữa hồ, lá phủ ngập đầu, lượn xuống lượn lên, như sóng chao trên mặt nước.

Buổi sớm như buổi chiều, trang-diềm rồi, thì thân-hành cho chim ăn. Chim thấy bà chủ, đậm cánh bay nhảy kêu vang lên cả viện Đoan-trang ; người trong cung, ai nghe cũng biết bà Thục-Tân đã thức dậy.

Hết việc ấy đến việc khác, cho chim ăn rồi lại tưới hoa. Tưới xong cầm một cây bút, chấm nước rửa từng lá lan, hết chậu này qua chậu khác. Không khi nào xa mẹ, con cứ lẩn quẩn hai bên ; bà Thục-tân muốn cho ông Hoàng-tử ngồi im, mới dạy khai-tâm mấy chữ. Nhân cây bút chùi lan còn ướt, mẹ viết vào thềm đá những chữ lớn, rồi bảo con lượm sỏi sắp lên, sắp cho mau, hễ chậm thì nước khô mất nét.

Bữa đầu viết : nhất, nhị, tam, vừa viết vừa đọc : nhất là một ; nhị là hai ; tam là ba ; rồi lần đến khẩu là miệng, nhị là tai ; mục là mắt.

Con nghe thích lắm, lấy sỏi sắp ngay.

Qua bữa sau, trò đã quen nề, ngồi chờ thầy viết. Không ngờ thầy ham theo công việc, thầy bảo trò sắp lại những chữ đã học rồi. Bất-đắc-dĩ, trò phải vâng lời, vẫn ngồi yên một chỗ. Bà mẹ làm xong công việc, quay lại hỏi bài,

thấy ông con đương sắp một cái mặt người, lấy làm lạ mới hỏi :

— Con muốn học vẽ sao ?

Ông con không trả lời, cứ cúi đầu sắp cho đủ hai tai hai mắt. Bà mẹ lại hỏi :

— May chữ học hôm qua, con đã quên hết hay sao ?

Trò đứng dậy hỏi lại thầy :

— Con đố à (1) giữa này có những chữ gì ?

— Nhân diện là mặt người, đã phải chưa ?

— Con có biết hai chữ ấy đâu ?

— Thế là những chữ gì ?

Tùng-Thiện-Vương vừa chỉ giữa mặt người vừa nói :

— Đây là nhất khẩu, đây là nhị mục, đây là nhị nhã,

Bà mẹ nghe đắc-ý, mỉm cười, cúi xuống hôn con, rồi lại bày thêm những chữ khác.

Nhiều khi bà Tiệp-dư, sinh-mẫu ngài Mười-một, ở viện Đoan-chính, đem con sang viện Đoan-trang. Hai bà mẹ ngồi làm hai bà thầy, bắt hai ông con ngồi viết ôn viết tập.

Trước viện Đoan-trang, có một con anh-võ, hé thấy vua Minh-Mạng ngự đón, thì nó kêu lên : « Vạn tuế ! Vạn tuế ! » như có ý báo tin cho bà chủ biết, đè ra đón rước khách vào.

Một hôm, vua ngự vào. Thấy Tùng-Thiện-Vương đương sắp sỏi trên thềm, mới hỏi :

— Con làm gì đó ?

— Sắp sỏi chơi.

---

(1) Tiếng ngày xưa, vua hay Hoàng-tử gọi mẹ.

Bà Thục-Tân cúi xuống, nói nhỏ vào tai :

— Tâu : chúng tôi học.

Tùng-Thiện-Vương nói lại :

— Tâu : chúng tôi học.

Hoàng-đế hỏi : «Học gì ? »

Bà Thục-Tân chỉ hai chữ trên thềm.

Tùng-Thiện-Vương tâu :

— Học hai chữ.

Trong tay sẵn có cái quạt, Minh-Mạng chỉ giữa thềm và hỏi lần con :

— Chữ gì đây ?

— Tâu : đây là chữ quân, đây là chữ thần.

Vua ban : «Ta khen trò đó, nhớ được chữ là giỏi. Song ta dám chê thầy dở, vì nó mới học, sao đã dạy những chữ khó thế này ? »

Nhân thấy trong thau sẵn có cây bút, vua viết vào giữa thềm và ban :

— Con học hai chữ này dễ hơn : phụ là cha, tử là con ; cha đây con đó.

Tùng-Thiện-Vương lấy sỏi sắp lên, miệng đọc lầm thầm : «Phụ là cha, tử là con», Rồi quay lại hỏi :

— À ơi, phụ là vua, tử là tôi, có được không ?

Bà Thục-Tân vừa cười vừa tâu :

— Chỉ chúng tôi mới hiểu được nó. Vì chúng tôi thường bảo : Nó là tôi của vua, cho nên nó chỉ biết : nó là tôi. Nay nghe Hoàng đế ban «Cha đây con đó», thì nó tưởng : tử là tôi cũng được, tử cũng như thần.

Vua gật đầu rồi nhìn bà Thục-Tân :

— Bây giờ ta lại khen thầy, giảng cho trò như thế là đúng. Nó thiệt là cả thần, cả tử, mà xưng là thần thì đúng hơn.

## CHƯƠNG IV

### KIM-SÁCH NGÂN-SÁCH

Năm Quý-Vị 1823, năm thứ tư triều Minh-Mạng, vua định phép đặt tên cho cả Hoàng-gia, làm thành 11 bài thơ châm vào kim-sách và ngân-sách.

Trong bản kim-sách, châm bài thơ về chính-thống. Đề hệ-thi : (Đề cho con cháu vua Minh-Mạng) :

綿洪膺寬永  
保貞定隆長  
賢能堪繼述  
世瑞國家昌

*Mân, Hồng, Ung, Bửu, Vinh,  
Bảo, Quý, Định, Long, Trường,  
Hiền, Năng, Kham, Kế, Thuật,  
Thế, Thoại, Quốc, Gia, Xương.*

Trong bản ngân-sách, châm mười bài thơ về bang chi, gọi là « Phiên-hệ-thi » (đề cho con cháu của các phòng anh em vua Minh-Mạng).

Từ đó; Tùng-Thiện-Vương có tên là Mân-Thàm. Nguyên lúcsơ-sinh, vua Gia-Long đã mạnh danh là Ngợn, (1) nghĩa là sắc mặt trời mới mọc. Nay vua Minh-Mạng đổi ra là Mân-

---

(1) Chữ này 明 đọc là Nghiêm, nhưng vì kiêng húy nên đọc là Ngợn.

Thàm. Chữ «Thàm» có nghĩa là xét-đoán rõ-ràng, vì nghĩa ấy, nên ngoài lại có tên là Trọng-Uyên, cũng có tên là Thận-Minh ; còn ba chữ Bạch-hào-tử, cũng như hai chữ Thương-sơn, đều là biệt-hiệu. Chính ngoài đã giải-thích trong bài Bạch-hào-tử : «Vì tôi có một sợi lông mày trắng và dài gần đến miệng, cho nên tự hiệu là Bạch-hào-tử. Còn Thương-sơn là tên núi, vì tôi ưa núi ấy, nên tôi lấy tên của nó làm hiệu của tôi».

Tên đã được một chữ ở đầu Kim-sách, mà tuổi thì mới lên năm, Tùng-Thiện-Vương đang học Tam-tự-Kinh, Thiên-tự-Văn, và ngày tập viết vài hàng ; đến 7 tuổi đã học qua Kinh, truyện, sử.

Có Thị-Phụng là nữ-sĩ, mà cũng là nữ-quan, ở chầu hầu trong viện Đoan-trang, phần giữ ông Hoàng mười ; đến giờ nghỉ, bắt đi ngủ, đến giờ học, đánh thức dậy, không cho tự-tiện chút nào.

Một ngày kia, bà Thục-Tân thấy ở tay con, có một bản Phong-Thần, giận lầm, bắt-dắc-dĩ phải dùng đến «giáp hình», roi chưa chạm da con, ruột mè đã đau ; mỗi lời dặn bảo là mỗi giọt châm sa ; song cũng phải ôm lòng, đè làm tròn bồn-phận : « Con ơi, sách thánh-hiền đọc chưa được mấy, sao con đã đọc đến truyện hoang-đường ? Hoàng-Đế cấm người Täu không được đem tiều-thuyết sang, à đây cũng đã răn đe, sao con còn tái-phatem ? Như Hoàng-Đế hay được, thì à đây cũng phải mang tội vì con. »

Ngay hôm ấy, bà Thục-Tân không dám đè hoàng-tử ở trong viện Đoan-Trang, mới tâu xin cho con qua Dưỡng-

Chính-Đường đê học chung với ông hoàng anh, có Trương-đăng-Quế với Thân-Văn-Quyền là hai vị thám-nho giảng dạy.

Trương-đăng-Quế người làng Mỹ-Khê, huyện Bình-Sơn, tỉnh Quảng-Ngãi. Ngày nhỏ, đã biếu-lộ những tư-cách đặc-biệt ; đương thời, người ta đều công nhận rằng : Nhà họ Trương tích đức nhiều đời mới sinh được một người như thế,

Đậu cử-nhân triều trước, sơ-bồ làm chức Hành-tẩu ở kinh. Vì tiên-sinh có những tư-cách đặc-biệt, nên về sau hộ-chính, binh-chính, cả ba mươi mốt phủ, đều do tiên-sinh kiêm-thiết. Trên vua lại dùng tiên-sinh làm đầu đê sắp đặt cho thành quy-cử. Chẳng những là hộ-chính, binh-chính, đến các cơ-quan khác, cũng nhờ quy-cử của tiên-sinh. Tại triều mới đặt Nội-các, tiên-sinh sung Nội-các ; mới đặt Cơ-mật, tiên-sinh sung Cơ-mật ; mới đặt kinh-diên, tiên-sinh sung Kinh-diên ; mới đặt Phụ-chính, tiên-sinh sung Phụ-chính.

Thực là một vị khai sáng cho quan-trường làm đến cố-mạng lương-thần, giữ chức tè-tướng hơn 20 năm, điền-hàm đến Cản-chính, cung-hàm đến Thái-sư, trước phong đến quận-công, thế mà ngày về hưu, cả cơ-dồ chỉ có một nóc nhà tranh và vài bộ ngựa gỗ. (1)

Còn Thân-văn-Quyền, tư-cách lại khác, học rộng mà tính không thích thi-văn, bình-sinh chỉ sưu-tầm về châm-lý.

Trịnh-hoài-Đức biết là người giỏi, mới tiến-cử lên. Vua

---

(1) Theo Thân-đạo-bi, trong văn Vy-dạ hiệp tập.

theo lời, tuy không đậu gì, mà cho làm giáo-thụ. Chưa bao lâu ngày tháng, đã thăng đến Hộ-bộ Tham-tri.

Bộ thuộc có Lưu-công-Nghị, coi việc đúc tiền, vì bọn thợ bớt đồng, nên Công-nghị bị cách chức.

Văn-quyền cho là quá đáng mới tâu : « Kiêm số bất chầu vẫn phải chịu phần trách-nhiệm, song bộ hình làm án cách chức, thì có quá nghiêm, xin Hoàng-đế gia ân, cho giáng phạt cũng đủ thi-giới. »

Vua Minh-Mạng sợ các quan lập phe-đảng bênh-vực nhau, chính lệnh không được nghiêm-minh, mới cách chức cả người tâu việc ấy, Qua năm sau, Văn-quyền được khai phục Hàm Biên-tu, sung chức giảng-tập cho các hoàng-tử.

Năm thứ 15 triều Minh-Mạng, cụ làm Án-sát Tuyên-quang, chỉ hơn một năm được thăng trở về thị-lang bộ Hộ.

Vừa có Nguyễn-Trữ, đậu tiến-sĩ, làm Án-Sát Hưng-Yên, bị tội lưu-đày vì thuộc-hạ làm việc không cẩn-thận. Minh-Mạng gia ân cho cách chức. Văn-quyền lại tâu :

« Nhân tài như hoa, nhờ ơn võ-lộ, xin cho Nguyễn-Trữ lưu-dụng để dưỡng nhân-tài. »

Vua tức giận truyề cho thị-vệ đem chém Văn-Quyền, cụ vẫn thản-nhiên không tâu thêm một tiếng gì, thung-dung đi theo bốn người vỏ-sỹ. Giữa đường, thị-vệ hỏi nhò : « Ông phạm tội gì ? ». Cụ đáp mấy lời :

« Tôi tội chỉ có tôi biết ».

Ra khỏi cửa chính-bắc, gần đến pháp-trường, vừa có  
ngựa rượt theo; một tên thị-vệ khác đem lệnh truyền cho  
hoãn tử.

Lúc cụ làm giảng-tập, đối với các hoàng-tử rất nghiêm,  
không dè cho tự ý chút nào. Lại vì thấy Tùng-Thiện-Vương  
có tính hiếu-kỳ nên càng kiềm-chẽ.

Một hôm, trò đem cái quạt giấy đến hỏi thầy :

— Trong quạt này có đề câu gì, mà trong các sách học  
của tôi không có ?

Thầy cầm lấy quạt xem rồi nói :

— Đó là một câu thơ.

— Thơ là thế nào ?

— Thơ là người ta tả sự cảm-giác ở trong lòng, hoặc tả  
theo hình, hoặc tả theo cảnh.

— Câu này tả gì ?

— Đó là câu tả cảnh.

— Cảnh gì ? Sao tôi đọc không ra cảnh gì cả ?

— Ngài đã hiểu thơ được đâu. Như câu ở trong  
quạt này :

黃河遠上白雲間

·*Hoàng-Hà viễn thương bạch vân gian,*

Là người làm thơ tả cảnh Hoàng-Hà, như thấy nước  
chảy lên trên đám mây trắng...

— Cảnh gì là thế ?

— Đó là ông Vương-chi-Hoán ở Kinh-Châu đi ra, nhìn  
kem phong-cảnh Hoàng-hà, thì tả thế ấy.

— Thầy có biết ông Vương-chi-Hoán không ?

— Biết lắm, người đời Đường.

— Người đời xưa à ?

— Phải,

— Sao không viết thơ đời nay, lại viết thơ đời xưa ?

Không muốn chiều theo ý học-trò, cụ Văn-Quyền làm  
thịnh không nói lại. Tùng-Thiện-Vương lại hỏi :

— Hay là đời nay không có thơ sao ?

Bất-đắc-dĩ tiên-sinh mới đáp : « Đời nào lại không có  
thơ, song vì thơ của đời Đường hay hơn, cho nên bên Tầu  
thích viết thơ của đời Đường. »

— Sao thầy chưa dạy tôi phép làm thơ ?

— Phải học còn lâu, mới học đến phép làm thơ được.

— Phép làm thơ khó lắm sao ?

— Khó lắm ; muốn học làm thơ trước phải trì tâm  
cho chính, lập chí cho cao, đời xưa ông Cao-đạt-Phu, đến  
50 tuổi, mới học làm thơ, vội gì, ngài nay mới có bảy tuổi. » (1)

---

(1) Theo Thương-Sơn Văn-Di.

## CHƯƠNG V

### TĨNH-TÂM-HỒ

Thầy không dạy phép làm thơ, trò lại càng mong cho chóng biết. Trên các thầy thì quá nghiêm-khắc, đã không dạy thơ, mà cũng không cho đọc thơ, đến Thị-Phụng chỉ là một bà nữ-quan, cũng kiềm-chẽ, những sách gì không có trong chương-trình thì cho là cấm-thư, thành-thứ, đọc Đường-thi mà trò cũng phải đọc thăm, trong những khi đi dạo. May có em là ngài Mười-một, bạn đồng-chi, tính thích thơ, hai anh em thường ngâm vịnh riêng với nhau, khi làm thơ chử, khi làm thơ nôm, mật-thiết như hai người ở trong một hội kín vậy.

Giữa thời-đại văn-chương đương toàn-thịnh, văn-chương là mối duy-nhất của phái thượng-lưu ; thế mà trên vua muôn đồi giáo-khoa, muôn đồi nhân-tài, cho có thực-dụng. Một hôm, vua Minh-Mạng hỏi Thân-văn-Quyền :

— Khoa-cử có nên chú-trọng về từ-chương nữa không ?

— Tâu : Từ-chương chỉ nên để riêng cho một hạng người, như các ông hoàng; ngày lớn lên, không có phần lo về sinh-kế của dân, thì có đủ ngày giờ để nghiên-cứu về cõi-diền,

Hoàng-đế ban : Lo riêng gì về một hạng người, nên lo chung cho cả dân-tộc. Về văn-dề giáo-dục, nhất là về giáo-khoa, ta muốn đòi cách thi hương ; song ta chưa biết đòi cách nào cho thích-hợp.

— Tâu : Xin cho sĩ-phu học về lẽ, nhạc, xạ, ngự. Thế là học cả văn cả võ. Đức-dục, thè-dục dạy ngang nhau, cũng như trí-dục cũng là một môn thiết-thực.

— Nói thì hay, song làm thế nào cho thần-dân hưởng-ứng ?

— Tâu : Trong thời-kỳ thí-nghiệm, xin khởi tự trong cung-dinh, trước hết xin dạy cho các ông hoàng, đế cò-dộng thần-dân một cách gián-tiếp.

Vua liền hạ sắc các hoàng-tử từ đấy phải tập bơi, tập lặn, tập cưỡi ngựa, tập bắn bia.

Lời sắc ấy ra, các hoàng-tử hoan-nghênh, có nhiều ông say mê theo, thậm chí bỏ cả giờ học. Duy Tùng-thiện-Vương là không thích, chỉ theo quán bút, đĩa nghiên, đến giờ tập bắn, tập bơi, lại tìm chỗ tránh.

Một buổi chiều, tại Tịnh-Tâm, trong giờ tập thè-thao, Vua cưỡi ngựa, đặt Tùng-thiện-Vương lên yên, rồi giao cho quân đội kỵ-mã dắt ngựa, vua ngự theo một bên, đè cho Hoàng-tử khỏi sợ. Cũng có khi Hoàng-đế lại đặt Hoàng-tử lên yên ngựa mình. Đến khi tập bơi cũng vậy, Vua Minh-Mạng ban với Tùng-Thiện-Vương : « Con tuy còn nhỏ, song biết lội sôm càng hay ; ngày ta ở Sài-gòn, mới bảy tuổi, đúc Thè-tò đã thả cho ra ngoài biển. Đất nước mình nằm quanh

theo bờ biển, không lẽ gì, người trong nước, nhất là con vua, lại không biết lội bao giờ,

Tùng-thiện-Vương sợ phép nên phải tuân theo, song việc đã không thích, thì khó mà thành-tựu.

Một hôm, Hoàng-tử thứ tám, là Mân-Phú, quần ngựa ở trong thành, gần đến ngã tư, vừa có một bà già 80 tuổi đi ngang qua, bị ngựa của thủ-hạ ngài, là Hoàng-văn-Vân dẫm chết.

Quan bộ hình tâu án, xin kết tội tên Văn, còn Hoàng-tử vô-can, xin cho miễn-nghị.

Vua phê : « Đường trong thành là chỗ nhân-dân lai vãng, mà dám cho ngựa ruồi rong, tuy tên Văn phạm tội sát-thương-nhân, song Mân-Phú phải bồi cho khò-chù 200 lượng bạc. Tội đã liên-đới thì không xứng đáng là con vua, Mân-Phú tự-hậu, không được dự vào hàng Hoàng-tử. Còn tên Văn vì ý thế của Hoàng-tử, nên miệt-thị bần-dân, luật-quí tru-tâm phải vẫn-quyết, đè cho trọng nhân-mạng».

Tùng-Thiện-Vương nghe anh bị tội, thì khủng-khiếp, vội-vàng đến trước bệ rồng, không dám tâu gì, chỉ quì khóc.

Vua ban : « Mày còn nhỏ tuổi, chưa biết tình đời, dầu ta có giảng-giải thế nào, mày cũng không hiểu được. Mày chỉ nên biết, ta không bao giờ vì tình mà bỏ phép, hễ mày không lo gìn giữ, thì ta trị tội còn nặng hơn.»

Đối với con, vua có quá nghiêm-khắc, còn đối với em, Hoàng-de lại quá khoan-dung. Một hôm, Định-Viễn (Hoàng-de thứ sáu) đòi thợ đến phủ, làm mao cho con hát;

thợ đến chậm, ngài cho lính đánh và giam lại một ngày. Vua nghe tin đòi vào cung mà trách :

« Anh em là tình cốt-nhục, pháp-luật là của triều-định. Nay em đánh dân, anh không trị tội, thì anh bỏ phép của triều-định; bằng anh trị tội, thì anh bỏ tình cốt-nhục. Em ở như vậy, là vì anh không biết dạy em; trên anh đắc tội với tö-tiên; dưới anh đắc tội với thần-thứ; sử sách ghi lại, đời sau sẽ coi anh ra thế nào? » (1).

Năm Canh-dần (1830), mới đóng thêm một chiếc tàu đồng, vua ngự duyệt Thủy-bin, tại Thuận-An, sắc cho Hoàng-tử đi chầu, Tùng-Thiện, Tuy-Lý và Tương-An (Hoàng tử thứ 12) ba anh em đi chung một chiếc bồng, tên là Hòa-lạc. Nửa bình trà, vài quyển sách, vẫn đủ phong-lưu; ba ngài tự-phụ là tiên, tưởng mình có thè bay theo gió, theo mây; buồm một cánh, ý còn bất mãn.

Qua khỏi làng Phú-Hội, gió nhanh, thuyền nhẹ lướt sóng mà đi. Bồng nhiên, nồi cơn sóng gió mang người cũng nguy theo mạng thuyền; bấy giờ Tùng-Thiện-Vương mới tiếc cho mình, kém n ghè thùy-thủ. Tương-An, ý mình đứng đầu trường thè-dục, bơi lội, lặn là chính sở-trường, đã toan nhảy xuống lội vào bờ, song mây nước mù trời, không biết đâu là bờ bến. Vừa có Long-thuyền ở Thuận-An lên đón, dẫn chiếc Hòa-Lạc về Trấn-hải-dài. Ba ông Hoàng đến Hành-Cung, chầu thỉnh-an, Vua hỏi :

« Các con đều biết bơi lội, nay gặp phong-ba, cũng là

---

(1) Theo Minh-Mạng chánh-yếu.

một dịp thi tài, sao mặt cõn biển sác ? Mai sáng ta sẽ cho ra biển, bơi theo lính thủy dè thử sức thế nào...”

Lúc các ngài trở về thu; ền, kè lại cõn phong-ba, mấy anh em mới liên ngâm. Tùng-Thiện-Vương xướng trước:

*Trời Nam vừa thuở thái-bình,*

*Non hùm bắt dấu, biển kinh biệt tăm.*

Tuy-Lý tiếp :

*Ngày hôm rằm, tiết hè dương thanh,*

*Tùy-ig chiểu rồng, tuần hạnh Thuận-An.*

Vì ghe anh vừa dọc xong, thì Tương-An đã túc thà: câu tiếp :

*Pháo-dài bày tiếng sấm vang,*

*Thuyền chèo tách nước, cờ phan cuốn trôi.*

• • • • • • • • • • • • • • • • • • •

Tùng-Thiện :

*Máy trời khôn dẽ truóc dẽ (phòng),*

*Chớp ngàn lửa cháy, mây hè mực un (tụ).*

Tuy-Lý :

*Gió ùn-ùn cát bay, đá chạy.*

*Sáu hiệp mờ tiếng lại vo-vo.*

Tương-An :

*Gió càng mạnh, sóng càng to,*

*Mây neo cũng đứt, mây dù cũng xiêu. (1)*

---

(1) Chép theo bài Hòa-Lạc ca.

## CHƯƠNG VI

### NGỤ - HÀ

Ngoài bài Hòa-Lạc, thơ, ca, bằng quốc-âm của Tùng, Tuy, Tương, còn nhiều : nhất là bằng chữ Nho. Đã bén mùi thơ, thì khi nào ra khỏi Dưỡng-Chính-đường, vắng mặt thầy, các trò họp nhau đẽ vịnh.

Cũng năm ấy, Tùng-thiện-Vương 12 tuổi, nhân ngày trùng-cửu, các ông Hoàng theo thói quen, đi với nhau, lên núi Ngự-Bình ăn bánh, ăn kẹo, mặc sức ngâm nga. Vừng hồng lồng giữa mây xanh ; non, đồi, cũng trổ ra sắc lục sắc tía. Trên bức tranh thiên-tạo, lại có công nhân-tạo chen vào : Dưới chân núi, quanh nhà dân-cư, các cành cây nặng trĩu những quýt, những cam, quả đỏ, quả vàng. điểm thêm những nét tự-nhiên, gợi tình tao-nhân, mặc-khách. Tùng-Thiện-Vương lại có câu túc cảnh :

返影峯巒浮紫翠

高秋橘柚芬丹黃

*Phản ảnh phong loan phù tử thủy,*

*Cao thu quất trục mäng đơn hoàng.*

Lục, tía, non, đồi lồng bóng xέ,  
Đỏ, vàng, cam, quít nhuộm trời thu.

Bài thơ này, đăng đầu bộ Thương-Sơn ; từ ngày ấy về sau, thơ làm về những dịp nào, về năm nào, vẫn có một phần lưu-thảo.

Vua Minh-Mạng lại còn nghiêm-thiết hơn các thày nữa, mỗi khi các Hoàng-tử đến chầu, không hề đề-cập đến thơ, đến văn, mà chỉ khuyến-khích về thè-dục. Tập xạ, ngự, cũng chưa đủ, Vua còn muốn các ông Hoàng phải lực-hành; mới phê trong một lá phiếu của Bộ Công, bắt các ông Hoàng sung chức Đồng-lý. Lúc ấy, nhà nước đương xây cửa Ngọ-môn và điện Thái-hòa, đều là những công-trình trọng-đại cả.

Tuân theo Chỉ, các Hoàng-tử phân phiên đi coi công-dịch, ngày nào cũng phải vào chầu, đề phòng Hoàng-đế có dặn dò gì, hay là có canh-cái gì trong bàn-đồ cho vừa ý.

Công-dịch các sở chưa xong, Vua đã sác mở vườn Thiệu-phương, tại phía đông diện Dưỡng-Tâm, phía bắc nhà Duyệt-thị. Một nửa trồng đủ các thứ cây có quả, một nửa cấy lúa trồng rau. Giữa hai sở vườn, có một cái ngòi chảy ngang qua, gọi là Ngự-Hà có cống thủy-quan thông ra sông; nối hai cái vườn lại với nhau, có cầu Ngọc-dịch.

Cần-lao là tôn-chỉ của trường Thè-dục, dấu những người ở chốn thâm-cung, cũng không được kiều-dưỡng như ngày xưa ; lúc ấy đều phải lực-hành ; trong hai cảnh vườn này, trồng một cây gì, cũng phải tự tay các bà nội-cung và các ông Hoàng-tử.

Bản-tính thích nghề trồng-tía, những quít những cam trong vườn ấy, phần nhiều là do Tùng-Thiện-Vương trồng.

Bà Thực-Tân săn sóc cho hoa đã quen tay, nay có thêm một  
vườn rau thì vụn tươi luôn ; tuần nào cũng hái dâng lên vua,  
«của một đồng công một nén». Trong Minh-Mạng cung-tử  
có câu :

敕 賞 銀 錢 嘉 食 力  
天 扇 直 少 八 珍 茶

Sắc thưởng ngân tiền gia thực lực,

Thiên trù khởi thiều bát trân thường.

(Tiền-bạc thưởng cho khen thực lực,  
Bếp vua há thiều món ăn gì).

Người được thưởng, không phải lấy bạc vàng làm quý,  
song quý của Vua ban ; cũng như người thưởng, không  
phải vì rau ngon, mà vì tay của một bà nội-cung, đã hay  
tự thực kỳ lực.

Buổi sáng, khi mới rạng đông, buổi chiều lúc mặt trời  
gác núi, ngày nào Vua cũng ngự đạo, xem ai tròng được thứ  
gi. Nhiều bữa gió lớn mưa to, mà Hoàng đế vẫn khoáctoi.  
đội nón, ngự ra vườn (1), như một người nông-dân, đè làm  
gương cho các Hoàng-tử.

Có người nói : Không phải muốn làm gương cho các  
Hoàng-tử, Vua Minh-Mạng muốn quan-sát «thiên-nhiên động-  
lực» xem mưa gió có ảnh-hưởng với thảo-mộc thế nào.

Hoàng đế lại muốn đem giống cây xứ này tròng vào xứ  
khác, sắc cho các quan ở Bắc, mua giống dâu của Tàu, tròng  
sang đất của ta đè gây giống tăm trắng (2).

---

(1) Minh-Mạng cung-tử : Bất phụ kim triều phong vũ hào  
Chí-Tôn soa lạp khứ tài sơ.

(2) Theo Minh-Mạng chánh-yếu.

Dân ở Gia-dịnh, có người đem cá phát-lát, quả măng-cụt ra dâng; Vua sắc cho ông Hoàng-Mười ương hột vào Ngự-viên, nuôi cá vào Ngự-hà, để gây giống cho dân dùng, vì hai thứ ấy, Hoàng-đế cho là «vưu-vật». Ngày ương hột măng-cụt (1), Tùng-Thiện-Vương nhớ ngày trồng những cây Tùng ở Nam-giao mới viết câu:

願比如松茂

根枝萬歲昌

*Nguyễn tỳ như tùng mậu,*

*Căn chi vạn tuế xương.*

Cùng thông, xin tự sánh.

Gốc nhánh tốt muôn năm.

---

(1) Măng-cụt là tiếng Xiêm-La, Vua gọi bằng tiếng ta là giáng-châu

## CHƯƠNG VII

### VÕ - XUÂN - CẨN

Muốn kỷ-niệm các chiến-công, nhà nước đúc chín cái  
định đồng, mỗi cái có một chữ :

高 仁 章 英 肅

純 宜 裕 兮

*Cao, Nhơn, Chương, Anh, Nghị,*

*Thuần, Tuyên, Dụ, Huyễn.*

Vua Minh-Mạng ban với Tùng-Thiện-Vương :

«Chín chữ này, là miếu-hiệu của chín vị vua, cái định  
chữ Cao đè ngay gian giữa ; còn tám cái kia, đè tà hữu tám  
gian. Vị vua nào ở ngôi mà băng, nhà nước thờ vào một gian,  
ngày ấy, đời của vua mới được hoàn-toàn kết-liễu.»

— Tâu, còn làm tôi, hy-sinh với vua, chúng tôi thấy  
bên Tầu, có họa hình vào Kỳ-lân-các ; sao bên ta chỉ làm  
miếu đè thờ vua ?

— Nhà nước không họa hình, chỉ chạm tên những  
người có công, nhà nước vẫn có bài-vị tại tà-hữu tùng-tự.

— Tâu, ngoài dân cũng hy-sinh vì nước thì thế nào ?  
Chúng tôi cũng nên lập đài kỷ-công đè cho cõn sự-tích.

— Sự-tích đã biến vào Liệt-truyện, dẫu một người đàn bà có tiết-hạnh, nhà nước cũng không quên tên ; huống là những người vì vua, vì nước mà yêu-sinh, thì nhà nước thờ vào Trung-nghĩa-tử, hoặc cho bằng vàng, để nêu tên trong cả xứ.

— Tâu, chúng tôi còn chưa thỏa.

— Mày còn muốn thế nào ?

— Tâu, nhà nước còn nên nuôi cả quả-phụ, cô-nhi của những người ấy nữa kia.

— Lấy của đâu ?

— Tâu, lấy của nước của dân.

— Ta tưởng lấy của mày kia, còn như lấy của nước của dân, thì quả-phụ cô-nhi, vẫn có khẩu-phàn, những làng có công-diễn, đều có quân-cấp cho hạng ấy.

Ngày làm lễ khánh-thành cửu đình, vua ngự-triều, phủ Thừa-thiên dâng lúa thồ-sản của làng An-cựu. Hoàng-đế cần một hạt và khen :

— Nhờ trời, lúa đã chắc lại ngọt.

Ngài ban cho các quan mỗi người một hạt. Ai cũng chép miệng, và lựa lời khen cho vừa ý vua. Có người mới tâu :

— Nhờ ơn Hoàng-đế, năm nay được mùa hơn cả mấy năm.

Tùng-Thiện-Vương, ngày ấy đã mười bảy tuổi, song còn vẹng lối thừa-hoan. Hoàng-đế đương vui, mà dám mở những câu trái ý :

— Tâu, người ta nói năm nay được mùa, mà ngoài dân, chúng tôi thấy có người không áo, có kẻ không cơm ? Hay là vì họ không có khâu-phần chǎng ?

Không nhìn lại Tùng-Thiện-Vương, vua chau mày, nhìn ra ngoài trời, rồi vừa cười gắp vừa ban :

— Mày tưởng có ruộng đất, là có cơm áo hay sao ? Cơm áo ở nơi hai tay, có phải ở đâu ruộng đất.

Câu chuyện chưa hết, vừa có người tâu :

— Võ-Xuân-Cần đi phát-chàn ở Nghệ-An về, xin vào chầu.

Vua đương ngự tại điện Càn-Thành, phải ngự ra điện Văn-Minh đe tiếp. Sau khi tú tọa, Hoàng-đế hỏi :

— Dân tình Nghệ-An thế nào ?

— Tâu, nhờ ơn trên, nay khỏi đói.

— Nghe người ta nói : có bọn ăn cướp đã thành án, mà tại đào ; thura dịp phát chàn này, cũng chen vào với lương-dân, đưa lanh gạo, đưa lanh tiền, thay biêt mà giả lơ, không cho bắt ; việc ấy có không ?

Võ-Xuân-Cần đứng dậy xin chịu tội, và tâu :

— Chúng tôi dại nghĩ, Triều-định có đủ oai-lực, đe bắt bọn hung-đồ ; bằng khi phát chàn này, mà làm luôn cả việc cầm-phòng thì nhân-dân có thè ngòi làm rằng : Triều-định đã thiết-kẽ. Chúng tôi sợ việc hay hóa dở, mất lòng tin-nhiệm của dân.

— Thầy nghĩ phải lầm. Đối với ai, khi nào cũng phải thị-tín. Huống với dân, cũng như cha mẹ đối với con, chưa đòi đã lo cơm, chưa lạnh đã lo áo, há nỡ thừa khi cơ-cần đè thi-hành pháp-luật hay sao ? (1)

Khi quan Thượng từ về, vua ngự trở vào ban với Tùng-Thiện-Vương : « Võ-Xuân-Cần, người khá lầm, biết lo cho dân, mới đây có tâu xin quân-diền, đè cho dân nghèo tư-nghĩa ».

— Tâu, quân-diền cách thế nào ?

— Ở Nam-kỳ, không có công-diền, người thì có trăm mẫu tư-diền, người thì không có một tấc đất. Các quan trong ấy xin lấy một nửa ruộng mà sung công. Võ-Xuân-Cần lại xin cho mỗi tư-chủ, chỉ được giữ tư-diền, nhiều nhất là năm mẫu ; còn bao nhiêu tịch-nhập công-diền. Rồi lấy công-diền mà quân-cấp lại cho đồng-dân, quân-diền, là lấy của người giàu cho kẻ khó.

— Tâu, như theo cách quân-diền ấy, thì tương-lai người dân nào cũng có ruộng đất hay sao ?

— Ủ, song ta nghĩ : tư-diền, tư-thò, là huyết-bone của dân, nay vô-có, mà tịch của tư làm của công, việc làm trái với nhân-tình, ta sợ thi-hành k không dễ.

— Tâu, thi-hành khó, là khó tại đặc-nhân-tâm, như Hoàng-đế lựa một vị nào, dân có lòng tin, thì chúng tôi tưởng . . .

— Ta định-Ủy cho Võ-Xuân-Cần, quân-diền tỉnh Bình-định, đè thí-nghiệm coi hiệu-quả thế nào. (1)

---

(1) Theo Minh-Mạng chénh-yếu.

Võ-Xuân-Cần, chính là một nhà đại-nho, người Lê-Thùy, tỉnh Quảng-bình ; ra làm quan từ triều Gia-Long, chẳng những là lo cho quốc-dân, mà thường lại có lòng lo cho hoàng-gia nữa. Có dâng sớ xin cho các Hoàng-thân, Hoàng-tử, xuất-phủ đều được lấy phủ-de làm của tư. Cụ lại xin khai-phục cho Lê-văn-Duyệt và Nguyễn-văn-Thành, những bản sớ này, đều là cả văn-chương, cả nghị-luận, nói đủ tình-dù lý, làm cho vua phải nghe theo. Cụ là « Nguyễn-lão tứ triều » thọ 81 tuổi. (1)

---

(1) theo Liệt-truyện.

## CHƯƠNG VIII

### THIỆU-PHƯỢNG-VIÊN

Theo lệ, các Hoàng-tử lên 18 tuổi thì phải xuất-phu, nghĩa là phải ra ở ngoài Tử-cẩm-thành, biệt-lập gia-dình, như Võ-Xuân-Cần đã tâu, xin ơn cho các Hoàng-thân, Hoàng-tử. Tùng-Thiện-Vương xuất-phu ở ngang với phủ Tuy-Lý-Vương, tại phường Liêm-Năng, trong kinh-thành, phía đông lục-bộ. Hai anh em, ngày nhò là bạn học, ngày ấy là bạn láng giềng, qua lại luôn, hễ gặp nhau, thì liên ngâm mỗi ngài một câu, ngài này xướng lên, ngài kia đáp lại.

Có một chiều, ngài em đương trồng rau sau phủ, vừa ngài anh dạo đi sang. Tuy-Lý-Vương thuật lại công việc đang làm :

植蔬分野述

*Thực sор phân dã thú.*

Trồng rau vầy thú nội.

Tùng-Thiện-Vương tiếp theo câu ấy, cũng nói lại chí hướng của mình.

開徑結詩隣

*Khai kinh kết thi lân.*

Trồ nèo lập làng thơ.

Vì hai anh em xuất-khau thành thi, nên sỉ-phu thưa  
ấy gọi hai ngài là « Nhị Tô », là vì với hai anh em Tô-Thúc,  
Tô-Triệt đời nhà Tống. Hai ông Tô đời nay cũng lạ, chẳng  
những đồng canh, đồng học, đồng thời xuất-phủ, mà cho  
đến ngày « nghi-thất » cũng tương-đồ ng : hai ngài nạp phủ  
thiếp (1) một thời-kỳ ; nhù thiên-duyên mà thành ra như  
có hẹn.

Một buổi chiều, trong vườn Thiệu-phương, Hoàng-dế  
ngự đạo, có các Hoàng-tử và các quan văn võ đi chầu. Khi  
vào điện Thiên-thân, Hoàng-dế ngắm bức biển mới treo,  
có ba chữ 天 予 王 Thiên-thân-diện thếp vàng, chữ của Lê-  
văn-Đức viết. Hoàng-dế ban với các Hoàng-tử: « Ba chữ này  
viết hiệp cách ». Rồi ngài soạn bút-chì, dỗ ngự-dụng,  
vừa cười vừa ban:

« Thầy Lê ơi, ta thường những vật này, thì thầy thích-  
dụng cũng như đem son phẩn tặng cho người đẹp vậy. » (2)

Có phải chữ tốt mà thôi đâu, chính là nho-thần, mà lại  
là công-thần ; bảo hộ được Cao-Môn, giá-ngự được Lào,  
phản nhiều là công của Lê-văn-Đức.

Lê-văn-Đức, người Vĩnh-Lo ng, ngày 19 tuổi ra làm quan,  
mới 49 tuổi đã mất. Thế mà công-nghiệp vĩ-dai lừng lẫy  
cả Bắc Nán ; ngày ông làm chức Khâm-sai đại-thần ở Trấn

---

(1) Thưa ấy, các ông Hoàng không nạp Vươn-Phi, là vì trên vua không  
có chánh-cung, không lập Hoàng-Hậu.

(2) Minh-Mạng cung-tử : Thiên-tử tiểu hố Lê học-si  
Trụ lại hòng phẩn tặng giải-nhân.

tây, vua đã giao Thượng-phương-kiếm, hē trong quân, ai không vâng mạng thì chém. Vua tin và trọng đến nỗi không dám gọi tên.

Nhân lúc vui, Hoàng-đế tự hái lệ-chi, bỏ vào trong tay áo, rồi đem dần ra từng quả một, mời cụ Hiệp Lê. (1) Rồi hoàng-đế mời các quan, tự hái mà dùng cho vừa ý.

Vừng hồng chiếu lại, trên các nhánh lục, chū-chít những quả đỏ ngang tay, mặc sức cho khách của vua ăn rồi còn đem hột về ương, có người bò luôn cà quả trong tay áo.

Khi mãn tiệc, Hoàng-đế nhìn các quan và ban :

— Các Hoàng-tử đó, chúng nó đã nhờ các thầy dậy bảo, ta cũng nhờ các thầy định-liệu cho chúng nó, về chô lương-duyên ; thầy nào có con, vừa lứa trao-tơ, thì tùy ý lựa một Hoàng-tử nào cho tương-xứng.

Như con gái, các Hoàng-tử nghe nói đến việc hôn-nhân thì e-lệ tự bước lui ra.

Các quan nghe vua đề-cập đến con, thì vừa mừng vừa sợ ; chưa săn có lời tâu lại, chỉ lấy mắt nhìn nhau. Không dám đề bằng lời, Trương-dặng-Quế vì đứng đầu, nên phải tâu trước :

— Lá ngọc cây vàng, nhành nào cũng tươi, cũng đẹp, còn con của anh em chúng tôi ; như chim ở giữa rừng, biết đậu vào có được xứng chăng.

---

(1) Minh-Mạng Cung Tử : Biệt hữu Thiệu-phương viên lý sự,  
Trụ trung thủ xuất tú nhu thần.

— Chim giữa rừng, có nhiều hạng, như chim phụng-hoàng, là chặng quý sao ? Trong sách Bách-diều-chí có nói : Thì chim ấy chọn cây mới đậu. Vậy con của thầy tuổi bao nhiêu ?

— Tâu, con chúng tôi 16 tuổi.

— Tên gì ?

— Tâu, tên Thứ.

— Thầy đã cho học chưa ?

— Tâu, mới học được năm ba chữ. Chúng tôi xin thú thực con chúng tôi không có nhan-sắc, mà cũng chưa biết son phấn là gì.

— Biết học trò, thì còn ai bằng thầy. Vậy thầy có thương được trò nào chăng ?

— Tâu, ông Hoàng-Mười, chúng tôi biết đã lâu, đối với chúng tôi là « bạn vong-niêm », như được nhờ ơn tiên, thì cái nguyễn của Hướng-Trường (1) cũng toại.

— Vì sao mà thầy lựa Hoàng-Mười ?

— Tâu, các Hoàng-tử đều có tài, có đức, duy ông Hoàng-Mười thì tài-dec cân nhau, con cháu nhờ được dài ngày, chúng tôi đã già, chỉ trông mong con cháu.

— Tục-ngữ dã nói : « Con nhờ đức mẹ ». Vậy con cháu cũng nhờ phúc-dec của bên ngoại nữa, nào phải chỉ nhờ bên nội mà thôi đâu. Thế thì gia-thất của trò, ta nhờ thầy đào-tạo đó. (2)

---

(1) Hướng-Trường tên tư Tử-Bình, người đời Chiêm-Quốc, bình-sinh không xa-vọng, chỉ nguyện cho con trai có vợ, con gái có chồng.

(2) Theo Hoàng-tử Phò.

**Liền khi ấy, Phạm-văn-Điền cũng tâu :**

— Các ông Hoàng, Đinh-thần đều khen là học giỏi,  
song về phần quan võ, chúng tôi chẳng dám chen vào. Chúng  
tôi chỉ nhìn vào người, như ông Mười-Một rõ là hiền lành,  
con gái chúng tôi tuy hình thô-kệch, song tính thật-thà, như  
Hoàng-đế rộng thương, thi cha con chúng tôi đều được nhở  
ơn cả.

## CHƯƠNG IX

### THÉ THỈNH-AN

Tùng-Thiện-Vương, ngày lên hai mươi tuổi, có tước-lộc  
được dự triều ban, là ngày đối với đình-thần, đã thành một  
người tội có vị-thứ. Có vị-thứ mới có trách-nhiệm, nên Tùng-  
Thiện-Vương tự thú tội trong một câu :

驕兒惡睡無情性

那有功夫報請安

*Kiêu nhi ác thuy vô tình tính,*

*Na hưu công-phu báo thỉnh-an.*

Vô-tinh, thất-hiếu con ham ngủ,

Nào có công-phu chực thỉnh-an.

Ngày viết câu này, là ngày tự thấy đau-dớn trong lòng,  
thẹn mình với tuổi. Theo lệ mỗi ngày, một hoàng-tử vào  
gởi thỉnh-an, khi mao-sơ, tức là 5 giờ sáng. Công việc không  
có gì khó nhọc, chỉ vào ngồi tại Tả-vu, do Thái-giám gởi dâng  
thẻ thỉnh-an, thẻ bằng ngà, trong thẻ đã chạm sẵn bốn chữ  
恭請萬安 «Cung thỉnh vạn an». Phần việc là chỉ viết thêm  
tên của mình, và đề ngày tháng. Như thánh-thè được khoẻ, thì  
Hoàng-đế hạ một chấm son, vào mặt chữ an, rồi giao thẻ

trở ra, để người thỉnh-an biến báo cho đình-thần, được vui mừng ngày ấy.

Tùng-Thiện-Vương thường lo bồn-phận, buồm sáng nào có việc, thì buồm tối ngủ sớm hơn thường, để dậy đúng giờ, cho vừa công việc. Rủi sao kỳ ấy, thè thỉnh-an đáng trễ nửa giờ.

Tuy việc nhỏ mọn, chẳng đáng trách phạt gì, Hoàng-đế giao thè trả ra, song trong thè không cho một chấm son nào, thành-thứ Tùng-Thiện-Vương không biết băng vào đâu, mà biến-báo. Hôm ấy, cả Tôn-nhân và đình-thần chờ chực, nhưng không được tin trên thành-thè thê nào. Tuy tội nhẹ mà nhiều người biết, huyên-truyền khắp cả kinh-thành, một nói ra mười, miệng người lại ít khi theo sự thực.

Qua năm sau, gặp việc khác, không phải vì ngủ, lại vì thức mà mang tội nặng hơn.

Tùng-Thiện-Vương vốn ưa tồ-chức diễm kịch, và thích tự đóng một vai. Một hôm, mới hết canh hai, nồi trống lên, giáp một lớp tuồng, có bạn láng-giềng là Tuy-Lý-Vương cầm chầu, để chỉ-trích những nơi còn khuyết-diểm. Rủi sao, khi ấy Hoàng-đế đương lâm-sách, trong cung không có ai dám nói tiếng to (1). Vua Minh-Mạng nghe tiếng trống chầu, sắc hỏi. Sáng hôm sau, Phủ Tôn-nhân dâng phiến, tâu rõ tình-trạng lúc ban đêm. Trước mặt phiến, phụng chầu-phê : «Khởi cờ ở trong thành, mà không xin phép. Mân-Thàm

---

(1) Minh-Mạng cung từ : Lục cung bối cầm cao thành ngũ,  
Lưu ý thư trai ngũ độc thư.

phải phạt bồng hai năm, và phải đóng cửa ba tháng luôn, không được dự triều hạn. (1)

Từ ngày bị tội, đốt cả các pho tuồng, khi gặp anh em, cũng không dám bàn đến nghề ấy nữa. Duy mũi bút cày luôn trên ruộng đá, thơ đã thành một tập Nhị-hình 齋簪; Vua Minh-Mạng thấy con ham mê về thơ, mới sắc mờ Cơ-hạ viên, phía đông bắc hoàng-thành, tuy là mờ một sò công-viên, mà kỳ-thực là có ý cho các Hoàng-tử giải-trí.

Năm Canh-tý (1840), sau lê ngũ-tuần đại-khánh, Hoàng đế sắc cho bộ Công : xây núi, đào hồ, trồng đủ các thứ hoa trong Cơ-hạ-viên, và dựng một tòa lầu gọi là Minh-Viễn (明 迥). Sở-dĩ có cái mỹ-danh ấy, là vì trên lầu Vua Minh-Mạng có đặt ống thiên-lý-kinh, để nhìn xuống Thuận-An. Đầu một chỗ chơi, mà cũng lưu-ý quan-sát tình-hình về mặt biển.

學人覓得西洋鏡  
始見滄溟白練澄

*Học nhân khuy đắc tây dương kính,  
Chiểu kiến thương minh bạch luyện trùng.*  
Theo người nhìn được gương thiên-lý,  
Thấy sóng xanh xao, biền nồi mòi.

Đó là những câu của Tùng-Thiện-Vương viết tại trên  
ău Minh-viễn.

Tiếc cho hoa vườn Cơ-hạ, chưa kịp thấy chúa xuân, đã  
bị gió mùa đông làm cho ủ-mặt. Cũng năm ấy, đầu tháng  
chạp, Thánh-thề vi-hòa. Thọ-Xuân (2), Tùng-Thiện, Tuy-Lý  
binh nhặt đã đọc sách thuốc nhiều, lúc ấy, chực tại Tả-vu,  
hội-đồng với các Ngự-y, cung-kièm ngọc-dược.

---

(1) Theo Hồi-diễn.

(2) Hoàng-tử thứ Ba.

Vì đã đến ngày hai mươi mốt, mà chưa thấy Bắc-kỳ  
tâu việc đê-diều, nên Hoàng-đế lo, sắc cho bộ Công  
phi-tư ra hỏi dân-tình ở Bắc.

Hôm hai mươi ba, khi hết canh một, nghe chuông cửa  
Tầu kêu, vừa có một viên Thái-giám, chạy vào tâu:

«Bắc-kỳ có phái quan về thỉnh-an, và gởi tâu việc các  
tỉnh ngoài, đều được yên, đê khôi vỡ.»

Sáng hai mươi bốn, một viên Thái-giám ra, truyền cho  
các Hoàng-tử biết rằng: Cả đêm, trên thánh-thề được khoẻ  
nhiều. Tùng-Thiện-Vương vui mừng, mới viết mấy câu,  
biên rõ sự thực:

年年小滿到冬殘  
北顧多辰就北難  
忽許欣門聆宋勁  
外頭阿監報安瀾  
*Niên nien tiều mãn đáo đông tàn,*

Bắc cõi đa thời tựu chầm nan.

Hốt nhạ Dịch-môn (1) linh sách động,

Ngoại đầu a-giám báo an lan.

Mỗi năm đến cuối mùa đông,

Lo đê thao-thúc, vua trông tin ngoài.

Vừa nghe cửa Tầu chuông đài,

Một viên Thái-giám gởi lời «an-lan» (2)

Sớm hai mươi sáu, một viên Thái-giám ra truyền sắc  
rằng: «Thuốc của viện Thái-y chưa đúng bệnh, ai biết  
ngoại-khoa, có phương gì kinh-nghiệm, thì được phép  
dâng vào.»

---

(1) Dịch-môn là cửa vào điện Càn-thành, ngoài cửa có treo chuông.

(2) An-lan là sóng êm, đê diều khôi vỡ.

Nghe lời sắc ấy, lo một hóa mười, Tùng-Thiện-Vương nhớ lại mấy năm xưa, đã từng đau bệnh ly nhiều phen, chỉ dùng một thứ nghệ tằm mật ong, mới đem phương thuốc ấy, bàn với anh em, rồi gửi vào dâng, mong cho mau tái hiệu. Hôm sau, cũng viên Thái-giám ấy, đệ ra một đồng tiền vàng, phung sắc thưởng cho ông Hoàng-Mười : Bệnh tình giảm được nhiều, Hoàng-đế ban khen cho phương thuốc ấy. (1)

Chiều ngày hai mươi tám, bệnh phục-phát, lại nặng hơn, công bao nhiêu tội cũng bấy nhiêu, Tùng-Thiện-Vương nhìn đồng tiền vàng mà khóc.

Tối hôm ấy, Thuận-thiên hoàng-hậu tuyên-triệu các Đại-thần và các Hoàng-tử vào cung. Thấy Hoàng-đế nằm thiêm thiếp như mê, chỉ khi nào nghe có tiếng rên, Tùng-Thiện-Vương mới có tia hy-vọng. Hồi-ức những việc đã xảy ra ngày trước : khi nỗi trống hát, khi dâng trě thẻ thỉnh-an ; lại còn hồi-tưởng cả mấy năm xưa, hoặc lời nói, hoặc việc làm, tội lỗi đã phạm rất nhiều; chỉ mong trời đe cho còn ngày giờ mà chuộc lại.

Trong giây phút ấy, có người niệm Phật, có người cầu Trời, có người lo thăm : vua chưa lập Đông-cung, thì các Đại-thần sẽ tôn vị nào lên là phải.

Khi gần đến canh một, Trương-dăng-Quế, bước đến trước long-sàng, cúi đầu rồi nghiêng tai sát miệng vua, như có lanh-thọ được mang-lệnh gì bí mật. Nghe cụ dạ một

---

(3) Theo Thương-Sơn văn-di,

tiếng giữa điện Càn-thành. Có người ngờ rằng : Ông già đồ  
mưu cho chàng rè. Ai cũng chăm nhìn vào cự. Thấy xa xa  
nơi trên gò má, có ánh nước lóng lánh đồi hàng ; trên trán  
đường gần nòi lên cao, cả vạn-mạng nước nhà, như đang đè  
lên trí-não. Cụ đứng thẳng dậy, truyền ra một giọng đường-  
hoàng : «Hoàng-đế ban, Hoàng-trưởng-tử, Trường-khanh-  
công sẽ lên kế vị.»

Vua Minh-Mạng thọ 50 tuổi, tại vị 21 năm.



**TRIỀU THIỆU - TRỊ**

## CHƯƠNG X

### BẮC - HÀNH

Xuân Tân-Sửu, năm mới, quang-cảnh cũng mới lại với  
người; hoa vườn Cơ-Hạ, muôn tia ngàn hồng. Duy Tùng-  
Thiện-Vương trong lúc bi ai, nhớ lại những buồn-thần-hôn,  
càng nhìn hoa càng đau đớn.

Trong nhà vua, chính là buồn-thái-bình đường bệ;  
người dân cũng lạc-nghịệp an-cư. Triều Gia-Lorg,  
về hình-thức, về tinh-thần, chỗ nào chưa được hoàn-toàn,  
vua Minh-Mạng kẽ-chí làm thêm 21 năm; cả Bắc, cả Nam,  
chỗ nào cũng có dấu bút son tò điểm. Non sông một bức như  
gắn như hoa. Nay muốn thấy rõ cảnh-tượng trong thời-kỳ  
này, thì đọc thơ, văn của Tùng-Thiện-Vương đã làm trong  
triều Thiệu-Trị.

Ngày 21 tháng hai năm ấy, vua ngự Bắc-tuận ; Tùng-  
Thiện, Tương-An, hai anh em đồng sung chức Ngự-tiền hộ-  
giá.

Chưa quen ly-biéet, mới soạn hành-trang, mà đã dự cảm  
mối sầu riêng, mở tập Bắc-hành chúng ta thấy câu:

明日相望在何處  
倉山一點暮江湄  
*Minh nhật tương vương tại hà xứ,*  
*Thương-sơn nhất diềm mờ giang mi.*  
Chốn nào mai sẽ nhìn nhau,  
Bên con nước lục, một mảng núi xanh..

Ngày 22, ra khòi dắt Thùa-Thiên, lại có câu :

乍聞鄉語別  
漸覺故人稀  
*Xạ vân hương ngữ biệt,*  
*Tiệm giác cõ nhân hi.*  
Bên tai nhiều giọng lạ,  
Trước mắt ít người quen.

Nhân-giới mở rộng bao nhiêu, thi-ông lại càng lưu-tâm quan-sát. Đến Đồng-Hới, cũng như mọi người di du-lịch, Tùng-Thiện-Vương đến những nơi có cồ-tịch, như chùa Hoằng-Phúc, đài Hiếu-văn tạo năm 1615, đến đài Hiếu-Minh sùng-tu lại (1692). Lúc ấy, trong chùa còn một câu đối, chữ của vị Thiên-tùng đạo-nhân. Thấy dấu chữ mà động lòng, Tùng-thiện-Vương viết :

孝明家翰在  
拜讀淚沾襟  
*Hiếu-Minh thän hän tại,*  
*Bái dộc lụy triêm khâm.*  
Nét chữ vua còn đó,  
Dầm bâu nước măc sa.

Rồi đến thăm Lũy Thầy, là lũy của Đào-Duy-Tử đã đắp. Tường-tượng đến bạn trận-vong tướng-sĩ, Tùng-Thiện-Vương viết mấy bài, có câu :

百二山河逞版籍  
六千君子自神靈  
*Bách nhị sơn hà hoàn bản tịch,*  
*Lục thiên quân-tử tự thần linh.*  
Nam Bắc sơn-hà về của Chúa,  
Muôn ngàn tướong-si thác thành thần.

Nhờ có bạn ấy thành thần, non sông mới trở về nhà  
Nguyễn.

Trước kia, vì tôn-kính Duy-Tử là bậc thầy, nên thường  
gọi là «Lũy Thầy», còn tên húy thì không bao giờ dám gọi  
đến.

Tùng-Thiện-Vương, muốn giữ cái danh-hiệu cũ là cái  
danh-hiệu của dân, dù nghĩa dù tình, mới viết mấy bài, vào  
tập thơ Bắc-Hành, như :

一自海山師曼壯  
祿漢遜烈到今長  
*Nhất tự hải sơn sư lũy tráng,*  
*Lộc-khê di liệt đáo kim trường.*  
Tử có lũy «Thầy» non bè vững,  
Lộc-khê công-nghiệp đẽ lâu dài.

Lại có câu tả cảnh một cách kín đáo hơn :

不慚名士希諸葛  
大有殊稱出孟亭  
*Bất cảm danh sĩ hi Gia-Cát,*  
*Đại hữu thù xưng xuất Mạnh-Định.*  
Lộc-Khê sánh được tài Gia-cát,  
Sư Lũy hay hơn chữ Mạnh-định.

Nhà Hán, Khồng-Minh lập Bát-trận-dồ, nhà Nguyễn,  
Duy-Tử đắp lũy Trường-Dục ; tài này công áy nay sánh với

xưa. Bởi vậy nên quốc-dân không dám gọi đến tên ; cũng như đài Đường, Vương-Duy vē tượng Mạnh Hạo-Nhiên, là một đại-văn-hào ; chỗ treo bức tượng, hoạ-sĩ đề là «Hạo-nhiên đinh». Sau vì quốc-dân húy chữ tên, mới gọi là Mạnh-dinh, là chỉ dùng chữ họ. Nay Tùng-Thiện-Vương chỉ dùng bảy chữ, mà tả rõ ý-nghĩa sùng-báy của dân.

Ngày đi qua tỉnh Hà-tĩnh, lên đèo Hoành-sơn, thấy cảnh-vật lại động tâm-hồn, Tùng-Thiện-Vương có những câu cảm khái :

枯骨埋青草

沈金鎖綠苔

*Khô cốt mai thanh thảo,*

*Trầm thương tảo lục dài.*

Xương khô vùi cỏ lục,

Súng gãy bọc rêu xanh.

Thi-ông nhìn ngọn cỏ, dấu rêu, mà truy-niệm đến những người thiên-cõ, lại có câu :

前代限南北

今人還住來

*Tiền đại hạn Nam Bắc,*

*Kim nhơn hoàn vãng lai.*

Xưa chia Nam Bắc đôi đường,

Ngày qua nay lại, thông thương một nhà,

Theo lời của Nguyễn-Binh-Khiêm :

«Hoành-sơn nhất đái, vạn đại dung thân». Chúa Nguyễn vào khai thác phía Nam, Hoành-sơn thành ra chỗ phân-giới Bắc Nam, mà cũng thành ra một trường lưu-huyết. Cách 250 năm, đến đức Thế-Tù, mới thống-nhất sơn-hà, Hoành-sơn lại là cái đài kỳ-công của Trời xây ; mà cũng là cái mồ chung của chiến-sĩ.

Người đa-sầu đa-cảm, thì tinh tinh dẽ biều-lộ ra ngoài ; chẳng những là vì nhân-vật đời nay, Tùng-Thiện-Vương lại còn vì nhân-vật trước mấy ngàn năm mà đau-dớn nữa. Ngày đi qua tỉnh Nghệ, thấy một cái miếu xưa, cửa rộng tường cao, thi-ông tường-tượng đến vị thần ngòi trong ấy. Như có câu :

馬頭有賊誰能識  
龜爪無機固已空  
*Mã đầu hưu tặc thùy nǎng thúc,  
Qui trảo vō cờ quốc dī khōng.*  
Giặc đầu ngựa đó, nào ai biết,  
Cung móng rùa đâu, nước đã tan.

Vị thần trong miếu chính là An-Dương-Vương, có nước, có dân, mà đè cho đến nỗi diệt-vong. Câu trên, ché My-Châu thất-hiếu thất-trung; câu dưới ché An-Dương-Vương quá mê-tín thần-lực.

Trên hai câu này, Trương-Đăng-Quế ngày ấy cũng đi chầu, sung chức Hộ-giá Đại-thần, có phê sáu chữ «Tận Đắc Đường nhơn tinh túy». 直得唐人精慧 nghĩa là rút hết tinh-túy của người đời Đường. Rõ là lời bình-phàm của thầy ; lúc ấy tròn mới 23 tuổi.

Ở Thanh-Hoa, Tùng-Thiện-Vương chầu ngự đến Phương-Cơ, có câu :

回首長原隨上望  
百年前事有餘悲  
*Hồi thủ Trường-nghuyên lăng thương vọng.  
Bách niên tiền sự hưu dư bi.*  
Ngàng mặt trông lên lăng Triệu-tồ,  
Truyện trăm năm cũ vẫn đau lòng.

Vì sao mà đau lòng ? Vì tích Đức Triệu-Tồ băng, vẫn còn ám-muội. Đời nhà Lê, ngài giữ chức Điện-tiền tướng-quân. Ngày bị họ Mạc tiếm, ngài không chịu làm tôi họ Mạc, mới trốn sang Lào, lập con Chiêu-tôn lên, tức là vua Trang-tôn ; ngài phò vè, khôi-phục được cơ-nghiệp nhà Lê, vua phong lên tước Hưng-quốc-Công là cỗ ý dền ơn, vì ngài đã nhận rõ rằng : «Có vua là còn nước».

Năm Ất-Ty (1545), ngày 20 tháng năm, ngài ghé vào nhà tên Dương-chấp-Nhất, dùng một quả dưa rồi băng ; người ta nghĩ rằng : trong quả dưa có thuốc độc, vì tên ấy nguyên tội họ Mạc mà đến đầu hàng. Đinh-thần nhà Lê, đưa ngài lên núi Thiên-tôn ; vừa bị phong-lôi, u-ám cả trời, quan quân đều phải xuống khe mà ăn. Đến khi gió dừng mưa dứt, thì chõ đè linh-cữu, đất đã đắp thành gò, không thè nhận ra chõ nào ; vì vậy tương-truyền là «Thiên-táng».

Từ ngày ấy, Thiên-tôn-sơn, thành ra cẩm-địa, không ai được lên mà cũng không có đường lên. Nhà nước mới làm dưới chân núi, một cái nền vuông gọi là «Phương-Cơ» đè lâm-thời vọng-bái.

Ngày 18 tháng 2, đến Hà-nội ; lợ tai vui mắt, thơ đầy một tập Bắc-Hành. Có một bài, về thè «Trúc-chi.tử», nhìn trời đất mà phiến cho thè-cuộc :

龍編城外草如烟  
龍編臺上月當天  
芳草春歸亦衰歇  
月明一片自何年

*Long-biên thành ngoại thảo như yên,  
Long-biên đài thượng nguyệt đương thiên.  
Phương thảo xuân qui diệc suy yết,  
Nguyệt minh nhất phiến tự hà niên ?*

Long-Biên thành rộng, dài cao,  
Cò tươi, trắng tò, biết bao giữa trời.  
Có kia tươi chỉ một thời,  
Trắng kia tò đó, tự dời nào đây ?

Bửu-Thanh, sứ-thần vua Đạo-Quang, sang tại Long-Biên,  
làm lê «Bang-giao», đọc bài này, khuyên cả bốn câu, và phê :

卓月俱新由等妙也

*Thảo nguyệt câu tân, do bút diệu dã.*

Trắng với cò đều là những cảnh thường, mà ngồi bút  
khéo tả ra lạ, ra mới cả.

Trong tập Bắc-Hành, thơ có hơn trăm bài, kinh qua chỗ  
nào cũng có thơ. Tùng-Thiện-Vương đè trước bìa ba chữ  
記里號 Ký lý cờ, nghĩa là tiếng trống ghi những dặm đường.  
Đời Tần, mỗi khi vua ngự ra ngoài, trước xe đè một cái  
trống lớn; một người bằng gỗ, đứng trở mặt vào, tay cầm cái  
dùi, hễ xe chạy được một dặm đường, thì đánh một tiếng  
trống. Thi-ông tự vi mình như con người máy, không đánh  
một tiếng trống, thì viết một bài thơ.

## CHƯƠNG XI

### NGUYỄN-VĂN-SIÊU

Đương thời buồm áy, Tùng-thiện-Vương chưa có mấy người biết, nhất là bạn sĩ-phu ở xứ Bắc, phần nhiều là những bạn già, tôi con nhà Lê còn lại. Bè ngoài, vì hoàn-cảnh, phải tùy thời ; thực ra, bè trong, cụ nào cũng còn hoài-vọng. Như có người vẫn tin rằng «Văn vật còn, là nhà Lê còn», nên dẫu đã ra với Nguyễn-triều, mà còn giữ kín một bẫu «vong-quốc-hận».

Một hôm, cùng nhau về Hà-nội, vào trú nhà bạn, là Nguyễn-Văn-Siêu. Ở cách các ông Hoàng, chỉ một bức vách. Ra vào thường thấy mặt, nhưng các cụ vẫn khinh ; cho các ông Hoàng là hạng giá áo túi cơm, chỉ biết cởi ngửa, đá gà, hay là ngồi phá trận đồ, với mấy quân bài giấy.

Chủ-nhân muốn mua vui cho khách, mới sao cả tập Bắc-Hành đưa cho bạn xem, đè tiêu-khiền khỏi ngồi không và cũng có ý giới-thiệu thơ mới. Các cụ đọc chưa hết nửa, đã ngạc-nhiên nhìn nhau rồi lại hỏi nhau : «Những tác-phẩm này, thực là của ông Hoàng bé bé ấy sao ? »

Văn-Siêu trả lời : «Đừng khinh hạt tiêu bέ».

Có người nói : « Thê này thực là thiên-tài, không tư-nghị được ».

Có người trầm ngâm một lúc, gật đầu bái phục là hay ; song cho sầu thảm thế nào, thiểu vê hùng-cường, không có khí-tượng dế-tử, vương-tôn ; nhiều câu nghe như ngâm dǎng nuốt cay, như giọng thơ của một nhà hàn-sĩ.

Chủ-nhân nói :

« Văn nơi con béo, bác mới thấy được cái đuôi, mà đã dám bình-phàm. Về triều Minh-Mạng, tác-giả đã có tập thơ Nhì-hình, thơ lâm câu thẩn tình, bên Tầu cũng đã khâm-phục.

Khi đọc hết cả tập, mới đọc đến thơ quốc-âm, thấy câu :

*Vàng thép giêng ngô sa lá gió,  
Bạc xuy đậu cúc này chồi sương.*

Một cụ ngâm cao lên rồi nói :

— Quốc-âm đến thế này thì tuyệt.

Văn-Siêu cười, rồi giới-thiệu cho độc-giả khỏi lầm :

— Những tác-phàm này là thơ của ngài em, ngài Tương-An hiệu là Khiêm-trai, sở-trường về Quốc-âm, hiện ở chung với ngài anh đó.

— Thơ ông này tôi bái-phục, còn thơ của ông kia, bác đã nói bên Tầu khâm-phục thế nào, thì tôi đề cho người Tầu thường thức.

— Vì sao bác lại nhượng cho người Tầu ? Bác sợ người Tầu lầm chăng ?

— Phải, như tôi sợ, thì tôi đã không dí sứ Tầu. Song vì thơ chữ Tầu, cho nên tôi tưởng người Tàu bình-phẩm mới đúng.

— Bác thật giàn. Bằng vào đâu bác dám gọi là chữ Tầu ?

— Tôi bằng vào lịch-sử. Vì muốn thoát-ly lối chữ ấy, nên từ Trần đến Lê ta, văn thơ quốc-âm đã lần lượt thịnh-hành.

— Tôi cũng xin lấy lịch-sử làm bằng : Ngày nước có sỉ túc là ngày nước có chữ, bác có chịu không ?

— Vâng.

— Thế thì đời Trần-Thái-Tôn, Lê-Văn-Hưu viết sứ là ngày đầu nước ta có văn-tự, đáng kỳ-nguyên vào ngày ấy. Vì có văn-tự, nên nước ta nỗi tiếng văn-hiến ở Á-Đông. Nay bác cho là văn-tự của Tầu, thế thì bác không thừa-nhận cái phần vinh-dự ấy sao ?

— Chúng ta học theo lối văn-tự ấy, đến nay đã bạc đầu ; song nó là của Tầu, thì cứ bảo của Tầu, nào có giảm gì phảm-giá của ta ? Mà cũng không mất danh-dự gì của nước.

— Hay chưa ? Theo như lời bác, thì nước ta không có văn-tự gì, xưa nay chúng ta chỉ học nhò mượn văn-tự của Tầu, mà bác cho là danh-dự đó chăng ?

— Vẫn thế, văn-tự của ta là quốc-âm kia.

— Bác nhầm, văn với âm, sao bác cho là một ? Thế thì bác có cho nước mình đồng văn với nước Tầu không ?

— Vâng.

— Đã gọi là đồng, tức là của chung, thì nước Tầu không có độc-quyền mà nhận nó là của riêng ; dấu chúng

ta cho là của chúng ta, cũng không phải là nhìn lầm. Còn quốc-âm mới là thứ tiếng riêng, thứ tiếng thông-thường, đè mà nói, không phải đè mà viết. Dẫu đời Trần, Nguyễn-Huyễn, Nguyễn-sĩ-Cố đã bày cách viết, mà nào dã bày được iỏi văn đâu ? Quốc-âm cũng chỉ là cái hư-danh, chưa có hực-dụng.

— Câu thơ của ngài Tương-An, bác vừa giới-thiệu, không phải là quốc-âm sao ? Huống triều Lê ta, thơ quốc-âm đã ra nhiều, đến Đào-duy-Tử viết về, Nguyễn-Du viết ruyện ; đều là những văn-phàm kiệt-tác, sao bác gọi là hư-lanh. ?

— Có thực, đợi kè đến các cụ xưa làm gì, chính tự bác đã là một nhà trước-tác trú-danh, cõi-động quốc-âm ; song bình-tinh mà xét xem, thì những văn-phàm hay, toàn là nhờ diền-cố ở sách xưa ; thế thì biết quốc-âm chưa đứng vững một mình, vẫn phải dựa vào quốc-văn, mới có thể viết văn ra được.

— Bác cho thứ chữ ấy là quốc-văn đó sao ?

— Bác cũng nhớ câu của Tư-mã-Thiên : «Hung trung vô hạn quyền thư, vị tắt năng văn. » Vậy bao giờ chúng ta đọc vạn bản sách quốc-âm, thì ngày ấy quốc-âm mới có thể thành ra quốc-văn.

— Vậy sao bác không viết đè cho có thêm sách quốc-âm ?

— Bác tưởng ai cũng có tài như bác, ai cũng viết được quốc-âm cả sao ? Viết một thứ chữ, chưa có qui-tắc, thì khó viết cho vừa tai. Bác cũng nhớ câu thơ Đường : «Họa mi thâm thiền nhập thời vô ?» Vẽ sợi lông mày mà người đàn bà còn sợ «bất nhập thời dạng» không vừa con mắt của người đời ; huống là đến bạn ta viết thơ bằng quốc-âm,

thành thử không bao giờ tôi dám viết. Ngài Tùng đẽ trước sách Nữ-phạm, (1) có câu :

*Vẽ bău theo tài dạng chưa dẽ,*

*Lấy sách làm gương ý chẳng cùng.*

Đó, bác xem câu ấy, thì bác có thè dung-thứ cái tội không viết quốc-âm ; tôi thích viết quốc-văn, là vì có sẵn văn-liệu.

— Ngài Tùng cũng có viết quốc-âm sao ?

— Ngài viết nhiều, có viết mấy pho tuồng, có viết Thi-kinh diễn-nghĩa, là viết lối văn xuôi, lối cõi-văn ; nhất là bằng chữ Nho, thì thật có tài, có bức thư chỉ vài hàng, đẽ tôi đưa cho bác bình-phàm.

Vừa dứt lời, Văn-Siêu mở tráp, đưa ra lá thư. (2)

Mới hơn một thế-kỷ, mà chúng ta đã có hai thứ quốc-văn : Thưa ấy, Văn-Siêu gọi chữ Tàu là quốc-văn, cũng như ngày nay chúng ta gọi quốc-ngữ là quốc-văn ; thế thì chúng ta gọi «cựu quốc-văn», «tân quốc-văn» còn đẽ nghe hơn là gọi bằng chữ Tàu chữ quốc-ngữ. Tân quốc-văn lấy cựu quốc-văn làm căn-bản ; mấy ngàn năm tò-nghiệp, chúng ta vẫn thừa hưởng lợi-quyền. Vậy những văn-thơ của Tùng-thiện-Vương, tuy-thị là cựu quốc-văn song cũng là một thứ di-sản cho các nhà văn ; vì trong tân quốc-văn, chúng ta đã phải dùng cựu quốc-văn hơn phân nửa. Sở-dì phải gọi là «tân» là «cựu», vì chúng ta đã đem cây bút sắt thay cây bút lông ; tức là nay viết theo lối «tiêu-âm», xưa viết theo lối «biều-ý».

---

1) Nữ-Phạm, sách của ngài Tuy-lý làm bằng quốc-âm kè những tích đòn bà trình-tiết.

2) Theo Khiêm-trai bác hành nhật-ký.

Nguyễn-Văn-Siêu khen thơ Tùng-thiện-Vương, mà chính ông cũng là một nhà văn trứ-danh, như đã có câu :

文如趙過無前漢

詩到從叔失盛唐

Văn như Siêu, Quát, vô Tiễn-Hán,

Thi đáo Tùng, Tuy, thất Thịnh-Đường. (1)

Văn đời Tiễn-Hán là hay nhất, thế mà văn của ông Nguyễn-văn-Siêu, ông Cao-bá-Quát lại hay hơn ; cũng như thơ đời Thịnh-Đường là rất hay, thế mà thơ của ngài Tùng, ngài Tuy lại hay hơn ; từ khi có bốn nhà này nổi lên, thì Hán, Đường mất tiếng.

---

1) Nhiều người nhận là thơ của Đức Đức-Tân, song tra trong các tập Ngự-chế, thì không có hai câu ấy. Vì thời-nhận đều công-nhận văn thơ của bốn nhà ấy hay nhất, nên có truyền đến nay.

## CHƯƠNG XII

### VĂN-NGHIỆP

Sau khi gặp Văn-Siêu ở Bắc, từ ngày trở về Thuận-Hóa, Tùng-Thiện-Vương chuyên việc viết văn. Sau này sẽ phiên-dịch và bình-luận một ít thi-văn của ngài, nay chỉ lược qua những tập tàn-văn ngài viết dưới thời Thiệu-Trị.

Như lời tựa tập Ngó-ngôn :

韓子曰：

文章之作 常發於游旅草野至若王公貴人氣滿志得非性能而好之則不服以爲誠然則肉食衣錦之流固不得預於斯柄也 可知已…  
…雖然東平子建惡可謂無文哉蓋亦概言其心多爲嗜欲功利駕遠故不暇以事此耳…  
…僕無他能身無用世之具位非用世之地其於詩頗有癖…  
…是一室之內日得與古人晤言…  
…若夫可以列於古作者之林而垂來葉則有待於流離窮困遺世絕俗焉者…

Hàn-Tử viết: «Văn-chương chi tác, thường phát tr co-lữ, thảo dã, chí nhược vương-công, qui nhơn, khi mẫn chí đắc, phi tính năng nhi hiếu chí, tác băt hạ dī vi ». Thành nhiên, tác nhục thực, ý, cầm chí lưu, cõ băt đắc dý ux tư bình dã khả tri, dī...»

*Tuy nhiên, Đông-Bình, Tử-Kiến, ô khả vị vỗ  
văn tai ? Cái diệc khai ngõn kỳ tâm đà vi thị dục  
công lợi, khu khiền, cõ bắt hạ dĩ sự thử nhī...*

*Bộc vô tha năng, thân vô dụng thẽ chi cụ, vị  
phi dụng thẽ chì địa ; kỳ ư thi, phả hữu tịch...*

*Thị nhặt thất chí nội, nhật đặc dũ cõ nhơn ngộ  
ngôn...*

*Nhược phù khả dĩ liệt ư cõ tác-giả chí lâm,  
nhi thùy lai diệp, tắc hưu dãi ư lưu ly, cùng khốn,  
độn thẽ tuyệt tục yên già. (1)*

Hàn-tử nói: «Chỉ những người àn-dật trong  
thôn-dã, viết mới thành văn. Còn các vị vương-  
công, con nhà phú-quý, ăn chơi đã không  
rảnh, dầu có rảnh, cũng không tìm đến thú-vi  
văn-chương». Có thực những người mặc gấm,  
ăn thịt, thì không được chia phần vinh-dự ấy  
bao giờ...

... Song Đông-Bình, Tử-Kiến, là những vị  
Hoàng-thân, lại hay văn, nào có phải về hạng  
phú-quí, thì toàn không có người làm văn được  
dâu ? Chỉ vì hạng ấy, thường ham thị-háo  
riêng, có rảnh đâu mà phụng-sự nghè ấy...

... Đến như ta, chẳng biết một nghè, tay đã  
không có khí-cụ, dù làm việc đời ; chân cũng  
không đứng vào địa-vị, đè gánh việc đời ; ta  
chỉ có bệnh ham thơ, gần như nghiện vậy...

... Cả ngày tuy chỉ quach-quần trong một  
góc nhà, mà vẫn được cùng cõ-nhân đàm-đạo..

---

1) Thương-sơn văn-di.

Còn nói làm thơ để lưu-truyền, thì ta không có ý ấy. Trong rừng sách, dẫu một ngọn lá, cũng chờ nơi tay những người lưu-ly, cùng khốn, như Hán-Tử đã nói trên kia.

Tùng-Thiện-Vương muốn nói rằng : Viết tập Ngộ-ngôn không phải có ý lưu-truyền, trong các tú sách giữa đời, phần nhiều là thơ văn của những tay àn-dật viết ra, nghĩa là những người đã duyệt-lịch nhơn-tình, thê-thái. Còn tác giả tuổi trẻ, lại sinh-trưởng phú-quý, có dám mong chia phần vinh-dự ấy đâu.

Muốn xem cách viết cho tự-nhiên hơn, nghĩa là viết theo lối tả-chân, thì có đoạn dưới này, hình-dung được trạng-thái của người về nghè ngựa :

高而首	近才澤用	眼也俯之	
馬羣其珍乎	耳之光而	馬	而
之鞅晦下信	下赤然足者	足口穢願謂	如既
下赤然足者	足	曰紫毛惜所	勝空
	口	造聞其影曰試鞍馳	勝
	穢	者膝鬆顧子嘗跨風曰	萬之
	願	是其似應乎也有笑	千下也固
	謂	物才乎之子	矣
		者若玉曰	真不
		今是之子	
		驅策	
		投	

Thiện mā già, tháo môn viết : « Túc-hạ chí mā, nhī cạn, nhān cao, tị đai, tất vien, tình tử, khâu xích, dật quần chi tài dā. Nhi bōng nhiên, tùng kỳ lạp mao ; uế nhiên, hối kì quang trach. P.ủ thủ tè phong, cõ ánh tý tích, Nguyễn túc-hạ

*trần nhi dụng chi».*

Bạch-hào-tử viết : «*Tử sở vị già tín hõ ?»*

Viết : «*Thỉnh thường thi chí».*

*U thị, khoá an, túng bì, phẩn nhiêm, khai hung, biết như phi luyện, suru như trường phong. Phiêu yên, dang vụ, bạch quang hoành khôngh. Kỳ nhi hq mā hường đư viết:*

«*Túc-hạ tín hõ ? Thị vật giả, kim cầu chi thiên vạn trung, vị tầng hữu dã. Kỳ tài nhược thị, tại túc-hạ chi môn, nhi bắt kiến tri, hữu tự hõ ngọc chí vu «Phác» dã.*

Bạch-hào-tử tiểu ứng chí viết : «*Tử chí thức cõ hī ; kì bắt đầu sở háo hà ? Đư bắt thiện khu sách..» (x)*

... Có người nghè ngựa, đến nói cùng ta : «Ngựa của ngài tai vàu dựng, mi xêch lên, lỗ mũi to, ống chân tròn, tròng mắt tía, khóe miệng đỏ, tướng ngựa đua đó. Thê mà lông gáy, lông đuôi, quắn lại ; thân-hình lem luốc, ngóng cõ ngó trời mà hí, cúi đầu nhìn bóng mà buồn. Xin ngài cưng-dưỡng mà dùng, chính là con ngựa hay nhất.»

— Người nói vậy, lấy gì làm bằng ?

— Thưa, ngài chưa tin, tôi xin cõi thử ngài xem.

Vừa dứt lời, gò cương, kẹp vẽ, làm cho con ngựa phải nhách gáy, phùng hông; chạy vùn vụt như cây lụa bay, như luồng gió thổi, như ánh sáng đâm vào giữa mù, giữa khói, nào có kịp nhìn.

---

1) Theo Thương-sơn văn-di.

Người đã xuống ngựa, nói rằng : « Ngài đã tin chưa ? Ngựa này trong ngàn vạn con, không có được một. Tài như thế, ở dưới chân ngài, mà ngài chẳng dùng, rõ là hòn ngọc « Phát ».

Ta cười, rồi tự thú rằng : « Nghè ngựa thì người giỏi thật, song không nhầm sở-hảo của ta. Bạch-hào-Tử có thích ngựa hay đâu ? ».

## CHƯƠNG XIII

---

### NẠP - BỊ

Những đoạn cõi-văn trên này, là trích trong hai quyển Thương-sơn văn-di ; còn pho Nạp-bị, 19 quyển văn, toàn là về thè «biền-ngẫu». Thè này, Tùng-Thiện-Vương viết theo âm-diệu lựa những cõi-diễn đối nhau ; chẳng khác gì những nhà kiến-trúc chuyên-môn, xây những lâu đài nguy-nga, thước-tác đã phải giữ-gìn cho đúng với bản-đồ ; mà tài-liệu còn phải lựa sao cho tương-xứng nữa.

Những nhà bác-học, phần nhiều thiên-trọng về văn-tù, nán-ná, giòi-mài, coi văn-tù là một nghệ-thuật lớn. Muốn cho người xem phải cảm-động, chẳng những là dùng cái sức & trong văn-tù, mà lại còn phải dùng cái sức ở ngoài văn-tù, tức là cái âm-diệu.

Pho Nạp-bị có nhiều thè : Bi, Minh, Sở, Biều, mỗi thè có một phạm-vi riêng. Những đoạn trích ra dưới này, không phải trích những đoạn hay, chính là trích những đoạn có thè dịch được.

Bên Tầu, Lê-Tân, ngày đọc văn biền-ngẫu của Tùng-Thiện-Vương, có phê rằng :

蛇如夜乍抹  
精似箭頻抽

*Điệm như hà sa mạt,  
Tinh tự kiền tần trùu.  
Đẹp giống ráng trời giảng,  
Khéo như tờ tắm bùa.*

Sở dĩ người Tàu khen như thế, là vì Văn của Tùng-Thiện-Vương, lựa được đúng, lọc được tinh, chữ nào cũng có xuất xứ. Tuy-Lý-Vương nói :

句必有色  
字必有聲  
*Cứ tất hữu sắc,  
Tự tất hữu thanh,  
Mỗi câu có một họa-ý,  
Mỗi chữ có một nhạc-âm.*

Như những câu đưa người đi tung-chinh :

…君者素勇名尤工武藝宜與  
之指八水不濱卽沉光之絕遠空而  
下…  
…茲致節於國以平為家…  
…他日或銘鼎以紀能或倚刀而序  
績…

...Quân già tố phụ dung danh (1), vưu công võ nghệ (2).  
Vũ-nghệ-Hưng (3) chi thuần, nhấp thủy bắt nhu ; hàm  
Trầm-Quang (4) chi thẳng, thấu không nhu hả...

...Tư tri tiết ư quoc di quân vi giao...

...Tha nhật, hoặc minh định di kỹ năng (5) ; hoặc chư  
đao nhí tự tích. (6)

- 
- 1) Dung danh xuất Nam-Sử. Triệu-mè-Kha truyền.
  - 2) Võ-nghệ, xuất Chau-tho, Hò-bèr-Thang truyện.
  - 3) Nghị-Hưng xuất Tè-Tho. Hồng-Khung truyện.
  - 4) Trầm-Quang xuất Tùy-Tho. Triệu-Quang truyền.
  - 5) Minh-Đặng, xuất Bắc-Sử.
  - 6) Chú-Đạo, xuất Bắc-Sử.

Như người, dũng danh đã nòi, võ nghệ lại tinh.  
Giữa nước, múa lẹ quá mười người, Nghi-Hưng vác  
khiên mà chịu phép ; trên trời, bay cao hơn mười  
tượng. Trầm-Quang chắp cánh cũng thua tài...

... Nay, lấy làm nhà, liều thân với nước...

... Rồi có ngày dưới chân đành, biên thêm  
sự nghiệp ; trên lưỡi dao kè rõ tài năng...

Thơ gởi thăm cụ Trương Quảng-Khê (Đăng-Quê) :

雖 拙 雲 初 學 鹿 虫 乃 伯 樂 風 工 相  
馬 因 春 日 間 居 之 作 結 束 床 坦 腹 之  
緣 ...

... Tuy Dương-Vân sơ học điêu trùng (1), nãi  
Bá-Nhạc tú : công tướng mã (2). Nhân xuân nhật  
nhàn cư chi tác ; kết đồng sàng thản phúc chi duyên...

... Tôi như Dương-Vân, mới học điêu-trùng  
nhờ Bá-Nhạc tinh nghề tướng mã. Nhân có bài  
« Nhàn cư xuân nhật » (3) mới có duyên « thản  
phúc đồng sàng »... (4)

Đoạn này, Tùng-Thiện-Vương kè lại lúc làm trò, và  
lúc làm rè. Có bài dưới này thè « liên-châu » :

蓋 間 宰 於 壯 者 無 所 施 其 長 得 乎 辰  
者 有 能 故 其 短 是 以 枯 木 陳 根 而 成  
根 代 之 用 高 松 巨 杈 而 供 盆 盆 之 玩

Cái yän, khiên x thế giả, vỹ sở thi kỳ trường ;  
đắc hõ thời giả, hữu năig tẽ kỳ đoan. Thị dĩ khõ  
mộc, t ăn cǎi, nhi thành khuyết dực chi dụng ;  
cao tùng, cự bá, thi cung bôn ường chi ngoạn.

(1) Dương-Vân và Dương-Hùng, học như con mèo sách.

(2) Bá-Nhạc là người chế ngự loài ngựa trước hết.

(3) Xuân nhật nhàn cư, là ngày 8 tháng. Tạ-Trinh đã làm bài thơ ấy.

(4) Đồng sàng thản phúc là Vị-vong-Hy-Chi, ngày làm rè ở nhà Ông  
Tư đồ-Đạo, có khi nằm ngủ bụng mà ăn.

Ở đời, đã bị thế bức, thi đấu có sở-trường  
nữa cũng dư ; khi đặc-thời ra, thi đấu có sở-  
đoàn gì cũng lắp. Bởi vậy, cho nên : gỗ cong, gỗ  
khúc, có khi thành chốt cửa, nêm nhà ; cây bá,  
cây tùng, mà chỉ ở trong bồn hoa, chịu cảnh.



**TRIỀU TỰ - ĐỨC**

## CHƯƠNG XIV

### THƯƠNG-SƠN

Tuy-Phong-Công, sinh sau Tùng-Thiện-Vương 10 năm, tuân Di chiếu đăng quang, năm Mậu-thân 1840, cải-nguyên triều Tự-Đức. Ngày ấy vừa 19 tuổi, chính là một vị vua hay chữ, nói cho đúng sự thật, thì chính là một vị vua thích thơ ; song không phải vì trên vua thích thơ, nên Tùng-Thiện-Vương làm thơ ; mấy triều trước đã thành ba tập rồi, đến triều này thơ lại thành năm tập nữa : 河上集, 謙躬明命宮集, 白岳集, 言四 Hà-thượng, Mô-trường, Minh-mạng, Cung-tử, Bạch-bí, Mãi-diên.

Hợp cả 8 tập, 54 quyển, thành pho Thương-sơn. Sở-dĩ dùng biệt-hiệu làm nhan-hiệu pho thơ là có nguyên-nhân như ngài đã thuật :

« Năm Giáp-Tý, đêm 16 tháng hai, tôi đi dạo trăng, lạc vào một chốn lạ-lùng, xưa nay chưa từng đến : lâu-đài, cung điện, nhận kỹ không có thè có ở thế-gian. Tôi tự hỏi chốn Bồng-lai chăng ? Không phải Đào-nguyên-dộng vì không có tiên-nữ, chỉ thấy năm bảy tiên ông. Một ông mời tôi lên đài, vừa có tiên-dòng đưa rượu đến. Chén thù, chén tạc, thấy khách có tửu-lượng, thì chủ-nhân mừng.

«Nhân vui, chủ-nhân soạn ra một bức họa-dồ, trong ấy vẽ sơn-thủy; sơn-kỳ, thủy-tú, phong-cảnh khác thường ; trên bức họa, có thơ, có từ ; có bài tôi hiều, có bài tôi chằng hiều.

Một vị tiên cầm bút mực đến, bảo tôi đề thêm vào những chỗ lưu-không. Trong lúc say, vui tay, tôi viết luôn 21 bài thất-ngôn tuyệt.

«Vừa xem, vừa đọc, ông nọ chỉ cho ông kia; có ông thấy tôi dừng tay, đến vỗ vai và yêu-cầu rằng : Xin ngài thư hai chữ Thương-sơn, đề lưu-truyền làm kỷ-niệm.

«Tôi vâng mạng, song trước khi đề biệt-hiệu, tôi viết thêm một bài. Có một ông, đến ngâm cao lên. Vừa tôi trò mèn tinh dại, còn nhớ rõ mấy câu, tôi thắp đèn lên cầm bút chép lại :

却 怪 玉 清 清 切 地

也 要 紙 尾 署 倉 山

*Khước quái ngọc thanh, thanh thiết địa,*

*Dã yêu chỉ vĩ thư Thương-sơn*

*Suốt chốn Bồng-lai trong trào thế,*

*Sao còn muốn đề hiệu Thương-sơn ?*

Chuyện trên này nghe vẫn hoang-đường ; song tự tay Tùng-Thiện-Vương biên ra, có tháng, có ngày, thì không phải là huyền-hoặc. Huống khونgh phải chỉ hôm ấy, Tùng-Thiện-Vương vẫn đã năng nằm thay đọc sách của tiên, nghĩa là những sách ở thế-gian không có. Trong tập Bạch-bí, Thi-ông có viết câu :

好 句 忽 從 天 外 得

奇 書 多 在 夢 中 看

*Hảo cú hốt tàng thiên ngoại đắc,*

*Kỳ thư đa tại mộng trung khan.*

*Câu hay, bỗng tự ngoài trời đến,*

*Sách lạ, thường do giữa mộng xem.*

Nguyễn-Du gọi là «câu thần», Bạch-Cử-Dị gọi là «thần-tiên», các nhà nghệ thơ, thường dùng chữ thần, chữ tiên để cực tả cái huyền-diệu. Bên Tầu, Chung-Úng Nguyên lại cho là thần-tiên thực, như câu dưới này :

眞道白眉知最異  
神仙多在海天來

*Văn đạo bạch my tri tối dị.*

*Thần tiên đa tại hải thiên lai.*

Nghe đồn có vị lông mày trắng,  
Ấu hồn thần-tiên lại giáng-sinh.

Cũng người Tầu, Phùng-Táng-Huân lại không tin là có thần-tiên ; chỉ tin theo phong-thủy. Như mấy câu tả cảnh xứ Huế, ông thầy địa-lý Tầu đoán rằng : Tùng-Thiện-Vương là do mạch đất sinh ra :

蒼山山色秀無比  
香江江水清且美  
山川精氣司鐘靈  
傑出南邦白毫子

*Thương-sơn sơn sắc tú vô tỳ,*

*Hương-giang giang thủy thanh thả mỹ.*

*Sơn xuyên tinh-khi tư chung linh,*

*Kiệt xuất Nam-bang Bạch-hào-tử.*

Thương-sơn đẹp đẽ biết bao,

Hương-giang nước biếc ngâm vào càng xinh.

Nhờ non sông có chung tình,

Nên Bạch-hào-tử mới sinh trên đồi.

Tại địa-phận huyện Hương-Trà, phía tây-nam kinh-thành, núi Thương-sơn có nhiều vẻ đẹp thực. Đứng riêng một chỗ, không nằm theo giải núi giáp Lào ; hình như tai nấm tròn tròn, cao hơn ngàn thước. Cây cối bi-bít, xanh cả bốn mùa. Trên đỉnh có giếng nước trong, lại có cá lội. Vì những tính-cách đặc-biệt, nên vua Minh-Mạng cho chạm hình núi ấy vào trên đảnh chữ «Chương». (1)

Cũng vì núi được thanh-cao, nên Tùng-Thiện-Vương mượn cái mỹ-danh mà làm biệt-hiệu.

Còn việc chiêm-bao mộng thấy làm thơ, người xưa cho là thần-tiên báo mộng, ngày nay, các nhà tâm-lý-học tin là trong trong lúc ngủ, bộ thần-kinh vẫn kế-tiếp làm việc suy-nghĩ trong khi thức, nên có thè thấy những giải-đáp kết-quả hoặc âm-vận tìm kiếm trong buổi ban ngày, chen lẫn với những ảnh-tượng đã thấy hoặc đã nghe, kết-cấu thành những câu truyện lạ lùng.

---

1) Theo Đại-Nam nhât-thống chí.

## CHƯƠNG XV

### LỢI-NÔNG

Đã có Thương-sơn, thì có Lợi-nông, núi nọ sông kia, như Tạo-hóa đã sắp đặt cho người đời, thích núi, có núi, thích sông, có sông. Đời xưa có người thích cây, không có thè dem cây về một bên nhà, thì đời nhà đến một bên cây. Nay Tùng-Thiện-Vương thích sông Lợi-nông, cũng dời cả sở phủ-de trong phường Liêm-năng, tự kiến-thiết lên trên bờ sông, dắp núi, đào hồ, đặt tên là Ký-thường-viên 纪常园, vì tình chan chứa đã lâu, nên phải gửi vào con nước.

Nay ai đi trên bờ sông ngắm xuồng, cũng khen vẻ đẹp của con sông ; tưởng trời sinh đâu tự thuở Hồng-Bàng, có hay đâu mới sinh từ đời Gia-Long, tên cũng mới có từ triều Minh Mạng. Vua đặt tên, cũng như vua dặn : « Hãy làm lợi cho nông-dân, đã có danh thì lo lấy phận ».

Thuở sông chưa có, cà miến An-cựu, đất bỏ hoang ; mỗi năm đến mùa hè, nước biển dâng lên, dầu những tay lão-phô, lão-nông cũng không làm ra hoa-lợi. Năm Giáp-tuất 1814, vua Gia-Long ngự đến, theo lòng dân-vọng, sắc cho Bộ-công Dao, đến năm Bính-Tý 1864, mới thành sông, thành một chi-phái của Hương-giang, từ Cửa-Khâu đến biển. (1)

---

(1) Theo Đại-Nam nhât-thống-chí.

Từ ngày Tùng-Thiện-Vương đến ở, có nhiều ông Hoàng  
cũng nỗi gót về theo; bên bờ, thành những tảng vườn hoa,  
sinh vè náo-nhiệt khác thường, nhất là khúc Phủ-cam, tiếng  
dệt vải, tiếng quay tơ, tiếng ngâm thơ, chen với tiếng hát  
«hò-khoan», tiếng «Mái-dày», Tuy-Lý-Vương, ngâm phong-cảnh  
trong tập Vỹ-gia có câu:

讀年平舍西太絲出寫繙舍村鄉東

*Đông xá tao ti tây xá độc,  
Hương thôn tả xuất thái-bình niên.*

Nhà này đọc sách, nhà kia dệt,  
Tả rõ tình dân lúc thái bình.

Trên con sông nho nhỏ này, vua Tự-Đức cũng nồng ngự  
đến, Trong tập thơ Vỹ-giạ có hai câu này nữa : câu trên có  
chữ «Lợi» câu dưới có chữ «Nông».

諸侯禹功垂地利  
豫遊夏謁庶寮農  
*Sơ tạc Võ công thùy địa lợi,*  
*Dự du Hạ ngạn cǎn xuân nô*  
Đời trước đào sông, dân h  
Ngày nay thăm ruộng, chúa

Sắc nước trong sông cũng đặc-biệt, thường trở theo khí hậu giữa trời : trở trong, là trời chuyền mưa ; trở đục, là trời toan nắng. Có những câu hát, đủ làm chứng cái lòng tin chuộng của dân :

*Ơi emơi! Í đã thương nhau thì chờng ngai Ngôi Lào,  
Lòng em sao thì lòng anh đây cũng vậy,  
Không phải theo thời mà trở,  
Như người rào Lời-Nồng.*

### **Người con gái trả lời :**

*Đương trong trời đục, đương đục trời trong.  
Sông còn biết thuận theo khì-hậu của trời,  
Huống chi em mưới hai bên nước,  
Em chỉ biết vâng lời mẹ cha.*

Trên bờ nông-dân hò hát đưa tình ; dưới bóng tre, đồi  
chiếc thuyền, dặt dờ theo ngọn gió. Câu dưới này trích trong  
tập Hà-thượng, cũng tả cảnh con sông :

烟波盡日無人管  
半屬吟舟半釣舟  
*Yên ba tận nhật vô nhân quản,  
Bán thuộc ngâm châú, bán điếu-châú.  
Yên ba ai choán làm gì,  
Nửa thì ngâm khách, nửa thì điếu Ông.*

Giữa đời, vật gì cũng bị chúng cạnh-tranh, duy khói  
trên nước, sóng trên sông, vì có mà như không, nên khỏi vào  
quyền sở-hữu của ai ; ngâm-khách, điếu-ông, mới được tự-  
do chia với nhau mà thường-thức.

Cũng trong tập ấy, lại còn có mấy câu này :

欸乃漁人曲  
餘音聽不窮  
正多滄海意  
況在月明中  
*Khoản nãi ngư-nhân khúc,  
Dư âm thính bắt cùng.  
Chính đa thương hải ý,  
Huống tại nguyệt minh trung.  
Điệu hát trên thuyền cá,  
Nghe xa tiếng lại gần.  
Đọc ngang trên biển cả,  
Huống ở giữa sông trắng.*

Nghe khúc hát, mà biết chí-hướng của người : trong  
lúc thái-bình, gió mát trăng trong, thì hò hát cho vui ; đến  
lúc phong ba, giữa biển cả, trời cao, thì sẽ thi-hành thù-doạn.

Khi Phù-cam đẹp vui như thế, là nhờ ở có người ;  
khi-ông đã gửi tình, thì trên bờ sông, tất nhiên có những  
đinh-dài trang-dièm cho con sông thêm vẻ đẹp.

## CHƯƠNG XVI

### KÝ-THƯỜNG-VIÊN

Kè đình-dài trong Ký-thường-Viên, gần như kè đình-dài trong một bản tiêu-thuyết Tàu nào : nhà nào cũng có danh-hiệu riêng, mỗi nhà dùng một việc. Như nhà Mô-trường 慕暢 là chỗ ngâm-vịnh của Thi-ông ; nhà Bạch-bì 白璧 là chỗ của các bà Phủ-thiếp. Sau Tùng-Thiện-Vương dùng những danh-hiệu ấy, mà làm danh-hiệu các tập thơ. Lại còn Tùng-Vân 雲樊 là nhà đè thi văn ; Cồ-cầm đình 古琴亭 là chỗ ngồi đàn ; Mặc-vân-sào 墨雲巢 là chỗ đè kinh, sù, từ, tập ; Ngự-mặc-dinh 御墨亭 là chỗ đè viên mực của vua Minh-Mạng, một viên mực Tàu, tặng-hảo năm ngũ-tuần đại-khanh ; Xuy-tiêu.ỷ 吹箫女 là chỗ ngồi thời ống tiêu ; Sở-tụng-dinh, 楚簷亭 là chỗ trống cam ; Hán-lục-hiên 漢綠軒 là chỗ trống cúc ; Vô-phi-tân-tạ 無非新榭 là chỗ tắm, làm một bến hồ ; có già sơn, tên là Nga-pha 鶴坡 chỗ nuôi ngỗng. Từ tạ qua hồ, có cầu đá gọi là Nhất-quyên-thạch 一巒石. Không-minh-bộ, 空明步 là tên đường đi trong Ký-thường-Viên. Cửa đi vào, làm theo kiều Tàu ; cao rộng như cái đình, trên có khâm ba chữ xanh, sắc xanh : Thanh-tinh-thổi, 清淨退. Bốn cột vôi có bốn câu đối, hai câu trước mặt là :

北流洗耳漱石礪齒  
空潭瀉春古鏡招神  
*Chàm lưu tẩy nhĩ, thau thạch lè xi,  
Không đàm tả xuân, cò kính chiêu thần.*

Muốn rửa tai, nên gõi nước ; muốn chải răng, nên ngậm đá.

Dùng bát trống, để chúa xuân ; dùng gương xưa, để soi thần.

Những nhà cửa trong Ký-thường-viên, không được hùng-vỹ nguy nga, như lâu dài các vị vương-công đời xưa; song vẫn-nhân sở-thích, không phải thích cái nhà, mà thích tên cái nhà. Nhìn đến tên, tự-nhiên tưởng-tượng ra, như ý-nghĩa của chủ-nhân đã đặt.

Có một nhà lớn nhất, để tiếp đãi sỹ-phu : *ngay gian* giữa treo một bức biển, năm chữ thiếp vàng : *白森堂* Thương-hà bạch-lộ-đường. Có nghĩa : Chủ-nhân là người thanh-cao, như giọt sương trắng trên ngọn lau, bạn-bè yêu-mến. Cái biển ấy, không phải tự chủ-nhân làm ra, nguyên của một quan sứ Tàu, gởi sang tặng-hào.

Năm 1939, Trần-Thanh-Mại viết tiêu-sử Tuy-Lý-Vương, có nói đến Ký-thường-viên, như câu «Không ngày nào, số vẫn-nhân hội-hop, dưới nứa trăm người ; Tùng-Thiện-Vương cũng như một vị Mạnh-thường-quân nhỏ nhò.»

Ký-giả sở dĩ ti-nghi như thế, là có nguyên-nhân : Bên Tàu, Nhan-Sùng-Hoành, người Gia-Úng, gửi thơ khen Tùng-Thiện-Vương có câu :

分才直追魏曹植  
交客更超齊孟嘗  
*Phân tài trực bách Ngụy Tào-Thực.  
Ái khách cánh siêu Tề Mạnh-Thường.  
So tài chẳng kém gì Tào-Thực,  
Yêu khách còn hơn cả Mạnh-Thường.*

Trong Ký-thuờng-viên, chẳng những là văn-nhân hội-họp hàng ngày, mà người ngoại-quốc cũng có dịp đến chơi, bức biển thiếp vàng, đã treo đúng chỗ.

Nguyễn mới tức vị, vua Tự-Đức toan ngự Bắc-tuần, làm lễ «Bang-giao». Lễ nghi long-trọng, triều-dinh đã soạn nghi-chú thông-lục ra cả Bắc-kỳ. Như quan Kinh-lược nào, thì chỉ chực nghinh-tiếp theo lệ thường, là lệ đã có sẵn mấy mươi năm nay ; duy Nguyễn-Đăng-Giai là người thông-minh lại có nhiều sáng-kiến, mới gởi sớ tâu :

« Đời Lê, quốc-hiệu là Đại-Việt, đóng đô tại Thăng-Long, thì lễ Bang-giao, làm tại đế-đô là hiệp quốc-thề. Nay Liệt-Thá-h đã lập thành một nước, Thanh-triều đã công-nhận là nước Việt-Nam, đô đóng tại Phú-Xuân, vậy lễ Bang-giao, chúng tôi đợi nghỉ, làm tại Kinh-đô mới hiệp.»

Vua Tự-Đức nghe theo lời tâu-nghi, liền gửi quốc-thư, xin tiếp sứ Tầu tại Kinh-đô ; Vua Đạo-Quang cũng cho là phải.

Nhờ Đăng-Giai có tư-tưởng đặc-biệt, năm kỵ-dậu 1849, Lao-Sùng-Quang, Tuần-vũ Quảng-Tây, mới sang nước Nam. Sứ Tầu đến kinh, lần ấy là lần đầu.

Ngày được tin Lao-Sùng-Quang sắp đến, đình-thần đã làm sứ-quán, dưng thề-lâu ; lo nghinh-tiếp sao cho hiệp-thề nước nhà, và cho xứng là nơi «văn-hiển». Lại nghe Lao-Sùng-Quang là Tiết-sĩ, muốn dùng cây bút mà trấn-áp cả vua cả tôi. Vua Tự-Đức lo cho quốc-vận tương-lai, mới sắc cho Cát-thần, gộp nhặt những văn-phẩm kiệt-tác xưa

nay, dồn thành một tập gọi là 風雅完編 «Phong-nhã thống-biên». Trong tập này, phần nhiều là văn thơ của hai « Ông Tô » đời ấy.

Quả-nhiên công-hiệu được hoàn-toàn : Lao-Sùng-Quang đọc tập « Phong-nhã thống-biên » thì có thiện-cảm khác thường, ở chưa mấy ngày, đã sinh lòng kính-trọng người Việt-Nam, tự trực-tiếp với Tùng-Thiện-Vương, đến tại Ký-thưởng-viên, khách chủ bút-dàm, vì vậy nên có tập « Thương-Sơn thi-thoại ».

Trong khi nói chuyện bằng ngòi bút, Lao-Sùng-Quang có viết :

讀到白鷺黃葉句

滿懷蕭瑟帶秋寒

Đọc đáo bạch du hoàng diệp cú,  
Mãn hoài tiều sát đái thu hàn.

Đọc đến câu «bạch-đu hoàng-diệp»,

Cả người ôn lạnh với hơi thu.

Đọc thơ mà đến ôn lạnh cả người, thế thì cảm-xúc biết chừng nào ? Nguyên trong tập Hà-Thượng, có câu :

身似白鷺隨處宿

交如黃葉入秋疏

Thân tự bạch du tùy xú túc,

Giao như hoàng diệp nhập thu sơ.

Người được an-nhàn,

Ấu trăng thung-dung theo ngọn nước.

Bạn đầu sơ-khoáng,

Lá vàng tán lạc với hơi thu.

Con âu-trắng, không có cơ-tâm, bè-rộng, trời cao, ở đâu  
cũng thung-dung tự thích ; còn nhìn quanh mình, thì bạn  
bè diêu-tạ dồn dập, như lá vàng gấp lấy gió thu, sự-lão, sự  
tử, ở không-gian, chính là luật của vũ-trụ. Vì thân người như  
con âu-trắng, vì đời như ngọn lá mùa thu ; đọc câu thơ,  
ròn ốc cả người, Lao-Sùng-Quang không còn tự-phụ mình  
là vị sirs-thần hay là vị tiễn-si văn-chương của Trung-quốc.

## CHƯƠNG XVII

### BẠCH-BÍ

Ngoài chỗ tiếp đãi, như Thương-hà bạch-lộ đường, lại còn chỗ của các bà, là nhà Bạch-bí ; ướm tơ, dệt vải, nuôi lợn, nuôi gà ; nhà Hạp-bí, là chỗ nấu cơm cho bọn trai cày ; nhà Kim-hữu là nơi trữ lúa. Trong tập Bạch-bí có hai câu này, là chủ-nhơn dùng ngồi bút tả-chân, mà cũng có ý tự-đắc :

鶯栖豚柵障家並  
紙閣蔬簾小婦吟  
*Kê thê đồn sách lân gia tĩnh,*  
*Chỉ các lô liêm tiêu phụ ngâm.*  
Ò gà, chuồng lợn, nhà què sắn,  
Cửa giấy, rèm lau, bạn gái ngâm.

Trong nhà Bạch-bí, có nhiều bà thơ giỏi, đàn hay: như bà 何 魁, Hà-Oan-Sô, người ta quen gọi là « Di Thầy », là vì thường dạy học ; năng ngâm-vịnh với Thi-ông ; dẫu có ai gọi là « Thi-bà » cũng không phải là lạm. Lại có bà 楊 白 Tiều-Bạch, người ta quen gọi là « Chị Tiên » là vì phẫn

giữ tiền ; thường hay họa đàn với chủ-nhơn. Nhiều khi trăng đã xế, canh đã tàn, mà trong đình Cồ-cầm, còn nghe những tiếng, như khóc, như than; nhất là khi đàn bàn « Xuân-tiêu », hay là ca bài « Trường-hận » (1)

Có khi nghe đặc-ý. Tùng-Thiện-Vương viết vào tập Bạch-bí rằng :

松下对明月

水邊理鳴琴

月明難未來

琴韻清余心

Tùng hạ trũ minh nguyệt,

Thủy biên lý minh cầm.

Nguyệt minh tuy vị lai,

Cầm vạn thanh dư tâm.

Dưới tùng có bạn chờ trăng.

Bên hồ có bạn đương mǎng tờ tình.

Trăng tuy chưa tỏ phân-minh,

Tiếng đàn « cồ-diệu » đã thanh lòng người.

Khi trăng chưa lên, bạn thơ chưa ngâm-vịnh câu gì, thì có bạn đàn, đã gảy những khúc đoạn-trường, những cung ai-oán. Những tiếng ấy vào tai người khác, thì sao khỏi giọt châu sa ; mà Tùng-Thiện-Vương quen, lại vui về âm diệu.

Vui chưa được mấy, buồn đã đến nơi : Ngày Tiều-Bạch vè trời, thì trong đình Cồ-cầm vắng tiếng. Bên hồ lại nghe những tiếng thở dài, than vắn, như :

---

(1) Trường-hận, là bài ca của Bạch-Cư Dỵ ; là rõ thăm-trạng vua Minh Hoàng, nhớ Dương-Qúy-Phi, ngày nòng phải thất cò.

從前 只愛歌長恨  
不道今生是恨人

*Tùng tiễn chỉ ái ca trường-hận,*

*Bất đạo kim sinh thị hận nhơn.*

Xưa ca trường-hận đêm ngày,

Nay thành trường-hận nào ai có ngờ.

Lại có câu :

俯首思昔歎

恐未及今悲

*Phủ thủ tư tich hoan,*

*Khủng vĩ cập kim bi.*

Khi vui nào có mấy,

Chưa dẽ dắp khi sầu.

Nước ta có ngài Luân-Quốc-Công, con chúa Hiếu-Minh (1675-1725) tinh về âm-nhạc. Muốn nhịp đàn cho đúng điệu hát, mới chế-tạo ra cây «Nam-cầm». Tùng-Thiện-Vương có làm bản Nam-cầm-phò, đè dạy nghề đàn ; thế mà học được thành nghề chỉ có một nàng Tiều-Bạch.

Trong khi chiếc bông, đàn bị đứt dây, thì may lại có tiếng dệt, tiếng thêu, những tiếng tự tay bà Nguyễn-Cơ, không đẽ cho Ký-thường-viên, vì thiếu mất một người, mà sinh ra tịch-mịch.

Thứa ấy, các ông Hoàng thường thích giầy Tàu, trên băng sô lục hoặc sô điệu, dưới băng lông chiên ; đi êm ái nhẹ nhàng, người ta gọi là «văn-hài», nghĩa là giầy của văn-sĩ. Song trong lúc Tùng-Thiện-Vương nǎng di lên núi, di thăm

nàng Tiều-Bạch, thì văn-hài không thích-hợp với con đường; bà Nguyên-Cơ vốn người họ Trương, quê ở Quảng-ngãi, nơi có thò-sản dừa, mới nghĩ cách lấy bẹ làm mả giầy, lấy vông làm túi. Từ ngày ấy, thứ giầy dừa lưu-hành ở Huế, vì công-chung thấy có một ông Hoàng-dùng, thì đua nhau mà dùng, cho là sang, cho là đúng «thời-thức».

Tùng-Thiện-Vương quí dội giầy «mội-hoa» mới, tạ ơn bằng một bài trường-thiên; lê-tat của Thi-ông đáng giá ngàn vàng, mấy câu dưới này đủ thấy mối tình đậm-dà, trong nhà Bạch-bí :

刀尺年年伴著書  
一燈五夜成滋味  
*Đao xích niên niên bạn trước thư,*  
*Nhất đăng ngũ dạ thành tư vị.*  
Trước thư, chúc cầm, bạn cùng nhau.  
Dưới bóng đèn khuya thêm thú vị.

Lại có câu :

美人殆此太溫存  
林下相期永弗違  
*Mỹ nhơn di thử thái ôn tồn,*  
*Lâm hạ tương kỳ vĩnh phất vôn.*  
Vật của mỹ-nhơn đưa tặng đó,  
Lời thề «lâm-hạ» lúc nào quên.

Bài này Tùng-Thiện-Vương làm ngày 33 tuổi. Tuy vì  
đôi giày nội-hóa, mà kỳ-thực, là vì nàng Tiêu-Bạch, người  
của bà Nguyên-Cơ cõng-hiển năm xưa; càng nhớ tiếng đàn,  
càng nhớ ơn người tác-hợp.

Bà Nguyên-Cơ chẳng những có công trong nhà Bạch-  
bí, lại còn có công trong sở Tiêu-viên, giúp cho chồng hiếu-  
phụng thần-hôn, thật xứng là con một vị lương-thần,  
danh-tướng.

## CHƯƠNG XVIII

### TIÊU-VIÊN

Trước khi kiến-thiết sở Ký-thường-viên, Tung-Thiện-Vương đã lập Tiên-viên dè rước bà Thục-Tân ra ở. Khoi công năm Bính-ngo 1846, là năm Thiện-Thiên hoàng-hậu băng ; đến năm Kỷ-dậu 1849, mãn tang vừa công-hoan ; đạo làm vợ, đạo làm dâu, bà Thục-Tân đều giữ được hoàn-toàn ; Tung-Thiện-Vương mới dâng sớ lên, tâu xin phép rước từ mẫu ra sở Tiêu-viên, Từ ngày ấy- bà Thục-Tân mới bước chân ra khỏi Tử-cẩm-thành. cẩm cung đã nứa đời người, quên hết thế-thái nhân-tình, chỉ nhớ nhữug việc ở trong cung-cẩm.

Con chiêu ý mẹ, Tung-Thiện-Vương lập sau Tiêu-viên, ba sở phủ, cho ba bà chúa em. Bốn anh em thường họp nhau, khi thì đàn, khi thì ca, khi thì kè chuânen xưa, khi thì kè chuyện nay, trò đủ mọi tài cho vui lòng mẹ. Song lâ gan đã héo hơn nữa, thì thấy như thấy, nghe như nghe, đầu nước tài tình của bốn người con, cũng khọng sao tưới cho tươi lại được.

蘇軾在蘇州漫遊後題寫詩句

水光山色風雨晴明皆入畫圖在

此詩句集於吳中名公筆下識



Tâm-thích của Tùng Thiên-Vương, viết trên hòm Mái Hương

Từ lúc có tang vua Minh-Mạng, bà Thục-Tân bò hết các thói quen, không trống hoa, nuôi chim, cũng không dùng đồ mới, đồ tốt. Năm nào cũng vậy, trước ngày kỵ, thì « vị vong nhân » lên ở Hiếu-Sơn (1) tay tay lau quét bàn thờ, rồi nhì.. núi, nhìn sông, mà khóc.

Ngày thường, vẫn có khi cùng con nói chuyện ; song chỉ thuật lại những việc ở trong cung. Nhờ vậy, nên Tùng-Thiện-Vương làm được tập Minh-Mạng cung-tử, mà biết được những điều không có ở trong sử-sách.

Triều Tự-Đức, năm thứ ba, có một ngày, ở trong Tiêu-vien thỉnh-linh nghe huyên-náo. Ai cũng khùng-khiếp, người chạy ngả trước, người chạy ngả sau, người nhảy lên nóc nhà, đứng mà kêu : « Bà ơi, bầm bà ». Theo tục kêu cầu, cho hồn nhập xác. Trong các phủ-dệ, là những chỗ thâm-nghiêm, nhất là trong Tiêu-vien, khi nào cũng là một cõi trời riêng, một vùng không-khi nhię-nhàng, trong-trèo. Thế mà lúc ấy, xảy ra một thảm-kịch, là lúc bà « Vương-mẫu » trúng phong, may chì trong một lõi, vừa tỉnh lại.

Từ ngày ấy, dưới gối, lúc nào cũng có con cháu chực khi cháo, khi cơm, kính-cầu giữ gìn ; vì năm ấy, bà Thục-Tân vừa 49 tuổi.

« Cây muỗn lặng, mà gió không dừng ; con muỗn nuôi, mà mẹ không ở ». Những lời của Cao-Ngư đời Tấn, ngẫu-nhiên mà đúng với tình-cảnh của Tùng-Thiện-Vương ; qua năm sau, bà Thục-Tân tạ-thế.

---

(1) Lăng đức Minh-Mạng, xây tại Hiếu-Sơn, vì tên núi, cho nên gọi là Hiếu-lăng.

Trong lúc bi-ai không đè nén được, con phó thác sở Ký-thường-viên cho sông Lợi-nông, đưa linh-cữu mẹ lên núi làng Dương-xuân, rồi một bên tăm, con ở hẫu « lô-mộ » cho thỏa hiếu-tình, tự tay lo hương khói hôm mai, và lo dựng bia công đức.

Bài « Thần-đạo-biều » chạm vào bia đá, nay nét chữ đã phai mờ, nguyên-văn còn trong bộ Thương-sơn văn-di, đọc vài đoạn dịch dưới này, cũng đủ thấy được đời người, đã hy-sinh theo phụ-đạo :

« Mẹ tôi là vị Thực-Tân, họ Nguyễn-Khắc, húy Bửu, người làng Tân-Khánh, huyện Bình-Dương, tỉnh Gia-Định; con quan Tư-không Nguyễn-Khắc-Thiệu và bà Nguyễn-Thị-Phú.

« Phong-tư trọng-hậu, cử-chí doan-trang ; khi nói, khi cười, đều có chừng dỗi. Vì thông-minh sóm, nên hiếu đạo-lý uhiểu ; lại vì bàn-tính cẩn-cù, không chịu an-nhàn, hễ buông bút thì cầm kim ; có ý tiếc thi-giò, như đã tự biết rằng: đời người thầm-thoát. Ngày mười lăm tuổi, năm thứ 14 triều Gia-Long, quan Tư-không tuân Sắc, đưa vào Thành-cung ; mẹ tôi được chầu đức Tiên-Hoàng, là từ răm ấy...

« Hết đời đức Thánh-Tồ, mẹ tôi lo chầu hầu đức Thuận-Thiên ; được năm năm, lại bị tang, vì lòng cưu lâm nỗi thảm sầu, nên thân suy-nhược sóm.

« Năm Kỷ-dậu (1849), tôi mới được rước về Tiêu-viên. Qua năm sau, hai bà em tôi hạ-giá ; vui chưa mấy bữa, thì mẹ tôi đã bị thương phong; tuy nhờ thuốc ở trong cung ban ra, bệnh vẫn tạm yên, song cánh tay tả chưa cử động

được như thường, đầu lưỡi còn tệ, tiếng nói cũng không được rõ.

« Năm Tân-hợi 1851, lại cho hạ-giá bà em út của tôi nữa. Ngày thành-hôn mẹ tôi bảo với tôi rằng : « Tiên-đế lưu lại mấy người con, nay đều được trưởng-thành, theo lời nguyễn-ước ngày xưa, thì mẹ định về chầu Tiên-đế ».

« Than ôi ! thương thảm biết chừng nào.

« Mẹ tôi sinh ngày ba mươi tháng bảy, năm Tân-Dậu (1801), mất ngày mười bảy tháng tám năm Tân-Hợi (1851).

« Hoàng-tử thứ mươi là Mân-Thầm, còn thứ mươi bốn, thứ mươi chín và thứ ba mươi chín, đều bị tảo-thương. Hoàng-nữ thứ mươi tám, Vĩnh-Trinh, Phò-mã là Phạm-Đặng Thuật ; thứ hai mươi lăm, Trinh-Thận, phò-mã là Thành-Trọng-Di ; thứ ba mươi bốn, Tịnh-Hòa, phò-mã là Đặng-Huy-Các. »

Bia dựng rồi, hiếu-tử lo sang việc khác, nhất là về hương-hỏa bên ngoại, Tùng-Thiện-Vương trở về vườn Ký-thường, gởi sớ tâu rằng :

« Ngoại-tồ của chúng tôi, là Nguyễn-Khắc-Thiệu, tuy không có công chinh-chiến, song trong thời kỳ Nam-phục, đức Gia-Long sai đi trinh-thám binh tình. Sau lại được khâm-phái sang Xiêm, chuyền-vận quân hướng. Đến ngày « đại-định », khi thì phụng Chỉ ra Bắc, khi thì phụng Chỉ vào Nam ; hơn mươi bốn năm, thường giữ được tròn thắn-tiết.

« Con đều mất sớm, chỉ có mẹ chúng tôi, được chầu đức Thánh-tồ, sinh ra chúng tôi, được chầu Hoàng-Đế ngày

nay ; như chúng tôi không biết Jo, để cho đến nỗi nhà mẹ chúng tôi không có người phụng sự tổ tiên, thì chúng tôi đặc tội nhiều lắm.

“Chúng tôi tra trong số linh ở Gia-dịnh, có tên Thor-lai Nguyễn-khắc-Diên, xét theo phái hệ, thì chiêu mục tương đương. Chúng tôi xin cho nó một chút phàm-hàm, được ở nhà mà thura-tự.

Đến khi bên ngoại có người thura-tự, hiếu-tử lo sửa sở Tiêu-viên, ra sở Từ-dưỡng.

Ngày làm lễ lạc-hành, Tùng-Thiện-Vương viết :

菽水有你敬

牲醴乃虛設

*Tiụ: thùy hữu dư hoan*

*Sinh lễ nãi hư thiết*

Nước trong một chén vui còn mẹ,

Nay thiết sinh-tư có ích gì.

Ngày Tuy-lý-Vương 40 tuổi, Tùng-Thiện-Vương hụ-thọ bằng một bài văn ; trong bài ấy, câu nào cũng tự thú là “anh thua em”, kè từ văn-học cho đến tài-năng, kè đến điều thứ xo là thua em về nghề thuốc. Vì em có tinh-nghệ thuốc, khéo phụng-dưỡng, nên bà sinh-mẫu thọ được dài ngay. Kè đến điều này, thì động lòng, không cầm bút viết thêm được nữa.(1)

---

(1) Theo Nạp-bí Văn-tập.

CHƯƠNG XIX,

TÙNG-VÂN

Thờ mẹ, không phải có hương-hỏa, từ-đường, là đủ,  
Tùng-Thiện-Vương còn lo làm theo chí-hướng của bà Thục-  
Tân, làm lợi cho bạn hậu-sinh, mới dời nhà Mạc-vân đến  
trước nhà Tùng-vân. Ngày nay người ta còn nhớ đến tên  
hai nhà này, vì tương-quan đến sī-phu trong nước. Trong  
tập Vy-dạ có câu :

充棟蝶湘新插祭

琴桌題額舊揮毫

*Sung đống tiêu tương tân tháp giả,*

*Phách oa đẽ ngạch cựu huy hào.*

Chót vót non cao bầy tủ mới.

R& ràng biền cũ viết ngày xưa,

Vì dời chỗ mà không đổi tên, nên vẫn dùng biền cũ.  
Trong nhà ấy để «tứ-khổ toàn-thư»; sở-dĩ dời nơi này sang  
nơi kia, là muốn công chúng đến xem cho được tự-tiện.

Từ ngày bà Thục-Tân mất, sở Tiêu-viên thành ra sở Từ-đường ; sở Ký-thường-viên cũng cài-quan, hóa ra một sở Thục-đường ; sớm hôm nghe tiếng «đức thầy» giảng sách.

Đương thời, sỉ-phu đến học, đều tôn xưng là «đức thầy», mà con em trong nhà, cũng xưng-hỗ là «đức thầy», vì Tùng-Thiện-Vương cũng thích nhận cái danh-hiệu mới.

Thùa ấy, ai được xưng là học-trò ngài Tùng-Thiện, thì đã có danh-giá nhiều, vì những người được ngồi trong Ký thường-viên, đâu không phải nho-thần, cũng là quốc-sỹ,

Đã đảm đương danh-hiệu mới, đức-thầy cư-xử càng nghiêm : có phê trong quyền văn của ông Mặc-Phủ rằng :

«Ngồi bút của ta thường nghiêm-khắc, đã chích-mich nhiều người Nay chấm văn của ông, thì ngồi bút lại nghiêm-khắc hơn ; vì văn của ông là văn già, không phải như hạng văn non, mà chấm nói.»

Học-trò đọc sách đức-thầy cũng lưu-ý đề phòng, nghe những lời dặn của bà chúa Mai-Am, thì ai này cũng đều tinh-ngộ :

«Đọc sách gì cũng có ích, song phải tự-phòng, nhất là những ngoại-truyện, kỳ-thư, là những sách người thường thích đọc. Khi cầm quyền sách, người đọc phải có não phán-doán vững-vàng ; bằng mình chưa tự-chủ nội-mình, thì dễ tiêm-nhiêm theo ; mà lúc tiêm-nhiêm rồi, thì khó tẩy trừ cho sạch».

Có một ngày, «đức-thầy» thi học-trò gái, tại nhà Tùng-vân. Trên vách có treo mấy bức vẽ mĩ-nhân, mỗi bức có

một bài thơ kè qua lịch-sử. Đức-thầy chỉ bức 虞君出塞 «Chiêu-Quân xuất tái», lấy bài thơ trong bức vẽ làm đề.

Theo sách Tây-kinh tạp-chí, thì triều Hán-nghiên-Đế, nội-dinh có mấy ngàn người, ở dãy lục-viện tam-cung, thậm chí, trên vua không biết mặt. Vua phải dùng họa-sĩ, và bằng theo chân-dung; mặt nào tuyệt-thể, thì phong làm Phi-Tần còn những mặt tầm thường thì thải ra, hay là cho làm Thè-nữ.

Vì lấy sự bị thải ra làm nhục, nên mấy ngàn cung-nữ, đều lót tiền cho thợ vẽ, có người lót đến vạn quan. Duy Chiêu-Quân tự-phụ nhan-sắc của mình, không phải làm theo thói đê-hèn, phải nhờ tay người tô-diềm.

Vừa chúa Hung-Nô tức-vị, cho sứ-thần qua Hán cầu hôn. Nguyên-đế muốn giữ cuộc ngoại-giao, mới hứa gả cho Thuyền-Vu một nàng công-chúa.

Nàng kia đã sẵn, chính là Chiêu-Quân. Vì bằng theo chân-dung, thì đáng bị thải ra; song nhân có dịp này, vua mạo-phong cho làm Vĩnh-An Công-chúa.

Ngày đưa nàng lên đường Sa-mạc, vua thiết-yến đãi sứ Hung-Nô giữa triều-định, cung nhơn đưa công-chúa ra chầu, không trang-sức gì, mà dung quang chói rực giữa trời, vua thấy mà phải tiêu hồn, song còn biết phải làm thế nào, trở tay không kịp. Vua mới giết tên Mao-Diên-Thọ là thợ vẽ, đè báu thù; còn Chiêu-Quân, thì phải đi theo bọn moi.

Đời nhà Trần, có người đã vì Chiêu-Quân mà tà :

Khúm nút khâu đầu ngoài bệ ngọc,  
Thẹn thường ra mặt trước nhà vàng.

Ai nghe mà chẳng ngạc-nghi, huống là đến bạn quan-thoa, sao cho khỏi có những lời oán-thán. Thế mà các nữ-sĩ đã không oán-thán, lại làm ra được những lời doan-chính, trung-thành. Như câu của bà Mai-Am (Trinh-Thận) nghiêm-trang mà đau đớn :

承恩却在和戎日

敢怨丹青誤玉顏

*Thì ra ân khưỚc tại hòa Nhung nhặt,*

*Cảm oán đơn thanh ngô ngọc nhan.*

Hòa Nhung, mới được mang ơn chúa,

Dám oán tay ai đòi dạng người.

Nhờ trên vua có ý hòa-hảo với Hung-Nô (Nhung), phận hèn này mới được phong làm Công-chúa ; ơn tay Họa-sĩ đã vẽ sai những nét truyền thần. Câu của bà Nguyệt-Định (Vĩnh-Trinh) lại có ý sâu hơn :

畫工不爲丹青誤

何處消埃答聖明

*Họa công bãt vị đơn thanh ngõ,*

*Hà xứng quyền ai đáp Thành-minh.*

Họa-công như chẳng lơ ngòi bút,

Còn có ngày nào trả nợ vua.

May được qua xứ Hung-Nô, mới có dịp hy-sinh cho nước. Vì lập tâm như vậy, nên Vĩnh-An công-chúa khéo điêu-định ; cũng như ngày bà Huyền-Trân về với Chiêm-

thành, quân Hung-nô không dám xâm-lăng Trung-Quốc. Bà Vinh-Trinh theo Hán-sử, làm đúng tư-tưởng của Chiêu-Quân. Ngòi bút nghiêm-khắc đến thế nào, cũng phải nhúng son mà khuyên chuỗi.

Bà Mai-Am lại còn sờ-trường về quốc-âm nữa, có làm nhiều bài ca, như bài «Phàm-tuyết» dưới này, không có bạn danh-ca nào mà chẳng thuộc :

*Dạo, dạo thuyền,—Gặp lúc trăng,—Thấy trong  
ngắn,—Một hờ băng,—gió không động—muôn rìng,  
—Kìa nước mây một vầng.—Nào người quen  
biết,—Bóng trăng soi,—Hoa lại gần.—Xe mõi tơ  
thắm,—Chuông lầu,—Giục sầu đòi khi,—Chạnh vù,  
—Chạnh vù,—Tình xưa,—Màn loan,—Bướm ong  
lững lờ. Ngày—dồn thoi én,—Thu hết xuân về,—  
Liêu giảng tơ,—Nhạn thơ,—Vắng đưa.—Biết ai  
Có trông còn đợi,—Lòng tại,—thêm ngại,—Song  
giống đa-tình—Để mấy ai. Đành,—Song giải non  
mài,—bận lòng ta,—Toan tính lâu dài.—Cuộc  
đời,—Há rằng một hai,—Nặng lời,—Dám sai  
lời—chớ dem lòng.—Lạt phai.—Tơ duyên,—Đợi  
chờ một hai.—Hương lùa,—Hương lùa đều  
đượm,—Tuy trời,—Song cũng nơi người.*

Tùng-Thiện-Vương thường nói :

«Những chữ trong câu thơ, cũng như lời trong bài ca, phải dùng cho đúng với điệu đàn, mà điệu đàn cũng phải cho đúng với âm-nhạc ».

Bà Mai-Am có làm một bài từ, nay vẫn còn truyền lại :

*Chào khách tiếng chim ngoài cửa,  
Thoắt nhớ một người những bùa.  
Xoắn xuýt giồng tờ vò,  
Cho biết mối tình là ra rúa.  
Chan chúa, chan chúa,  
Mòn mỏi mặt trăng hơn nữa.*

Ngày «Đức-thầy» dạy học trò gái, bà nào cũng biết hát, biết đàn, biết làm thơ ; Hoàng-Diệm-Khuê, người Tân-môn bên Tầu khen thơ bà Mai-Am có câu :

范胡超调才惟在班

人有昔今於左班

*Khi duy tài diệu siêu Hồ, Phạm,  
Ban, Tả ư kim hữu thế nhơn.*

Há chỉ hay hơn Hồ-Xuân-Hương, Phạm-Lan-Anh là hai nàng của nước Nam mà thôi đâu ;  
Lại còn sánh vai với Ban-Chiêu, Tả-Phàn, là  
Nữ-Sĩ trú-danh ở Tầu ngày trước.

Trong báo Tri-Tân có đăng đại-lược :

« Đức Minh-Mạng là vị vua hay chữ, đến các hoàng-tử như Tùng-Thiện, Tuy-Lý, cũng đều nổi tiếng trên văn đàn ; lại còn Công-chúa ba bà học lực cũng vào hàng hiếm cõi.

« Bà Nguyệt-Đinh (Trọng-Khanh), Bà Mai-Am (Thúc-Khanh) Bà Huệ-Phố (Quí-Khanh) đều là em đồng mẫu với Tùng-Thiện-Vương, học rộng văn hay, mỗi bà đều có một tập thơ đè lại. »

Văn thơ của học trò gái, mà học trò trai, như Nguyễn-  
Thuận-Chi, ngày 60 tuổi có tự thú rằng :

« Ta học thơ với ngài Thương-Sơn, gần hai mươi năm,  
nay đọc thơ của một bà chúa em, thì tự biết phận mình,  
chẳng những là làm học-trò nơi nhà Tùng-Vân, mà còn  
phải làm học-trò nơi đình Thinh-nguyệt nữa ». (1)

---

(1) Thinh-nguyệt-Đình là Mai-Am. Theo lời tự trong bản Diệu-Liên,  
Nguyễn-thuận-Chi tự viết. Câu thơ của Hoàng-diệu-Khuê, cũng có dăng trên  
bản ấy.

## CHƯƠNG XX

### NGUYỄN-TRỌNG-HỢP PHẠM-PHÚ-THỨ

Bạn học-trò gái, có người  
đã nổi tiếng đến bên Tàu; bạn  
học-trò trai, cũng có nhiều  
ông xuất sắc, nhất là Nguyễn-  
trọng-Hợp người Bắc, Phạm-  
Phú-Thứ người Nam.

Thuở ấy, Trọng-Hợp mới  
đậu Cử-nhan, còn hàn-vi,  
Tùng-Thiện-Vương liên-tài,  
đem về nuôi và dạy. Năm  
Quý-Sửu, 1853, năm thứ 6  
triều Tự-Đức. Trọng-Hợp  
đậu Tiến-Sĩ, vẫn xin ở lại  
Ký-thưởng-viên, làm chức  
Tu-thư; vì muốn học thêm,  
và muốn dạy các mệ con,  
đèn đèn ơn Đức thầy mấy  
năm đèn sách.



Hồng-Khảng, Công-tử thứ mươi ba

Học-trò của cụ, có nhiều ông thành danh. Hồng-Phi làm Tram-tri ; Hồng-Tích làm Tá-lý ; Hồng-Dục làm Phó-sứ ; Hồng-Khẳng được truy-thọ Đông-các đại-học-si. Tiều-sử đã dăng trong tạp-chí hội Đô-thành hiếu-cồ (Amis du Vieux Huế) số 3 năm 1933.

Còn nhiều ông khác, tuy cũng có học với cụ ; song không ra làm quan ; như : Hồng-Nhị, Hồng-Năng, Hồng-Tý, đều làm nghề nông ; Hồng-Cao lại làm họa-si.

Cụ cũng có học-trò gái như : Thè-Cúc, Thức-Huấn, Chấp-Khuông, Nhụy-Uyên, Hữu-Quản, đều là về hạng học giỏi ; còn Công-nữ thứ chín là Di-Ty (sinh mẫu Thái-Văn-Toản, Đông-các đại-học-si Qui-Thiện-Nam), thủa ấy mới học Tam-tự-kinh, mà cụ thường khen là có thiên-tư đặc-biệt.

Muốn thấy sức học-trò của cụ, thì dưới này có mấy vân thơ của những người trong Ký-thường-viên, đêm rằm tháng mười, vừa đi dạo trăng, vừa liên-ngâm ; người nọ chắp theo vận của người kia, song hẹn cùng nhau : không dùng chữ « nguyệt » (1)

Bà Mai-Am xướng trước :

滿庭芳 澄水空明

*Mǎn đình hành táo thủy không minh,*

英葉初匀夜氣清

*Minh diệp sơ quán dạ khí thanh*

兮界山河開玉鏡

*Ánh giới sơn-hà khai ngọc kính;*

---

(1) Theo Thương-sơn thi-lộp.

Hồng-Phì đổi lại :

寒 兼 霜 露 翩 金 莹

*Hàn kiêm sương lộ trạc kim kình,*

Tùng-Thiện-Vương xen vào một câu :

使 君 正 怡 黄 福 宴

*Sứ quân chính ức Hoàng-lâu yến,*

Hồng-Phì đổi lại :

羽 客 真 情 赤 壁 行

*Vũ khách chân lân Xích-bích hành,*

Bà Hà-Oan-Sô tiếp :

何 必 中 秋 照 白 亮

*Hà tất trung thu chiêm bạch thõ,*

Bà Chấp-Khuông làm câu kết :

今 夜 已 是 最 品 荣

*Kim tiêu dì thị tối tinh oanh.*

Trúc-tùng sân nõi bóng như rong,

Khảm lá minh, vừa buỗi khí trong.

Gương ngọc soi chung, sông núi rạng,

Mâm vàng lạnh thấm, mộc sương lồng.

Hoàng-lâu nhớ đến người trong tiệc ;

Xich-bích thương cho khách giữa giòng.

Ánh thỏ trung-thu chứng cũng thế,

Hôm nay đã thấy rõ mười trùng.

Tô-Đông-Pha có nói : « Đêm trăng, bóng trúc, bóng tùng,  
nõi lên giữa sân, như những nhánh rong trong nước ».

Theo sách Quần-phương-phò, thì cây « Minh » là bản lịch của trời : mỗi ngày nẩy ra một lá trên ngón ; đủ 35 ngày là có 35 lá. Qua ngày 36 rụng một lá, rụng hết 35, tức là 30 ngày.

Chỉ hai câu đầu, đã tỏ rõ ra « trăng rằm » ; người Tàu đã sánh bà Mai-Am với Ban-Chiêu, với Tà-Phùn cũng thật xứng (1). Còn những câu khác, cũng đều dùng diền-cố trăng rằm, mà hai trò của cụ Trọng-Hợp, là Hồng-Phì và Chấp-Khuông, thì bị đức-thầy bình-phàm theo lối nghiêm-khắc.

Năm thứ 26 triều Tự-Đức, Trọng-Hợp làm Tòng-đốc Hà-Nội ; vì Bắc-Kỳ rối loạn, nên vua dùng người địa-phương đჲ xử-trí cho hợp thời.

Bảy năm sau, cụ làm Thương-bạc Đại-thần, đჲ giao-thiệp với người Pháp. Vừa bị tang vua Tự-Đức, triều-đinh lập ngài Dục-Đức lên ngôi ; chưa được mấy ngày, đã phế đi mà lập ngài Văn-Lãng, tức vua Hiệp-Hòa. Vừa chiến-thuyền của Pháp đến Thuận-An, vua ủy cụ di giảng-hòa, đჲ chõ đẽ-đô khỏi bị lưu-huyết.

Đêm thi khuya, việc thi gấp, súng ở các chiến-hạm bắn vào Trấn-hải-dài, trời biền dương lờ-mờ, quân thuyền của ta đều bị đánh chìm ; thế mà thuyền của cụ phải cứ đi.

Giảng-hòa được, cụ phụng-mạng trở ra Bắc làm Khâm-sai Đại-thần. Chưa kịp cài-nguyên, thì các quyền-thần đã phế vua Hiệp-Hòa, mà lập vua Kiến-Phúc. Chỉ trong mấy tháng, vua Kiến-Phúc cũng băng.

---

(1) Tà-Phùn học với anh là Tà-Phan.

Năm Ất-Dậu, 1885, cải-nguyên niên-hiệu Hàm-Nghi, đến ngày vua phải xuất-bôn, thì định-thần tôn vua Đồng-Khánh. Ngày ấy cụ Trọng-Hợp làm Bắc-kỳ Kinh-lược, thế cho cụ Nguyên-hữu-Độ về kinh.

Đến năm Kỷ-Sửu, 1889, triều Thành-Thái, cụ Trọng-Hợp về kinh, sung chức Phụ-chính Đại-thần. Sau cụ thăng đến hàm Văn-Minh ; 60 tuổi tri-chính. (1)

Đậu Tiến-sĩ, làm Tè-tướng, về hưu được chín năm, danh-tiết hoàn-toàn, đúng mặt nho-thần và xứng vai học-trò của Tùng-Thiện-Vương.

Ngày làm Phụ-chính, cụ thường mặc áo rộng đen, sang Ký-thưởng-Viên bái-yết từ-đường. Cách hơn 30 năm, vật đổi, sao đổi, mà trò vẫn nhớ ơn thầy, những ngày răn dạy.

Phạm-phú-Thú, tiên-thể là người Tầu, sang nhập-tịch tại huyện Tiên-Phước, tỉnh Quảng-Nam ; giòng nho-gia, đậu Tiến-sĩ triều Thiệu-Trị.

Tính cũng quá nghiêm-khắc, trò chẳng kém gì thầy, thầy trên vua làm việc gì sai, thì Phú-Thú dâng sớ can-ngăn ; nhiều khi tâu đổi có quá lời. Vua nỗi lôi-định, bắt quan trở lại làm lính, thậm chí làm lính tramped, chạy công-văn ở tramped Thừa-nông. Song Vua vẫn trọng vẫn tin, năm Quý-Hợi, 1862, cho làm Khâm-sai đại-thần, đi vào Saigon, giảng-hòa với các người Pháp.

Sau đi sang Pháp với Phan-than-Giản, có làm tập Tây-hành nhật-ký, ghi những việc mắt thấy tai nghe, lối tả-chân

---

(1) Theo Liet-truyen.

rõ và hay, thơ của bản-triều không còn có tập nào bằng, như câu :

一杯茶後酒

半碟飯前羹

Nhất bối trà hậu tửu

Bán đíệp phan tiền canh

Một ly rượu ngọt mời sau nước,

Nửa đĩa canh lèn dọn trước cơm.

Trong thời-kỳ Pháp, Việt mới gặp nhau, một nhà đại-nho như cụ Phạm-phú-Thứ đã quan-sát phong-tục tinh-tinh cho đến văn-minh cơ-xảo ; mỗi chút đều biên chép kỹ, để dâng lên vua. Vua Tự-Đức đọc các tập thi-văn Giá-viên của cụ Phạm-phú-Thú có phê bốn chữ « Thương-sơn cao-dệ » nghĩa học-trò giỏi của Tùng-thiện-Vương.

Thọ sáu mươi hai, quan-hàm đến Hiệp-tá Đại-học-sỹ, lịch-ly Tông-đốc cả đường ngoài, đường trong, làm đến Cơ-mật Đại-thần. Nhất-sinh châm kinh-tế cho dân, ngày làm Hộ-bộ Thương-thứ đã thi-hành nhiều phương-lược lợi-dân, ích-quốc. Hai chữ tên 趙 熊 Phú-Thứ là vua Tự-Đức ban, (Nguyên tên của cụ là chữ 趙 Thứ) vua muôn dùng tên đè ghi công-nghiệp.

## CHƯƠNG XXI

### NGỮ-MẶC-ĐỊNH

Ngày sắp sang Pháp, Phạm-phú-Thứ đến bái-hiệt thầy ;  
Tùng-thiện-Vương tiễn hành có câu :

聖代即今方在德

舟航不禁遠人來

*Thánh đại tức kim phuơng tại đức,*

*Châu hàng bắt cấm viễn nhơn lai.*

Mừng thấy ngày nay vua chuộng đức,

Bè khơi chẳng hạn-chế người xa.

Vì năm Nhâm-Dần 1842, người Tàu đã nhượng Hương-cảng cho người Anh, nên lúc ấy, đức-thầy theo nghĩa « đại-dồng », bốn bè một nhà, dưới trời đất gần xa, cũng là nhân-loại cả.

Kant, là một nhà triết-học Đức, ngày bốn mươi tuổi, có viết câu : « Người học-thức mà không biết đem học-thức để mở-mang quyền-lợi cho loài người, thì sánh với kẻ lao-

động, mười phần không bằng một ». Tùng-Thiện-Vương, lúc làm thầy, tuổi mới ngoài bốn chục, cũng có cái tư-tưởng ấy, đã không thích hưởng những cuộc sung-sướng riêng, lại còn cho cuộc phú-quý là cuộc phú-sinh, cuộc hú-sinh, không bằng cuộc đời của người lao-dộng chôn sơn-lâm, « tự thực kỳ lực ». Có khi ngồi nhìn bức tượng, đức-thầy tự vịnh rằng :

但愁憤貌王公相  
特比山人恐不如

*Đãn sầu quán mạo vương-công tượng,  
Trì ty sơn-nhân khùng bất như.*

Tiếc ai quen vẽ vương-công đó,

Nhìn lại sơn-nhân sợ chưa in.

Dưới câu này, Tùng-Thiện-Vương có tự-chú rằng : « Theo sách Đồ-hội bảo-giám của Hà-Văn-Ngạn, thì Dương-Thăng, người đời Đường, họa tượng Minh-Hoàng, tượng Túc-Tôn, đều có cái khí-tượng vương-công. Nay Dương-Tê, cũng người Tàu, cũng họ Dương, họa tượng ta, bè ngoài vẫn là áo-mão vương-công; còn bè trong chưa hình-dung ra được. Văn có học-thức, mà chẳng làm gì bồ-ích cho loài người, thì chỉ là cái giá áo, cái túi cơm, không bằng một người lao-dộng chôn sơn-lâm, dầu chẳng có ích cho ai, cũng không phải làm nô-lệ cho hoàn-cảnh ».

Muốn điểm thêm những nét, cho có thán-tinh, đức-thầy mới dùng ngòi bút tà-chân, tà-thấu đến tâm-hồn, viết theo thè tán :

彼何人斯  
 七尼峯峋  
 形貌清瘦  
 肝膽玲瓏  
 有古之志而非其身  
 諸古人之書而愧其身  
 日月其除  
 革舊以新  
 此印故吾  
 我非昔人  
 憊苟前度未替  
 又何必立毫之論者哉  
*Bì hà nhơn tư,*  
*Thất xích lân-tuần,*  
*Hì hì mạo thanh sầu,*  
*Can phủ luân-khuân.*

*Hữu cõ nhơn chí chí, nhi phi kỳ vị ;*  
*Độc cõ nhơn chí thư, nhi qu. kỳ thân.*  
*Nhật nguyệt kỳ trù,*  
*Tu mãn dì tần.*  
*Thử túc cõ ngô,*  
*Ngã phi tích nhơn.*  
*Y ! cầu tiên độ vị thế,*  
*Hựu hà tất đồng mạo chí luận giả tai.*



*Chân dung của Trần Thị Hiền Hương,  
 theo nét bút của Dương-Tê người Tàu*

Con người nào đây,  
Đong-dòng thế này.  
Hình cao và ốm,  
Vai rộng lưng dài.  
Phơi gan trải ruột,  
Có chí giúp đời.  
Học người xưa, mà làm không nên việc :  
Đọc sách xưa, mà tự thẹn với người.  
Ngày qua, tháng lại,  
Râu dòi tóc thay.  
Đó là ta ngày trước,  
Không phải ta ngày nay.

Hay chưa ! bằng không tản hóa, bây giờ cũng như bao giờ;  
Thì nay già, xưa trẻ, dấu biện-bạch nào có hơn ai.

Có khi ngồi nhìn chim bay, đức thầy viết câu ;

飛鴻影斷終無迹  
不及昆明有劫灰

*Phi hồng ảnh đoạn chung vô tích,*

*Bất cập Côn-minh hữu kiếp khói.*

Hồng bay khuất bóng không còn dấu,

Dẽ ví Côn-minh với lớp tro.

Mấy ngàn năm trước, đã thấy dưới hồ Côn-minh, có những lớp than, Đông-Phương-Sóc đoán rằng : Mỗi lớp là sự nghiệp của mỗi đời. Vậy ở trên đời, dấu học-thức cao đến bậc nào, cũng như con chim hồng bay ; như không làm

điroc việc gì có ích cho loài người, thì chẳng bằng một chút tro dưới hõi Côn-minh nay còn dấu tích.

Có khi đi dạo chơi trên núi, nghe tiếng suối chảy, mà Thi-ông cũng suy-xét tinh đời ; như câu :

流水似知人事異  
涓涓不作昔年聲  
*Lưu thùy tự tri nhơn sự dị.*  
*Sὸn-viên băt tác tich niên thanh.*  
Nước khe cũng biết đời nay khác,  
Chẳng chảy khoan-thai giống lúc xưa.

Người đời đã bị vật-chất khu-trục, hai chữ « lỗ-nhượng »  
đã đổi ra hai chữ « cạnh-tranh » ; không có thể đem « thi-  
giáo » ra giúp đời, cuộc đời đã không phải như cuộc đời của  
Thi-ông mộng-tưởng. Xem mấy câu sau này, của Thi-ông tự  
thuật, lại càng rõ cái chí-huống thế nào :

世情變化同看喪  
晚歲經營在著書  
*Thế tình biến h'á đồng khán dịch.*  
*Văn tuế kinh-dinh tại trước thư.*  
Xem cờ biến-hóa như thời-cuộc,  
Làm sách kinh-dinh lúc lão-niên.

Trong khi đương trùu-tượng, mê-mẫn tinh-thần ; thì  
có người đến một bên, làm cho Tùng-Thiện-Vương phải  
giật mình tinh-lại. Ai là người ấy ? Chính là vua Tự-Đức  
tuyên-tribu vào cung dè dạy nghè thơ, là nghè vua sờ-thích.

Hoàng-dẽ hỏi :

- Thi với ca khác nhau thế nào ?
- Tâu, thi tức là ca ; thi, ca đều là những diệu nhạc cả.
- Sao những diệu nhạc lại có ở trong thi, ca ?
- Tâu, vì trong câu thi, câu ca, đều phải dùng chữ nho đúng với nhạc-âm, nên khi ngâm cũng như khi hát vậy.
- Ông đã tinh về âm-diệu, tinh về thi ca, ta tuyên-tribe vào đây để truyền nghẽ ấy.
- Tâu, nghẽ thơ, chỉ những người thanh-nhàn, không có cơ-tâm mới học được. Chúng tôi vì còn nhiều tục-lụy, nên vẫn có muốn học, song đến nay vẫn chưa thành nghẽ.
- Nghẽ thơ khó lắm sao ?
- Tâu, không khó, nhưng mà ít người có đủ tư-cách, để học cho đến thành nghẽ.
- Như ta đây, có đủ tư-cách mà học chẳng ?
- Tâu không, vì nghẽ trị nước, ngày có vạn việc, trách-nhiệm nặng-nề, tâm không được nhàn, nên từ xưa, các vị chí tôn dầu có làm thơ, là chỉ tiêu-khiền nhất thời ; còn nghẽ thơ, thì dã không học, mà cũng không nên học.
- Thôi, thành nghẽ, hay là không thành nghẽ, là tại tư-cách của trò ; còn thầy, miễn không dấu nghẽ là đủ.
- Nghẽ thơ cũng lạ, ông thầy dã không dạy làm mà lại dạy cho đừng làm. Tùng-Thiện-Vương khuyên vua đừng làm thơ ; song vì vua Tự-Đức không nghe, nên Thi-ông mới phải làm thầy về nghẽ ấy.

Dẫu ông thầy muốn an-nhàn cũng không được, mỗi khi tiếp Thi-vé đê tráp Ngự-chế-thi, thì Tùng-Thiện-Vương

mặt áo rộng, tra khen đen, đến Ngự-mặt-dinh, tay tay mở  
Hoàng-phong ra, rồi tự tay viết mạt-sở gửi vào đồng ; tâu  
xin đổi những chữ nào, và tâu rõ, vì cơ gì mà phải đổi. Vì  
tuần lộc vua dặn : Phải giữ bí-mật, nên thấy không làm đẽ  
tiết-lộ bao giờ. Sứ-dì chúng ta còn thấy được một bài sớ,



sớ của Tung-Thien Huong tri ký

theo ảnh in trên đây, là do triều Đồng-Khánh, năm thứ hai,  
Hồng-Tich làm thừa-chỉ ở Nội-các bí-thư mới tâu xin lãnh  
trở ra, đẽ giữ làm gia-bửu.

Chẳng những là vãng-lai thi-tấu ; mà thủa ấy vua Tự-  
Đức cũng năng ngự đến Ký-thưởng-viên ; ngự đẽ tại nhà  
Tung-vân, có những câu :

遠宅交加松竹影  
輕風辰送讀書聲

*Liê i trạch giao gia tùng trúc ảnh,  
Khinh phong thời tống đọc thư thanh.  
Tùng trúc bông che nhà một dãy,  
Gió đưa tiếng đọc sách gần xa.*

Có khi Hoàng đế gửi thư thăm, như đoạn dưới này, là ngự-chép theo thè phú :

起別業於陽春兮  
傍家廟而憇瞻依  
對倉山以爲業兮  
引香水而爲池  
寢諸妹之圓圓兮  
通竹徑而接柴籬  
許柱書之有壻兮  
教讀書之有兒  
*Khởi biệt nghiệp ư Dương-xuân hè,  
Bàng gia miếu nhi ủy chiêm y.  
Đối Thương-sơn dī vi án hè,  
Dẫn hương thủy nhi vi trì.  
Hoàn thư muội chí viễn phố hè,  
Thông trúc kính nhi tiếp sài ly.  
Bình chủ thư chí hữu tế hè,  
Giáo đọc thư chí hữu nhi.  
Tại Dương-xuân khai biệt nghiệp,  
Ở thờ mẹ cho thỏa lòng.*

Trước Thương-sơn sau Hương-thúy,  
Ấn là núi, hồ là sông.  
Các bà em ở quanh quẩn,  
Liền đậu trúc, tiếp nèo tùng.  
Rè bình ván và chú sách,  
Con lo học đẽ nổi giòng.

Biết rõ Tùng-Thiện-Vương là người có đức, vua muốn dùng làm phiên-hàn ; song người cao-thượng, khi nào cũng chối từ. Tùng-Thiện-Vương tâu lại rằng :

« Trước-lộc là công-khi, xin Hoàng-Đế đừng dùng theo ý riêng. Công ít mà được thường nhiều, người đời xưa còn lấy làm thẹn : huống như chúng tôi, chưa làm được việc gì có ích cho dân, cho nước, mà trước-lộc hưởng đã quá nhiều ; nay Hoàng-Đế còn muốn trao cho chức, cho quyền, thì làm sao cho khỏi dị-nghị. (1) »

Năm Ất-sửu, 1865, vua Tự-Đức đặt Tùng Thiện-Vương kiêm-nhiếp phủ Tôn-nhơn. Thị-Ông xét tuổi mình đã già, sức đã suy, mới dâng sớ xin từ, ngày ấy 47 tuổi. Vua lâm sớ và phê rằng :

« Việc phủ quan-trọng nhiều, phải nhờ người học rộng đức dầy như ông mới làm được. Ông không nên từ ». (2)

Ngày Tùng-Thiện-Vương cung-chức, các ông hoàng, các bà chúa, họp tại phủ Tôn-nhơn ; người thì hỏi về phép làm thư, người thì hỏi về chính-trị. Có người hỏi rằng :

---

(1) Theo vở Nạn-bị.

(2) Theo chép-ban ở Quốc-sử-quán.

— Hoàng-phái có những quyền-lợi gì ?

Tân-quan trả lời :

— Quyền-lợi ở đâu nơi người, chỉ ở trong pháp-luật. Như chúng ta biết tuân theo pháp-luật, thì có đủ quyền-lợi như mọi người.

— Thế thì Hoàng-phái có quyền-lợi gì đặc-biệt đâu ?

— Muốn hưởng quyền-lợi đặc-biệt, thì trước phải có những tư-cách đặc-biệt đã.

Nhân-dịp tân quan muốn tuyên-bố cái chính-kiến, mới hiều-thị ra giữa phủ Tôn-nhơn :

« Triều Minh-Mạng, trên vua trọng nghệ nông, dẫu trong cung-đinh, cũng mở vườn Thiệu-phương, cấy lúa trồng dâu, muốn cho mọi người đều biết tự thực kỳ-lực. Nay bà con nên xu-hướng về nghệ ấy, có thực-hiệu hơn nghệ thơ. Đã có thực-nghiệp, thì khỏi hư-sinh, mà có đủ quyền-lợi.

« Đời xưa, có người bán gươm mà mua nghệ, vì người làm ruộng nuôi được nhà binh ; người làm ruộng nuôi được cả người làm thơ ; còn người làm thơ, đã không giúp ích gì cho nhà binh, mà cũng không ích gì cho người làm ruộng ».

Mấy lời giảng-giải có ảnh-hưởng ngay. Nhiều ông Hoàng bỏ nghệ làm thơ, sang nghệ làm ruộng. Ngài Ninh-Thuận (1) làm hơn trăm mẫu ruộng bâu, tại làng Hà-trung, lăn-lộn với nông dân, kết-quả được mỹ-mẫn. Ngày năm mươi tuổi, vua Tự-Đức có ban câu đố rằng :

---

(1) Hoàng-tử triều Minh-Mạng.

教耕體國勤農意  
務學修身得審方

Đòn cảnh thiề quốc cần nông ý.  
Vụ học tu thân đặc thọ phuơng. (2)  
Thờ theo Nhâ-nước trọng nghè nông,  
lo cày là gương tốt;  
Biết học thành-hiền noi đạo chính,  
hướng thợ ãy phuơng hay.

Muốn hướng-dạo Hoàng-gia, Tùng-Thiện-Vương  
cũng mua ruộng, làm ruộng. Trong Ký-thưởng-viên,  
có nhà Hạp-bý, trong bộ Thương-sơn, có lấp  
Mai-diền. Rủi cho ngài, việc nông chưa toại so-  
tâm, mà trong gia-dình đã xảy ra biến-cố. Trên  
vua dương tin, dương trọng, mà phải giáng Dụ,  
thiết-lập Hội-dồng điều-trá; bắt Tùng-Thiện-  
Vương phải đóng cửa Ký-thưởng-viên, không  
được trực-tiếp với một người nào, vì đã can  
khoản tình-nghi «đò muru phản-bạn».

## ĐOÀN-HỮU-TRƯNG 頂有徵

Sở-dĩ hi tinh-nghi, là vì một chàng rể trong nhà Thè-Cúc, con gái trưởng của Tùng-Thiện-Vương, tài-sắc tuyệt vời, lẽ cỗ-nhiên là dưa ngọc phái có chén vàng; song vì trên vua, theo phép nhà Trần, cấm Vương-công không được thông-nghĩ với các quyền-môn; mà Tùng-Thiện-Vương cũng chẳng mặn gì giàu-sang, chỉ thích văn-chương, mới gả cho Đoàn-Hữu-Trưng, người làng An-tray-en, huyện Phú-vang, phủ Thủ-thiên, tuổi mới hai-mươi, mà sỹ-phu đã cầm là bắc khoa-giáp.

Năm Giáp-tý 1864, thành-hôn, & trong Ký-thưởng-viên, tuy một bên quý-phái, một bên bình-dàn, song tài-mạo tương-dương, đẹp duyên kháng-lê.

Tánh của ông-gia thì quá nghiêm-khắc, câu-thức theo lề-nghĩa nhà nho; tánh chàng-rể thi phỏng-dâng, kiêu-căng, rượu sớm, trà trưa, bất-dắc-dĩ, Tùng-Thiện-Vương phải cho ở riêng. Đoàn-Hữu-Trưng được ra ngoài Ký-thưởng-viên, như chui ra khỏi lồng, ăn ở tự-do, khôi-bị tay ai kiềm-chẽ nữa. Cậu còn muôn hóa

già vi-quốc, làm cho rõ mặt phi-thường ; mới giao-du với bạn con quan, đè hỏi dò triều-chính.

Hữu-Ái, Hữu-Trực, cũng đồng chí, ba anh em mới lập mưu : tự thể-phát, khoác bộ cà-sa, đầu tròn, hình vuông, vào chùa Pháp-vân, gần chợ Khoai, làng Dương-xuân, có Nguyễn-Văn-Quý, làm Trù-trì, ba sư xin làm đồ-diệ.

Cửa Phật rộng, ba sư mở Đại-trai-dàn, cầu siêu-độ cho cả chúng-sinh. Trước chùa thì khua chuông đánh trống, sau liêu thì mở sò quyên tiên ; máu tham ai cũng như ai, cúng nhiều thì sẽ được phước nhiều, tín-nữ, thiện-nam chen nhau đến cúng.

Ngày sắm đủ khí-giới, các sư còn sợ rằng : « Bình xuất vô danh », mới may một lá đại-ky thêu bốn chữ : 皇 孫 爰 爐  
« Hoàng-tôn nghĩa-cử ».

Đêm mồng tám tháng chín, năm Bính-dần, 1866, triều Tự-Đức năm thứ 19, Đoàn-Hữu-Trưng tự mạo là Tham-tri Bộ-binhh, đi võng trần, lên tuẫn tra công-dịch sở Khiêm-cung, là sở Vạn-niên của vua Tự-Đức. Mở sò kêu tên diêm diện, một phần thì đã bị quan Thống-chẽ Xa ăn, có tên mà không có mặt ; một phần thì bị ông thần sốt rét hại, có xác mà chẳng có hồn. Quan Tham-Binh mới truyền : « Lập tức kéo hết về thành, còn sở này, cho tạm đình công-dịch ».

Thống-chẽ Xa mang danh bán lính, miệng ngậm xôi chùa ; còn lính nghe được đình công-dịch thì mừng, vội-vàng vác cả chày vôi (1) chạy theo võng quan ; đến chợ Khoai, kiềm lại, còn hơn ngàn suất.

---

(1) Chày nện vôi, vì vậy cho nên tương-truyền là : « Giặc chày vôi ».

Các tướng mới phân ra ba đạo : Hữu-Ái, Hữu-Trực, đi đạo tiền, Hữu-Trưng đi đạo trung ; Nguyên-Văn-Quý đi đạo hậu. Khi canh ba, qua đò Trường súng, chờ lệnh phát mở cửa thì kéo vào thành.

Tôn-Thất-Cúc, Thống-Chế, chính là một yếu-nhân, đã chực trước ngo-môn, đè chì néo đường cho đảng.

Khi lọt vào nhà Duyệt-thị, chỉ còn cách một bức tường nữa thì đến Long-Sàng, Gươm vua xa mà gươm ngụy gần, lính canh thấy quân kéo vào đông thì lo chạy trốn. Chỉ có Hồ-Oai là Chưởng vệ, chịu xông-phạ ở trước mũi gươm. Chạy đóng cửa Tà-Tương, là cửa vào điện Càn-Thành, nơi vua đang nghỉ. Vì dám trả ngại quân-cơ, nên Đoàn-Hữu-Trưng phải hạ-thủ chém tươi. Hồ-Oai nghè võ cung tinh, né kịp, chỉ bị dứt mất một tai mà lúc ấy không biết.

Điện Càn-Thành đã không vào lọt, các quân tướng mới kéo nhau trở ra điện Thái-Hòa, Hồ-Oai máu cứ chảy, chân cứ chảy, miệng cứ kêu : « Hỡi bọn lính Vạn-niên, đừng giúp giặc cho giặc ».

Nhìn lại, không thấy Tôn-Thất-Cúc, Đoàn-Hữu-Trưng biết là sự bất-hài ; mới truyền ra một giọng đường-hoàng :

« Nào đội loan-giá đâu, đem kiệu tàn ra, đè rước đức Hoàng-Tôn và túc-vị ».

Hoàng-Tôn là Ưng-Đạo, con trưởng của Hồng-Bảo, An-Phong-Công (1). Năm Quý-Sửu 1853, bị người ta cáo-giác rằng : « Vì không được lên ngôi, cho nên Hồng-Bảo gởi giấy

---

(1) Anh vua Tự-Đức.

sang Cao-Miên viện-binh về dấy loạn ». Đinh-thần tâu xin hạ ngục, đè cho tiện việc điều-trá. Qua năm sau, Hồng-Bảo ở trong ngục-trường trót phải tự dùng thuốc độc.

Thứ thứ, « trên vườn dira, dưới cội-lý », đầu bà con cũng phải ty hiềm-nghi ; duy Tùng-Thiện-Vương, tự-tín vào mình dám đến nhà An-Phong-Công tống táng.

Trước khi Hồng-Bảo mất, vua Tự-Đức đã cho đổi tên ra Đinh-Bảo, nghĩa là cài qua họ mẹ là họ « Đinh ». Đã không được làm người trong hoàng gia, thì tên không được dùng chữ trong bài thơ « Đế-hệ ».

Hồn đã về chín suối, Đinh-Bảo còn đè lại bốn người con nguyên là Ưng-Đạo, Ưng-Tự, Ưng-Chuyên, Ưng-Tường ; lúc ấy đều phải cài qua họ Đinh, như Ưng-Đạo đổi ra Đinh-Đạo, đã cài tùng mẫu tánh, tức là làm con dân ; không thống thuộc về phủ Tôn-Nhơn, mà thống-thuộc về phủ Thùa-Thiên ; do quan địa-phương quản-thúc. Quan trên xét tính hạnh cả mẹ cả con ; cho là chưa biết thủ-phận an-thường, mới tống giam cả năm người vào binh-xá. Như cá nằm trong trào, còn tạm sống lúc nước chưa sôi ; đến ngày Đoàn-Hữu-Trung nồi lên, mới là ngày tận số.

Còn những người liên-can vào khoản ấy, thì đứng đầu giấy là Tùng-Thiện-Vương ; đã lai-vãng nhà An-Phong-Công, lai có Đoàn-Hữu-Trung làm rè. Tuy không phải ông già làm gì cho chàng rè, song chính chàng rè làm vai cánh cho ông già. Tình-trạng đã rõ-ràng, tội phản-bạn, tòa Hội-Dồng cứ bằng theo đó mà lên án.

Hơn ba tháng ngoài cửa Thanh-tịnh-thối có lính canh trong Ký-thưởng-viên, rêu phong khuất dấu giầy văn-sĩ.

Thi-Ông ngồi cười một mình với bóng, rồi mở tập Mãi-diễn viết mấy bài. Có câu :

近來好事無過我

自古多情轉累身

Cận lai hiếu sự vô qua ngã,

Tự cõi đa tình chuyền lụy thân.

Vẫn biết kinh-dinh là « hiếu sự »,

Phải deo hoạn-nạn bởi « đa-tình ».

Có một bài Tùng-Thiện-Vương tự nói :

« Mình đã sa xuống giếng, dầu người ta có đem đá bỏ dồn lên, cũng là lẽ thường ; không phải vì có thù-oán riêng, song vì muốn làm cho xứng Chỉ vua, nên các quan Hội-đồng đã phải thẳng tay, đời của ta, chỉ một chấm son là kết-liễu ». (1)

May, ngọc khỏi lầm với đá, ngày Hội-đồng đăng án, vua Tự-Đức phê :

« Ông Tùng-Thiện-Vương không phải là người tham-danh, háo-lợi, tâm-thuật, lại biết lấy trung-hiếu làm căn-cơ ; chỉ vì kén rè sai-lầm, cũng như Té-Trọng gả con cho Ung-Củ (2). Nay bắt tội mà lấy theo hình-tích, thì không đúng theo với luật ý « tru-tâm ». Ta chuẩn cho phạt bồng một năm, tỳ chiếu theo điều : « Phụ-huynh bắt nǎng cầm ước tử-dệ. »

---

(1) Theo Thượng-sơn thi lập, bài này dài 16? vần,

(2) Việc dời nhà Trịnh.

Những lời Ngự phè vùa mới dịch, trong châu bần nét chữ đó còn tươi, chẳng khác gì những lời của vua Túc-Tôn đời Đường phè tha tội cho Lý-Thái-Bạch.

Đối với quốc-pháp, trên vua đã mở lượng khoan-hồng song còn gia-pháp rất nghiêm, biêt bà Thục-Tân có chịu bao dung, phận làm con vẫn mang tội. Ngày tiếp phủ Tôn-nhơn lục án, Tùng-Thiện-Vương mặc áo rộng đen, ra trước Từ-Đường, đốt hương đèn quì thảng lưỡng, hai tay dâng lên một cái roi, miệng lâm dâm khấn vái một hồi, rồi tự nắm sấp trước bàn thờ, đè chịu đòn, như lúc bà Thục-Tân sinh tiền thường đã từng trị vậy.

Đối với mẹ, đã cam chịu tội; đối với con, còn lo trọn đạo làm cha, Thè-Cúc bấy giờ, tuy dắt rộng trời cao mà không có chỗ dung thân, phải tìm chỗ dè gửi linh-hồn, mới vào Đạo-đường chịu phép rửa tội. Ngày ấy Thè-Cúc đã cài qua họ mẹ là họ Tống, thế là an phận một người con. Tùng-Thiện-Vương lại lo cho Thúc-Huấn, mẹ là bà Nguyên-Cơ họ Trương, chồng là Hồ-Đắc-Thuấn, cũng chính là một tay danh-si, người cùng làng với Đoàn-Hữu-Trung, không dám đè ở xa mình, Tùng-Thiện-Vương mới bắt vào trong Ký thường-viên, ở chung như ngày mới cưới. Thuở ấy hai vợ chồng đã có bốn con, con đầu là Hồ-Đắc-Trung (Đông các Đại-học-sỹ, Khánh-Mỹ Quận-công) sinh năm Tân-Dậu 1861. (1)

An theo cảnh ngộ, Tùng-Thiện-Vương đem cả con, cả cháu sang ở tại Phương-thốn Thảo-đường, là một nóc nhà tranh làm trên bờ sông Cầu-hậu : chỗ ngày trước đã m-

---

(1) Thiên-phụ các ông Hồ-Đắc-Khai, Hồ-Đắc-Điềm, Hồ-Đắc-Di, Hồ-Đắc-An và bà Hoàng-Phi triều vua Khải-Dinh, cũng là bà ngoại-lò-Hội.

ruộng, ngày nay mới thực-hành nghè nồng : làm tập « Thức-cốc-biên » và tập « Học giá-chí ».

Một hôm, Tùng-Thiện-Vương đương ngồi dạy con cháu : « Ngày sau iên giữ lấy nghè nồng, thân lao mà tâm nhàn, mình tự làm cho mình, khi nào mình cũng tự-chủ. Chốn này, hiện ta có 12 mẫu, ta đã dắp đê đào hói ; lụt có ngả thoát nước ra ; hạn có ngài đem nước vào ; vì lợi cho Lệ-khê, Thè-lại, Bảo-vinh cả ba làng, nên ta đã chịu tốn hơn vạn quan, và mất hơn vài sào đất. Ta mong cho con cháu, ngày sau biết giữ theo chí hướng của ta, dầu giàu, dầu nghèo cũng không đến nỗi làm điều « bất thiện ». (1)

Câu chuyện chưa dứt, vừa có thị-vệ đến nhà, phụng, sắc tuy ên-triệu Tùng-Thiện-Vương vào triều, vua Tự-Đức bắt phải kiêm-nhiếp phủ Tôn nhơn như ngày trước.

Vì cảm tình tri-kỷ, nên Tùng-Thiện-Vương chẳng dám chối từ, phải ép lòng cầm lại cái ấn son, muỗn àn-dật mà cũng không yên, trót phải lo cho hoàn-toàn nhiệm-vụ.

---

(1) Theo Thương-sơn văn-di, Tùng-Thiện-Vương biên những lời này ngày mồng một, tháng tư năm thứ 21 triều Tự-Đức.

## CHƯƠNG XXIII

### TUYỆT-BÚT-TỨ

Tuy-lý-Vương coi viện Tôn-học, giảng sách cho Hoàng-gia ; Tùng-Thiện-Vương lại coi về vấn đề « Trí-thân », nghĩa là răn dạy cho Hoàng-gia, theo lời Dụ của Vua có ba chữ : 布教令 « Bố-giáo-lệnh ».

Năm Mậu-Thìn 1868, gấp tiết tú-tuần đại-khánh, tuổi Tùng-Thiện-Vương cũng lên năm-mươi tuổi, vua Tự-Đức ban những đồ trân-bửu, nhiều hơn năm bốn mươi, để tỏ tình quyến-chú như ngày xưa, hay là tỏ ý yêu-trọng hơn nữa. Song lễ Hạ-thọ, Tùng-Thiện-Vương không cho con cháu cù-hành, vì tự xét mình vẫn là người có tội. Muốn ghi lấy ngày 50 tuổi, chỉ viết mấy câu :

半百年 范晚  
兼之憂患存  
遺經能熟否  
六十萬言

*Bán bách niên hoa văn  
Kiên chí ưu hận tần.  
Đi kính năng thực phủ,  
Lục thập vạn dư ngôn,  
Sống sót đã nửa đời,  
Ưu-hoạn còn đeo đuổi.  
Sách đọc thuộc bao nhiêu ?  
Sáu-mươi vạn lời nói.*

Đến năm Canh-ngo, 1870, Tùng-Thiện-Vương bỏ hết những lối tập-quán, không tiếp khách, cũng không đi chơi, ít nói, ít cười, thường hay ngồi một mình, như có ý sưu-tầm một điều gì ở trong trí.

Ngày 17 tháng ba, bỗng nhiên phát bệnh ly, chuyên dùng một thứ nghệ tàm mật ong. Đến ngày 25, bệnh lành, đż ngâm câu :

無成往日思難惜  
已老當春憊莫愁  
*Vô thành vãng nhật tư nan tiếc;  
Đi lão đương xuân sǎm mạc sầu.*  
Ngày qua, đáng tiếc chưa nên việc.  
Già đến, đừng phiền với chút xuân.

Ngày 27, vẫn bình-tĩnh như thường. Ngày 28, nghe tỉnh Lạng-sơn bị vây, Đoàn-Thọ là Tòng-đốc đã tự sát. Tùng-Thiện-Vương ôn lạnh; mới dùng rượu để khử-hàn, hay là để giải sầu; chiều ấy, bệnh ly phục-phát. Vua Tự-Đức tuy

đương phiền về việc ở Lạng-Sơn, song vẫn cho ngự-y và Thi-vệ đến hỏi thăm, cả ngày cả đêm ; người ta nói : « Vua đau nhiều hơn », vì thấy bệnh-nhân nằm tự-nhiên, như người vô bệnh. Qua ngày 30, tự biết thời-kỳ đã đến, Tùng-Thiện-Vương gượng ngồi, viết mấy hàng gởi dâng lên Vua :

« Chúng tôi là Mân-Thầm, kính tâu, kính tâu : xin Hoàng-Đế nhớ công sáng-tạo, lo mối thủ-thành. Tài-lực của dân, xin dùng cho có tiết độ. Còn triều-chính, quốc-chính, xin tùy thời mà thay đổi phương-châm. Chúng tôi không còn được lại thấy chốn Khuyết-định, cảm đội ơn trên, úa nước mắt theo những lời này, mong Hoàng-Đế dù lòng soi xét đến ». (1)

Sau khi gởi dâng « di-biều », trong nhà, các bà Phủ-thiếp, các mẹ con, cháu nội, cháu ngoại và Nguyễn-trọng-Hợp ; ở ngoài đền, là các bà Chúa, các ông Hoàng, đều vòng tay đứng quanh chỗ nằm, Tùng-Thiện-Vương mờ mắt nhìn từng người, rồi lấy tay vẫy Nguyễn-trọng-Hợp đến một bên, nhở biên những lời di-chúc :

« Ta là người có tội, đã đem giặc vào nhà ; không nên liệm áo mao của triều-định ; chỉ liệm khăn áo đen ; đời xưa, Vương-Dán cũng đã dặn con như thế.

« Áo ta thường mặc, liệm một vài cái là vừa, còn bao nhiêu, chia cho con để giữ cho còn hơi hướng.

« Dưới chân tằm của bà Thục-Tân còn đất, là chỗ vĩnh-trạch (2) của ta ; con cháu không được theo phong thủy, tin đị-doan, mà đem ta nằm nơi khác.

---

(1) Theo Thương-sơn Văn-di.

(2) Vĩnh-trạch là nhờ & suốt đời, chôn xác.

« Mân-Thâm xin tạ ơn những người đã có lòng chiểu cõ; nay là giờ vĩnh-biệt, không còn lại thấy được nhau. (1)

Đến khi ấy thì không còn hơi; Tùng-Thiện-Vương mới dùng ngón tay trỏ, viết lên trên không; Nguyễn-Trọng-Hợp và Hồng-Phi đều nhìn theo đó mà biên, được chữ nào đọc lớn lên, chữ gì sai, Tùng-Thiện-Vương viết lại.

Khi nghe đúng 28 chữ, thì Thi-ông tự duỗi thẳng hai tay, hai chân, nằm ngửa trở mặt lên, thở dài một hơi, vừa nhắm mắt.

Hai mươi tám chữ tuyệt-bút là :

半 生 學 道 太 湖 漆  
脫 尘 如 今 乃 誠 遂  
萬 爽 亭 波 天 姝 月  
木 香 林 影 有 人 無

Bán sinh học đạo thi i hõ-đồ.

Thoát-tỷ (2) như kim nãi thức đồ.

Tiến-sảng đình ba Thiên-mụ nguyệt,

Thủy hương lâm ảnh hữu nhơn võ.

Nửa đời học đạo chưa bao ngắn,

« Thoát-tỷ » như nay, nèo mới phân.

Thiên-mụ, Túy-vân trời với biển.

Bóng non, hương nước, có ai chăng ?

---

(1) Theo Thương-sơn Võn-di.

(2) Thoát-tỷ cởi bỏ chiếc dép. Nghĩa là bỏ đời một cách dung-dị.

CHƯƠNG XXIV  
**NGỤ-CHÈ-VĂN**

Đời của Tùng-Thiện-Vương, tuy chỉ có 52 năm, song trải qua bốn triều Vua, có biết bao nhiêu là kỷ-niệm : mới lọt lòng mẹ đã làm cháu vua Gia-Long, con đức Minh-Mạng. Sinh vào cửa ấy, đạo-đức, văn-học trong huyết-tinh đã có sẵn một phần ; chính là cái hạnh-phúc riêng, hay là nhờ cái công-phu học-tập.

Chưa đầy 30 tuổi, cây bút đã rung động rừng nho, chẳng những khuất-phục được danh-sĩ của nhà Thanh ; mà lại còn truy-chiếm được một địa-vị tối-cao, của nhà Thịnh-Đường nữa. Nhà nước hy-sinh mấy chiến-thuyền, chiến-tướng, chắc thu được cái thanh-thế ấy chưa ? Vua Tự-Đức chỉ dùng một tập « Phong-nhã thống-biên » mà Sứ-thần của Tàu đã run hồn khiếp vía.

Văn-chương văn không phải là cái lợi-khi, đè làm cho hình-thức trong nước được vè-vang ; song kè vè tinh-thần thì văn-chương chính là quốc-hoa, quốc-túy.

Tuy sinh-trưởng phú-quí, mà Tùng-Thiện-Vương theo gươong của vua Minh-Mạng, vẫn trọng thực-nghiệp, ức phú-hoa. Nhất sinh, thích tiếng ty-trúc, vui thú thi-văn, có duyên với sơn-khê, có tình với hàn-si. Chỉ đáng tiếc, là ngày-hoan-lạc ít, ngày-ưu-hoạn nhiều. Lúc sơ-sinh đã mang bệnh « dạ đầm »; đến trưởng-thành, thì đã đeo cặp kính bi-quan, lo cho nước, lo cho dân, cho đến khi lâm chung, mẩy giọt lụy tinh, còn rưới đầm một tờ di-biều.

Đọc hết năm xe sách, thuộc hơn sáu mươi vạn lời pháp-ngữ của thánh-hiền, có nghiên-cứu cho thấy rõ con đường chính của loài người, tức là muốn trực-nhận cái « chân lý » là cái « chân-tướng » của vũ-trụ bắt-sinh, bắt-diệt, chẳng vì người giác-ngộ mà có, cũng chẳng vì người mê-muội mà không. Cái chân-lý ấy, lúc hồn-nhiên ở trước mắt người ta, hễ không nhận thấy là mê, mà nhận thấy là ngộ. Tùng-Thiện-Vương lúc gần thoát-tỷ, như có nhận thấy cái chân-tướng của vũ-trụ là thế nào. Muốn chỉ-thị cho người sau, song nói ra không được nữa. May nhờ tinh-thần còn minh-mẫn, mới viết được 28 chữ « tuyết-bút-tử ». Đáng tiếc thay một món di-sản quý-báu đầm giữa đời đã trăm năm, lại giữa đời cạnh tranh, mà chưa có ai thừa-nhận được.

Tùng-Thiện-Vương hy-sinh cả đời vào một chủ-nghĩa, bên Tầu, binh-phàm đã nhiều; bên ta, sĩ-phu tán-tụng, cũng còn ở miệng người, duy định-luật « cái quan », thì chúng ta bằng theo lời của vua Tự-Đức :

« Ngày sang đêm, như nước triều, nước tịch, vạn-vật giữa đời đều luân-chuyển, có sinh thì có hلا, là sự thường, thường

thảm là mì gì ? Huống như ông Tùng-Thiện, từ nhò dến lớn, phú-quý tốt bắc, danh-dự dã khắp, chí-nguyễn được toại, thọ-mạng cũng vừa thích, còn có gì dè đáng tiếc nứa đâu.

« Chỉ riêng khõ cho ta, thương nhớ khó nguôi, ôm lòng đau đớn. Một người biết chuộng đạo-đức, lại có tài thi-văn ; nứoc ta tuy có « văn-hiến » từ xưa, nhưng mà tiếng thơ nòi lên, ngang với nhà Đường, thì thực là nhờ ông Tùng-Thiện.

« May ông sinh về đời thịnh-trị, nhờ có đức Thánh-Tò dạy cho, tài-đức của ông mới cao đến bức ấy được. Ta mừng cho cả Hoàng-tộc, có được một vị như ông ; không phải vì ta có tình riêng, cõi tán-dương thêm, dè mà tự-giải.

« Người như băng, như ngọc, sắc nhuận, chất trong ; thế mà vì việc xảy ra ở gia-dình, đã làm cho ngọc bị tì, băng vướng bụi. Song sắc ngọc, chất băng đã sẵn tốt, thì chút tì, chút bụi, nào có giảm gì đến cái chân giá của nó đâu ?

« Trong khi dịch-trách (1), còn gởi tờ biếu, dè khuyên-răn ta ; vì tấm lòng trung-thành, như thây của Sứ-Ngư (2), không phải như bản thảo của Tư-Mã-Tương-Như (3) nên ta cảm-động lắm.

« Than ôi ! Người hùng-cường như thế, mà vẫn còn lụy

---

1) Dịch-trách nghĩa là dời chiêu. Tengo-Sâm khi gần inشت, bảo người nhà thay chiếc chiêu năm, dè cho được sạch sẽ.

2) Sứ-Ngư người Xuân-thu, can vua, vua không nghe. Khi gần chết dặn vợ con : Đem xác bỏ ngoài đường, dè vua có động lòng mà tinh-ngộ.

3) Tư-Mã Tương-Như người đời Hán.

theo tình : gương nước, bóng non, như đã làm cho Tùng-Thiện-Vương mê cả tâm-hồn ; hay là vì có chỗ huyền-vi bí-mật thế nào, cho nên đến khi gần ly-trần, mà vẫn còn lưu-luyến theo gió Túy-Vân, trăng Thiên-Mụ.

« Nay gần đưa ông lên « vĩnh-trạch » ta lau nước mắt, mà than thở dài lời ; mong tấm hồn thiêng, cảm tình ta về mà hưởng ».



**THƯƠNG-SƠN THI-TUYỀN**

---



# THƯƠNG-SƠN THI-TUYỀN

Chữ số thứ nhất chỉ Tập

Chữ số thứ hai chỉ Năm

TÚ-NGÔN.

## I. DÂN THÀNH CA

(17. 18.)

天地之大  
有往之心  
日月之明  
無往之不  
爲可祀  
苟在廟  
可服  
寒惡  
者勞功  
達愚智  
者名否  
存神  
者以仰  
泉間  
者以仰  
古人

*Phiên-âm.*

1. *Thiên địa chí đại,*  
*Hữu vắng tất phục ;*  
*Nhật nguyệt chí minh.*  
*Vô vi bắt chúc.*
2. *Cơ cầu khâ liệu,*  
*Ô tại phì nhục ;*  
*Hàn cầu khâ ngự,*  
*Ô tại tiên p̄iục.*
3. *Đạt giả ch̄i tõn,*  
*Khủng lao kỳ thắn ;*  
*Trí xảo danh-dự,*  
*Đa cốt ngô chân.*
4. *Bì thanh giã toàn,*  
*Diệc khâ dĩ văn ;*  
*Đáp nhiên ngưỡng khư,*  
*Tư ngã cõ-nhân.*

*Dịch nghĩa.*

1. Trời đất thì lớn,  
Có qua tất lại ;  
Mặt trời mặt trăng thì sáng,  
Không gì nhỏ mọn mà chẳng thấu.
2. Đói có thè chửa,  
Đâu phải nhờ thịt béo ;

Lạnh có thè che,  
Đâu phải nhở mặc tốt.

3. Bậc trí-thức vẫn còn,  
Sợ nhọc tinh-thần,  
Khôn-khéo danh-dị,  
Càng nhiều thiệt-hại đến chân-tính của ta.
4. Suối kia nước trong,  
Cũng có thè nghe được ;  
Cười rồi ngừa lên,  
Nhớ người xưa của mình.

*Dịch thơ.*

1. Trời đất lớn rộng bao-la;  
Có qua, có lại, vốn là thiên-nhiên ;  
Kìa nhật nguyệt, sáng liên-miền.  
Dù cho nhỏ mọn, cũng tuyễn thâu qua.
2. Dù cho đói khát thiết-tha,  
Không cần thịt béo, cũng là dưỡng nuôι,  
Dù cho lạnh-lěo muôn đời,  
Không cần áo tốt cung chời che thân.
3. Kìa người trí-thức phân-vân,  
Còn lo mệt nhọc tinh-thần thông-minh ;  
Kìa điểu trí-xảo hiền-danh,  
Còn gây nhiều hại chân tình ta đây.
4. Nước kia suối nọ chảy đầy,  
Còn nghe được tiếng ngày nay bên bờ ;

Cười rồi ngửa mặt làm ngo,  
Lòng càng thêm nhớ người xưa của mình.

**Bình-luận.**— 1. Nhìn giữa vũ-trụ, có mấy điều làm cho con người phải ngạc-nhiên và khâm-phục, trên trời dưới đất mênh-mông, vạn vật đều biến-chuyển không ngừng, ngày đêm vẫn có ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Lớn lao như thế, người ta trông thấy là lẽ dĩ-nhiên, lại còn có những thứ rất bé nhỏ, người ta cũng trông thấy được. Tùng-Thiện-Vương ở vào một thời-dai và trong một hoàn-cảnh không tiếp-xúc với Triết-học và Khoa-học Tây-phương, chỉ đem trí thông-minh suy-nghĩ, đem tài thi sĩ cảm-xúc, đã có những ý-tưởng triết-lý về hai cái vô cùng, vô-cùng lớn và vô-cùng nhỏ, như Pascal đã nói đến, và những ý-tưởng khoa-học có những vật nhỏ thế nào, người ta cũng có thể thâu-suốt, càng ngày càng chứng-minh điều này, nhất là ngày nay với những kính hiền-vi diện-tử.

2. Con người chỉ là vật rất nhỏ mọn giữa vũ-trụ, nhưng có thể biết được những thứ lớn hơn mình hay là nhỏ thua mình. Đó là giá-trị của con người. Lại còn giá-trị hơn nữa, là tuy có thân-thề vật chất, biết đối biết lạnh, nhưng không phải chỉ cần có thức ăn áo mặc vật-chất, với sức tinh-thần có thể chế-ngự nơi mình. Có thể lấy tinh-thần mà thắng vật-chất.

3. Muốn được như thế, cần phải đem trí-tuệ tư-duy, không có những người thông-minh lại sợ mệt-nhọc. Hình như thi-sĩ đã biết với trí-lực con người có thể phát-minh được nhiều điều kỳ-diệu, có thể đưa con người tiến-tới rất xa ; nhưng lại tiếc cho những người có khả-năng trí-

thức lại sợ mệt-nhọc, không dám suy-nghĩ, tìm kiếm, lý-luận, dè cho nhân-loại chịu phần chàm tiễn. Nhưng cũng có điều phải dè ý, có khi vì càng có trí xảo, có danh-dự, lại càng dè làm cho mình mất chân-tướng, hoặc vì thấy mình mà sinh kiêu-hãnh, hoặc vì phát-minh vật chất rời quên tinh-thần và tâm-tinh của con người.

4. Đó là những điều đáng tiếc, đáng lo, nhưng nghe tiếng suối chảy, càng làm cho mình nhớ lại vạn-vật chung quanh vẫn không vì mình mà ngưng-trệ hay không làm phận sự của chúng. Còn chính mình đã làm được gì ? Càng nghĩ đến càng tự trách, tự tiếc cho mình rời nhớ đến những người xưa của mình, càng lo sợ mình đã mắc vào tội không giữ được theo gương Vũ-vương và Chu-công là «thiện kẽ nhân chi chí, thiện thuật nhân chi sự», như đã nói trong sách Trung-dung.

oOo

## II. BỆNH TRUNG TƯ MÀU (30. 1853)

我念我母  
色笑難追  
我母念我  
夢寐見之  
豈知我病  
愁憊不捨  
獨見之亦  
以祐我

病 生 病 輕  
 有 以 有 以  
 我 母 我 母  
 賴 今 賴  
 林 烏 食 而  
 求 人 有 鮮  
 于 倦 無 於  
 母 养 而 止  
 飛 民 其 有  
 于 烹 於 之  
 母 奶 而 止  
 飛 民 其 有  
 于 烹 於 之  
 母 奶 而 止

*Phiên âm.*

1. *Ngã niệm ngã mẫu,*  
*Sắc tiểu nan truy ;*  
*Ngã mẫu niệm ngã,*  
*Mông mị kiến chi.*
2. *Khởi tri ngã bệnh,*  
*Tử ái bắt xã ;*  
*Phì độc kiên chi,*  
*Diệc dì hưu ngã.*
- 3 *Tích ngã hưu bệnh,*  
*Lại mẫu dì sinh ;*  
*Kim ngã hưu bệnh,*  
*Lại mẫu dì khinh.*

4. *Lâm ô vu phi,*  
*Cầu thục tự mẫu ;*  
*Nhân nhi vô dirõng,*  
*Hữu nghiễn ư nhī ;*  
*Tiền dán chi ai,*  
*Hạc kỳ hữu chi.*

*Dịch nghĩa.*

### **Trong lúc đau nhớ mẹ.**

1. Tôi nhớ mẹ tôi,  
Tiếng cười khó lại ;  
Mẹ tôi nhớ tôi,  
Thấy trong giấc mộng.
2. Vừa biết tôi đau,  
Tử ái chẳng bờ ;  
Không những cho thấy,  
Lại còn giúp tôi.
3. Xưa lúc tôi đau,  
Nhờ mẹ nuôi sống ;  
Nay tôi lâm bệnh,  
Nhờ mẹ thuyên-giảm.
4. Quạ bay vào rừng,  
Tìm mồi nuôi mẹ ;  
Con người không dưỡng,  
Đáng thẹn với mày,

Lòng dân thương xót,  
Sao cho người được ?

*Dịch thơ.*

1. Lòng tôi thương nhớ mẹ tôi,  
Làm sao lấy lại tiếng cười đã qua ?  
Mẹ tôi thương nhớ thiết-tha,  
Thấy trong giấc mộng biết là ở đâu ?
2. Mẹ tôi vừa biết con đau,  
Tâm lòng từ-ái thương nhau chẳng nề ;  
Thấy rồi nhưng chẳng thỏa-thuê,  
Nên còn giúp đỡ vỗ-về thân con.
3. Ngày xưa có lúc hao mòn,  
Nhờ bà từ-mẫu sinh-tồn đến nay ;  
Bây giờ lâm bệnh thế này,  
Cũng nhờ từ-mẫu chuyên thay bệnh tình.
4. Quạ kia tung cánh vào rừng,  
Tim mồi nuôi mẹ không dừng không nguôi,  
Con người không biết dừng nuôi,  
Càng thêm hò-thẹn với bầy quạ kia.  
Người dân còn muôn phân chia,  
Làm sao nuôi được, chẳng lia xót thương.

**Giải-thích.** — « Ngã-mẫu » : bà Thục-Tân tạ-thế năm 1851  
nguyên là một bậc nữ-si, nho-học uyên-thâm. Chính lúc

thi-sĩ còn thơ-ấu, trước khi học với ông Trương-đăng-Qué, đã học với mẹ.

**Bình luận.** — I. Tác-giả nhớ bà từ-mẫu, người nhắc lại ngày xưa, lúc bà còn sinh-tiền, mẹ con vẫn còn gần gũi nhau. Nay giờ đây, mẹ không còn trên mặt đất, con đau thương vì không còn được gần-gũi như xưa. Hai chữ « sắc tiếc », càng thêm ý-tưởng dào-dạt một mối tình-cảm sâu-xa; nói lại xưa và nay trên phạm-vi thời-gian vĩnh-quyết, vui và buồn trong lãnh-vực tâm hồn xúc-cảm. Hiều về nghĩa « dung mạo vui-vẻ », khiến cho độc-giả cảm thấy đương như thi-sĩ nhớ lại nụ cười âu-yếm của từ mẫu, nay không thè nào thấy lại, càng thêm thương tiếc. Con buồn vì nhớ mẹ, thì làm sao thấy được những nét vui tươi của mẹ như xưa ! Hnồng nữa, con lại đương đau, tấm thân yếu đuối trên chiếc giường bệnh, hai hàng lụy nhỏ, mẹ có thấy chăng, cũng không thè vui cười với con. Mà mẹ vẫn thấy, vì mẹ nhớ con. Có điều gì minh-chứng ? Trước là một mối tình thương-yêu thắt kẽt, con nhớ mẹ, không lẽ nào mẹ lại không nhớ con. Tính ra chỉ có ba chữ « Ngã » (tôi), niêm (nhớ), « mẫu » (mẹ), tác giả sắp đặt rất tự nhiên mà rất tài-tinh. Từ văn đến ý, câu trên kéo câu dưới, câu trước gợi câu sau.

Thấy trong giấc mộng. Ai cũng biết việc này có thè có thực. Nhưng bốn chữ « mộng mị kiến chi » tiếp theo sau « ngã mẫu niêm ngã », đương như tác-giả có ý nói : « Mẹ tôi nhớ tôi, nên về thăm tôi, cho tôi thấy trong giấc mộng ». Cũng có thè hiều ngài chỉ có ý nói đó là một điều chứng-minh bà từ-mẫu nhớ ngài, cũng như ngài thương nhớ nên mới có mộng như thế. Hay là người mượn có chiêm-bao để nói mối tình mẫu-tử, chứ không hẳn ngài có tin gi. Theo

tin-tưởng của nhiều người, trong thời-đại của ngài, kè dã tạ-thế có tài-phép hơn lúc còn ở dương-gian, có lẽ ngài cũng tin như thế chăng ? Ngài không nói do quyền phép ở đâu, và cũng không quả-quyết ai ai cũng được như thế. Nói theo tin-ngưỡng của người tin Thượng-Đế, có thè nhận là Thượng-Đế có quyền dùng cơn chiêm-bao để truyền việc này hay việc khác ; hoặc cho phép người đã từ-trần trở về báo mộng với thân-nhân bạn-hữu, hay là tỏ mối liên-lạc thế nào. Điều vẫn chắc, là tác-giả không có ý-tưởng như trong học-thuyết của Freud, là có những điều trong lúc ban ngày bị úc-chẽ vào trong lãnh-vực vô-ý-thức, thì trong buổi ban đêm, đương lúc người ta ngủ, lại xuất-hiện trong diêm chiêm-bao. Theo tâm-lý-học, có thè nhận thấy những ý-tưởng có một cường-độ thế nào, như những mồi nhở thương, những niềm mong muốn, có thè gây ảnh-tượng và biến-chuyen thần-kinh-hệ, khiến cho phần thè-lý vẫn tiếp-tục trong lúc ngủ, gây thành chiêm-bao. Vì đó, nên thường những điều nhở - nhung, mong - muốn, hay ngược lại là sợ-hãi, lo-âu, vẫn gây nên mộng-mị dưới hình-thức này hay hình-thức khác. Dù theo nghĩa nào, giấc mộng của Tùng-Thiện-Vương cũng tỏ nỗi niềm thương nhớ và mối-tình hiếu-nghĩa sâu-xa, đậm-thắm, đậm-dà, vẫn sống-dộng trong tâm-hồn.

2. Qua mấy câu sau này, lại càng thấy rõ niềm tin-tưởng của tác-giả. Ngài cho rằng bà từ-mẫu, tuy đã vào cõi bên kia thế-giới hưu-hình, nhưng còn biết đến đời này, và biết con đau. Với một tấm lòng từ-ái, nay cũng như xưa, mắt cũng như còn, xa cũng như gần, không hề phai lạt thế nào. Vì đó, nên không những cho thấy trong giấc mộng, lại còn hộ-vực ngài. Đây là theo quan-niệm

tin-tưởng như nhiều người đương-thời, chứ không phải vì yêu-thương mà thần-thánh-hóa. Nói cho đúng, sau khi quá-vãng, tự người ta, không có quyền-phép gì hơn lúc còn sinh-tiền. Nhưng có người được ơn Thương-Đế ban cho, vì đã có một cuộc đời đạo-đức thánh-thiện thế nào, có thè giúp đỡ người này hay kẻ khác. Qua mấy câu thơ vẫn tắt, độc-giả không thể biết rõ tư-tưởng của tác-giả. Không thể nói được ngoài tin bắt kỳ ai trở nên thiên-cồ cũng có quyền giúp đỡ kẻ thân-yêu còn trên đương-thế, hay là tin chỉ có những người đã sống một cuộc đời nhân-dức thánh-thiện. Chỉ có điều biết chắc là ngoài nhận bà Thục-Tân vốn là một bậc từ-mẫu đã làm cho con biết mến yêu thương-tiếc không nguôi, lòng con hiếu-thảo cũng nhờ công ơn mẹ khôn-khéo giáo-dục.

3. Đem dõi-chiếu với ngày trước, Tùng-Thiện-Vương nhớ lại lúc bà mẹ còn sinh-tiền, có lần ngoài đã đau nặng, nhờ bà chăm-nomi, săn-sóc, thuốc-thang, nên ngoài đã được khỏi bệnh. Còn bây giờ, thì nhờ mẹ nên bệnh thuyền-giảm. Không biết vì muốn bỏ vận, nên ngoài đã dùng câu trên chữ «sinh» và câu dưới chữ «khinh», hay là chuyện thực vẫn có như thế. Lần trước, nhờ mẹ nên khỏi từ-trần, lần này lại nhờ mẹ mà dở bệnh. Có lẽ sự thật là kỳ sau này bệnh không nặng như kỳ trước, nhưng nay nhớ lại cả khoảng thời-gian ngày xưa, kè từ khi lâm bệnh cho đến lúc lành mạnh: còn bây giờ, vừa tỉnh giấc chiêm-bao thì viết mấy câu này. Càng hiểu ý-nghĩa, càng như trông thấy nhà thơ đương cơn bệnh, vừa thiêm-thiếp chiêm bao, giật mình thức dậy, thấy trong người đã có phần thuyền giảm, chứ chưa hẳn lành bệnh, cũng gắng gượng viết mấy câu thơ ghi lại một mỗi kỳ-

niệm rất êm-dềm. Giá-tác-giả nói rằng mẹ về cho hoìn-toàn lành bệnh, đọc-giả ngày nay có thè hoài-nghi có dấu mầu-nhiệm đến thế. Chỉ như nói bệnh có phần thuyên-giảm, dù người không tin có thực mẹ chữa bệnh cho con, cũng có thè nhận thấy khi một người mắc bệnh gặp điều yên vui, đáp lại với một mối tình uất-ân nhót thương, cũng có thè bớt phần bệnh-hoạn. Anh-hưởng tâm-lý đến thân-thè cũng như thân-thè đến tâm-lý vẫn như thế. Có khi vì bệnh trong thân-thè mà sinh chiêm-bao, và cũng có khi chiêm-bao rời bệnh thêm trầm-trọng hay được thuyên-giảm. Tâm-lý-học vẫn hiều được các việc đó, chứ không đợi phải tin-tưởng huyền-bí gì. Nhưng điều vẫn chắc là Tùng-Thiện-Vương không phải đặt một câu chuyện để giải thích hay là chứng minh tâm-lý, nhưng ngài chỉ kè một chuyện có thực, lại phù-hợp với mỗi tình hiếu-thảo thương nhớ và tin-tưởng của ngài.

4. Thấy mẹ thương minh như thế, thi-sĩ lại nghĩ đến tích-truyện con quạ, là một giöng chim nhà nho vẫn gọi là có hiếu, như đã thành danh-từ « ô-bồ », có nghĩa chim quạ đút đồ ăn để nuôi mẹ già, thường dùng để nói con con hiếu-thảo nuôi cha mẹ trong lúc vẫn-niên. Ngài lại thêm ý-tưởng như phác-họa bức tranh chim quạ kia bay vào rừng tìm đồ ăn về nuôi mẹ. Rồi nói đến người con không nuôi mẹ, đáng thẹn với quạ biết bao ! Không rõ là lời ngài muốn than-thở trách mình chưa kịp làm gì để nuôi mẹ thì mẹ đã thành người thiên-cô, nay còn biết làm sao để nuôi mẹ, một tấm lòng con thương mẹ, nghĩ đến đây, xót-xa đau-dớn biết đường nào ! Hay là ngài muốn nhắn-nhủ với ai nhớ đạo làm con phải biết phụng-dưỡng song-thân. Nên nhớ chim quạ kia còn biết vào tận rừng xanh, mặc dầu bao nhiêu nguy-hiểm, để

tim mỗi nuôi mẹ. Nên nhớ ta đây bây giờ muốn theo gương chim quạ cũng không làm được thế nào, ta không còn nuôi được, mà mẹ ta vẫn đến chăm-nom săn-sóc cho ta. Thành-thứ tâm-hồn ngài đường như không có chút yên-ủi. Nghĩ về mình và nhớ đến mẹ, càng thêm than-tiếc cho mình.

Có lẽ vì thế nên thi-si kết-luận một câu khiến cho người đọc phải bùi-ngùi cảm-xúc và thêm thắc-mắc phân-vân. Ngài nói : Lòng thương xót của người dân không sao nguôi được. Vì đâu ngài lại dùng hai chữ « tiền dân » ? Sao ngài không dùng « hiếu-tử » hay « ai-tử » ? Võn chữ « tiền » có nghĩa là « ít » hay là « hết ». Ngài muốn nói một người dân phải thiệt-thời đau-dớn chăng ? Dù là một ông hoàng-tử, nhưng nói đến lòng thương nhớ mẹ, thì cũng như một người dân, nghĩa là như muôn người chăng ? Nói đến thương-yêu hiếu-thảo, dù ông hoàng-tử, cũng vẫn là một con người, chứ không phải vì là hoàng-tử mà có hơn có khác gì người ta. Hơn thua nhau là tự trong mỗi tình, chứ không do ngoài địa-vị. Hay là vì tấm lòng ái-quốc, nhân nghĩ đến tình thương mẹ mà Tùng-Thiện-Vương lại nói qua lòng yêu nước. Người dân dõi với nước cũng như người con dõi với mẹ. Khi người dân nhớ tò-quốc nuôi mình mà chính mình không làm được gì phụng-sir tò-quốc thì càng đau-dớn, mà mỗi đau-dớn ấy cũng không sao nguôi được.

Kẻ hậu-sinh ngày nay trên đất Việt-Nam đọc đến câu này cảm-kích với ý-tưởng đó. Nghĩ đến vận-mệnh nước nhà hơn 80 qua lê-thuộc nước ngoài, hơn 20 năm nay chia rẽ rối-loan, và tự nhận thấy mình không làm gì được, càng công-nhận và khâm-phục câu thơ của Tùng-Thiện-Vương chí-tình chí-lý biết bao ! Đọc lại cả bài, thử hỏi chính mình và bao

nhiều người chung quanh mình, không biết được mấy ai còn theo gương-mẫu của ngài, theo lời ngài nhán-nhủ mà đem lòng mến-yêu từ-mẫu và tưởng nhớ Tổ-quốc như ngài.

Chuyện con quạ khiến cho có người liên-tưởng đến giống chim đường-nga thường bắt cá bò vào một bọng dưới cõi dưa vè, lấy mỏ móc ra đút cho con ăn, mỗi lần thay có dấu máu đường như tự mình lấy thịt và máu của mình mà nuôi con. Vì đó, nên ở Âu-châu, trong đạo Công-giáo, hay vẽ hình con chim đường-nga mẹ đương lấy thịt và máu mình mà cho một đoàn chim con ăn để tượng-trưng tích-truyền Chúa Cứu-Thế đã hy-sinh để cứu-chuộc nhân-loại và đã lập phép Thánh-thề, khiến cho bánh lě đòi thành thân của Ngài và rượu lě đòi thành huyết của Ngài, trước làm lě-vật dâng lên Thiên-Chúa, sau lại cho giáo-hữu rước lấy như phần lương-thực linh-thiêng. Ngày xưa, vào thế-kỷ thứ 13, thánh Thomas đã nhắc đến chuyện chim thiên-nga trong một bài ca-vịnh Thánh-thề Chúa Cứu-thế, đến thế-kỷ thứ 19, nhà thi-sĩ A. de Mus-set cũng có một bài thơ lưu-danh nói về con chim ấy trong một buổi chiều hôm, đã cắn lấy thịt mình mà nuôi bầy con : « Lorsque le pélican, lassé d'un long voyage... » Nhắc lại tích-truyền này để so-sánh một nhà thi-sĩ Đông-phương và hai thi-sĩ Tây-phương biều-lộ hai niềm văn-hóa, một bên nói về con nuôi mẹ và một bên nói về mẹ nuôi con.

oOo

### III. ĐOÀN-CA-HÀNH (35. 1856)

來日幾何  
去日苦多

水波山乘寒歸  
 之回南紫寂寞  
 流莫彼遺古遇  
 象偕時丘萬賢  
 有酒歌击  
 喜吉尚以  
 祖樽我子  
 有有則和  
 不大誅萬  
 樂難之年  
 今來歌願  
 者日以若

*Phiên âm.*

1. *Lai nhặt kỷ hà,*  
*Khú nhặt khò da ;*  
*Đồng lưu chi thùy,*  
*Thảm mạc hối ba.*
2. *Chiêm bì Nam-sơn,*  
*Khâu lũng luy luy ;*  
*Vạn cõ tịch-mịch,*  
*Hiền ngu đồng quy.*
3. *Trở hữu gia-hào,*  
*Tôn hữu chí-tửu ;*

*Ngã tắc cao ca,  
Tử hèa dì phàu.*

*4. Kim giả bắt lạc,  
Lai nhặt đợi nan ;  
Ca dì vịnh chi,  
Nuyện quân vạn niên.*

*Dịch nghĩa.*

1. Ngày sau bao nhiêu,  
Ngày trước khὸ nhiêu ;  
Nước chảy hướng đông,  
Sóng nào trở lại ?
2. Nhìn núi phương Nam,  
Gò dống chồng-chất ;  
Muôn đời im lặng,  
Hiển ngุ cùng về.
3. Mâm có của ngon,  
Chén có rượu ngọt ;  
Tôi hát tiếng lớn,  
Người hòa lấy vò.
4. Nay mà chẳng vui,  
Ngày mai rất khó ;  
Hát thay ngâm vịnh,  
Chúc ngài muôn năm.

*Dịch thơ.*

1. Ngày sau tính được bao nhiêu ?  
Ngày trước đau-khổ đã nhiều biết bao !

Hướng đông nước chảy theo trào,  
Song kia đâu có dời nào trở lui.

2. Núi Nam nhìn đến ngậm-ngùi,  
Đồng gó chõng-chát chôn vùi bao phen ;  
Muôn dời im lặng tiến lên,  
Hiền ngu dù hặc hai bên cùng về.

3. Trên mâm vật lạ phủ-phê,  
Trong bầu rượu ngọt thiểu gì thanh-tao ;  
Tôi cất tiếng hát càng cao,  
Người hòa theo dịp cùng nhau diệu vò.

4. Ngày nay giá chẳng vui cho,  
Ngày mai càng khó biết nhờ vào ai !  
Ta cùng ca hát đi thôi,  
Chúc ngài hưởng thọ lâu dài muôn năm.

**Bình-luận.** — 1. Nghĩ đến thời-gian, ngày-tương-lai  
chưa biết được bao nhiêu, nhưng ngày quá-khứ, có điều biết  
chắc là đau khổ đã nhiều. Đó là luật chung dời người, không  
khác gì nước chảy về hướng Đông và ngọn sóng không bao  
giờ trở lại. Không biết tác-giả có ý mượn câu thơ của Đỗ-  
Phủ « Thiên sinh giang thủy hướng đông lưu » (Trời sinh  
nước các giòng sông đều chảy về hướng đông) hay là ngài  
chỉ nhận thấy theo người Việt-Nam, cũng như người Trung  
hoa, vì hai nước này đều có biển ở hướng đông, nên con  
sông nào cũng chảy ra biển, là chảy về hướng đông. Còn câu  
sau, cũng có thè sánh với câu thơ của Mai-nghiêu-Thuần  
« Thủ giác hồi ba định » (Mới hay sóng dừng lại rồi lui),

nhưng ý ngài muôn nói nước vẫn chảy một chiều mà sóng không trở lại. Thường người ta vẫn nói sóng đánh vào bờ rồi lui ra, nhưng điều ngài nhận xét rất tinh-nhị và đúng sự thực, vì mỗi lần sóng vào bờ thì tan vỡ, chỉ có nước chảy lui, chứ đâu còn phải sóng nữa.

Trong mấy câu này, thấy có ý tưởng về sự biến-chuyen không ngừng, như xưa kia Khổng-tử đứng trên sông nhìn nước chảy đã than-thở : « Thệ giả như tư phu, bất xả trú dạ » (Trôi chảy mãi thế ư, ngày đêm không ngừng). Và ở Tây-phương, có Heraclite đồng thời với ngài, cũng đã nhấn mạnh vạn sự đều biến-chuyen, khiến cho « không ai tầm hai lần trong một giòng sông », vì tuy vẫn giữa hai bờ, nhưng nước chiều không còn phải là nước sáng, giòng nước vẫn tuôi qua. Với ý-tưởng vạn vật biến-chuyen, thời-gian trôi qua, Tùng-Thiện-Vương lại còn thêm ý-tưởng về cuộc đời, không rõ ngài than-thở đời ngài, hay là ngài nói chung vận-mệnh con người. Mỗi lần nhìn tới tương-lai thì cảm thấy đứng trước cõi vô-định. Mai đây, ta còn sống được bao năm, ta sẽ gặp thấy những gì, không ai biết được ; còn nhìn lui vào quá-khứ, thấy đau-khổ đã nhiều. Đời một ông hoàng-tử chưa được 40 tuổi (thơ này viết năm 1856), mà đã có kinh-nghiệm chua-chát đến thế ư ? Kinh-nghiệm riêng ngài hay kinh-nghiệm chung-quanh ngài ? Có lẽ nên để ý ngài không nói đời người chỉ là bè khò, cũng không than-thở như Cung-oán :

« Thảo nào khi mới chôn nhau,  
« Đã mang tiếng khóc bưng đầu mà ra !  
« Khóc vì nỗi thiết-tha sự thế,  
« Ai bày trò bối bè, nương dâu ?

“ Trắng rắng đến thuở bậc đầu,  
“ Tử, sinh, kinh, cụ, làm nau mấy lần ? ”

Nhưng Tùng-Thiện-Vương chỉ nói hiện-tại của người ta là đứng trước cái tương-lai vô-định, chưa biết gì thì không nên phàn-nàn thán-oán, cũng không nên quả-quyết một điều gì, và kinh-nghiệm đau-khò, không nên than-tiếc ngày quá-khứ. Ngày tháng qua đi, qua mãi, không bao giờ trở lại, như ngọn nước kia, như làn sóng nọ. Nhưng thường người ta vẫn nhắc đến luật thiên-nhiên như thế mà than tiếc với giọng yêm-thế bi-ai. Ở đây, thi-sĩ có một ý-tưởng đặc-biệt dường như muốn khuyên người : « Tiếc làm gì những ngày quá-khứ, vì nhớ lại chỉ thấy đau-khò. Nhưng cũng không nên mong-mỗi những ngày tương-lai, vì chưa biết có được bao nhiêu và sẽ gặp thấy thế nào. Thành-thử không thè nói là thi-sĩ có thái-độ lạc-quan. Có lẽ là một tâm-hồn cao-thượng, không mộng-mị viễn-vông, thanh-thoát mà vẫn thích-ứng thiết-thực, không ghét đời mà cũng không ham đời. Thường có những hang thi-sĩ nhìn vào tương-lai, mơ-mộng hão-huyền. Tùng-Thiện Vương lại vào hạng thứ ba là sống trong hiện-tại với kinh-nghiệm quá-khứ và xây-dựng tương-lai, không tiếc ngày trước và cũng không mong ngày sau ; nhưng cần phải biết rõ tính-cách hai khoảng thời-gian, để tránh những điều đau-khò và những mối sai-lầm. Đau-khò của người ta, phần nhiều vì tiếc ngày quá-khứ ; nhớ lại những nỗi vui-mừng, những niềm sung-sướng, những mối yêu-thương nay không còn có nữa. Có khi lại vì sai lầm về ngày tương-lai, mang nặng những ào-tưởng mong-mỗi mà không thành-đạt. Đứng trước những niềm đau-khò đó, tác-giả bài thơ này hiến một phương thuốc. Trước là ta không thè biết chắc-chắn về

ngày-tương-lai, dù có tài, có-thể, có-trí, có-mưu, nhưng cần  
nhất là phải có một-khoảng-thời-gian dè-thu được-kết-quả,  
mà nào có-biết sẽ được-mấy ngày (Lai-nhật-kỷ-hà). Sau là  
dù ngày đã qua, có-hạnh-phúc-thế nào-chẳng-nữa, cũng-dừng  
quên nhũng-diêu-dau-khổ, nếu-đem-so-sánh, chắc-thấy-còn  
có-nặng-hơn (Khứ-nhật-khổ-đa). Có-người-không-dồng-ý-về  
diễm-này. Có-khi-chính-dời-tư-của-Tùng-Thiện-Vương-dã  
gặp-nhiều-dau-khổ-thế-nào, khiến-cho-ngài-ngâm-lên-bốn-chữ  
như-thể, chứ-nào-có-phải-ai-cũng-thể-dâu; nếu-không-nhiều  
chẳng-nữa, chắc-vẫn-có-người-sống-quá-những/ngày-hạnh-  
phúc, ví-như-những-vị-quyền-cao-chức-trọng, phú-quý-vinh-  
hoa, cường-tráng-hùng-dũng; sau-khi-mất-dịa-vị, mất-tiền  
bạc, lâm-bệnh-tật-hay-là-về-tuổi-già, tiếc/ngày-quá-khứ-không  
phải-là-vô-lý. Tìm-trong-tiêu-sử-của-tác-giả-không-thấy-những  
dau-khổ-thế-nào-dè-cho-một-ông-hoàng-tử-phải-than-thân  
trách-phận-với-một-câu « khứ-nhật-khổ-đa ». Và-chính-ngài  
vốn-không-phải-là-một-người-da-sầu-da-cảm, thành-thứ-khổ  
nói-được-ngài-chỉ-than-thở-về-những/ngày-quá-khứ-của-ngài. Nhũng  
người-nhé-dạ-hay-là-tự-mình-làm-khổ-cho-mình-mới-than-tiếc  
những-nỗi-vui-mừng-quá-khứ; mà-hạng-người-như-thể-vẫn  
rất-nhiều, có-lẽ-phần-dông-vẫn-như-thể. Biết-dâu-không-phải-đó  
là-nhũng-người-phá-những/ngày-hiện-tại và-tương-lai-của-họ. Hình  
như-Tùng-Thiện-Vương-muốn-nhắc-với-những-người-ấy-than-  
tiếc-như-thể, nào-có-ích-lợi-gì, vì-nào-có-phải-than-tiếc-mà-kéo  
lại-được-chẳng; hay-là-chỉ-thêm-chứng-minh-lời-ngài, là-hôm  
nay-than-tiếc, ngày-mai-nhin-lại-dã-thấy-hôm-quá-là.ngày  
than-tiếc, là-những/ngày-dau-khổ, rồi-lại-than-tiếc, cứ-tiếp-tục-như  
thể-có-phải-là-một-chuỗi-dài-dau-khổ-chẳng? Thực-đúng-như  
mấy-chữ « khứ-nhật-khổ-đa ». Hay-là-có-người-nói-như-chú-  
ngiả-đuy-thức: « Nhớ-lại-niềm-vui-những/ngày-trước-cũng-là-một

mỗi vui ngày nay ; nhớ lại mỗi khổ ngày trước cũng là một nguồn khổ ngày nay » ; khiến cho bốn tiếng kia chỉ làm cho con người thêm đau-khổ. Thiết-tưởng cần phải phân-bié特 : nếu theo chủ-thuyết của phái Khác-kỷ hay là Descartes, Herbart, chỉ vì ý-tưởng, người ta có thể đau-khổ hay khoái-lạc, thì nhớ khổ là khổ, nhớ vui là vui. Nhưng ý-tưởng về mỗi khổ đã qua lại gây nên ý nguyễn thoát khỏi đau-khổ, nếu khổ càng nhiều càng nặng thì niềm giải-thoát càng quý càng cao, tức gây nên vui mừng càng lớn càng rộng. Theo những ý này, thấy phương thuốc chữa bệnh âu-sầu của Tùng-Thiện-Vương càng hiệu nghiệm hơn. Còn nhớ đến vui dè vui, nhưng khi nhớ đến vui quá khứ, làm sống lại niềm vui, sao khỏi niềm than-tiếc, nói liên theo đó, vì người ta không thể sống với ý-tưởng, nhưng phải sống với thực tại mà cảnh-tượng gây nên mỗi cảm-xúc vui sướng kia nay không còn có nữa, chỉ hoàn-toàn là một ý-tưởng, một ảnh tượng, khác nào như người tinh giắc mộng nam-kha, vừa mừng vì chút dư-âm dư-vị của chiêm-bao, lại buồn-sầu than-tiếc vì không có thực sự. Vậy ai nhận người ta không thè vui với những kỷ-niệm vui xưa, nhưng có thè vui vì thấy mình được thoát vòng đau-khổ, phải nhận ý-tưởng cao-sâu của tác-giả mấy câu thơ này.

2. Nhưng trong mấy câu sau, lại nói quang-cảnh một bối tha-ma, có vẻ bi-quan yếm-thế, vì dường như thi-sĩ muốn nhắc với muôn người : Đời người có nghĩa-lý gì. Hãy nhìn xem chốn nghĩa-dịa, hiền ngu gì rồi cũng về đó. Ai làm gì chẳng nữa, có tài-năng thế nào đi nữa, ở vào địa-vị nào, rồi cũng có ngày chết. Hình như Tùng-Thiện-Vương cũng không khác gì phần đông các thi-sĩ đều có tính-cách yếm-thế, cho

dời người là bè khồ, dù ai chẳng nữa rời cũng đi đến ngày  
kết-liêu, kết-cục chỉ là một nắm xương tàn. « Công-hầu mà  
chi ? Khanh-tướng mà chi ? » Bốn chữ « khưu trùng luy luy »  
có ý nói mõ mà chồng-chất rất nhiều. Từ thế-hệ này qua thế-  
hệ khác, biết bao nhiêu người đã qua đi, nhưng rời cũng chỉ  
trong một cõi muôn dời yên-lặng. Ai cũng như ai, người  
hiề i kẻ ngu, hai hạng rất khác nhau, trong lúc còn sống,  
nhưng sau khi chết, cũng về một chõ với nhau. Sống có khác  
nhau, chư chết rời cũng như nhau. Có phải vì thế mà dời  
dáng chán không ? Trước cần phải tìm ý-nghĩa, đến khi chết,  
dù ai chẳng nữa, tấm thân ấy, dù trước kia, trên ngai vàng  
bệ ngọc, trong tơ lụa gấm vóc, nay cũng chôn vùi dưới ba  
tắc đất. Xét về tấm thân vật chất thì vẫn như nhau. Nhưng  
con người đâu phải chỉ có tấm thân vật-chất. Dù người không  
tin có linh-hồn bất-diệt cũng nhận công việc của con người,  
thành-thứ đâu phải chết là hết, nào phải ai cũng như ai. Người  
hiền thì dè tiếng tốt, dè việc hay ; kẻ ngu thì chịu tiếng xấu,  
lưu việc dở ; vẫn có khác nhau, chư nào phải như nhau.  
Nhưng trong mấy câu thơ này khó hiểu được là tác-giả có  
ý nói đến tinh thần. Cũng như bao nhiêu thi-si khác, ngoài  
chỉ có ý nói đến chết vẫn như nhau. Nên hướng-thụ những  
ngày còn sinh-tồn, chư đến chết là hết, rời ai cũng như ai.

3. Mấy câu sau dường như càng thêm rõ ý-nghĩa ấy, tác-  
giả nói đến cuộc đời như bữa tiệc, nên tận-hưởng cùng  
nhau. Đỗ ăn ngon và rượu ngọt, diễn-tà cảnh phú-quý, một  
bên hát, một bên đánh díp, nói lên cuộc phong-lưu. Vì mấy  
chữ đó, có thè hiều Tùng-Thiện-Vương nói cảnh của mình,  
chư không hẳn là lời khuyên bảo muôn người. Biết bao kẻ  
bắn-cùng thiếu-thốn, làm gì dè hưởng được thú thanh-nhin.

Dù có biết một ngày kia rồi cũng chết, thân này cũng chôn xuống đất, ngày nay muốn hưởng cuộc đời, nhưng lấy gì mà hưởng? Trong chốn vương-phủ, thi-sĩ là một ông hoàng-tử có nhở, có nghĩ đến hạng người ấy chăng? Khuyên ai đừng tiếc ngày quá-khứ, đừng đợi buổi tương-lai, nên tận-hưởng giờ hiện-tại, nhưng có những người trong hiện-tại vẫn không có gì dè hưởng, chỉ là một chút yên-ủi, là mong ở vị-lai, chứ không thè theo lối khuyên-bảo sống cùng hiện-tại. Lời khuyên của thi sĩ ở đây, hoặc chỉ riêng mình tự bảo mình, hay là dành riêng cho một hạng người? Không biết vô-tinh hay hữu-ý, hoặc mình tả cảnh của mình, thi-sĩ đã dùng mấy chữ nhã-nhận, « trỏ, tôn, cao ca và dì phàu », không hẳn nói về bậc quân-vương, tuy có vẻ trường-già, nhưng không có mùi tư-bản. Tuy khuyên người ta hưởng thú trong ngày hiện-tại, nhưng cũng giữ được một cảnh-sắc thanh-nhã hào-hoa, chứ không phải lao-lung phóng-túng như thi-sĩ Nguyễn-công-Trứ với những câu :

- « Ngày tháng đi, dòng nước chảy mau,
- « Lần lữa mãi cũng bạc đầu trắng-si,
- « Thất thập chu nhan năng hữu hỷ,
- « Lão-thành hối bất-cập như nhân.
- « Nợ phong-lưu dan-diu mấy mươi lần,
- « Thú thi tưu lại chen chân gánh vác.
- « Nữa một mai về làng tuổi tác,
- « Cuộc cầm thi phó thác mặc đương thi.
- « Chơi xuân kèo hết xuân đi.

Có lẽ Tùng-Thiện-Vương muốn khuyên người ta đừng quá than-tiếc và ưu-tư. Ngài biết hai tâm-trạng đó làm khò-

lụy đời người, buồn vì những việc đã qua, lo vì những điều chưa đến, khiến cho con người không làm được gì trong ngày hiện-tại ; nhưng ngài không nói hiện tại là dễ bồi-sung quá-khứ và dự-bị tương-lai, vì đời người vốn là một chuỗi thời-gian vô gián-đoạn, ngày nọ đến ngày kia liên tiếp. Ngày nay là kết-quả của ngày hôm trước và nguyên-nhân của ngày hôm sau, chứ nào có phải không tương-quan, để có thể tuyệt-nhiên không biết đến quá-khứ và không nhìn về tương lai. Muốn tránh một thái quá là hạng người ưu tư chỉ sống với quá-khứ hay với tương-lai mà không hưởng hiện-tại, Tùng-Thiện-Vương cũng đã như nhiều thi-gia khuyên người ta lo hưởng-thụ hiện-tại, không ngờ rằng dù có hưởng-thụ rồi cũng trôi qua, còn lưu lại những kết-quả tai-hại trong khi chưa kịp vùi-lấp hổ trước, đã đào thêm hổ sau, chưa kịp tẩy rùi vết cũ đã gây thêm vết mới, thì chỉ càng thiệt cho đời người. Thường các nhà thi-sĩ nặng bị cảm-tình thúc đẩy, hoặc buồn, hoặc vui, phẫn dông lại buồn nhiều vui ít, khiến cho một số muôn chữa bệnh da-sâu da-cảm, yếm-thể bi-quan, nên xướng lên những câu thơ khuyên thú tận-hưởng, mà không đề ý đến tận-dụng. Đó là một khuyết diêm lớn của các thi-gia, nặng về tình-cảm mà nhẹ về hoạt-động. Có lẽ nói đúng hơn, là phải lo nhàn-nhủ người ta phải biết hưởng-dụng, không khóc với mây với gió, mà cũng không cười với rượu với ca, nhưng con người có tri-thức, tâm-tình và hoạt-động đều phải quy cả vào cuộc đời. Nhìn vào quá-khứ, để tìm ưu và khuyết diêm, ưu thì bồ túc mà khuyết thì cài-lương. Sống với hiện-tại là vừa hưởng-thụ và vừa sử-dụng ; hưởng-thụ là với tâm-tình vô-ưu vô-hoạn, sử-dụng với linh-hoạt, bất-suất, bất-kiêu. Thực ra quá-khứ không còn có nữa, mà tương-

lai chưa đến, nên không có gì mà thù-hường. Chỉ có hường-thụ trong hiện-tại, nhưng hiện-tại có gì chẳng là nhờ quá-khứ và tương-lai kia sẽ thành hiện-tại đè đón nhận lấy kết-quả của sử-dụng, trong lúc hiện-tại đã trở nên quá-khứ. Vì thế nên kẻ hậu-sinh đọc mấy câu thơ của Tùng-Thiện-Vương lại tự hỏi nêu hiều « Ngã tắc cao ca, từ hòa dĩ phầu » về nghĩa tận-hường hay hường-dụng. Nếu có thể hiều tiếng ngài kêu gọi ta với người, một bên ca lớn, (cao ca), nghĩa là đem hết sức mình thi hành nhiệm-vụ, và người hòa-hợp cộng-tác với ta, tiếng hát tiếng dịp hòa lắn với nhau, nhiều người như một, thì dù sức có hèn, nhưng cố gắng (cao ca), của có ít, nhưng hòa-hợp (dĩ phầu). cũng có thể mong cho kết-quả tốt - đẹp. Nhưng đó là bàn rọng nghĩ sâu mấy câu thơ ấy, chứ không dám chắc thi-gia xưa đã có những ý-tưởng như thế.

4. Vì ngài đã nói : « Giá ngày nay không vui, ngày mai lại rất khó ». Một lần nữa, Tùng-Thiện-Vương có ý khuyên nên hường ngày hiện-tại, vì ngày tương-lai chưa biết thế nào, sao lại gọi là rất khó ? Vì tuổi già, sức yếu chẳng ? Chỉ có điều ấy là chắc, chứ hoàn-cảnли thì nào đã biết đâu, sao dám gọi là khó ? Như thế thì chỉ có ý nói về thân thè vật-chất, chứ không thè nói về trí-thức tinh-thần. Nhưng dù nói về sức-lực, trừ phi lúc tuổi về già, ngoài ra cũng không dám chắc ngày sau yếu hơn ngày trước. Thành thử « lai nhật đại nan » chỉ là kiều nói của nhà thi-sĩ theo lối ca-dao :

« Chơi xuân kéo hết xuân đi,  
Tuổi già xồng-xộc chạy thì theo sau ».

Nhưng không thè nói là ý-tưởng sâu-xa, vì không ai dám chắc ngày sau lại không hơn ngày trước, ngày hiện-tại

biết dự-bị, chơi ít mà học nhiều, làm nhiều, tập nhiều, thì biết đâu ngày tương-lai không đem đến hoàn-cảnh và điều-kiện đầy-đủ hơn, đè được hưởng-thụ hạnh-phúc vui-vẻ hơn. Nhưng thi sĩ lại cầu chúc cho người ta được muôn năm. Chữ « Quân » trong câu thơ có thè hiều « người ta » hay là « vua ». Vì thơ của một ông hoàng-tử, cũng có thè hiều là ông cầu chúc vua vạn thọ. Dù hiều nghĩa nào, cũng thấy có điều mâu-thuẫn. Vì đâu đã biết ngày sau rất khó hưởng-thụ vui thú lại cầu chúc cho người ta hay là cho vua được muôn năm ? Vẫn hay không lẽ không cầu chúc như thế, vì ai cũng muốn được thọ là quý, nhưng vì đi với mấy chữ « lai nhặt dại nan », thấy không được hòa-hợp ý-tưởng. Hay là ngày nay vẫn sợ ngày mai là khó, vì ngày mai chưa đến, tương-lai vẫn trong vô-định, nhưng khi ngày mai bước đến, lại trở thành ngày nay, đem đến khung-cảnh hưởng-thụ, nên cứ chúc cho người ta có được nhiều ngày, vì tương-lai rồi sẽ thành ra hiện-tại. Khó là vì chưa biết có được bao nhiêu, rồi sẽ ra thế nào, chứ không phải vì biết chắc là khó. Ai dám quả-quyết về ngày tương-lai. Vậy trong bốn câu này, thi sĩ có ý nói ba ý-tưởng :

1) Một là hưởng-thụ, thì phải trong hiện-tại, chứ không ai hưởng-thụ quá-khứ hay tương-lai. Hưởng-thụ tương-lai là hưởng-thụ trong tương-tượng, trong mơ-ước mong-mỗi, đó là điều rất khó.

2) Hai là lo sợ ; thường người ta sống trong hiện-tại mà phải lo sợ về ngày tương-lai, vì chưa biết rồi sẽ gặp thè thế nào. Dù trong hoàn-cảnh địa-vị nào, cũng không thè chắc được.

3) Ba là hy-vọng ; tuy nhiên, ngày nay phải mong-mỗi  
cho có ngày mai, cho được nhiều ngày. Vì mỗi ngày đến là  
một ngày hiện-tại, một ngày được hưởng, thấy thú vui sao  
lại không mong có được nhiều ngày, dù không nghĩ cho  
mình, cũng mong cho người. Biết đâu vì mình vụng-về,  
nên ngày mai rất khó ; nhưng về người, có lẽ nhờ tài-đức,  
nhờ khôn-ngoan, ngày mai của người vẫn tốt đẹp xinh-tươi,  
mà còn có ngày mai dẽ hóa thành ngày nay thụ-hưởng, hay  
là có ngày mai chưa đến dẽ chờ đợi. Đó cũng là một niềm  
hạnh-phúc, nhất là khi đã nghĩ đến « hiền ngu đồng quy »,  
đến chết rồi cũng như nhau, lại càng thấy phải cầu chúc  
cho người thân-yêu trường-thọ, được bao nhiêu hay bấy  
nhiều. Hoặc nghĩ đến ý-tưởng hiền ngu có khác nhau, lo  
công việc thanh-danh còn lưu-truyền mai-hậu, thi thấy càng  
cầu chúc : « nguyện quân vạn niên ». Chữ « quân » hiều về  
nghĩa « người ta » cũng là hạng người xứng-dáng tử-tế.  
Hiều về « vua » lại càng có ý-nghĩa, đáng cầu-chúc cho vua  
được muôn năm dẽ thi-hành những ân-đức cho nước cho  
dân, và lời của Tùng-Thiện-Vương lại trong đạo quân-thần ;  
còn riêng ngài, không nghĩ đến ngày mai và đường như  
cũng không mong có ngày mai.

oOo

#### IV. TRƯỜNG-CA-HÀNH (35. 1856)

*Phiên-âm.*

北風其涼  
零雨其寧

冷方交令地心石礎木柱  
酒無結黃薩亦之爲之爲  
明來生在兒無病以心以  
燈憂人立男誰居莫忘亦  
非非春復于足耽忽之馬知我有其之我  
水空幾或津土人我酒觥秋知  
音誰宴初五樽者莫有兒千誰知

*Phiên âm :*

i. *Bắc phong kỳ lưỡng,*  
*Linh vữ kỳ phuong;*

*Đăng minh tửu lanh,  
Ưu lai vò p'uong.*

2. *Nhân sinh kết giao,  
Khởi tại hoàng kim,  
Nan nki truy dĩa,  
Thùy vô xích tâm.*
3. *Lỗi lỗi chi thạch,  
Hoặc dĩ vi sờ ;  
Kiều kiều cãi mực,  
Diệc dĩ vi trụ,*
4. *Thanh nhăng vu phi,  
Thùy tri thị phi ;  
Yến an trạm đõc,  
Họa sinh hốt vi.*
5. *Mạnh tân chi thùy,  
Bồng thờ yên tac ;  
Triết-nhân tri cơ,  
Mạc ngã cảm hoặc.*
6. *Hữu tửu hữu tửu,  
Chùy quang kỳ cầu ;  
Thiên thu chi hạ,  
Thùy tri ngã ưu ?*

*Dịch nghĩa.*

1. *Gió bắc thổi mát,  
Mưa phun rơi thưa,*

Đèn sáng rượu lạnh,  
Sầu đến từ đâu ?

2. Người đời giao kết,  
Há phải tại vàng ?  
Trẻ con sinh hạ,  
Ai chẳng lòng son ?

3. Tảng đá to lớn,  
Có thề làm nền ;  
Cây gỗ cao thẳng,  
Khá dùng làm cột.

4. Ruồi xanh bay động,  
Ai biết phải trái ?  
Ăn chơi nhiễm độc,  
Họa đến không ngờ.

5. Nước sông Mạnh-Tân,  
Lấy đất nào ngăn ?  
Người khôn biết mưu,  
Ta chẳng dám lừa.

6. Rượu kia vẫn săn,  
Chén sừng có quai,  
Ngàn thu về sau,  
Ai biết ta sầu ?

*Dịch thơ.*

1. Gió bắc thổi mát thân người,  
Mưa bay từng hạt chơi-vơi lạnh lung;

Ngọn đèn sáng tỏ bên trong,  
Rượu kia nguội lạnh, sầu lòng từ đâu ?

2. Người đời giao-kết với nhau,  
Há phải vàng bạc mới trao cõi lòng ?  
Trẻ con vừa mới sinh xong,  
Nào ai lại chẳng đem lòng thương yêu ?

3. Đá kia to lớn bao nhiêu,  
Người ta có thèm đem theo dựng nền ;  
Gỗ kia cao thẳng chống lên,  
Cũng còn có thèm dựng nền cột nhà.

4. Ruồi xanh bay lại liệng qua,  
Nào ai có biết đâu là phải chăng ?  
Ăn chơi nhuộm phải độc xắng,  
Sinh điều hoạn-nạn ai hăng ngờ đâu.

5. Nước sông bến Mạnh chảy lâu,  
Đất nào ngăn được, một mầu chằng qua ?  
Người khôn rõ biết mưu cơ,  
Ta nào dám gạt, dám lừa ai đâu ?

6. Rượu thì vẫn săn rót mau,  
Chén sừng lại săn trên đầu có quai,  
Ngàn năm sau nữa một mài,  
Nào ai có biết ta đây thảm sầu ?

**Bình-luận.** — 1. Chỉ trong mấy tiếng, thi-sĩ tả đủ ngoại-cảnh và nội-tâm. Dường như cảnh-vật vẫn hòa-điệu

với tâm-tinh : « Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ ! ». Hay là chính cảnh-vật ấy gợi nên trạng-huống này ? Khiến cho độc-giả có thè thắc-mắc không biết thi-sĩ đã thấy cảnh mà sinh tình, hay là vì mỗi tình chan-chứa trong lòng nên đã thấy cảnh-vật như thế. Võn ở chốn thần-kinh, cuối mùa hạ, đầu mùa thu, thường vẫn có ngọn gió bắc giữa đám mưa phùn. Có thè nhận thấy thi-sĩ đương ngồi ở thư phòng, trông ra phương nam, gió mát thoảng qua, đâu ở phía sau thời đến, nhìn ra ngoài, mấy tia nước mưa khác nào như tấm rèm bên kia ngọn đèn sáng tỏ, trên án có bình rượu, bên mấy chén con con, nhưng khách đương trầm-ngâm suy-nghĩ ; rượu kia vẫn không uống, thấy nao nao lòng người ; một mỗi sầu man-máu, không biết duyên-cớ vì đâu. Ngài mới cất bút viết lên mấy câu thơ này.

2. Người ta thấy cảnh sinh tình, Tùng-Thiện-Vương lại phát-xuất ý-tưởng, nghĩ đến cuộc nhân-sinh. Người ta giao-kết với nhau không phải vì vàng bạc. Không rõ hạng người nào và giao-kết tình-nghĩa gì. Chắc không phải vì có ý lợi-dụng. Có lẽ thi-sĩ cũng không có ý nói đến cuộc tình-nghĩa nhân-đuyên, hay là trong vòng tri-kỷ tri-âm. Vì đó chỉ là những cuộc giao-kết giữa cá-nhân. Mà trong mấy câu thơ này, dường như nói đến một lý-tưởng hay một đoàn-thề. Lý-tưởng của những hạng người thượng-lưu trí thức chẳng ? Nhưng không chắc thi-sĩ muốn nói riêng một hạng người nào. Hay là ngài có ý nói chung cả nhân-loại. Đã sinh ra làm người sống trong trời đất, thế-hệ này hay thế-hệ kia, địa-phương này hay địa-phương khác, cùng đồng một loại với nhau, dù muốn dù không, vẫn có giao-kết cùng nhau. Không phải như thường cá-nhân này với cá-nhân khác kết-hợp với

nhau, dù trong tình bạn-hữu hay trong nghĩa sắt-cầm, cũng có khi vì tiền bạc, chí như mối giao-kết vì tình đồng-loại không hẳn tự ý muốn của mình, lẽ cõ-nhiên, không phải vì lợi-lộc nhẫn tiền thiền-cận, tự mình tìm kiếm mưu-toan. Nhưng nếu theo nghĩa như thế, thì thấy có nghĩa sâu-xa là người với người, tự-nhiên, dù muốn, dù không, dù cõ-ý, dù không ngờ, vẫn có tương quan với nhau, khác nào như giao-kết cùng nhau. Hiều theo ý này, càng dễ hiều hai câu tiếp theo sau. Xem như trẻ con mới sinh, nào đã làm được gì, nhưng ai cũng thương yêu. Có phải vì tình đồng loại, vì nghĩa tương-giao chăng? Đã nhận là một người, thì tự-nhiên đã có khói dây nhân-loại thắt kết đôi bên. Một bên đã có ý-thức tâm-tình, mơ-hồ hay quan-niệm ý-tưởng rõ-ràng, và một bên chưa biết gì, nhưng hai bên vẫn có mối giao kết cùng nhau, không lựa phải có vàng bạc bên nào. Trẻ con đâu đã biết đến vàng bạc và người lớn đâu có chờ-đợi nơi trẻ con. Nên nhận thấy vì những câu thơ tú-tuyệt ý-nghĩa hàm-súc, lại chữ nho cao-sâu, ý-tưởng của thi-si thâm-thúy, không biết tìm hiều như thế, có đúng được phần nào chăng. Hay là chỉ có ý-nghĩa giản-dị. Có những người giao-kết không phải vì lợi-lộc. Trẻ con sinh ra, ai lại chẳng thương? Hai ý ấy liên-kết với nhau, theo ý-nghĩa có người sống vì tình, chứ không phải vì lợi, hay là chỉ nhận thấy giữa đời có như thế, chứ không liên-lạc gì với nhau.

3. Èn về nhân-tâm rồi nói đến vật-liệu. Có lẽ ở đây, cũng còn phải hiều nói đến con người biết dùng vật-liệu, không có thứ gì vô-ích. Vật-chất vẫn tùy người, dù đá có to có nặng, cây có thẳng có cao, người biết dùng làm nền làm cột thì đá kia và cây này vẫn quý. Ngò-giả có người phản-nàn vì đá to hay cây thẳng, chăng qua vì không biết sử-dụng. Thi-si có ý nói

không có vật gì vô-ích, chỉ có những người không biết lợi-dụng mà thôi chăng ? Hay là ngài có ý nói đến tài tri của con người, sau khi đã nói đến tâm-tình ?

4: Đối với vật vô-trí vô-giác, con người có thể hiểu biết sử-dụng hữu-ich như thế, nhưng nói đến việc giao-dịch giữa người với người, lại càng thấy rõ bao nỗi khó-khăn nguy-hiem. Ruồi xanh là một giống đua nhau bu vào những nơi dơ-bẩn hay là có mùi nặng thế nào thu-hút chúng. Thường vẫn dùng hai tiếng « ruồi xanh » để chỉ một hạng tiêu-nhân mau chóng tụ-hop chung quanh những thứ gì chúng có thể thấy như mối lợi, như trong Kinh Thi đã có mấy chữ « thương nhặng chi thanh » (tiếng ruồi xanh) và cụ Nguyễn-Du tả cảnh gia-đinh Vương Viên-ngoại khi bị quân lính đến vây bắt và bọn du-đãng gian-tham thừa cơ trộm cướp cũng đã viết :

« Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh,  
« Rụng rời giọt liêu tan-tành gối mai.  
« Đồ tể-nhuyễn, của riêng tây,  
« Sạch sành-sanh vét cho đầy túi tham.

Có lẽ ở đây Tùng-Thiện-Vương có ý nói hạng người chạy theo lợi-lộc : « Máu tham hě thấy hơi đồng thì mê », nhưng ngài săn tấm lòng nhân-tử quảng-đại, lại thấy rộng nhìn sâu, dường như có ý nói ham theo lợi-lộc, vốn là thường-tinh của con người, trừ phi trượng-phu quân-tử là thiều-ső, ngoài ra, phần đông khi thấy lợi-lộc thì cũng như ruồi xanh bắt mùi. Nhưng có thể có người chạy theo tiền bạc mà không hẳn là trái, vì cần nuôi vợ nuôi con hay là độ-nhật riêng mình không hẳn theo lợi mà bỏ nghĩa, hay là trái với đạo-lý cương-thường. Thực trong hạng người ấy, không biết được ai phải

ai trái, không nên vội-vàng trách ai. Theo nghĩa « ruồi xanh » thì xấu, nhưng lấy nghĩa vì lợi, tìm lợi, không hẳn có quyền kết án hay là khinh-chê.

Cũng như ăn chơi nhàn-hạ, ai lại không ham-thích, nhưng ngờ đâu chính việc ấy không khác gì uống thuốc độc. Bốn chữ « yếm an dam độc » vốn là chữ Nho quen dùng có ý nói ăn chơi nhàn-hạ hại như uống rượu độc. Thi-gia lại thêm « họa sinh hốt vi », có ý nói tai-họa ngầm-ngầm sâu-kín sinh ra khiến cho người ta không ngờ, không biết. Đến khi biết được thì đã quá chậm. Cho hay trong lúc ăn chơi, thường là tiêu-khiền, một chén rượu, một điếu thuốc, một ván bài, một tiếng hát, ngờ đâu chính trong lúc ấy, tai-họa đã tiềm-tàng phát-sinh. Có lẽ chữ « Hốt » ở đây không có nghĩa thình-linh, nhưng có nghĩa là « không ngờ, không biết » ; chữ Vi không có nghĩa « nhỏ mọn », nhưng có nghĩa « sâu kín, âm-thầm ».

Hình như thi-sĩ muốn khuyên người ta không nên theo bẽ ngoài mà xét-doán phê-bình kết án kẻ khác, và phải cẩn-thận giữ gìn không nên theo chúng bạn mà gây hại cho mình. Đó là một bài học khôn-ngoan, việc của người ta chưa biết rõ thế nào, không nên phê-phán, còn việc của mình thì lại giữ-gìn đừng tưởng bẽ ngoài là những thứ vui chơi, nên nhớ vui chơi có thè gây họa ngầm-ngầm, không ngờ.

5. Đừng tưởng mình có thè ngăn trở luật thiêん-nhiên, như nào ai có thè đem tay bốc đất (bồng thò) mà ngăn được nước sông Mạnh-Tân chääng. Có lẽ Tùng-Thiện-Vương mượn chữ trong Kinh Thi do câu :« Đại-hội vu Mạnh-Tân », để nói chung con sông lớn có tiếng, chứ không có ý nói riêng một

con sông nào. Nhưng đọc hai câu này có người thắc mắc, phàm ai có chí thì nên, « hữu chí cành thành », lấp sông đồi núi, đâu còn có phải là việc không làm được. Ngày xưa, Ngu-công tuy đã 90 tuổi, nhưng đã quyết san bằng hai ngọn núi Thái-hành và Vương-ốc, đã quả-quyết : « đồi ông làm không xong, thì con cháu ông tiếp-tục, rồi cũng đồi được núi » nên đã có tích Di-sơn. Ngày nay, Cộng-sản Trung-hoa vẫn nàng nhắc lại tích đó, khuyễn-kích người ta đừng ngại khó-khăn, cần phải kiên-tâm vững-chí. Và xưa nay, dập dập ngăn sông, đâu phải là việc lạ quá sức con người Áu-hàn Tùng-Thiện-Vương không phải không biết các tích-truyện và công việc đó. Cũng không cần nhấn mạnh đến hai chữ « bờng thồ ». Chắc ngài chỉ mượn câu văn để nói bóng là có những việc người ta không thiề phản-nghịch luật thiên-nhiên. Chỉ có những người tầm-thường ngu dốt mới làm như thế, chí như bậc triết-nhân, hạng người thượng-trí khôn-ngoan, đã biết rõ triệu-chứng các công việc (tri-cơ), nghĩa là biết trước cơ-vi của sự-tình khi việc chưa thành hình rõ-ràng, những điều hần-khuất đưa đến đâu, bậc triết-nhân đã biết rồi. Sách Nho xưa ít khi gặp thấy hai chữ « triết-nhân », thường vẫn năng dùng hai chữ « quân-tử ». Cũng có một vài dịp thấy chữ « hiền-triết », chứ hai chữ « triết-nhân », nhất là trong thi-văn, thực họa-hiếm. Ở đây, thi-sĩ đã dùng, chắc không phải là không có ý phân-biệt hiền-triết và triết-nhân. Trước là những người đã hiều-biết và ăn ở xứng-đáng đạo-đức cả tri và hành đều hợp-nhất vào một bậc cao-thượng. Sau là những người có tài hiều-biết sâu-xa, thấu-đáo, là hạng người khôn-ngoan, chỉ nói về Tri, chứ không nói đến Hành. Đối với hạng người ấy, thi-gia không dám lừa. Nỗi lại với hai câu trên, có lẽ thấy nghĩa là người khôn-ngoan biết việc gì nêu làm, việc gì không

nên, việc gì có thể làm được, việc gì không ; như việc lấy đất mà ngăn sông. Là việc không làm được, thì ta đâu lại muốn làm ; khác nào như muốn tò ra với triết-nhân là ta tài-giỏi hơn, ta làm được những điều triết-nhân đã biết rõ then chốt. Khi nǎng, biến hóa, kết quả, thẽ là muốn lừa triết-nhân chẳng, ta không dám như thẽ.

6. Phần ta, tuy có sẵn thứ tiêu-khiền, có rượu, có chén, nhưng trong hoàn-cảnh ấy, với những tư-tưởng kia, ta nào có tiêu-khiền được đâu. Mai sau này, ai nghĩ đến ta, tưởng trong cuộc đời hoàn-tử đầy-dù phuơng-tiện thú vui, ngờ đâu ta nghĩ đến nhân-tình thế-sự, ta vẫn đeo sầu. Có lẽ Tùng-Thiện-Vương đã muốn nói như thế chẳng? Trong bài Đoàn-ca-hành trước kia, có những ý-tưởng bi-quan yếm-thế hơn trong bài này, nhưng đã nhận thấy ngoài không phải là người da-câm da-sầu. Ở đây, các ý-tưởng nhận-dịnh giữa đời, không có gì đáng than-tiếc phản-nản. Vì đâu câu cuối đoạn 1 và đoạn 6 đều có chữ ỦU ? Hay là phải dịch chữ này theo nghĩa « Lo » đúng hơn nghĩa « Sầu » ? Nhưng dù theo nghĩa « Lo », cũng là « lo-âu, lo-buồn, lo-sợ », chứ không phải « lo-lảng, lo-liệu, lo-toan ». Nghĩa là ngoài suy-nghi dến sự-vật và nhân-sinh, rồi man-máu bên lòng, không biết mình có làm được gì, mình có biết sử-dụng sự-vật thiên-nhiên, để ích cho mình và cho người chẳng, hay chỉ sai lầm gây nên điều tai-họa.

Hình như đoạn đầu và đoạn cuối, khi mở lúc kết, đều nói đến ngoại-cảnh sinh nội-tâm, nhưng cảm thấy một mối lo-ngại, mà không hiểu vì đâu. Sau khi nghĩ đến lòng người (2), sự-vật (3), người dại (4), người khôn (5), thi-sĩ thấy rõ tư-tưởng của mình. Rồi lại ngại-ngùng không biết về sau, người ta có thấu nỗi tâm-hồn mình chẳng ?

Nếu không lầm, theo bài này, có thể nhận thấy thi-si là một người không thờ-ơ với vạn-vật vạn-sự chung quanh mình, không lấy câu thơ chén rượu mà hời-hợt trong ngâm-vịnh, nhưng ngài vẫn nhận xét suy-tư từng điều, rồi nhớ đến người và nghĩ về mình.

oOo

## V. THỦY KHỜI (1. 1836)

曉 起 五 更 初  
翁 然 寂 暇 想  
萬 尼 香 未 消  
一 庭 秋 莱 嫌

*Phiên âm.*

*Thủy khời ngũ canh sơ,  
Tiêu nhiên tịch chư tường,  
Thuở: vī hương vị tiêu,  
Nhất định thu diệp hương.*

*Dịch nghĩa.*

**Ngủ dậy.**

Ngủ dậy đầu canh năm,  
Thản-nhiên lắng tư-tưởng,  
Hương « đuôi khách » chưa tan,  
Toàn sân lá thu vang.

## Dịch thơ.

Canh năm thức dậy một mình,  
Thần-nhiên tư-tưởng tự-tình với ai,  
Mùi hương nhớ khách vãng lai,  
Nhìn sân lá rụng tiếc trời thu vang.

**Giải-thích.** — « Thước-vi » : Đuôi chim thước, chim khách. Có sách nói thường các nhà sư bỏ hương vào bình cổ cán dài giống như đuôi chim, dâng lên trước bàn thờ Phật, bình ấy gọi là « thước-vi ».

**Bình-luận.** — Thi-sĩ diễn-tả một buổi sáng tan sương, thức dậy lúc đầu canh năm, vào khoảng ba giờ sáng, trong tâm-hồn đương phẳng-lặng, không có tư-tưởng gì. Các tư-tưởng đều như lảng xuống yên-lặng, tinh-thần thanh-thoát nhẹ-nhang. Nếu sáng nào thức dậy cũng thế, chắc Tùng-Thiện-Vương đã không viết câu thơ này. Có lẽ ngài đã nhận thấy đặc-biệt một hôm kia. Vậy thường các buổi sáng khác, khi ngài vừa thức dậy, đã có những tư-tưởng, hay là băn-khoăn, xao-xuyến, tư-lý thế này chăng ? Tựa vào câu thơ này hợp với hai bài thơ Đoàn-ca và Trường-ca, có lẽ nhận thấy ngài là một nhà tư-tưởng, chứ không phải là một người thờ-ơ với muôn nghìn công việc hay là những biến-cố xảy ra ngoài mình và tự noi mình. Nhưng vì đâu ngài thức dậy vào giờ ấy ? Khó nói được là một tập-quán, vì không phải thi-sĩ nói đến tính minh hay là ghi lại một chương-trình của minh, ngày này như các ngày khác. Nếu không phải vì tư-tưởng hay vì một điểm chiêm-bao đánh thức ngài, thì do một điều gì ở ngoài chăng ? Không lẽ mùi hương kia chưa tan đủ

sức làm cho ngài thức dậy. Và theo câu văn, ngài thức dậy thì ngửi thấy mùi hương chưa tan. Nhưng trong phủ ngài và hai bên đều không có chùa đền, không có nhà sư, thì mùi hương ấy, ở đâu ? Hay là hôm ấy, ngài ngủ lại ở một chùa nào, nơi ngài nồng lai vãng chẳng ? Không có chứng-cứ gì đích-xác. Trong những thẩn-thoại, các thi-sĩ hay lấy đầu-dề ngâm-vịnh, câu chuyện « thirc-kiều » tượng-truyền đêm mồng 7 tháng 7 có đoàn chim khách bắc cầu qua sông Ngâu đè cho Chúc-nữ sang gặp Nguu-lang. mỗi năm một lần. Cũng có nhiều người gọi là « ô-kiều » cho là chim qua chừ không phải chim khách, nhưng không hề thấy nói đến hương thơm hay là đuôi chim khách trong những câu chuyện đó. Khó nói được là thi-sĩ muốn nói đến chim khách bay qua bắc cầu mà mùi hương sau đuôi còn phảng-phất trong lúc đầu canh năm. Nếu nghĩ đến hạng chim khách ấy, có lẽ nói được sáng hôm ấy là sáng mồng 8 tháng 7, thực đúng vào dịp mùa thu như câu sau đã ngụ ý thi-sĩ thức dậy, tâm-hồn vẫn bình-thản giữa lúc có người đương vui mừng như Nguu-lan Chúc-nữ được gặp nhau, nhưng rồi lại sắp phải xa nhau trong một năm trường, một khoảng thời-gian khá dài, khiến cho vui mừng nào khác một giặc mộng, hay phải pha lẩn thương tiếc buồn phiền. Cảm-khai đèn dây thi nghe tiếng lá rơi đầy sân dội lại. Lá rơi thế nào dù cho có tiếng dội ? Thi-sĩ đã tưởng-tượng và nói thái-quá di chăng ? Hay là sân lát đá, lá rụng nhiều bên thẩn, trong buổi tan canh thanh-lặng, tâm hồn thích-thản, dễ nghe những tiếng lá đặc như dội lại bên ngoài.

Theo các sách sử, Tùng-Thiện-Vương làm bài thơ này năm Minh-Mạng thứ 17, là năm ngài mới lên 17 tuổi. Nhiều nhà phê bình, kè cả người Trung-quốc, đều tán-thường là

kiệt-tác. Với những ý-tưởng kia, càng nhận thấy thực phi-thường.

oOo

## VI. SƠN-TRUNG (1. 1836)

曉 嘶 落 林 中  
樵 求 鹿 消 紫  
晚 風 卷 漢 雲  
明 月 填 山 缺

*Phiên âm.*

*Liêu-lượng bích lâm trung,  
Tiêu ca thính thanh tuyệt,  
Vân phong quyền khê vân,  
Minh nguyệt diên sơn khuyết.*

*Dịch nghĩa.*

**Trong núi.**

Véo-von trong rừng xanh,  
Tiếng tiêu-phu trong tuyệt,  
Gió chiều cuốn mây khe,  
Trăng sáng thay núi hờ.

*Dịch thơ.*

Rừng xanh những tiếng véo-von,  
Tiểu-phu cất tiếng vẫn còn thanh Trong

Gió chiều mây cuốn khe cong,  
Bóng trăng xuyên thảng qua trùng núi kia.

**Bình-luận.**— Vào núi nghe tiếng gió véo-von trong rừng xanh, lại có tiếng hát của bác tiều-phu, thi-sĩ nhận là vừa trong, vừa hay tuyệt-trần. Lúc ấy, trời đã về chiều, hình như bác tiều-phu đương gánh cùi đi về, vừa đi vừa hát. Lại có ngọn gió thổi lên, khiến cho vàng mây bên khe tan lẩn ở giữa, khác nào ngọn gió vén mây như vén bức màn, thi-sĩ đứng nhìn vào lỗ hở giữa núi, thấy ánh mặt trời bên kia, dường như thay vào lỗ hở. May hình-ảnh đặc-biệt, khiến cho độc-giả cảm thấy một bức tranh tả rất tài-tình, thực có tâm-hồn thi-sĩ mới nghe biết tiếng của bác tiều-phu tuyệt-trần và mắt của Tùng-Thiện-Vương mới nhận thấy gió vén mây bên khe cùng trăng thay lỗ hở bên triền núi.

oOo

## VII. CÒ.Ý

(3. 1839)

君家江之南  
要家江之北  
一葦尚可航  
相見不可得

*Phiên âm.*

Quân gia giang chi nam,  
Thiếp gia giang chi bắc,

*Nhất vī thương khà hàng,  
Tương kiến bắt khà đặc.*

*Dịch nghĩa*

Ý xưa.

Nhà chàng bên nam con sông,  
Nhà thiếp bên bắc con sông,  
Ngọn lau dù đưa qua,  
Thấy nhau không thể相遇.

*Dịch thơ.*

Phía nam có mái nhà chàng,  
Bên bắc nhà thiếp cách mảng con sông ;  
Ngọn lau còn có lưu thông,  
Hai người lại chẳng còn mong được nhìn.

**Giải-thích.**— « *Nhất-vī* » : Chữ « Vī » cũng đọc là « Vi », nghĩa là « cây lau ». Trong Kinh Thi có câu : « *Nhất vī hàng chi* » : Một chiếc lau vượt qua. Có tích Phật Đạt-ma bồ-tát đi trên sông, trên biển, chỉ dùng một ngọn lá lau.

**Bình-luận.**— Không biết tác-giả muốn nhắc tích-truyện gì lại lấy đầu đề là « ý xưa ». Có thể thấy ở đây lời than-thở của một người thiếu-phụ với người yêu. Hai bên ở cách nhau chỉ có một con sông, thế mà không thể thấy nhau. Thì-sĩ dùng những lời hàm-ngụ mỗi tình lâm-ly thống-thiết than thân trách phận ai-oán não-nùng.

Hai bên bờ sông, dù một ngọn lau là thứ lá nhò-mùa  
nhẹ-nhang, cũng dù dưa sang, nhưng vì đâu khiến cho hai  
người yêu nhau lại không gặp được nhau ? Vì lệnh song-  
thân, hay vì luân-lý gia đình ngăn cấm chăng ? Vẫn hay  
chữ « Thiếp » và chữ « Quân » có thè là lời một người thiếu-  
nữ nói với tình-nhân là một chàng thanh-niên, nhưng cũng  
có thè là tiếng người thiếu-phụ đã xuất-giá xưng với hạc  
lang-quân. Nếu theo nghĩa sau này thì vì ai ngăn-cấm ?  
Chàng hay thiếp có tội-tình gì ? Vì đâu lại phải ở sang hai  
bên một con sông ? Vì ai không cho đoàn tụ ? Tác-giả muốn  
nhắc đến mối tình của ai hay chính mình. Thi-si có ý nói  
thay cho ai ở bên kia sông đã nhớ đến ngài, nhưng vì tình  
duyên trắc-trở thế nào chăng ? Nhưng dõi với con sông  
Lợi-nông, phủ của ngài lại ở bên phía Bắc, trông sang phía  
Nam. Hậu-sinh không dám đặt giả-thuyết phạm đến thanh-  
danh của ngài, nhưng tưởng cũng có thè hiều ngài vốn là  
một thi-gia cao-thượng và đa-tình mới viết được hai câu  
chứa-chan ý-nghia một mối tình thâm-thúy trong tâm-trạng  
con người :

*Nhất vĩ thượng khả hàng,*

*Tương kiến bất khả đặc.*

oOo

## VIII HƯƠNG-CẦN (3 1839)

酒肆臨江散  
望都逐岸斜

江 陵 千 樹 橋  
只 此 足 生 涯

*Phiên âm.*

*Tiều tú lâm giang khái,  
Hoàng thòn trúc ngạn tà,  
Giang-lăng thiên thu quát,  
Chỉ thấy túc sinh-nhai.*

*Dịch nghĩa.*

Quán rượu bên sông mờ,  
Bờ tre ven xóm lài,  
Giang-lăng ngàn cội quít,  
Chỉ thấy đủ sinh-nhai.

*Dịch thơ.*

Quán rượu lại mờ bên sông,  
Bờ tre bến nước một dòng men theo,  
Giang-lăng trồng quít vẫn nhiều,  
Dân làng đủ sống đỡ nghèo quanh năm.

**Giải-thích.** — « Hương căn » : một làng ở huyện Hương trà, tỉnh Thừa-thiên, có tiếng thò-sản quít ngọt đặc-biệt.

« Giang-lăng » : một tỉnh ở Trung-hoa có tiếng thò-sản quít ngọt.

**Bình-luận.** — Muốn tả cảnh làng Hương-căn, thi-sĩ đã nói đến quán rượu bên sông, chạy dọc theo bờ không

ngay thẳng, có dãy tre xanh. Qua khỏi đó là vào làng, trồng  
nhiều cây quít khá vi như chốn Giang-lăng bên Trung-hoa.  
Tùng-Thiện-Vương lại nói đến cảm-tình dời sống của dân  
làng Hương-cần, chỉ có một việc trồng quít và bán quít  
cũng dù mưu-sinh độ nhật. Trong bốn câu năm chữ, ngài  
vừa tả cảnh một làng, vừa nói đến thô-sản, vừa bàn đến  
dân sinh. Không kiết ý ngài muốn nói giá-trị giõng quít  
Hương-cần dù nuôi dân trong làng, hay là ngài có ý nói  
đến dân làng Hương-cần giàn-dị, không lo đua tranh bôn-tầu  
chỉ lo việc trồng quít và bán quít làm kẽ sinh nhai. Thi-sĩ  
vừa khen cà giõng đất và cà hạng người.

oOo

## IX. TÙNG-QUÂN-HÀNH (4. 1840)

少 小 習 弓 馬  
年 來 善 轉 棍  
不 爲 邊 地 將  
龍 劍 匣 中 喚

*Phiên âm*

*Thiếu tiều tập cung mã,  
Niên lai nghệ chuyền tinh,  
Bất vi biên địa tướng,  
Lóng kiếm áp trung minh.*

## *Dịch nghĩa.*

### **Đi ra trận**

Ngày nhỏ tập cung ngựa,  
 Năm sau nghè đã tinh,  
 Chẳng làm tướng biên-giới,  
 Gươm cũng kêu trong rương.

## *Dịch thơ.*

Ngựa cung tập lúc thiếu-thời,  
 Một năm tinh-nhuệ, một mai phi-thường,  
 Chẳng làm được tướng biên-cương,  
 Gươm kia dù đặt trong rương cũng gào.

**Bình-luận.** — Lời khí-khai của một người nghĩ đến việc tung-quân. Đã tập lên ngựa bắn cung lúc còn nhỏ, đến khi đã thao-luyện, nếu không được làm tướng ở biên-giới đè đối-địch với quân thù ngoại-xâm, bênh giữ nước nhà, thì gươm đè trong rương cũng lên tiếng kêu gào. Đường như gươm cũng biết phẫn-uất, sao đã tập mà đến lúc nước nhà có cuộc binh-đao lại không được sử-dụng. Gươm kia oán trách vì chủ không dùng mình, hay là gươm kêu oan cho chủ, vì tài của chủ không được thi-thố. Thi-sĩ có ý phàn-nàn cho những ai có công học-hành luyện-tập mà không được trọng-dụng chăng ? Hay là ngài trách những ai không biết dùng người cho đúng chỗ, cho xứng tài-năng ? Hay là ngài muôn nhẫn-nhủ với người có trách-nhiệm nên thận-trọng đến việc dụng-nhân, không lưu-tâm

trọng-dụng những người có tài thì không khỏi có những lời oán-trác và những điều tai-hại như « gươm cõng biết kêu ».

oOo

## X. TẬP CẨM (7. 1842)

鶴 哀 啼 可 夜  
子 規 啼 史 苦  
修 書 謂 百 舌  
生 成 不 自 主

*Phiên âm.*

*Giá-cô đẽ khà-ai  
Tử-quí đẽ cánh khồ,  
Tu thư tạ bách thiệt,  
Sinh thành bắt tự chủ.*

*Dịch nghĩa*

**Cảm xúc mênh man**  
*Giá-cô kêu đáng thương,  
Tử-quí kêu càng khồ,  
Viết thư tạ bách thiệt,  
Sinh thành không tự-chủ.*

## Dịch thơ

Giá-cô nghe tiếng đáng thương,  
Tử qui nghe tiếng thêm đường khổ tâm,  
Bách-thiệt ta cảm tình thâm,  
Viết thư cảm tạ, chim không tự mình.

**Giải-thích.** — « Giá-cô » : thường gọi là chim đa-đa, người Trung-hoa tra theo tiếng kêu của nó, gọi là chim « hành bát-đắc », có nghĩa « đi chảng được ».

« Tử-qui » : cũng gọi là chim đỗ-quyên, hay là đỗ vũ, đỗ-phách, ta gọi là chim Cuốc. Có tích vua Vọng-dé nước Thục, ngày mất nước, buồn phiền hóa ra chim ; hay là Đỗ-vũ, vì vua nước Thục, gặp lúc thủy-tai, nhường ngôi lại cho thừa-tướng, rồi lên núi ở ẩn, sau chết hóa ra chim tử-qui.

« Bách thiệt » : trăm lưỡi, hay là « Bách-thanh » : trăm tiếng, thứ chim hót đủ thứ tiếng, ta gọi là con Khướou.

**Bình-luận** : — Thi-sĩ nói đến ba giống chim kêu hót khác nhau, có tiếng buồn, có tiếng vui, nhưng không phải tự mình, muốn thế nào được thế ấy. Có lẽ ngoài muốn nói đến tính bẩm-sinh của chim muông, sinh ra đã có Tạo-hóa phú-bàm, chứ không phải tự mình tập-luyện biến-hóa thế nào. Hai chữ « sinh-thành » vốn có nghĩa sinh dẻ và gầy-dụng. Theo nghĩa này, lại thấy hình như thi-sĩ có ý nhấn mạnh ý-tưởng loài chim không phải tự mình có biết gì dẻ sinh con và nuôi con, dạy con, chẳng qua chỉ do bản-năng, chim giống nào lớn lên thì kêu hót theo giống ấy.

Có lẽ câu thứ ba có hơi tối nghĩa. Vì đâu lại làm thơ tạ chim bách-thiệt ? Hay là sau khi nói đến hai giọng chim kêu lên những tiếng khiến cho ta phải ai-oán buồn sầu, thì chim bách-thiệt lại có những tiếng hót làm cho người ta vui, nên ta viết thư mà tạ ơn ? Hai chữ « tu-thư » cũng có nghĩa là soạn sách. Không biết tác-giả có ý-định viết sách về giọng chim này là một cách cảm ơn nó chăng ?

Chỉ trong mấy câu vừa nói lên những điều nhận thấy trong tạo-vật, lại vừa tỏ lòng mình không quên ơn những ai hay là những gì có thể giúp cho mình mua vui hay là giải-sầu, nghĩa là có giúp cho mình nhiều ít lớn nhỏ, hữu-ý hay tự-nhiên thế nào mình cũng nhớ ơn.

oOo

## XI. TẠP NGÔN (7. 1842)

村女太嬌癡  
垂髫喜岸情  
不知芍藥花  
輕折贈賓客

*Phiên-âm.*

*Thôn nữ thái kiều-si,  
Thùy thiều hý ngạn trách,  
Bất tri thược-c-dược hoa,  
Khinh chiết tặng tân-kl ách.*

### *Dịch nghĩa.*

Gái quê rất non khờ,  
 Tóc thả ưa khăn chéo,  
 Chàng biết hoa thược-dược,  
 Hái liều đem tặng khách.

### *Dịch thơ.*

Thôn quê một gái rất khờ,  
 Trên đầu tóc xõa, lại ưa khăn là,  
 Không biết thược-dược cành hoa,  
 Hái liều đem tặng khách qua bên đường.

**Bình-luận** — Tác-giả tả một cô gái nhà quê, tính còn non-nót dẽ thương, chất-phác vụng-về. Tóc chấm ngang vai lại có vành khăn chéo, ra dáng ưa thích. Nàng đứng bên cành hoa thược-dược, màu xinh tươi, nhưng không biết là hoa gì, thấy khách đi qua, liền hái đem tặng. Chính tác-giả là khách đó chăng ? Có lẽ Tùng Thiện-Vương đã chừng-kiến, chứ không phải là một câu chuyện tưởong-tượng. Vì ngoài tả đủ chi-tiết hình dung và tính-tình chủ động. Mỗi chữ mỗi ý không dư thừa, khiển cho độc-giả có thè hình-dung một cô thôn-nữ chừng hai tám xuân xanh, không biết quý khách, trọng khách với tính chất-phác thực-thà, hay là như nàng Kiều đứng trước Kim-Trọng « tình trong như dã, mặt ngoài còn e » ? Điều vẫn chắc là tính đơn sơ của nàng đã khiển cho khách vừa lưu-ý, vừa ngạc-nhiên, lưu ý đến tóc, đến khăn, lại ngạc-nhiên sao dám liều hái hoa đem tặng, nhưng

khách sẵn sàng tha thứ vì tính « kiều-si » và vì « bất tri thược được hoa » ; nhưng hai chữ « kiều-si » cũng biều-lộ mối cảm xúc của khách đứng trước bức tranh linh-dộng này.

oOo

## XII. TỔNG KHÁCH VĂNG HÀ-NỘI (8. 1843)

送君憑寄語  
一問北林禪  
還劍湖中月  
年來無許圓

*Phiên âm.*

*Tổng quan bàng ký ngũ,  
Nhất vân bắc lâm thuyền ;  
Hoàn-kiếm hồ trung nguyệt,  
Niên lai kỷ hử viên.*

*Dịch nghĩa.*

**Đưa khách đi Hà-nội**

Đưa chàng xin nhẫn gùi,  
Rừng Bắc hỏi thăm sư,  
Trăng giữa hồ Hoàn-kiếm,  
Năm tới tròn được bao ?

## *Dịch thơ.*

Mấy lời nhăn gùi đưa chàng,  
Ra ngoài rừng Bắc hỏi bàn nhà sư,  
Giữa hồ Hoàn-kiếm trăng thu,  
Bóng tròn năm tới kè từ bao lâu ?

**Giải-thích.** — « *kỷ hử* » : cũng đọc là « *kỷ-hứa* » : được bao nhiêu. Trong thơ của Thái-Hư Hòa-thượng có câu : « Phiển hoa ngã bắt hoài vinh nhục, minh-nguyệt hà tu kẽ khuyết viễn. » ! Chốn phồn-hoa, ta không quan-tâm đến vinh nhục ; thì trăng tròn khuyết mấy lần, có kè làm gì.

**Bình-luận.** — có những bài thơ, không biết tác-giả nói về ai, thực khó hiểu đúng nghĩa. Như trong bài này, nhò có nhan-dề, biết là thi-sĩ viết đưa một người bạn đi Hà-nội. Nhưng có một chữ có thè thay-đồi ý-nghĩa cả bài, khiên cho độc-giả hậu-sinh có hai giả-thuyết :

x) Chữ « Quân » có nghĩa là bạn đồng-bối, có thè dịch là « ngài » hay là « bạn », « anh ». Nhân khi bạn ra Hà-nội, Tùng-Thiện-Vương nhớ đến hai cảnh, một là chốn thiền-môn (nhà chùa) ở trong rừng đất Bắc. hai là hồ Hoàn-kiếm, giữa chốn Thăng-long. Ngôi chùa bạn thử hỏi thiền-gia (nhà sư) ở nơi thanh-vàng, xa chốn thành-thị, tu-hành đắc-đạo, có biết sao dời vật đồi, ngày sau đây có được thái-bình tĩnh-vương chàng. Như bóng trăng chiếu xuống trong hồ Hoàn-kiếm, vẫn hay nếu trăng rằm thì tròn, nhưng thi-sĩ muốn dùng nghĩa bóng hỏi có gần đến ngày rằm là đến thời-kỳ tốt đẹp chàng, hay là nước hồ kia có phảng lặng dễ cho bóng trăng lồng

tròn hay là chao-động, ý nghĩa tình-thể rối-loạn, dân-tình bất-an bao nhiêu thì hình trăng kia càng kém tròn bấy nhiêu.

2) Chữ «Quân» có nghĩa là tiếng vợ gọi chồng. Có người dùng rộng nghĩa tiếng thiếu-nữ gọi tình-nhiân hay vị-hôn-phu trong vòng doan-trang cung-kính (lặng-quân). Có thể dịch là «chàng». Nếu theo giả-thuyết này, thì Tùng-Thiện-Vương đã viết thay cho một người nào hay là chỉ trong tưởng-tượng? Có ý hỏi nhà đạo-đức là một vị kè như biết được tương-lai vận-mệnh hay là nhân-duyên của người trăn-tục. Hồi xem thử tình duyên đôi ta trác-trò, vì nay chàng ra Bắc, thiếp ở lại chốn thần-kinh, bao giờ hai ta đoàn-tụ, như bóng trăng kia được tròn? Chốn phồn-hoa Hà-nội có làm cho chàng sao-nhăng quên thiếp như nước hồ Hoàn-kiếm làm cho bóng trăng phải khuyết đi chăng. Năm sau tình chàng có gǎn thiếp như bóng trăng kia tròn được bao nhiêu?

oOo

### XIII. TỰ QUÂN CHI XUẤT HÝ (15. 1845)

自君之出矣  
日夜損容光  
思君若蛛網  
觸處便迴腸

*Phiên âm.*

*Tự quân chi xuất hý,  
Nhật dạ tồn dung-quang,*

*Tư quân nhược thù vong,  
Xúc xát tiễn hồi trường.*

*Dịch nghĩa.*

**Nhớ chàng ra đi**

Từ khi chàng ra khỏi,  
Ngày đêm thiếp gầy mòn,  
Nhớ chàng như lười nhện,  
Động đến ruột quặn đau.

*Dịch thơ.*

Kè từ giờ phút chàng xa,  
Ngày đêm thân thiếp phôi-phá hao-mòn,  
Giống như lười nhện bao tròn,  
Nhớ thương động đến ruột còn quặn đau.

**Giải-thích.**— « *Tư quân chi xuất hý* » : không biết tác giả tự đặt câu này, hay là mượn trong hai bài thơ của Trương-cửu-Linh đời Đường :

*Tư quân chi xuất hý,  
Bắt phục lý tàn kỵ.  
(Từ khi chàng r.i khói,  
Thiếp chàng còn dụng đến mây dệt).*

**Bình-luận.**— Thi-sĩ viết thay cho một người phụ-nữ tương-tư than-thở, hay là chính ngài tưởng-tượng tâm-trạng của một người chinh-phụ, một người bạn trăm năm

nhớ chồng, hay là ngài muôn mượn lời ai để nói lên chính cõi lòng mình ? Chỉ biết chắc một điều là 20 chữ này có thể sánh với Chinh-phụ-Ngâm của Đặng-trần-Côn hay Tần-cung-Oán của Ôn-như-Hầu. Khi Tùng-Thiện-Vương viết lên mấy câu thơ này, không biết ngài có nghĩ đến hai áng văn kia chăng. Ngài đã khéo tả tâm-trạng một người thương nhớ, không những theo như phần đông thường tình, nét mặt càng ngày càng hao mòn, lại tấm lòng như màn lưới nhện, bắt từ bên này sang bên kia, nào có muốn động đến ai, nhưng ai động đến, nghĩa là ai nhắc đến người mình thương nhớ hay mối tình đau-khổ của mình, thì giống như dây nhện kia thắt kết, mấy khúc ruột mình xe lại.

Hai chữ « hồi-trường » không chắc theo nghĩa danh-từ khoa-học ngày nay là khúc ruột non, nhưng thi-sĩ chỉ có ý nói khúc ruột quặt lại vì đau-dớn khi phải chạnh lòng nhớ thương.

oOo

#### XIV. ĐÔNG-VIÊN HOA (7. 1842)

楚 東 園 花  
莫 喜 春 風 作  
今 日 他 吹 開  
明 日 他 吹 落

*Phiên âm.*

*Sở sở đông viên hoa,  
Mạc hỷ xuân phong tác,*

*Kim nhật tha xuy khai,  
Minh nhật tha xuy lạc.*

*Dịch nghĩa.*

### **Hoa vườn đông**

Phơi phói hoa vườn đông,  
Chờ mừng gió xuân đến,  
Ngày nay nó thời nở,  
Ngày mai nó thời rơi.

*Dịch thơ.*

Vườn đông phơi-phói hoa tươi,  
Chờ mừng khi thấy gió cười đầu xuân,  
Ngày nay gió thời nở-nang,  
Ngày mai gió thời, hoa tàn-tạ rơi.

**Bình-luận.** — Nhìn hoa trong vườn, Tùng-Thiện Vượng nghĩ đến việc đời, nói lên mấy lời nhẫn-nhiu. Sau khoảng mùa đông giá lạnh, gió xuân đem lại sức nóng cho cành cây, người chủ vườn không khỏi vui mừng. Nhưng thi-sĩ lại thấy cùng một ngọn gió xuân, nay làm cho hoa nở, mai lại làm cho hoa rụng. Không phải là trách ngọn gió, nhưng khuyên người ta không nên vui buồn theo ngoại-vật. Sự-vật nào cứ theo bần-năng sự-vật ấy, như gió thời, như mưa sa, như tuyết rơi, như mây kéo, lợi hay hại cho con người là vẫn tùy con người, có hiểu biết và có sức lực mà đối-phó và sử-dụng hay không, chứ không phải chỉ do sự-vật. Nhìn hoa đương thời-kỳ kêt nhụy, có ngọn gió thì nở ra ; đến lúc tàn-tạ, gặp ngọn gió

thì rụng xuống, lối ấy không phải tự gió nhưng là tự hoa. Nói đúng hơn, cũng không nên đồ lối cho hoa, vì hoa thuộc về loại vô tri vô-giác, hoàn-toàn theo luật biến-chuyễn thiên-nhiên, có khi nở thì cũng có lúc tàn. Nhưng con người có tri-thức, tâm-tinh và ý-chí, có thể hiểu biết đẽ dẽ-phòng, đối-phó và sử-dụng ngoại-cảnh với ngoại-vật. Không nói đến phần vật-chất cũng thuộc về loại sự-vật nên vẫn chịu luật biến-chuyễn, có lúc nở-nang như ngày thanh-xuân, có lúc tàn-tạ như ngày vắn-niên. Nhưng với tầm hiểu tinh-thần, con người có khả-năng giữ cơ-thè lướt thẳng ảnh-hưởng của ngoại-giới một phần nào, và không đẽ cho tâm-hồn phải lệ-thuộc theo ngoại-giới.

Mấy câu thơ vắn-tắt bao-hàm cả một triết-lý sâu-xa về việc đẽ-phòng, đối-phó và sử-dụng ngoại-vật là cả đường lối và phương-pháp khôn-ngoan của triết-gia.

oOo

## XV. XUY TIÊU Ý (36. 1856)

吹箫度新曲  
未合宫與商  
野音但取適  
非要悅君王

*Phiên âm.*

*Xuy tiêu độ tân khúc,  
Vị hợp cung dã thương,*

*Dã âm dãn thủ thích,  
Phi yếu duyệt quân vương.*

### *Dịch nghĩa.*

#### **Thỗi sáo**

Thỗi sáo đưa khúc mới,  
Chưa hợp với Cung Thương,  
Tiếng quê nghe vẫn thích,  
Không lựa vừa lòng vua.

### *Dịch thơ*

Sáo thỗi một khúc tân-ca,  
Cung Thương chưa hợp cũng là tiếng đưa,  
Tiếng quê nghe đến vẫn ưa,  
Nào ai mong mỏi cho vừa lòng vua.

**Giải-thích.** — « *Cung-dứ-thương* » : Võn âm-nhạc Việt-Nam ngày xưa đã theo âm-nhạc Trung-hoa, phát-minh đời vua Huyền-tôn nhà Đường, có 5 thanh-âm, gọi là Ngũ-âm : Cung, Thương, Dốc, Chúy, Vũ. Thường trong câu thơ, không nói đến cả năm âm, chỉ nói vắn tắt hai âm đầu Cung và Thương.

**Bình-luận** — Nguyên-văn tác-giả đề bài thơ này « Xuy « tiêu ý », chữ « Ý » có nghĩa là tựa vào, ý lại. Cũng còn có nghĩa là cậy thể-thần, không sợ, không nề gì ai. Không biết Tùng-Thiện-Vương có ý nào, nhưng đọc bốn câu thơ này

đều thấy đủ các nghĩa đó. Hai câu đầu có nghĩa « ý lại », vì mình dám đem một bài mới chưa quen mà thời sáo, nên chưa hợp với điệu Cung, Thương. Hay là thi-si có ý nói mình thời sáo chưa hợp với Ngũ-âm, nghĩa là còn kém cỏi vụng-về. Nhưng không biết vì khúc mới chưa tập, chưa quen, nên chưa hợp với ngũ-âm, hay là vốn tài thời sáo của ngài còn thô-sơ non nót. Theo nghĩa trước, có ý nói thi si cay tài. Theo ý sau, lại có ý nói ngài bất-chấp, dù chưa quen, hoặc không tài, cũng không ngại thời một bài mới.

Hai câu sau lại rõ nghĩa « ý cay », không sợ, không nè gì ai, ngài nhận tiếng ngài thô-kệch, nhưng riêng ngài vẫn ưa thích, ngài thời dè ngài nghe, chứ không chiều-lụy ai, không thời cho ai, ngài cũng không tìm dè làm vừa lòng vua. Dưới triều vua Tự-Đức, chuyên-chẽ nghiêm-khắc, với tinh-thần tôn-quân của Không-Mạnh và Tống-nho, Tùng-Thiện-Vương đã viết lên câu thơ này tỏ tâm-hồn anh-dũng khí khái và tinh-thần mới-mè cách-mạng đến thế nào. Đọc nhiều bài thơ khác, thấy ngài vốn là một người đủ niềm trung-quân. Ở đây, có lẽ ngài nhận thấy sáng-suốt tự-do, chứ không nô-lệ cõi-hủ. Trung-quân đâu phải là làm cho con người không còn tự-chủ, tự-do, không còn nhân-phàm, nhân-vị của mình, không phải lúc nào, việc gì, cũng phải quên mình dè chỉ vì vua. Vua thương dân, vẫn muốn cho dân sống xứng-dáng đầy đủ con người, phát-triển văn-nghệ, có quyền thường thức vui chơi theo ý dân, miên là không có điều gì trái với cương-thường đạo-lý, dỗi-phong bại tục, thiệt-hại cho chính mình, hay là cho nước nhà, xã hội. Với những ý-tưởng như thế, Tùng-Thiện-Vương có quyền thời sáo mà không tìm cho vừa ý vua, nhưng vẫn trọng đạo trung-quân. Lại còn thấy quan-niệm của ngài về nghệ-thuật âm-nhạc. Hay

và đẹp không phải và không thè tùy người. Tự mình tìm hay và đẹp, khi tìm thấy hoặc người ta nhận thấy như mình hay là khác mình ; như mình, thì mình có thè tin chắc mình không sai-lầm ; khác mình, chính mình có thè hoài nghi về thầm-mỹ-quan hay là khiếu thầm-mỹ của mình. Có khi mình ngờ là hay, là đẹp, nhưng kỳ thực mình còn vụng-về. Một đặc-tính của mỹ-thuật là phải làm như chỉ có mình, không hỏi, không chiểu ai, dù bậc trên quyền-thể đến thế nào, là những người mình sần-sàng vâng-phục, chiểu-lụy, nhưng không phải trong phạm-vi thầm-mỹ. Cũng không phải vì đó mà thao-túng hay phỏng-túng, chỉ làm cho sáng tỏ phàm-giá con người là tự-chủ và tự-do.

oOo

## XVI. CHIỀN-ĐÀN THỤ (44. 1861)

兒 好 斗 樟 樹  
琴 香 邊 不 雜  
恨 菩 天 性 別  
只 在 過 風 間

*Phiên âm.*

*Tuyệt hảo chiên đàn thụ,  
Phồn hương quýnh bắt quần,  
Hận cù thiên-tính biệt,  
Chỉ tại nghịch phong văn.*

*Dịch nghĩa,*

### Cây chiên đàn

Cây chiên đàn rất tốt,  
Mùi thơm thực khác thường,  
Tinh trời sinh cũng lạ,  
Ngược gió mới biết hương.

*Dịch thơ.*

Chiên đàn cây vẫn xinh tươi,  
Mùi thơm phảng phất khắp nơi khác thường,  
Trời sinh vẫn lạ đủ đường,  
Đứng bên ngược gió mùi hương càng nồng.

**Giải thích.** — Chiên đàn là một thứ cây gỗ thơm khác thường, có điều lạ là đứng ngược gió mới nghe mùi thơm.

**Bình-luận.** — Tác-giả gọi đó là một tinh trời sinh (thiên tính), không như bao nhiêu thứ cây khác. Trong truyện Phan-Trần, cũng có câu « Chiên đàn còn thoảng mùi hương lạ đời ». Theo nguyên-ván, hình như thi-sĩ muốn nói vì tinh ấy mà người ta oán giận cây kia (hận cừ). Giận vì không theo luật thường chặng ? Khiến cho có người không hiểu không biết chặng ? Lẽ đáng mùi hương không theo hướng gió là mùi hương quý, vì là đặc-biệt khác thường. Nhưng biết đâu không phải thi-sĩ mượn cây chiên đàn và người oán trách để nói về quân-tử và tiêu-nhân trên đường đời. Quân-tử là người không theo như phần đông quan-chung, không phải tự mình lập-dị muốn khác người ta, nhưng vì thấy người ta sai lầm về tư-tưởng hay về tính-tình, khiến mình không

thè theo được, nên kẻ tiều-nhân lại oán ghét mình. Quân-tử không phải là mình muốn biệt lập, cũng không phải là người cõ ý vượt lên trên người ta, ra ngoài đoàn-thè, nhưng bao giờ cũng muốn theo điều chân-lý, giữ đường đạo-đức, tôn-trọng tinh-thần, giữ điều bác-ái và công-bình. Hạng người như thế vẫn ít, phần đông vẫn ích-kỷ, ham theo vật-dục, bất-chấp chân-lý và đạo-đức. Cũng như theo phần đông các loại cây, mùi hương chiểu theo hướng gió, chứ nào có sức phản ngược. Cây chiên-dàn thuộc vào loại họa-hiépm, đường như có thè tự-chủ, không đem hương sắc của mình dề cho ngọn gió có thè dưa dày, không chịu đi một đường với bao nhiêu thứ tầm thường. Người hiếu biết nên đứng trên ngọn gió mới là người đáng được hưởng mùi hương của chiên-dàn, thì dù có hạng người sai lầm dám tránh, Chiên-dàn cũng cam chịu cho tiều-nhân chê trách, miễn là có hạng cao-thượng biết mình. Người quân-tử cũng cam chịu cho tiều-nhân chê-trách, miễn là hạng trí-thức chân-chính chấp-nhận đường lối của mình, hay là tâm-trí và lương-tâm không kết-án mình.

oOo

## XVII. THUẬN-AN QUI CHÂU (10. 1843)

風緊暮潮平  
歸舟放溜輕  
灣多帆屢轉  
江永月同行  
沙嶼迴眸失  
屏山抗手迎

候 門 羣 雜 問  
海 物 宋 藍 領

*Phiên âm.*

*Phong khàn mõ triều bình,  
Qui chau phong lưu khinh,  
Loan đa phàm lũ chuyèn,  
Giang vịnh nguyệt dông hành,  
Sa dự hối mâu thất,  
Bình sơn khán; thủ nghinh ;  
Hầu môn quǎn tri văn,  
Hải vật sách lam khuynh.*

*Dịch nghĩa.*

Thuyền đi Thuận-an về,  
Gió mạnh nước chiều băng,  
Thuyền về buông nhẹ dòng,  
Nhiều eo nặng trôi buồm,  
Sông dài dòng với trăng.  
Nhìn lui đã mắt bãi cát,  
Ngự-bình đưa tay ra dón ;  
Cửa chờ có bầy trẻ hỏi,  
Cá biển chúng dòi nghiêng giỏ đè xem.

*Dịch thơ.*

Chiều hôm gió mạnh nước thăng băng,  
Buồng nhẹ thuyền về lướt giữa dòng,

Dãi đất quanh co buồm thuyền trở,  
Con sông dài thẳng bóng trăng song.  
Mắt nhìn bãi cát không còn thấy,  
 Tay đón núi Bình vẫn cứ trông ;  
 Trước cửa đợi chờ bầy trẻ hỏi,  
 Đòi nghênh giờ cá chúng đương mòng.

**Giải thích.** — « *Thuận-an* » : cửa biển cách kinh-thành Huế chừng 10 cây số.

« *Bình-sơn* » : núi Ngự-bình & Thuận-hóa, có hình như một bức bình-phong trước hoàng-thành.

**Bình-luận.** Thi-sĩ tả một cuộc đi chơi Thuận-an lúc trở về. Ngày xưa, các ông hoàng, bà chúa, tao-nhân mặc-khách nǎng đi chơi thuyền, nhất là trong mùa hè. Không như ngày nay, có xe hơi, đi đường bộ. Xưa vẫn đi thuyền trên sông Hương. Thường trong lúc chiều hôm, mặt trời vừa khuất bóng thì có gió mát. Hôm nay, thấy gió mạnh (phong khàn) mà ngọn nước vẫn băng-phẳng. Đây là một điều đường như có tính-cách mâu-thuẫn khác thường, nên thi-gia đã phải lưu ý. Vì hễ gió mạnh thì có sóng, mặt nước chao-dộng chứ không băng-phẳng. Nhưng ai có dịp đi thuyền trên sông Hương trong buổi chiều hôm, giữa tiết mùa hạ, nếu lưu ý, chắc đã trông thấy cảnh đó. Mặt nước sông Hương vẫn rộng, khiến cho có khi gió thổi mạnh, nhưng không lướt trên mặt nước, nhất là gió Nam hay gió Bắc thổi từ bờ này sang bờ kia, chứ không phải theo dòng con sông dọc theo hướng Đông Tây.

Khi thuyền ở Thuận-an về là ngược dòng nước, nhưng vì nước sông Hương có điều đặc-biệt, là trừ phi những lúc mưa gió, ngoài ra nước vẫn phẳng-lặng, đường như trên mặt hồ, nên chiếc thuyền nhỏ có thể phóng di một cách nhẹ-nhàng, dưới một hai mái chèo thư-thà.

Ngày nay, từ phía Đông-ba lên đến Giả-viên, hai bên đều ngay thẳng, không có quanh-co bao nhiêu. Nhưng đương thời Tùng-Thiện-Vương, thế-kỷ thứ 19, bờ sông Hương chưa được sửa-sang xây-dắp, nên có nhiều chỗ dôi ra lõm vào. Thuyền dọc theo bờ sông, muốn tránh cho khỏi tạt vào đất, nên phải theo những chỗ quanh-co, thành-thử nhiều lần phải thay trở cành buồm.

Mặt trăng vừa mọc chiếu sáng giữa dòng sông, thuyền đi tới vẫn thấy có nước có trăng, khiến cho khách có cảm-tưởng là trăng đồng-hành với nước, mặc dù con sông vẫn dài. Không rõ lúc này thuyền của thi-sĩ đương còn ở trên Hương-giang hay là đã vào sông Lợi-nông, là con sông nhỏ do vua Minh-Mạng đã cho đào nối liền sông Hương ra biển, đi qua từ Phủ-canxi xuống An-cựu là nơi có nhà của Tùng-Thiện-Vương.

Có lẽ câu thứ năm nói rõ là thuyền đã vào sông Lợi-nông, vì đưa mắt nhìn lui không thấy còn bãi cát trắng. Ngày nay, cũng còn có thể phân-biệt bờ sông Hương phần nhiều lài-lài từ trên đường xuống dưới mặt nước, trừ bên tả-ngạn người Pháp đã xây thành. Còn hai bên sêng Lợi-nông thì đất vẫn cao, nên bãi cát thi-sĩ muốn nói chắc là ở trên sông Hương, chứ không phải sông Lợi-nông. Hay là ngài muốn nói đến cồn Giả-viên, khi thuyền đã đi vào Phủ-cam thi không còn trông thấy nữa.

Nhưng lại thấy rõ núi Ngự-bình đường như đưa tay ra

chào đón. Tuy con sông Lợi-nông không hẳn là song song với núi Ngự-bình. Nhưng có điều đáng chú ý, là đứng trên con sông ấy, cũng thấy núi kia dõi-diện với mình ; và núi chạy dài khác nào như hai cánh tay đưa ra dõi với khách đứng trên thuyền.

Khi thuyền đến bến, ngay trước nhà thi-sĩ, khách bước lên thì thấy một đoàn trẻ đứng chờ trước cửa, vội chạy đến hỏi-han nhộn-nhip. Đoàn trẻ này âu-hỗn là con cháu thi-sĩ, theo tiếng ngày xưa trong hoàng-tộc, gọi là công-tử và công-tôn. Nhưng nói đúng hơn, chắc là con trai và con gái, chứ chưa có đến hàng cháu. Có phải vì trời đã tối mà chưa thấy về nên mong mỏi chờ đợi chăng ? Hỏi-han vì đâu về tối, cuộc di chơi có vui, có khỏe gì không ? Nhưng đây là một đoàn trẻ, chứ đâu phải người lớn dè có ý-tứ như thế. Dù có tính chăng nữa, cũng không chắc nói ra lời. Thi-sĩ không hề ngạc-nhiên, và cũng không chút phiền-trách, lại tả đúng sự-thực về tính-tình trẻ con. Điều đương mong mỏi là đi biển về có đưa về nhiều cá nhiều tôm (hải-vật) chăng, nên yêu-cầu nghiêm giò lại dè chúng xem thử được nhiều ít lớn nhỏ thế nào. Tính tò-mò và tính tham ăn của con trẻ, dù con ông hoàng-tử cũng thế, thi-sĩ đã diễn-tả một cách rất tự-nhiên.

Đọc bài thơ này, biết được một vài đặc-tính của tác giả. Người ưa-thích phong-cảnh sông núi, thích di chơi biển, lại giàn-dị, hiền-hậu, chiêu-chuộng trẻ con. Hay dè ý đến từng chi-tiết, nhất là những điểm đặc-biệt khác thường, không mấy ai lưu-ý : gió thổi mạnh mà nước vẫn băng, một khúc sông mà buồm phải nhiều lần thay đổi, nước và trăng cùng đi với nhau... Người dè có cảm-tinh và nhiều tưởng-tượng ;

thuyền về thì phóng mình nhẹ-nhàng trên dòng nước hợp với lòng người trong thuyền chǎng ? Bãi cát kia không còn trông thấy nữa, khách có lưu-luyến chǎng ? Hay vì ai đã vô-tinh không bằng trǎng kia vẫn đi theo nước. Núi Ngự đưa tay chào đón vì thi-sĩ đi về, hay là thi-sĩ có ý nói núi kia cũng như của mình, cảm-khai của một ông hoàng-tử hay của một người có ý-tưởng cao-xa, vì theo tên, núi ấy là bức bình-phong của vua ; thì chính mình cũng là người trong nhà vua với tinh-thần tôn-quân, tuyệt-nhiên không hề có ý-tưởng vượt quyển. Vừa tinh, vừa ý, vừa khí-khai, vừa tể-nhị, vừa hiền-hậu, vừa đơn-giản, thấy đủ trong tám câu thơ này.

oOo

### XVIII. BẢN-GIA (49. 1865)

丰	苦	貧	家	子
年	年	寒	復	儻
朽	腸	蔬	替	飯
凍	骨	大	爲	衣
邇	地	猶	兵	甲
是	天	且	疾	威
朱	門	樂	何	事
夜	秋	達	朝	暉

*Phiêm-âm.*

*Tân khò bǎn-gia-tử,  
Niên niên hàn phục cơ,  
Hao trường sơ thể phạn.*

*Đồng cốt hỏa vi y.  
Biển địa do bình giáp,  
Mân thiên thả tật oai,  
Chu môn lạc hà sự,  
Đa àm đai triều huy.*

*Dịch nghĩa.*

### **Con nhà nghèo**

Cay đắng thay con nhà nghèo,  
Năm năm đã rét lại đói ;  
Ruột trống, ăn rau thế cơm,  
Xương đồng, lấy lửa làm áo.  
Khắp đất còn có chiến-tranh,  
Đầy trời vẫn đủ tai-ương ;  
Nhà giàu sang sao cứ vui ?  
Ban đêm tiệc mãi đến sáng.

*Dịch thơ.*

Đắng cay thân phận cảnh nhà nghèo,  
Đói rét năm năm vẫn cứ theo ;  
Ruột trống, ăn rau, cơm chẳng có,  
Xương đồng, lấy lửa, áo không treo.  
Nơi nơi dưới đất còn chinh-chiến,  
Lòng lòng trên trời lại họa gieo,  
Xin hỏi nhà giàu sao hỷ-lạc ?  
Suốt đêm đến sáng tiệc hòa ấm.

**Giải-thích** — Bài thơ này trích trong tập 49, viết năm 1865. Nên nhớ triều vua Tự-Đức, nước nhà có nhiều cuộc ngoại-xâm và nội-loạn. Năm 1858, 14 chiến-thuỵen của Pháp và Tây-ban-nha do tên tướng Pháp Rigault de Genouilly vào đánh lấy Đà-năng. Qua năm sau lại vào chiếm Gia-dịnh. Năm 1861, tướng Charnier đánh lấy Biên-hòa và Định-tường. Năm sau, quân Pháp đánh và chiếm tỉnh Vĩnh-long. Tuy năm 1862, triều-dinh phải ký hòa-ước bồi-thường cho Pháp và Tây-ban-nha một số tiền lớn, để cho người hai nước ấy được ra vào tự-do buôn bán, nếu Việt-Nam muốn giao-thiệp với nước nào cũng phải trình với Pháp, muốn nhường đất cho ai cũng phải xin phép nước Pháp (!), và phải nhường đất cho nước Pháp ba tỉnh Biên-hòa, Gia-dịnh và Định-tường; thế mà vẫn không yên, triều-dinh Việt-Nam muốn điều-dinh đe lấy lại ba tỉnh ấy, còn chính-phủ Pháp thì rip tâm lấy thêm ba tỉnh miền Nam (Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên, iấy năm 1867, khiến cho Kinh-lược-sứ Phan-thanh-Giản tự-tử). Còn nội-loạn, thì năm 1851, có giặc Tam-đường do ba tên khách xúi giục dân quấy-nhiều miền Thái-nguyên. Năm 1854, có nhóm cách-mạng do Cao-bá-Quát phò Lê-duy-Cự, con cháu nhà Lê, sứ triều Nguyễn gọi là giặc châu-chău, vì năm ấy có nhiều châu-chău phá-hoại mùa-màng ở Sơn-tây là nơi khởi-loạn. Năm 1861, có giặc Phụng do Tạ-văn-Phụng theo quân Pháp đánh Quảng-Nam, rồi đổi tên là Lê-duy-Minh. trờ ra Bắc tự-xưng là minh-chủ phục-hưng nhà Lê. Năm sau, có Nguyễn-văn-Thịnh làm cai-tòng nên tục gọi là cai-tòng Vàng, cũng xưng là phu Lê trừ Nguyễn, đánh phá khắp nơi ở ngoài Bắc, mãi đến cuối năm 1865 quân của Nguyễn-tri-Phương mới dẹp được. Nhưng ở Cao-bằng, lại có giặc Khách nồi-loạn, qua năm 1866, quân của Kinh-lược-sứ Võ-trọng-Bình và Tuần-phủ Phạm-chi-Hương mới trị an.

**Bình-luận** — Tả cảnh-tình thân-phận con nhà nghèo dù muôn nghìn cay dâng. Năm này qua năm khác, chỉ biết dói và rét. Đói vì không có cơm ăn, chỉ ăn rau thay thế, lòng dạ vẫn trống rỗng. Rét vì không có áo, chỉ sưởi nhò hoi lửa, mà xương vẫn đông lại. Đã thế còn phải chịu những giặc-giã khắp nơi và tai-uong liên-tiếp. Nghĩ đến cảnh nhà giàu, lầu son gác tía, sao có thể vui chơi, yên-tiệc suốt đêm đến sáng ?

Hình như tác giả khóc thương thân-phận con nhà nghèo đầy-dù trăm nghìn đau-khổ, thiểu-thốn. Rồi trách ai còn gây nên chính-chiến, sao Trời lại nỡ đe những tai-uong; sao người giàu không thương-tưởng mà chỉ biết ăn chơi. Thi-si vạch rõ những nỗi bất-công, những điều phi-lý trong xã-hội. Tuy không đủ-nghị rõ-ràng phương círu-chữa, nhưng một câu hỏi đã bao hàm câu trả lời. Mỗi bậc có quyền, mỗi người có cửa, không thể nói riêng mình, chẳng dù vào đâu, chẳng làm gì được, nhưng biết đâu mỗi người bót phần kiêu-căng, bót tính ích-kỷ, bót điều xa-xì, lại không giúp được một phần nào.

Đương thời buổi ấy, trên đất nước Việt-Nam, lại trong đời sống của một ông hoàng-tử, không ai nói đến những vấn đề xã-hội bất-công như ngày nay. Cũng nên đề ý, ở Tây-phương, Marx sinh năm 1818, đến năm 1841, ông xuất bản với Engels bản tuyên-bố của Cộng-sản, năm 1866, ông lập hội Quốc-tế lao-dòng và qua năm sau, ông xuất-bản bộ sách Tư-bản-luận. Tùng-Thiện-Vương sinh năm 1819, đến năm 1865, viết bài thơ này, dù thấy ngài đã có một tấm lòng bác-ai sâu-xa và có tư-tưởng về xã-hội, về công-bình, về luật thương-thân-tuơng-trợ đầy-dù đến thế nào, và nói được ngài

đã vượt ra ngoài thời-đại khung-cảnh của ngài, không thua gì nhiều nhà tư-tưởng ở Tây-phương. Chỉ tiếc không biết vì hoàn-cảnh hay vì giáo-dục, ngài không tìm được giải-pháp ôn-hòa hay là ngài không dám nói ra.

Không những đáng khâm-phục, lại còn có thè trả lời với những ai trách con nhà vua quan-phú-quý không thương tưởng, không biết gì đến người nghèo. Không nên tòng-quát sai lầm. Cần phải nhớ có luật ngoại-trù. Hay là có người nêu lên câu hỏi: Tùng-Thiện-Vương có làm gì để giúp người nghèo nàn chăng? Dù không đánh dò cũng san bót một phần nào bất-công trong xã-hội. Vẫn hay không thấy nói ngài bán nhà cửa để nuôi giúp người nghèo, hay là viết những tờ điều-trần lên cùng vua hoặc kêu gọi những người chung quanh mình. Thiết-tưởng không nên đòi hỏi người xưa phải làm những việc như mình nghe thấy ngày nay. Trước phải biết tuy là một ông hoàng-tử, tuy là chủ vua, nhưng không có uy-quyền tiên của. Sau nữa, giáo-dục và hoàn-cảnh của ngài không cho ngài làm những việc có tính-cách cách-mạng bạo-động, chỉ biết mượn lời thơ mà than thở một mình, giữa lúc chung quanh mình không mấy ai nhận thấy, đau-dớn, phẫn-uất, phẫn-nàn như mình. Hay là ngài còn chờ bạn đồng-chi, đồng-tâm, chờ cơ-hội thuận-tiện theo đường lối khôn-ngoan của ngài. Nhưng bạn-hữu và thời - cơ chưa đến thì thẩn chêt đã cướp lấy ngài để sủ sách Việt-Nam thiểu tên một ông hoàng có làm việc cứu-giúp xã-hội.

Bài thơ này có thè nói là một tiếng nhắn-nhủ kêu gọi, một bút-các tiên-phong trong vấn-de xã-hội, một tiếng chuông cảnh-tỉnh các nhà tư-bản nhớ đến hạng người vô-sản nghèo nàn trên đất nước Việt-Nam chăng?

## XIX. DỨ TƯỜNG-VÂN TĂNG THOẠI CỨU (51. 1867)

童 脣 同 遊 侶  
猶 延 半 死 身  
茶 寧 移 舊 供  
禪 桌 話 窮 墓  
叟 起 非 心 想  
叟 達 出 世 人  
與 師 應 悟 道  
姑 相 競 誰 真

*Phiên âm :*

*Trùng ngộ đồng du lữ,  
Do diên bán tử thân,  
Trà liêu di cựu cùng,  
Thuyễn tháp thoại cùng trăn,  
Biền khởi phi-tâm tưởng,  
Ưu-liên xuất-thể nhân,  
Dữ sư ưng ngộ đạo,  
Chư tướng cảnh thùy chân.*

*Dịch nghĩa :*

**Cùng sư Tường-Vân nói chuyện**  
Bạn chơi đồng gấp lại,  
Thân chết nửa, người vẫn còn sống,

Nơi phòng trà, đồ cúng đưa xuống.  
Trên chõng chùa, nói chuyện đời,  
Điều biến-cố, lòng không tưởng đến,  
Mỗi ưu-hoạn, người xuất-thế vẫn còn vương.  
Cùng nhà sư, mong hiều được đạo,  
Các sắc tướng, cùu-cánh, có thực chẳng ?

Dịch thơ :

Cùng nhau gặp lại bạn làng chơi,  
Chết nửa tấm thân vẫn kéo dài.  
Trong chõn phòng trà, đưa của cúng,  
Trên giường sư-cụ, nói tình đời.  
Tâm lòng chẳng nghĩ bao thay đổi,  
Tắc dạ còn theo những biến đổi,  
Đạo-lý với sư mong giác-ngộ,  
Muôn hình kết-cục thực hay sai ?

**Giải-thích** — « Tường-Vân » : Chùa Tường-Vân là một ngôi chùa ở Thuận-Hóa, bên hữu đường lên Nam-Giao, cách đường cái chừng 1.000 thước. Ngày xưa vốn là một nơi thanh vắng. Hòa-thượng Thích-Tịnh-Khiết vốn xuất-gia tại đây. Tùng-Thiện-Vương đã giao-du với một vị sư ở chùa này, không rõ pháp-hiệu là gì. Chỉ biết bài thơ này kể chuyện một hôm ngài đến thăm và đàm-đạo với nhà sư, có lẽ sau một thời-kỳ xa vắng.

« Bán tử thân » : không hiểu thi-sĩ muốn nói về nghĩa đen : nhà sư bị bệnh bán-thân bất-toại ; hay là nghĩa bóng : nhà sư đã già nhưng vẫn còn khỏe.

« *Phi tâm-tưởng* » : Sách nhà Phật kề chuyện khi Phật-tồ còn là ông Hoàng-Tất-đạt-Đà mới ra đi tu, gặp ông Đại-thiên A-la-ila (Alara), ngài hỏi làm thế nào để thoát khỏi vòng sinh tử, là thoát khỏi luân-hồi, để diệt được đau-khổ. Đại-Thiên đáp là phải vượt qua tú-thiền để vào cõi « phi tưởng, phi phi tưởng », là cõi vô sinh vô tử. Nhưng Thích-Ca mâu-ni chưa được thỏa-mãn, vì « phi tưởng, phi phi tưởng là hữu-ngã hay vô-ngã ? » Nếu vô-ngã thì không có chủ-thể, không thành phi tưởng hay phi phi tưởng. Mà hữu-ngã thì chủ-thể hữu-trí, không thể phi tưởng hay phi phi tưởng. Bao rằng chủ-thể vô-trí lại không còn phải là nhân-sinh. Không biết có phải vì tích ấy mà Tùng-Thiện-Vương đã dùng chữ phi-tâm-tưởng về một nhà sư chăng. Hay là ngài có ý nói đến lòng người tu không còn bận-tâni.

« *Chư tưởng cảnh hù chán* » : ngay từ trong kinh Lực Phệ-dà (Rig Veda) ; đã nhận chỉ có Bà-la-ma là chân-tưởng, ngoài ra chỉ là « vang » và « bóng », là « mộng-ảo ». Trong thập-nhị nhân-duyên (pratityasamutpada) là 12 nguyên-nhân đau-khổ, nguyên-nhân thứ tư là « danh-sắc » hay là « hình danh-sắc-tưởng » (nāmārupa), là một nguyên-nhân thường hay nói đến thu gọn trong mấy tiếng « sắc-sắc không không ». Kinh Milindapanha đã giải-thích : thứ gì hiện-tại là Sắc, thứ gì tâm-niệm là Danh. Đại-khai là có Hình có Tên, nhưng có đó rồi mất đó, không có gì chân-thực, không có gì trường-cửu. Người ta đau-khổ vì không biết Danh-Sắc, cứ bám vào những thứ hữu-hình, khác nào như bám vào bóng dìng, tiếng vang, rồi thực ra không có gì. Theo đã khò, mà tiếc lại càng thêm khò. Vì thế nên đạo Phật muốn nhấn mạnh về tính-cách sai lầm những thứ hữu-hình hữu-động, khuyên

người ta không nên theo đuổi sai lầm mà đau-khổ. Có lẽ Tùng-Thiện-Vương đã nhớ đến thuyết « hình danh sắc tướng » nên viết câu « Chư tướng cảnh hà chân », có nghĩa các hình thù sau cùng có đâu là chân-thực.

**Bình-luận.** — Trong các thơ của Tùng-Thiện-Vương, thấy có nhiều bài nói về những lúc chuyện trò đưa tiễn các nhà sư, nhưng không thấy nói đến những việc cúng-tế kinh-kệ, hình như ngài có lòng mến phục các vị chân-tu, tra bàn-luận triết-lý, chứ không chắc có lòng sùng-tín mộ đạo, hướong về tôn-giáo. Xem như trong bài này, thi-sĩ kính-phục nhà sư chùa Tường-vân có tinh-thần cao-thượng, tuy thân mắc bệnh-tật hay là tuổi đã cao-niên, nhưng không vì đó mà mất phần linh-hoạt, vẫn còn trầm-tư mặc-tưởng, còn bàn-luận đến đạo-lý cao-siêu và nhân-sinh thế-sự. Thi-sĩ không tham-gia việc lê bái, lên chùa chỉ cốt đàm-đạo với nhà sư, nên vào chốn « trà liêu » khi người ta đưa dọn « cựu cúng ». Một gian phòng nhỏ-hẹp nghèo-nàn, chỉ một chiếc đường nhỏ (áp), có lẽ là một chiếc chõng tre, thực đúng nơi cư-trú của một vị cao-tăng. Một ông hoàng-tử không ngại và không chê khung-cảnh nghèo-nàn, vì biêt giới thứ tâm trong thập giới (dasasila) của hạng ưu-bà-tắc và ưu-bà-di, là sự sãi, có dạy không được nằm đường cao chiểu rộng ; huống nữa là lên đến bậc sa-môn, thượng-tọa, càng phải giữ những « cụ-túc-giới » và ngũ-thập-bát giới hay là « tam-tụ-thành ». Có điều hệ-trọng là phải xa lánh những thứ giàu-sang, cốt là an-bần lạc-đạo. Nhà nho vẫn quý trọng nhà sư tại điểm đó. Không phải vì thiếu-thốn mà chịu cảnh nghèo-nàn, nhưng vì khi nào cũng trọng đạo-lý hơn thân-thè, tinh-thần hơn vật-chất. Lại phải giữ-gìn cho khỏi có sự xa-hoa hào-nháng như tục-lụy ; bao

giờ cũng nhở tiền của thập-phương dâng cúng đâu phải dè cho mình sắm những thứ giàu sang ; tránh cho người nghèo-nàn phải tủi-nhục và dè họ gần-gùi với mình ; còn khách hay là bạn phú-quý cũng không có quyền bắt mình bắt-trung với tinh-thần, chí-hướng và kỷ-luật của mình. Nhà tu không nên viện cớ vì công việc hay là vì giao-thiệp, hoặc vì muốn cho người ta theo mình hoặc kính-trọng tôn-giáo của mình, mà bỏ mất vẻ cao-quý thanh-bần.

Có lẽ Tùng-Thiện-Vương đã có quan-niệm như thế, nên ngài quý-trọng vị cao-tăng ở chùa Tường-vân. Ngài lại yêu-mến vì nhà sư không bận-tâm với những biến-cố trắc-gian thế-tục, nhưng vẫn còn vương-vấn với đau-khổ của con người. Không phải là nhà sư biệt-lập ra ngoài xã-hội nhân-sinh, bắt tri thế-sự ; tuy không trực-tiếp tham-gia, vì muốn cho khỏi liên-lụy đến danh lợi, nô-lệ chức-quyền, trực-tiếp hay gián-tiếp gây diều chia rẽ, thiệt-hại đau-khổ cho một người nào, mặc dù họ không đồng tôn-giáo, tư-tưởng, chủng-tộc hay là hội tu với mình ; nhưng bao giờ cũng quan-tâm đến họa phúc chung của nhân-loại và riêng từng cá-nhân, lấy đau-khổ của người như của mình. Không những chỉ có câu kinh tiếng kệ dè cầu xin, lại còn phải lưu-tâm lưu-ý ngày đêm, tìm hiểu căn-nguyên và giải-pháp cứu-nạn cứu-khổ, bất-kỳ đau-khổ trong phạm-vi lãnh-vực nào, theo gương Phật-tồ Thích-ca đã tâu với vua cha : « Nếu hoàng-phụ làm cho trong nhân-gian không còn có ai đau-khổ thì con không cần phải xuất-gia », hay là theo gương Bồ-tát Quan-âm khuyên rằng : « Bao lâu còn một mảnh bụi trần trầm-luân trong bè khổ thì tôi đây chưa thành Phật-vội ».

Vì trọng nhà sư biết giữ thanh-bần và bá-cái, nên bàn-luân đạo-lý với nhà sư về những thuyết « hình danh sắc-tướng, sắc-sắc không-không ». Mấy câu thơ của Tùng-Thiện-Vương có thể biều-lộ tâm-tinh ý-tưởng của ngài, cũng như đa-số nhà nho ở Á-dông. Có kinh phục vì những gươong trong mồi tim hiều đạo-lý, chứ không bàn-luận đạo-lý với những người không thi-hành thực-c-hiện.

oOo

## XX. KIỀM-LÂU TIÊN-SINH (27. 1851)

矜妻愛著書  
屈却齊魯聘  
固窮以樂道  
誰能教之此  
  
侈哉耗壘死  
布被覆不竟餘  
非意而有餘  
邪之曷如正  
  
自言康乃詮定婦  
高識千斯貪競  
斯人有清風淡

*Phiên âm.*

*Kiêm-Lâu ái trước thư,  
Lũ khước Tề Lỗ sinh.  
Cố cùn; dì lạc đạo,  
Thùy nǎng thụ chi chính.*

*Thương tai châm chuyên từ,  
Bồ bị phúc bắt cảnh.  
Phi ý nhi hữu dư,  
Tà chi hạc như chính.*

*Tự ngôn Khuông vi thụy,  
Cao nghị thiên thu định.  
Tư nhân hữu tư phụ,  
Thinh phong khích tham cạnh.*

*Dịch nghĩa.*

**Ông Kiêm-Lâu**

Kiêm-Lâu ưa viết sách,  
Vẫn từ-khước lè-vật của nước Tề, nước Lỗ.  
Chịu nghèo đè vui theo đạo,  
Nào ai có thè trao cho ông quyền chính-trị.  
Thương thay khi ông chết đầu gối trên viên gạch.  
Vài chǎn che phủ không kín,  
Trái ý ông đè được dư-thừa,  
Nhưng nghiêng-ngửa sao cho bằng ngay chính.

Đã tự lấy chữ Khương làm tên Thụy,  
Lời bình-luận cao, ngàn năm vẫn bình-định  
Người ấy có vợ ấy.  
Thói tốt hạn chế lòng ham cạnh-tranh.

*Dịch thơ.*

Ưa viết sách có Kiềm-Lâu,  
Nước Tề, nước Lỗ thay nhau vẫn mòn;  
Khước từ ông chẳng nhận lời,  
Thà nghèo vui đạo, trọn đời vẫn hơn.

Dù cho lạy chuyền không sờn,  
Nào ai ép được mắc ơn chính-quyền.  
Đến ngày tạ-thế vẫn nguyên,  
Thương thay lấy gạch một viên kê đầu.

Vải chăn che phủ vào đâu,  
Thừa trên hở dưới, âu-sầu cho ai.  
Có người vội tưởng thay lời,  
Khuyên điều trái ý, đắp sai lại thừa.

Biết rằng ông chẳng hề ưa,  
Ngửa nghiêng xiêng lệch sao vừa thẳng ngay.  
Trước kia ông đã tỏ bày,  
Lấy « Khương » làm thụy, rõ thay tâm-hồn

Mấy lời nghị-luận cao hơn,  
Ngàn năm vẫn định không sờn không phai.  
    Người ông thế ấy xứng tài,  
    Người bà thế ấy, xứng hai vợ chồng.

Gọi là đều có thanh-phong,  
Diệt lòng ham muỗn, tan lòng cạnh-tranh.

**Giải thích.** — « *Kiêm-Lâu* » : sách Cao-sĩ-truyện có kè truyện ông Kiêm-Lâu là người nước Tề. Ông chỉ ưa truýc-tác. Vua Tề, vua Lỗ nhiều lần yêu-cầu ông ra chấp-chinh, nhưng ông vẫn từ-khước. Ông muốn sống cảnh an-bản lạc-dạo, nên không ai bắt được ông ra nhận chính-quyền. Đến khi ông tạ-thế, thực là một cảnh thảm-thương, vì nhà nghèo, không có gì, nên đầu ông chỉ đặt trên một viên gạch và thân ông thì có một tấm vải chăn che-phủ, nhưng thiếu đầu thiếu chân. Băng-hữu đến viếng kính mời dề-nghị với bà đắp cheo lại cho kín. Bà đáp lại : « Theo ý của ông lúc còn sinh-tiền, thì bà chịu thiếu-thốn mà ngay thẳng, nên bây giờ bà phải đặt tấm khăn liệm như thế ».

**Bình-luận.** — Thi-sĩ kè lại chuyện này, có lẽ vì cảm-phục một người lấy đạo-lý làm quý hơn chí-cuộc-quyền tiền-của, rồi kết-luận bằng mấy câu vô-cùng ý-nghĩa. Theo phong-tục người Trung-hoa ngày xưa, có đặt tên cho người đã khuất bóng, phần nhiều do lúc sinh-tiền đã dặn lại, dường như thu-quát cả chí-khi tâm-tình của con người trong một chữ « thụy ». Kiêm-Lâu đã muốn lấy chữ « Khang », có ý lấy « an vui » làm quý, không cẩn tiền-của, chúc-quyền, cao-

sang, danh-vọng. Tùng-Thiện-Vương khen cả hai ông bà trong mấy chữ đầy ý-nghĩa: « Tư nhân hữu tư phụ », có lẽ nên dịch là « Chồng nào vợ ấy ». Hai chữ « Thanh phong » có nghĩa đen là « gió trong, gió mát », và có nghĩa bóng là phong-tục tốt, xứng-dáng. Câu « thanh phong khích tham cạnh », dường như vừa nhận-dịnh một chân-lý, vừa khuyến-kích nhân-tâm thế-sự. Người ta thường tự gây nên tai-họa cho mình và cho kẻ khác, vì tham-dục rồi sinh cạnh-tranh. Vậy hè biết ăn ở cho xứng-dáng như có ngọn gió trong, gió mát, thì chẽ-ngự được những tính đó, cũng ngăn-ugura được bao nhiêu đau-khổ trên đường đời.

Vẫn hay chính-trị là việc rất cao-quý, vì là việc sắp đặt để mưu hạnh-phúc cho dân-tộc, thịnh-vượng cho nước nhà. Nhưng cần phải là người sáng-suốt, vô-tư, vô-vị-lợi, biết xả-kỷ vị-tha, có đủ điều-kiện vật-chất và tinh-thần. Trước là chính mình phải giữ sao cho khỏi sai lầm, sau là phải làm sao cho người ta nghe mình, mà không cần phải dùng những phương-thế tàn-ác bạo-dòng. Giữa lúc trong nước và ngoài nước, biết bao nhiêu người ganh-ty, muốn tranh giành địa-vị, muốn phá hại công việc của mình. Nếu không chắc mình có đủ điều-kiện, không đủ tài sức để đối-phó với những khó-khăn trớ-ngại, thì tránh đi không dám-nhiệm là hơn, không nhận lấy chức-quyền để cho khỏi phần trách-nhiệm. Nếu ham tiền bạc địa-vị cho mình mà làm cho nước nhà điều-dừng, đồng-bào đau-khổ, thì đối với người có chút lương-tâm và học-thíc, dù tiền bạc địa-vị thế nào cũng không chuộc được điều tội-lỗi. Vì thế nên ngày xưa, những người suy-tư nhiều, càng thấy xa hiều rộng, càng không dám chen lo hay là dám-đương chính-trị. Danh-giá bẽ ngoài nhất

thời cho mình mà gây đau-khổ cho đồng-bào dân-tộc trong hiện-tại và tương-lai thì tội ấy không phải nhỏ.

Nhưng viết những điều sai lầm, khiến cho có người đọc cũng sai lầm như mình, vì mình, lại không có trách-nhiệm ư? Biết đâu những người ham danh lợi, dang tâm tàn-ác, buông mình theo những thứ dâm-ô, lại không phải vì một số sách vở báо-chí, thì tội của tác-giả và triết-gia gieo mầm độc vào trong xã-hội nhân-loại lại không nặng lầm sao? Tuy có phần tai-hại, tác-giả có trách-nhiệm và có lỗi dối với độc-giả và xã-hội, nhưng người viết sách, viết báo, theo nguyên-tắc, là người muốn trình bày những ý-tưởng của mình ngờ là hay là đúng, nghĩ là hữu ích cho người ta, vẫn mong độc-giả không vội-vàng thu nhận, và dù sức cản nhắc những ý-tưởng của mình, còn phải suy xét cẩn-thận, thấy hay thì chấp nhận, thấy dở thì phi-báо. Biết đâu người viết sách lại không có người tự nhận mình như học-i i h làm bài, mong được có bao nhiêu độc-giả là bấy nhiêu giáo-sư chấm bài cho mình. Người hiều biết, có lương-tâm, có nghĩ, có tin như thế, mới dám viết sách. Và lại, người ta có thể ngăn ngừa phá hại công việc chính-trị, chứ trừ phi những chế-dộ độc-tài chuyên-chẽ, những người dỗ-ky lại ác-tâm quỷ-quyệt, ngoài ra, không ai ngăn-ngừa phá hại những người viết sách trình bày ý-tưởng. Có lẽ vì nghĩ như thế nên Kiêm-Lâu đã chọn con đường « ái trước thư » và Tùng-Thiện-Vương đã có những lời ca-tung cảm-phục hai ông bà người cao-si, lại cũng để khuyến-khích người sau nên theo gương một bậc hiền-đức àn-si, đã thực-hiện cao-quý chủ-nghĩa thanh-liêm chính-trực và an-bần lạc-đạo.

XXI. TRÁC-MỘC-ĐIỀU  
(7. 1842)

啄木鳥 啄木鳥  
雄來枝上遠  
栖得好樹枝  
蟲蠹不為少

鏡口恣所欲  
百萬供一飽  
飽來却吃去  
雌來復如固

螢螢亦何聊  
一生不能度  
蠹木信有罪  
何如彼邦蟲

*Phiên âm.*

*Trác-mộc điệu, trác-mộc điệu,  
Hùng lai chi thương nhiều,  
Thè đắc hảo thụ chí,  
Trùng đồ bắt vi thiều.*

*Sám khâu từ sở dục,  
Bách vạn cung nhất bão.  
Bão lai khước dương khứ,  
Thư lai phục như cõ.*

*Xi xi diệc hè liêu ?  
Nhất sinh bất năng đợ  
Đỗ mộc tin hữu tội,  
Hè như bỉ bang đỗ.*

*Dịch nghĩa.*

### **Chim mỏ-kiến**

Chim mỏ-kiến, chim mỏ-kiến,  
Con chim trống đến liệng trên cành.  
Đậu được trên ngành cây tốt,  
Sâu mọt không phải ít.  
Miệng thèm buông theo điều ham muối,  
Trăm vạn cung-cấp một bụng no.  
No rồi mới bay đi,  
Con chim mái lại trở về như thế.  
Bầy sâu biết nhở vào đâu ?  
Một dời không thể cứu-vớt.  
Vẫn hay một cây là có tội,  
Nhưng đâu bằng một nước kia !

*Dịch thơ.*

Con trống đến liệng trên cành,  
Đậu vào chõ tốt, một ngành cây cao.  
Sâu mọt chẳng thiếu chút nào,  
Tha hồ thèm muối, ăn vào no-nê.

Trăm vạn cung-cấp phủ-phê,  
No rồi cắp cánh, bay đi lia cành.  
Mái kia trót lại đồng tình,  
Bầy sâu còn biết phận mình làm sao ?

Trọn đời nhờ cây nơi nao ?  
Một kia đã đáng biết bao tội tình,  
Đâu bằng một nước yêu-tinh !

**Giải-thích.** — Chim mỏ-kiến là một giống chim ăn kiến, ăn sâu trên các cành cây. Thi-sĩ diễn-tả một con chim trống đến bay liệng, rồi tìm được chỗ tốt trên cành cây đậu vào. Chính nơi có nhiều con sâu mọt, Chim tha-hồ mò ăn no-nè. Có hảng trăm, hảng vạn con sâu đều cung-cấp vào bụng con chim. Ăn no rồi bay đi. Con chim mái lại tiếp đến cũng như thế. Bầy sâu không biết kêu van nhờ cây vào đâu. Một đời không thè cứu được. Thi-sĩ kết-luận : Thôi, vì sâu mọt ăn cây thì có tội, nên bị chim mỏ-kiến ăn di. Nhưng tội mọt cây đâu bằng tội mọt nước !

**Bình-luận.** — Tùng-Thiện-Vương mượn chuyện chim mỏ-kiến mà kết án hạng sâu mọt nước là hạng người làm hại nước nhà. Thường nói sâu mọt là hạng ký-trùng bám vào không làm ích mà chỉ làm hại. Đường như ngài phàn-nàn sao có thứ chim đè ăn loài sâu mọt hại cây, còn loài sâu hại nước, tội nặng hơn, mà vẫn cứ được băng-yên, ngoài vòng pháp-luật, không có thứ gì hại đi.

Đọc mấy câu này có thè thấy lòng thương nước nhà chủng-tộc của một ông hoàng-tử. Không biết đương triều

Thiệu-Trị, Tự-Đức có dung - thứ cho hạng một nước hay không, hạng ấy có nhiều hay ít, dè cho Tùng-Thiện-Vương phải vịnh bài thơ than-thở như thế. Hay cũng là mấy lời khuyến-khích nhẫn-nhủ người đương-thời và kẻ hậu-sinh, người nào theo năng-lực, hoàn-cảnh, địa-vị của người ấy làm sao cho ích nước lợi dân, chứ đừng phí mất thời-giờ sức-lực, hay là gian-dối thế nào, cho khỏi mắc vào tội sâu mọt của nước nhà.

oo

## LỤC NGÔN

### XXII. TỔNG KHÁCH (14. 1845)

頽岸疎梅瘦竹  
空江飛雨輕烟  
寂寥半汀殘照  
孤孤一艤歸船

Phiên âm.

*Đối ngạn sơ mai sầu trúc,  
Không giang tàn vũ khinh yên,  
Tịch tịch bán đinh tà chiếu,  
Phiêu phiêu nhất trạo qui thuyền.*

\*\*\*

*Dịch nghĩa.*

### Đưa khách

Bờ đất lở, hoa mai thưa, cây trúc gầy,  
Con sông trống, mưa gần tạnh, khói nhẹ lên,  
Yên lặng nửa vùng, bóng xế chiều,  
Mù khói một mái, chiếc thuyền trở về.

*Dịch thơ.*

Bờ lở, mai thưa, khóm trúc gầy,  
Mưa tàn, sông trống, khói hây hây,  
Nửa vùng bóng xế, chiều yên lặng,  
Một mái thuyền về, đúng-dình thay.

**Bình-luận.** — Tuy đề là Đưa khách, nhưng ba câu đầu, thi-sĩ tả cảnh bên bờ sông, trời đã về chiều. Đứng trên bờ, thấy cảnh thưa-thớt âu-sầu, nhìn ra sông, không thấy ghe thuyền qua lại, chỉ có mưa đã gần tạnh, hơi trên mặt nước bay lên như tàn khói nhẹ-nhiàng. Thế mà chiếc thuyền kia một mái chèo trở về, dường như không cần-thận, không vội-vàng, có cách luyến-tiếc giữa kẻ ở lại với người ra đi. Ý nghĩa bài thơ là « quang-cảnh khi đưa khách ». Không biết thực cảnh như trong bài thơ, hay vì « người buồn cảnh có vui đâu bao giờ », khiến cho mắt người chỉ thấy buồn-sầu chán-nản. Có thể so-sánh với những câu :

Người lên ngựa, kẻ chia bào,  
Rừng phong, thu đã nhuộm màu quan san,

Dặm hồng bụi cuồn chinh an.  
Trông người dã khuất mấy ngàn dâu xanh.  
Người về chiếc bóng năm canh,  
Kè đi muôn dặm một mình xa xôi.  
Vầng trăng ai xè làm dôi,  
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường...

*Nguyễn-Du, Thúy-Kiều đưa Thủ-sinh.*

Ngồi dẫu cầu nước trong như lọc,  
Đường bên cầu cỏ mọc cὸn non,  
Đưa chàng lòng dâng-dặc buồn,  
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.  
Nước trong chảy, lòng phiền chẳng rửa,  
Cỏ xanh thơm, dạ nhớ khéo quên,  
Nhủ rồi tay lại trao liền,  
Bước di một bước lại vin áo chàng.

*Đoàn-thị-Điềm, Người chinh-phụ đưa chồng.*

Không dám nói thơ Tùng-Thiện thua hay hơn mấy câu này, nhưng ba lối thơ, một bên lục-ngôn tứ-cú, một bên lục-bát và một bên song-thất lục-bát. Bài nào cũng nhiều cảm-tình, nhiều tưởng-tượng, cũng thấy cảnh với tình đường như thông-cảm với nhau, khiến cho có người đọc đến không biết thực hư thế nào. Phục tài cụ Nguyễn-Du và bà Đoàn-thị-Điềm (hay là cụ Đặng-trần-Côn) khéo tưởng-tượng tâm-tình của một người tiêu-tinh và một người chinh-phụ khi đưa chồng. Lại phục lòng Tùng-Thiện-Vương thương tiếc bạn-hữu đến nỗi khi đưa bạn ra đi mà trông thấy cảnh-vật

u-sầu thảm-đạm. Hai chữ « phiêu phiêu » có thể hai nghĩa. Một là « mù khơi », ý nói thuyền bạn ra đi, mình không còn trông thấy nữa, lòng cảm-xúc bùi-ngùi. Hai là « khinh-suất », đường như cảm thấy bạn cũng như mình, không nỡ biệt-ly, tuy chèo một mái mà không đề ý gì. Chính có thực như thế hay tự mình thấy thế ? Dù thế nào, cũng tả được lòng người đa-cảm đa-tình luyến-tiếc khi phải đưa bạn ra đi. Nhắc lại cả một học-thuyết cảm-giác và tri-giác, không hẳn chỉ do đối-tượng, nhưng cũng có một phần của toàn chủ-thể, từ các giác-quan cơ-thể đến tri-thức và tinh-tình tâm-hồn, qua không-gian và thời-gian, cả quá-khứ và hiện-tại, biết đâu lại không có tương-lai. Vì không những điều đã qua ảnh-hưởng đến tâm-tình, lại còn những mong-mỗi chờ-dợi, hay là sợ-hãi lo-âu, cũng không hẳn là không can-thiệp. Càng chứng-minh thi-sĩ là một người không thể sống cô đơn và cô-độc, bao giờ cũng « sống liên-hệ », ràng buộc thắt kết người với mình, quá-khứ, hiện-tại với tương-lai. Có lẽ vì càng « sống liên-hệ » nên càng cảm thấy đơn-chiếc và càng dễ cảm-xúc. Vì thế nên càng triết-nhân và càng thi-sĩ chân-chính thì càng biết nhiều và càng thấy rộng trên đường đời.

oOo

### XXIII. LỤC-THỦY (10. 1843)

綠水青山在  
孤雲野鶴飛  
短艇柳邊客約  
小橋月下僧歸

*Phiêm âm.*

*Lục-thùy thanh sơn thường tại  
Cô-vân dã-hạc đồng phi,  
Đoán đì ih liễu biên khách điếu  
Tiều kiều nguyệt hạ tăng qui.*

*Dịch nghĩa.*

**Nước biếc**

Nước biếc non xanh vẫn còn,  
Mây đơn hạc nội đồng bay,  
Trên thuyền con, bên gốc liễu, khách ngồi câu,  
Trên cầu nhỏ, dưới bóng trăng, sư ra về.

*Dịch thơ.*

Nước biếc non xanh vẫn tại đây,  
Mây đơn hạc nội lại đồng bay,  
Ngồi câu bên liễu trên thuyền ngắn,  
Cầu nhỏ, trăng tà, vắng bóng thầy.

**Giải thích.** — « Lục »: có nghĩa mẫu xanh lá cây, có thể là mẫu biếc. Trong tiếng Việt, thường có bốn chữ « nước biếc non xanh ». Không biết thi-sĩ đã nghĩ bằng tiếng Việt rồi dịch ra chữ nho, hay là người Trung-hoa vẫn có mấy chữ đó. Nên phân-biệt trong tiếng Việt chữ « xanh » có nhiều nghĩa, tùy theo những chữ thêm ở sau, nhiều người ngoại quốc không hiểu nòi, như giáo-sư Cuvillier đã dám

viết trong một quyển sách giáo-khoa Tâm-lý rằng người Việt-Nam không phân-biệt được nhiều mẫu sắc. Trái lại, tiếng Việt rất giàu và rất rõ : có « xanh lá cây » tương-dương với chữ Lục, có « xanh da trời » hay « xanh nước biền » tương-dương với chữ Thanh. Nước có khi xanh như da trời là khi nước trong, mẫu sắc trên trời chiếu xuống : lại có khi xanh như lá cây là khi nước đục. Thường khi nào nước chảy thì xanh da trời, nước đọng thì xanh lá cây. Ý tác-giả muốn nói cảnh-vật bất-biến bất-dộng chăng ?

Hay là hai chữ « lục-thủy » phải dịch là « nước lục », vì dịch đúng chữ « Biếc » thì có chữ « Bích » ( 碧 ) nên có chữ « Bích-thủy » mới thực là nước biếc. Không lẽ thi-sĩ, không biết hai chữ này. Chắc là cố-ý. Hay là ngài không muốn dùng chữ thanh-cao, muốn dùng chữ đơn-sơ thông-dụng và diễn cho đúng theo ý mình là « lục-thủy ».

**Bình-luận.** — Đọc bài thơ này lại nhớ đến bài « Dữ Tường-vân tảng thoại-cựu », có thè nói được thi-sĩ vốn là người bạn thân của nhiều nhà sư. Có lẽ đây là một buổi chiều hôm, ngài tiếp một nhà sư ; sau buổi đàm-đạo, khách từ-biệt lên bến ra về, còn chủ ngồi lại dưới thuyền thả câu mà tiêu sầu tiễn-biệt, hay là tiếp-tục trầm ngâm những điều vừa đối-thoại giữa người sống trong trần-tục và người xuất-thế, tâm đầu ý hợp, thương đau tình đời. Toàn bài tả ngoại-cảnh, nhưng độc-giả có thè cảm thấy nội-tâm của tác-giả. Nhìn ra trước mắt, nước non kia không thay đổi, vẫn tồn-tại, trông lên trời, thấy đám mây đơn kéo phủ, thấy bầy hạc nội bay qua, khác nào như dồng bay với nhau. Nghĩ đến nhà sư kia chăng ? Hay là nghĩ đến chính mình, tuy là một ông hoàng-tử, nhưng vẫn ưa thích cuộc đời ẩn-dật. Vì

» cõ-vân dã-hạc » có nghĩa bóng là người trốn dời không ai tìm thấy. Như cũ Nguyễn-Du đã có những câu :

- Máy bay hạc lánh biết là tìm đâu.
- Biết đâu hạc nội mây ngàn là đâu.

Có lẽ vì đồng-thanh tương-ứng, đồng-khí tương-cầu, thi-sĩ tri-âm tri-kỷ với bậc cao-tăng. Đến lúc phân-ly, mình chỉ biết ngồi câu như Lữ-vọng. Hay là trong lúc đưa tiễn vị cao-tăng, trên chiếc cầu nhỏ, lại thấy dưới sông chiếc thuyền con con, bên khóm liêu, có bạn ngư ông, thi-sĩ cảm khoái chạnh lòng, vì trạng-huống diễu-khách, cũng là trạng-huống của người muốn lánh cõi trần-tục, muốn quên những xấu-xa độc-ác giữa đời. Hình như ba người mà một ý-tưởng, một tâm-tình, không ai nói cùng ai, nhưng một thanh-âm rung-động hòa-nhịp giữa ba cõi lòng.

oOo

## XXIV. NHÀN CƯ (10. 1843)

小院數株松竹  
橫塘十丈芰荷  
晚色林中鳥噪  
夕陽江上漁歌

*Phiêm âm.*

*Tiều viện số châu tùng trúc,  
Hoành đường thập trượng chí hà,*

*Hiều sắc lâm trung điều hoán,  
Tịch dương giang thương ngư ca.*

*Dịch nghĩa.*

### **Ở rảnh rang**

Nơi viện nhỏ, có mấy cây tùng, cây trúc,  
Dưới hồ rộng mươi trượng, có cây ấu, cây sen,  
Khi sắc trời ban mai, đàn chim kêu trong rừng,  
Lúc bóng xế buỗi chiều, ngư-phủ hát trên sông.

*Dịch thơ.*

Viện nhỏ nào tùng với trúc chen,  
Hồ do mươi trượng, ấu cùng sen,  
Chim kêu buỗi sáng trong rừng vắng,  
Chài hát trên sông bóng lấp đèn.

**Bình-luận.** — Không rõ thi-sĩ muốn tả cảnh-vật ở nơi nào. Chữ « Viện » thường có nghĩa là một cơ-sở, nơi chốn dành riêng về một việc gì, hoặc lớn như viện Hàn-lâm, viện Đại-học, hoặc nhỏ như chốn thư-phòng :

- Chàng về viện sách, thiếp rời lầu trang.
- Gác kinh viện sách đồi nơi.

*Nguyễn-Du. Đoạn-trường tân-thanh.*

Điếc biết chắc là nơi ấy có cây tùng, cây trúc, có hồ rộng lớn, thả ấu và thả sen. Buổi mai thì nghe tiếng chim

kêu trong rừng. Buổi chiều lại nghe tiếng ngư-phủ hát trên sông. Vì hai câu sau, không thể là một khu trong cung điện hay là trong phủ-môn của ông hoàng-tử, nhưng có lẽ là nơi lăng-tầm. Hay là những ngày Tùng-Thiện-Vương lên ở tại lăng vua Minh-Mạng chăng ? Ngoài ra, trong dân-gian hoặc quan-lại, vào thời buổi ấy, chắc không có ai có được một nơi như thế. Cũng có thể không phải là một cảnh tưởng-tượng chấp nối nơi này với nơi khác. Thường vẫn thấy trong thơ của Tùng-Thiện-Vương tả cảnh xúc-tình nhiều hơn tưởng-tượng. Có lẽ đây là nguồn cảm-hứng trong lúc ở chầu hầu tại lăng Minh-mạng, từ sáng đến chiều, tâm-tình của một ông hoàng-tử hiếu-thảo, thấy cảnh-vật trước mắt, nghe tiếng chim kêu trong rừng, người hát trên sông vọng lại, mà lòng người man-máu, có điều muốn thấy muốn nghe, nhưng không biết làm sao dễ thấy dễ nghe. Chỉ biết xuyên qua những cảnh-vật và thanh-âm dễ tìm bóng và tìm âm của người quá-cố.

◦◦◦

## XXV. TỰ DẬT (18. 1846)

酒 溪 一 搏 日 落  
落 花 萬 點 春 間  
天 邊 跋 舟 霧 隨  
江 哮 龍 鈎 波 寒

### *Phiên âm.*

*Trọc-tửu nhất tôn nhật mỵ,  
Lạc hoa vạn đìêm xuân lan,  
Thiên biến qui châu vụ đn,  
Giang bợn bối điểu ba hàn.*

### *Dịch nghĩa.*

#### **Tự mình & ẩn**

Rượu lạt một bầu lúc trời tối,  
Hoa rơi vạn chấm buỗi xuân tàn,  
Dưới chân trời, chiếc thuyền về có mù che phủ  
Bên bờ sông, dừng câu cá, sóng đã lạnh.

### *Dịch thơ.*

Rượu lạt tối trời sẵn một bầu,  
Hoa rơi vạn chấm buỗi xuân thâu,  
Thuyền về trời xế, mù che phủ,  
Sóng lạnh bên sông, chẳng muốn câu.

**Bình-luận.** — Có lẽ thi-sĩ muốn nói về một buỗi chiều hôm, một mình ngồi câu cá bên bờ sông, với một bầu rượu. Chữ « tôn » cũng có nghĩa là « chén, ly ». Nhìn trên bến, thấy những cành hoa rơi, khác nào như có muôn chấm lõm dốm trong buỗi xuân đã tàn. Xa xa thấy có chiếc thuyền trở về trong đám sương mù. « Thiên biến » có nghĩa là « chân trời », nơi giáp-giới giữa trời và đất. Riêng mình, không còn muốn câu nữa vì sóng đã lạnh.

Nghĩa đen là thế, nhưng có khi cũng có nghĩa bóng là lúc về già. Nhật mộ, xuân lan, ba hàn, đều có thè hiều là về lúc vẫn-niên. Không còn có ai là tri-kỷ với tri-âm, trừ phi một ly rượu lạt là bạn của mình. Nhìn chung-quanh hay là tự trong ý-tưởng của mình, dường như vạn vật cũng đã héo tàn khác nào những cành hoa rụng. Còn xa kia, người ta tiến lên thế nào, chính mình vẫn không biết rõ, khác nào như chiếc thuyền trong mây mù. Người ta vẫn nói « về già » thì có thè gọi người lớn tuổi là « qui châu ». Còn chính mình, chỉ có việc câu cá, nhưng cũng muốn thôi, vì sóng dưới chân đã lạnh; nghĩa là thấy trong người không còn có sức - lực. Mặc dù đang ở bên bờ sông, cá vẫn nhiều, khác nào như thấy ở đời còn bao nhiêu việc phải làm, dường như việc đến với mình, nhưng chính mình không còn muốn hay không thè làm gì.

Tả tâm-hồn của người cao-niên như thế, thực rất khéo và rất cao. Nhưng lúc viết bài thơ này là năm 1846. Tùng-Thiện-Vương mới 27 tuổi, không lẽ đã nghĩ và đã hiều tuổi già như thế. Cũng khó nói là ngài chỉ tả cảnh một kẻ đi câu vào lúc tối trời. Tâm-hồn thi-sĩ như ngài, không lẽ nào những lời như thế lại chỉ nói về ngoại-giới mà không có những cảm-tưởng cao-hứng trong nội-tâm. Hay là ngày xưa, một người học sớm, hiều nhiều, lại ưa thích trầm-tư mặc-tưởng, thì tuy tuổi chưa đầy ba mươi, nhưng tư-tưởng đã sâu-sắc không thua gì những bậc lão-thành.

oOo

XXVI. BÀI HÀI THÈ  
(30. 1853)

問疾多煩老衲  
立方誤聽庸醫  
頭痛幸逃惡客  
手撓免和歪詩

*Phiên âm.*

*Vấn tật đa phiền lão衲,  
Lập phương ngộ thính dung y,  
Đau thống hạnh đào ác khách,  
Thủ dò miễn họa oai thi.*

*Dịch nghĩa.*

**Thè trào phúng**

Hỏi thăm bệnh thêm phiền-nhiều cho bậc sư già,  
Sắp đặt thuốc thang, bị lầm theo thầy thuốc vụng,  
Đau đầu nên may tránh được khách dữ,  
 Tay run nên khỏi họa bài thơ dở.

*Dịch thơ.*

Bệnh thăm thêm lụy bậc sư già,  
Chế thuốc nghe lầm thuốc vụng pha,  
Đau ốm khách xẳng may khỏi tiếp,  
 Tay run khỏi họa thứ thơ tà.

**Giải-thích.** — Hai tiếng « lão nạp » là tiếng tự xưng của bậc sư già. Ở đây, có lẽ thi-sĩ dùng danh-từ ấy để chỉ một bậc cao-tăng đến thăm trong lúc mình nhuốm bệnh. Không biết có ý mượn câu thơ của Đái-thúc-Luân chăng : « Lão nạp cung trà uyển, tà dương tống khách châu » (Sư già đưa chén nước trà, thuyền đưa khách buồm xế tà). Hay là ngài nói về một nhà sư đương đau mà có người đến thăm ?

**Bình-luận.** — Không biết có phải thi-sĩ làm bài thơ này trong lúc đương lâm bệnh, hay là kè chuyện một nhà sự. Nếu là chính ngài lâm bệnh, thì trước là cảm mến nhà sư cao-niên có lòng đến hỏi thăm. Sau là cười vì đã nghe theo một y-sĩ kém đến nỗi cho thuốc sai lầm. Uống xong mới biết chăng ? Nhưng trong điều rủi lại có sự may. Là nhờ có bị bệnh nên tránh được tiếp những người khách không đáng tiếp, run tay nên có cơ để khôi phái họa những bài thơ không đáng gì.

Đường như thi-sĩ có ý nhắc đến tình bạn-hữu của một vị cao-tăng. Dù người xuất-thể và người nhập-thể cũng biết quý trọng nhau, nghe tin bạn lâm bệnh, mình tuy đã tuổi già, cũng không ngại đến thăm, khiэн cho người bệnh phải muôn phần cảm-mến.

Đọc mấy câu thơ này lại biết Tùng-Thiện-Vương có tính lạc-quan. Dù gặp những điều trái ý, có thè nguy-hiểm đến tính-mệnh, như thay vung thuốc lầm có thè tai-hại biết bao, nhưng cũng không hề có lời oán-thán, hình như chỉ có mỉm cười. Và tìm thấy điều may-mắn trong sự rủi-ro. Có lẽ người ta gán cho thi-sĩ có tính kiêu-hanh ngạo-mạn, vì chê một hạng khách và một loại thơ. Nhưng không chắc có thè kết án như thế. Vì ai đã có đôi chút suy-tư và biết làm thơ,

như Tùng-Thiện-Vương thì dù muốn dù không, cũng dễ nhận thấy một hạng người chỉ làm mất thời-giờ của mình hay là chỉ làm cho mình phải bức nhọc, và có một loại thơ không đáng họa. Huống nữa trong hai câu sau, có thể nhận thấy tác-giả là một người rất có lẽ-dộ biết giữ lẽ-phép, không muốn mất lòng ai. Dù người làm mất thời-giờ của mình hay là nói những điều trái ý mình : mình cũng không dám từ-khước, sẵn-sàng đón-tiếp ; nhưng có được cớ bệnh-tật là may, tránh được mà không phải nói dối, không mất lòng người ta. Thơ của ai thế nào, đã xin thì mình cũng sẵn-sàng họa, nhưng có những bài thơ không xứng-đáng, chó-gì mình không họa thì hay hơn, nên có cớ là tay run mà khỏi họa, ihi cũng may cho mình. Thấy những điều may-mắn dè tự-yêu-ủi mình trong khi phải lầm thuốc sai thầy.

oOo

## XXVII. BÀI HÀI THÈ (30. 1853)

小婦每憂句  
良朋多勸戒書  
自問體中健否  
神寒骨重何如

*Phiên âm.*

*Tiểu phụ mỗi ưu mịch cú,  
Lương-bằng đa khuyễn phế thư,  
Tự văn thù trung kiện phủ,  
Thần hàn cốt trọng hè như ?*

*Dịch-nghĩa.*

### Thể trào phúng

Vợ nhỏ lo-lắng mình cứ làm thơ,  
Bạn tốt cứ khuyên đừng đọc sách,  
Tự hỏi trong người có khoẻ chăng.  
Tinh thần lanh-léo, xương cốt nặng-nề thế nào ?

*Dịch thơ.*

Vợ nhỏ lo tôi phải đặt thơ,  
Bạn hiền khuyên bảo chờ xem thư,  
Tự mình hỏi thử nào bao khoẻ.  
Xương mỏi lòng tê có thể ư ?

**Gài-thích.** — Hai chữ « tiều-phụ » có thể hiểu là vợ nhỏ, đối với hai chữ dưới « lương-bằng » là bạn tốt, nhưng theo cách thông-dụng, có nghĩa là « vợ hẫu, thứ-thất ».

**Bình-luận.** — Trong chỗ tâm-phúc, vì thương yêu, sợ thi-si phải mệt-nhọc, nên bà thứ-thất lo cho ngài phải tìm ý, tìm chữ, đè dặt câu thơ (mịch cú). Những người bạn tốt nhiều lần khuyên ngài nên nghỉ việc đọc sách. Không rõ tiều-phụ và lương-bằng là những ai. Thấy người ta có lòng thương lo-lắng khuyên-bảo, mình mời tự hỏi mình, xem thử có nên nghe theo chăng, chứ thực ra ngâm thơ và đọc sách là thú vui của mình. Có việc gì muôn vui mà lại không phải nhọc ? Nhưng nhọc tri-thức chăng nữa, đâu bằng vui tinh-thần. Tim vẫn, tìm chữ, tuy có nhọc, nhưng khi tìm

được thì vui biết bao ! Đọc sách cò thè mỏi mắt, nhưng thấy ý-tưởng của tác-giả và thêm ý-tưởng nơi mình thì quý biết đường nào ! Huống nữa, chính người biết làm làm thơ và biết đọc sách thì nhiều khi âm-vận, danh-từ, ý-tưởng vẫn đến một cách dễ-dàng, chứ không phải nhọc công tìm kiếm gì, vì có tài trực-giác cảm-hứng, chứ không phải lý-luận từ điểm này qua điểm khác. Khách bàng quan hay người ngoài cuộc, cũng như người trìn-tục, thiếu kinh-nghiệm, không hiểu được các điểm đó. Nhưng thi-sĩ cũng không nói lên các điều này. Có lẽ không nên nói cho khỏi phụ lòng người đã thương tưởng đến mình, xem mình như chính họ, và kè họ như chính mình. Chỉ viết hai câu đè chưa lỗi, mình cũng xin vâng, nhưng tự xét mình, chưa thấy mệt-mỏi gì, đường như nói lên tấm lòng cảm kích những người thương-yêu lo-lắng cho mình. Càng thấy Tùng-Thiện-Vương thực là một người đa-cảm đa-tình. Vì con người thường lanh-dạm và thiền-cận không thè viết được bốn câu thơ này. Ai lo-lắng, ai khuyên-bảo thế nào, mình cũng như không, tự mình không cảm-khích và không suy-ngồi, hoặc tự ty mà lười-biếng nghe theo, hoặc tự-tôn mà kiêu-căng bất-chấp ; chứ tự mình không xét lại nơi mình. Một là chỉ biết lời người ta mà không biết chính mình, hai là chỉ biết chính mình mà không quan-tâm đến người ta. Thi-sĩ sống mỗi tinh-cảm tương-liên, giao-thông cảm-cách, chứ không rời-rạc giữa người với mình.

Câu thứ tư khiếu cho độc-giả nhận thấy thi-sĩ đã biết quan-tâm đến hai phần vật-chất và tinh-thần. Không biết ngoài đã có ý nhìn nhận hai phần ấy tương-quan liên-hệ, ảnh hưởng mật-thiết đến nhau chẳng. Đặc-diểm là đời ngài, trong hoàn-cảnh địa-vị của một ông hoàng-tử Việt-Nam, triều

Thiệu-Trị, Tự-Đức, mà đã dè ý đến như thế cũng là điều  
đáng ngạc-nhiên và cảm-phục.

oOo

XXVIII. ĐÀO HOA  
(53-1869)

一樹花開露井  
秋風笑艷陽天  
老僧瞥見悟道  
處士遠辱得仙  
皮索滿山低亞  
武陵境岸便娟  
祇應早晚結子  
好獻主人毒蠻

*Phiên âm.*

*Nhất thụ hoa khai lô tinh,  
Khi phong tiểu diễm dương thiên,  
Lão-tăng miết kiẽn ngô đạo,  
Xù-sĩ dao tâm đắc tiên.  
Đô-sách mǎm sơn dè á,  
Võ-lăng diễn ngạn tiễn quyền,  
Chí ưng tảo vân khiết tú,  
Hảo hiến chù-nhân thọ diên.*

*Dịch nghĩa.*

### Hoa đào

Một cây hoa nở bên giếng trống,  
Tựa trước gió và mim cười xinh tươi lúc trời sáng,  
Bậc sư già chợt thấy càng tò đạo,  
Nhà ăn-si tìm xa lại thấy tiên.  
Đây núi Độ-sách không bằng thẳng,  
Quanh bờ Võ-lăng thêm rực-rỡ,  
May ra sớm chiều lại kết quả,  
Đè dâng tặng chủ-nhân mừng tuổi thọ.

*Dịch thơ.*

Bên giếng một cây chớm nở hoa,  
Cười xinh trước gió cảnh ôn-hòa,  
Sư già thấy đạo khi nhìn đến,  
Người ăn gấp tiên lúc kiêm xa.  
Độ-sách núi dài không bằng thẳng,  
Võ-lăng bờ thẳm vốn bao-la,  
May ra sớm tối sinh thành quả,  
Dâng tặng chủ-nhân mừng tuổi thọ qua.

**Giải-thích.** — « Lộ-tinh » : nguyên trong cõi-thi có câu:  
Đào sinh lộ-tinh thượng, lý thụ sinh đào bàn :

Cây đào mọn bên giếng trống, cây lý mọc bên cạnh đào.  
Không biết thi-si có mượn chữ trong câu thơ này chăng.

Giếng trống nghĩa là giếng không che đậy, như chữ « lô thiên ». Chữ « lô » cũng có nghĩa là thứ nước thơm, nhưng không chắc ở đây có nghĩa là « giếng nước thơm ».

« Ngộ đạo » : nhà Phật có chữ « giác ngộ » : biết rõ đạo-lý, tinh lại mà hiều biết. Trong thơ Vương-Duy có câu : « Ngộ đạo chính mê-tân ». Có biết rõ đạo-lý mới ra khỏi bến mê.

« Đắc tiên » : được gặp tiên, được thấy tiên, hay được thành tiên. Thơ của Diêu-Hiệp có câu : « Bất khiết hồ-ma bình, bôi trung tự đắc tiên » :

Chẳng ăn bánh hồ ma, trong chén tự thấy tiên. Cố tích đời Hán, Lưu-Thần và Nguyễn-Triệu đi ở àn, ăn hột hoa đào, được gặp hai nàng tiên cho ăn bánh hồ-ma, là bánh làm với một thứ hạt vùng (mè).

« Đô-sách » : tên một khu đất bên Trung-hoa. Theo Hiên-Viên Hoàng-đế bàn-ký, tại núi Đô-sách có nhiều đào.

« Võ-lăng » : tên một miền ở Trung-hoa. Theo bài Đào-hoa nguyên-ký của Đào-Tiềm, có người ở Võ-lăng vào khe bắt cá, trông thấy mấy rừng đào. Người ở nơi đó vui mừng nói kẽ lại rằng : « Chúng tôi đi tránh loạn nhà Tần, & luôn trong này. » Cồ-thơ có câu : « Đào phát Võ-lăng ngạn, liễu phất Võ-xương lâu » :

Đào nở trên bờ Võ-lăng, liễu phất bên lầu Võ-xương.

**Bình luận.** — Bài thơ này theo lối các thơ chữ nho ngày xưa, mượn nhiều diền-tích Trung-hoa, ai không biết các diền-tích này khó hiểu các ý-nghĩa. Có lẽ thi-sĩ mượn cây hoa đào để nói một ý gì, chứ không hẳn là vịnh một

cảnh nào. Vì hai chữ « lộ tinh » đã có trong một câu văn xưa, không chắc cây đào Tùng-Thiện-Vương muốn tả cũng trong bên miệng giếng.

Trong câu thứ hai, thi-si muốn tả một cảnh đẹp : hoa cười trước gió, trong một khung-cảnh trời quang mây tạnh, ánh nắng mặt trời ban ngày chiếu giội. Một cảnh như thế, xa hẵn mùi tục-lụy, có thể giúp cho bậc sư-tăng đã cao-niên đưa mình thoát tục mà thấu rõ đạo-lý, và khiến cho người ân-si cũng đường như gấp được tiên. Tiên ấy ở đâu ? Có khi chính tự nơi mình.

Thi-si lại nhắc đến hai nơi, đều chỉ nơi thanh-vắng mà có nhiều đào, cũng đều có ý chỉ nơi đón tiếp những người xuất-thế xa lánh tràn-tục, hoặc vì tư-tưởng, hoặc vì chính-trị. Đường như hoa đào hợp với người ân-si, không hợp với những chốn phồn-hoa đô-hội, đua tranh trong vòng danh lợi.

Sau bốn câu nói về đặc-tính của hoa đào như thế, Tùng-Thiện-Vương lại kết-luận đến một ngày kia, hoa đậu thành trái thì dâng cho chủ mừng tiệc thọ. Chủ-nhân đây là ai ? Chính thi-ông chăng ? Có lẽ nói về ngài, vì lúc ấy ngài lên 50 tuổi, vì bài thơ này viết năm 1869. Hay là ngài muốn nói tặng vua Tự-Đức. Võn tinh-thần tôn-quân, chỉ có vua mới là chủ-nhân. Lại theo nghĩa thông-dụng, quả đào có ý chỉ tuổi thọ.

Cả bài này cũng có thể vịnh nhà ân-si. Một người khôn-ngoan chọn nơi thanh-tịnh xứng-dáng mà ở, như cây đào trong bên giếng. Con người thư-thái với cảnh-vật (Khi phong tiêu diêm dương thiên). Gặp bậc sư-tăng, có thể đàm-

đạo, khiến cho nhà sư thêm rõ đạo-lý. Còn riêng mình thì vẫn bình-thản như tiên. Chỗ mình ở khá ví như những nơi danh tiếng vì có đào hoa đua nở và có trung-thần ần-dật, vừa thơ lại vừa thanh-cao. Biết đâu lại không có ngày làm được những công-huân như hoa đào thành quả. Sau những ngày vừa thơm vừa đẹp, người ta yêu-kính vì nghe thấy, lại đến những ngày vừa ích-vừa lợi, người ta tôn-trọng vì hưởng nhờ. Đem hiến chính mình, hoa quả là công việc của mình, người có tin-ngưỡng như nhà sư thi hiến cho Trời, cho Phật; người yêu nước thương dân thi hiến cho những công việc cứu nước cứu dân. Có lẽ những ý-tưởng đó đã hàm-nghẹ trong 8 câu thơ này.

๖๐๖

## THẤT NGÔN

### XXIX. DẠ ĐẠC NGUYỆT-BIỂU (1. 1836)

竹陰涼處夜停船  
水月江風未忍眠  
隔岸鐘樓天姥寺  
聲聲敲破遠汀煙

Phiên âm.

Trúc âm lương xú dạ định thuyền,  
Thủy nguyệt, giang phong, vị nhẫn miên,  
Cách ngạn chung lâu Thiên-mụ tự,  
Thanh thanh xao phá viễn định yên,

*Dịch nghĩa.*

Thuyền ghé bến Nguyệt-biều lúc ban đêm  
Dưới bóng tre yên lặng, ở nơi mát-mẻ, chiếc thuyền  
đậu lại lúc ban đêm,  
Trăng dưới nước, gió trên sông, chưa dành ngủ,  
Bờ bên kia, có lầu chuông Thiên-mụ,  
Đội vang từng tiếng, phá tan làn khói ngoài xa,  
trên mặt sông.

*Dịch thơ.*

Tre yên, sông lặng, ghé ban đêm,  
Trăng nước, gió sông, chưa ngủ êm.  
Thiên-mụ lầu chuông bên bến nọ;  
Khói xa tan trước tiếng từng thêm.

\*\*\*

Ban đêm thuyền đậu bên bờ,  
Bóng tre yên lặng, ẩn nhờ một nơi;  
Điều-dàng mát-mẻ khi trời,  
Kia trăng dưới nước, gió thời trên sông ;  
  
Chưa dành nhắm mắt theo giòng,  
Vừa nghe văng-vẳng chuông đồng vọng ra ;  
Từ chùa Thiên-mụ đằng xa,  
Bên kia bến nước vẫn là chốn thân ;  
  
Tiếng từng dằng-dặc lân-lân,  
Phá tan làn khói bay lần ngoài khơi.

**Giải-thích.** — « *Nguyệt-biểu* » : tên một làng ở hữu-ngạn sông Hương, đối-diện với chùa Thiên-mụ bên tả-ngạn, cách kinh-thàn chừng 15-cây số.

« *Thủy nguyệt* » trăng dưới nước, ý nói bóng mặt trăng chiếu dưới nước.

**Bình-luận.** — Đọc câu thứ ba, ai biết cảnh sông Hương, cũng có thè hiều là thi-sĩ muốn nói về Nguyệt-biểu. Ngày xưa, vốn là một thảng-cảnh, bên bờ sông, có những bụi tre bóng mát. Có lẽ khách di thuyền lúc ban đêm, theo thói người Thuận-hóá ngày xưa, mùa hè, nhất là những đêm có trăng. Không rõ vào lúc mấy giờ, nhưng vì thấy cảnh đẹp, có trăng trong, gió mát, khách không dành ngủ. Cho hay thi-sĩ là một người mến cảnh sinh tình, dường như không nỡ thờ-ơ phụ-phàng cảnh-vật. Giữa lúc đó, nghe chuông chùa Thiên-mụ ngân ra từng tiếng, khách đưa mắt nhìn vầng hơi trên mặt nước, giữa sông, thấy tan rã, dường như tiếng chuông phá tan làn khói. Sự thật vẫn có như thế. Trong lúc trời nóng, hơi nước bốc lên như làn khói tòa, tiếng chuông vang động giữa thinh-không, âm-ba chuyền-động có thè pha tan. Nhưng chắc thi-sĩ không có ý nói về nghĩa khoa-học cụ-thè vật chất. Có lẽ ngài thấy một hiện-tượng trước mắt mà nghĩ đến việc đạo-đức tu-hành. Tiếng chuông chùa có sức cảnh-tinh lòng người, phá tan những thứ u-ám tục-lụy, nhất là những thứ bào-ảnh, như mây, tụ tụ tán tán, sắc sắc không khôn.

oOo

### XXX. ĐỐI-ĐỊCH

(3. 1839)

清草疎簾得奕棋  
 芙蓉花放水平池  
 椅中坐隱非吾事  
 未許人間熱客知

*Piliên âm.*

*Thanh-đạm sơ liêm đặc dịch-kỳ,  
 Phù-dung hoa phóng, thủy tình tri,  
 Quật trung tọa ăn phi ngô sự,  
 Vị hứa nhân-gian nhiệt-khách tri.*

*Dịch nghĩa.*

#### Chơi cờ

Trên chiếu tre mỏng, sau bức màn thưa, được  
 chơi cờ,  
 Cây phù-dung hoa nở, dưới ao nước phảng lặng,  
 Ngồi ăn trong trái quít, không phải việc của tôi,  
 Chưa cho người nhiệt-khách ở dưới nhân-gian được  
 biết.

*Dịch thơ.*

Chiếu mỏng, màn thưa, được đánh cờ,  
 Phù-dung hoa nở, nước ao lờ,  
 Việc mình đâu phải ngồi trong quít,  
 Nhiệt-khách nhân gian chẳng biết dò.

**Giải-thích.** — « *Nhiệt-khách* » : có nghĩa là người nóng-nảy bón-tàu theo danh-lợi ; hay là người nhiệt-thành với một việc gì.

« *Quật-trung* » : Trong sách Quải-lục kề chuyện vườn hoa kia có một quả quít, tự-nhiên to lớn khác thường, chù nhân hái xuống, bóc ra, thấy có hai ông tiên đang chơi cờ vây vừa cười vừa nói : « Chúng ta ngồi ăn trong này, để tránh những người nóng-nảy theo danh lợi ».

**Bình-luận.** — Vừa tả một cuộc đánh cờ, khung cảnh trong nhà và bên ngoài, lại vừa nói về mình và nhac đến người. Nhận thấy mình còn trong hạng nhiệt-khách ở nhân-gian, chưa được biết hạnh-phúc của người ăn-dặt. Tuy cũng đồng chơi cờ, nhưng mình chưa phải như hai ông tiên kia vào ăn trong một quả quít để tránh những người còn bón-tàu theo danh lợi. Mình cũng chơi cờ, nhưng vẫn còn sống trong vòng trăn-gian tục-lụy. Trong hai câu thơ, câu trước dường như hài-hước : « phi ngò sự », chẳng phải việc của tôi. Việc của ai mặc họ, tôi đâu phải như họ. Câu sau lại có ý tuis thân, trách phận mình chưa được biết cái lạc-thú cao-sâu của người ăn-si. Sau khi đọc mấy bài thơ khác, thấy thi-si là người yêu quý đời ăn-dặt thanh-cao, xem đến bài thơ này, mới biết ý người than-thở. Hoặc khi ngồi đánh cờ mà tiếc mình đã làm một việc như người ăn-si, nhưng lại không được hoàn-toàn như họ, chính phần trọng-yêu thì mình chưa thực-hiện. Hay là ngoài mượn việc đánh cờ để nói lên những lời cảm-khai than-thở nỗi lòng.

## XXXI. TỔNG BIỆT (4. 1840)

問山秋夜月明時  
影入簾蓮幼客思  
明日五更殘夢覺  
平分兩地炤相思

*Phiên âm*

*Quan sơn thu dạ minh nguyệt thì,  
Ành nhập ly diên động khách bi,  
Minh nhật ngũ canh tàn mộng giác,  
Bình phân lưỡng địa chiếu tương tư.*

*Dịch nghĩa.*

**Dưa tiễn**

Núi ngoài ái, đêm thu, lúc trăng sáng,  
Bóng chiếu vào bữa tiệc tiễn dưa, khách động lòng  
buồn sầu,  
Qua ngày sau, hết canh năm, tinh giấc mộng,  
Chia đôi hai chốn giội lòng nhớ nhau.

*Dịch thơ.*

Núi ái đêm thu lúc sáng trăng,  
Bóng vào tiễn khách động lòng chăng ?  
Ngày sau, giấc mộng canh năm hết,  
Hai chốn chia đôi giội nhớ thương,

**Giải-thích.** — « *Quan sơn* » : Cửa ài nói đây chắc không phải là nơi biên-giới hai nước như ài Nam-quan, nhưng là giữa hai miền, có lẽ Hải-vân-quan phân-cách Thuận-hóa và Quảng-nam. Không biết khi dùng hai chữ « *quan sơn* », thi-sĩ có nhớ câu thơ của Hán Quang-vũ trong bài *Quan-sơn-nghẹt chăng* : « Vạn lý phó nhung kỳ, *Quan-sơn* độ nhược phi » :

Muôn dặm di ra trận, qua đèo nhảy giỗng bay. *Quan-sơn* lại có ý chỉ xa xuôi.

**Bình-luận.** — Đưa người bạn vào buồm đêm thu, trăng sáng, chốn cửa ài, có núi non. Bóng trăng xuyên qua cửa, chiếu vào bữa tiệc tiền đưa khiến cho khách phải động lòng âu-sầu. Ngoài trời ba điểm không vui dâ dὸn-dập với nhau, là chốn quan-sơn, đêm mùa thu và ánh trăng sáng. Trong nhà, giữa lúc hai bên chén thù chén tạc đưa nhau, những lời lâm-ly thõng-thiết, thì bóng trăng kia lại chiếu vào, dường như soi mặt cả đôi bên và cả bàn tiệc. Cũng một ánh mặt trăng muôn thuở, một bàn tiệc đêm nay, mà hai người sắp phải phân-ly hai ngã, sao khôi chạnh lòng !

Nhưng mai đây, khi hết canh năm, thì tình giấc mộng. Thấy hai chốn chia đôi, người đi kè ở, cùng chiếu giọi một lòng nhớ nhau. Đêm nay, sau bữa tiệc, có khi còn giấc mộng, thường ở gần nhau. Những điều ao-ước trong khi tỉnh thức, nhất là trước lúc di ngù, thường hay thực-hiện trong giấc chiêm-bao. Thi-sĩ có ý nói đến giấc mộng ấy chăng ? Nhưng dù có mộng như thế, đến mai đây, lúc trời vừa sáng, thức dậy thì tình giấc mộng, thấy sự thực, là hai người ở hai nơi mà vẫn một lòng thương nhớ. Khác nào như cụ Nguyễn-Du tả cảnh Kiều nhớ Thúc-sinh.

Vùng trăng ai xè làm đôi,  
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường !

Cũng một bóng chị Hăng, nhưng chia đôi soi cả haingười, mỗi người một nửa. Tùng-Thiện-Vương lại nói bóng mặt trăng chiếu vào phòng tiệc, chiếu cả đôi bên, và dắt kia dường như phải chia đôi, mỗi bên dồn lấy một người, nhưng lòng nhớ nhau vẫn một mà soi chiếu kè ở người di. Vì hai bên đều nhớ nhau như nhau. Tâm-lý đến như thế mới thực sâu xa, diễn tả được mối tình khẩn-khit của hai người. Có buồn-sầu, có xúc-động, có chiêm-bao và đồng thương nhau, nhớ nhau.

oOo

### XXXII. KIM-LONG DẠ BẠC (1. 1836)

金龍夜泊  
江邊兒女唱陽花  
綠樹陰中石徑斜  
欲問酒家無處尋  
烟靄寒水月龍沙

*Phiên âm.*

Giang-biên nhi-nữ xướng Dương-ba,  
Lục thụt âm trung thạch kính tà,  
Dục văn tiều-gia vô xứ mịch,  
Yên lung hàn thủy nguyệt lung sa.

*Dịch nghĩa.*

### Thuyền ghé bến Kim long lúc ban đêm

Bến bờ sông, người con gái hát bài Dương-ba.  
Cây xanh, bóng tối, đường lối quanh-co,  
Muốn hỏi quán rượu, chàng tim ra nơi,  
Khói lồng, nước lạnh, bóng trăng trên bãi cát.

*Dịch thơ.*

Trên sông, gái hát khúc Dương-ba,  
Bóng tối cây xanh, nèo đá tà,  
Tim hỏi chàng hay nơi bán rượu,  
Khói lồng, nước lạnh, bóng trăng sa.

\* \* \*

Trên sông, gái hát Dương-ba,  
Cây xanh, bóng tối, đường tà, đá cao,  
Hỏi thăm quán rượu nơi nào,  
Khói lồng, nước lạnh, trăng bao cát dời.

**Giải-thích** « Kim-long » : một làng ở phía tây kinh-thành Thuận-hóa, bên tả-ngạn sông Hương, ngày xưa có nhiều cung phủ ông hoàng, bà chúa.

« Dương-ba » : tên một khúc hát, Cồ-nhạc-phủ có khúc Dương-ba.

**Bình-luận.** — Trước kia, đã có bài Dạ-bạc Nguyệt-biều, nay lại có bài Kim-long Dạ-bạc, cũng dồng trong quyển I,

thi-sĩ viết từ năm 1830 đến 1836, thấy là lúc người còn niên-thiếu, vào khoảng 11-17 tuổi, đã ưa phong-cảnh và thích ngâm vịnh. Có một diều lạ, sao ngày xưa, đến tuổi ấy, một ông hoàng-tử đã biết dè ý đến thiếu-nữ mà thường-thức giọng hát của phái liêu-bồ, trên dòng sông nước chảy, trong lúc ban đêm. Không biết thực nàng ấy đã hát khúc Dương-ba, hay là thi-sĩ muốn lấy vận. Không chắc cô gái nhà ai ban đêm hát bên sông lại biết những bài cõ-diền Trung-hoa. Một diều lạ nữa, là ông hoàng 16 tuổi đã viết uống rượu, đã đi đêm một mình ư ? Sao thuyền vừa ghê bến đã lên bờ tìm quán rượu ? Hay là người nói đến một vị nào cùng đi trong thuyền với người ? Hay là tả cảnh-tinh trạng-huống của một bậc lão-thành chính minh đã trông thấy hoặc tưởng-tượng chăng ? Không rõ thế nào, nhưng biết chắc một diều là thấy thi-sĩ có tài tả cảnh, chỉ mấy câu đọc lên dù thấy cảnh ban đêm trên bờ sông, trời yên-lặng, nghe tiếng một cô gái hát bên sông, đó là nghe, lại thấy một con đường nhỏ lát đá quanh-cõ trong làng, hai bên đường có bóng cây cao lá xanh, có lẽ vào khoảng cuối thu sang đông. Hơi nước bốc lên như làn khói, bao trùm khúc nước lạnh, đó là cảnh giữa sông ; còn trên bờ thì ánh mặt trăng che phủ bãi cát. Lại tỏ tâm-tinh một người thường-thức giọng ca. Có thi thi muốn có tưu, nhưng nhọc công đi tìm trong đêm vắng, không thấy quán bán rượu, trở về bến đò, lại thấy có khói tàn, nước lạnh, trăng soi, cát trăng một màu. Cảnh hợp với tình, đường như man-máu một mình một bóng, tuy nghe tiếng hát mà không thấy người, tuy tìm chén rượu, nhưng không thấy nhà ; chỉ một mình giữa lúc đêm tàn với cảnh-vật thiên-nhiên, cảm-khai chanh lòng viết lên mấy câu ghi-tạc.

Hay là thi-si đã nhớ đến bài thơ của Đồ-Mục đời Đường, uhan-dẽ Bạc-tần-Hoài :

烟 龍 寒 水 月 龍 沙  
夜 泊 春 淮 近 酒 家  
商 女 不 知 亡 国 恨  
隔 江 猶 吟 復 庭 花

Yên lung hàn thủy nguyệt lung sa,  
Dạ bạc Tần-hoài cận tửu-gia,  
Thương-nữ bất tri vong-quốc-hận.  
Cách giang do xiróng hậu-dinh hoa.

Cụ Trần-trọng-Kim đã chú-thích : Sông Tân-Hoài chảy quanh thành Nam-Kinh và có một chi nhô chảy vào trong thành. Trần Hậu-chủ vì dâm-dật mà đe mất nước, thế mà đêm vẫn nghe gái ca hát những khúc Hậu-dinh-Hoa của Hậu-chủ đời xưa. Và đã dịch :

Khói lồng nước, bóng trăng lồng cát,  
Bến Tân-hoài, thuyền sát tửu-gia.  
Gái ca dâu nghĩ nước nhà,  
Cách sông vẫn hát khúc hoa Hậu-dinh.

*Trần-trọng-Kim, Đường thi, tr. 396*

Cụ Ngõ-tất-Tổ lại dịch :

Sông Tân khói tỏa trăng in,  
Bến ngoài quán rượu, con thuyền đêm qua,  
Mặc ai tan nát cửa nhà,  
Chị em vẫn hát bài « Hoa sau vườn ».

*Hay là có thè đích sát nguyên-văn :*

Khói lòng nước lạnh bóng trăng sa,  
Đêm đậu Tân-hoài, rượu kẽ nhà,  
Gái bán nào hay hờn mắt nước,  
Cách sông còn hát Hậu-dinh-hoa.

Đem đối-chiếu bài thơ của Tùng-Thiện-Vương và bài thơ của Đỗ-Mục, thấy câu cuối bài trước lại là câu đầu bài sau, và có mấy ý tương-tự, như nói đến tửu-gia, nói đến người con gái hát, khiến cho độc giả ngày nay có thè tin là thi-sĩ Việt-Nam triều nhà Nguyễn, thế-kỷ XIX; đã phỏng-tác theo thi-sĩ Trung-hoa đời Văn-Đường, thế-kỷ thứ IX. Tuy nhiên, có một vài điểm dị-biệt, thơ Đỗ-Mục có ý than-thở nước mắt nhà tan và chê-trách người phụ nữ lo buôn bán, ngày nay gọi là chiêu-dai-viên, không nghĩ gì đến nước nhà chinh-chiến, và khách dã ghé thuyền gần quán rượu, biết đâu không mượn được rượu để tiêu-sầu. Còn Tùng-Thiện-Vương, tuy cũng nhắc đến một bài hát do vua đặt trong cung, Dương-bạch-Hoa cũng như Hậu-dinh-Hoa, nhưng lại diễn-tả một cách thanh-thản, không trách ai mà cũng không oán ai, chỉ có tiếc chăng là đi mất công mà không tìm thấy quán rượu, nhưng không hề có một lời than tiếc; trái lại, dường như vui mừng, biết đâu không phải nhờ thế mà nước được thanh-bình và minh được thường-ngoạn cảnh này.

Dương-bạch-Hoa là một bài hát trong cung không rõ ai đặt. Còn Hậu-dinh-Hoa là của Trần-hậu-Chủ dạy cho cung-nữ hát, vì mê tửu-sắc nện đã mất nước. Về sau, Lưu-võ-

Tích có câu : « Vạn hộ thiên môn sinh dã thảo. Chỉ duyên nhất khúc Hậu-dinh-Hoa » :

Muôn cửa ngàn nhà đầy cỏ mọc. Chỉ vì một khúc Hậu-dinh-Hoa.

oOo

### XXXIII. SƠN-CƯ TÀO-KHI (1. 1836)

山居早起

半榻松風晚夢清  
嵐光樹色未分明  
幽人早起橫琴坐  
聽得山禽第一聲

*Phiên-âm.*

Bán tháp tùng phong hiều mộng thanh,  
Lam quang thụ sắc vị phân minh,  
U nhán tảo khì hoành cầm tạ,  
Thính sắc sơn-cầm dệ nhất thanh.

*Dịch nghĩa.*

Ở núi dậy sớm

Trên nửa chiếc giường với ngọn gió thông, vào  
buổi sáng, giấc ngủ vẫn khỏe,  
Ánh sáng trên núi, sắc cây chưa được rõ ràng.

Người ở ẩn dậy sớm, ngồi ngang cây đàn,  
Nghe được chim núi những tiếng đầu tiên

### Dịch thơ.

Bên giường buỗi sáng gió thong reo,  
Tỉnh giấc trông ra ánh núi gieo,  
Ẩn-si nhìn cây chưa rõ sắc,  
Chiếc đàn ngang cạnh, tiếng chim kêu.

**Giải-thích.**— « *Bán tháp* » : nửa chiếc giường, có nghĩa là một bên, phía gần cửa.

« *U-nhân* » : người ở ẩn.

**Bình-luận.**— Tả cảnh buổi tàn canh trên miền núi, nhưng có những sắc-thái đặc-biệt. Đọc lên có thể cảm thấy một tâm-hồn thanh-thản ẩn-dật. Không biết thi-sĩ nhớ những ngày ở hầu lăng vua Minh-Mạng, hay là những lúc vui thú sơn-lâm một cảnh một mình. Có lẽ khó hiểu về nghĩa trước, vì người vốn có tấm lòng hiếu-nghĩa sâu xa, dù cách đây lâu năm, vua Minh-Mạng thăng-hà năm 1820, mà bài thơ này viết trong quyền I (1830-1836), không lẽ ở chốn lăng-tomb lại ngâm lên những câu thanh-thản như thế. Còn muốn hiểu theo nghĩa thứ hai, thì không thấy sách sử kể chuyện Tùng-Thiện-Vương ở vào những nơi nào trong cảnh núi non. Nhưng có thể thấy một cảnh nhà đơn-giản thanh-bần có sắc-khí của người ẩn-si.

Hai câu đầu nói lên cảnh-vật ngoài mình, trong gian phòng một mình trên chiếc giường, thức dậy, sau một giấc

ngủ an-bình, lại có ngọn gió từ những cây thông ở ngoài đưa đến đường như xuyên qua cửa sổ. Đưa mắt nhìn ra ngoài, trời còn sương mù, chưa thấy rõ được sắc cây. Đó là thấy mình và thấy cảnh.

Hai câu sau lại mượn văn-dè thính-giác để nói lên mối cảm-khai trong tâm-hồn. Một người ân-si chỉ biết vui thú với cây đàn là bạn. Nhưng đàn tuy ở bên mình vẫn chưa kịp lên tiếng, vì khách ân-si vừa thức dậy, thì đã nghe tiếng chim kêu đầu tiên. Đường như nhận thấy một niềm vui đặc-biệt là chim giữa trời kêu lên, chắc có nhiều người được nghe, nhưng hoặc rời dậy có người đến, hoặc chim bay đi, người ta có nghe chăng là nghe những tiếng sau, còn riêng mình lại được nghe khi chim vừa mới bắt đầu chào đón ánh sáng mặt trời. Khác nào như khách tự-đắc là chim kia với người này cùng nhau thức dậy trước muôn người. Thi-si chỉ tả cảnh ban mai ở miền núi, hay là có ý than-trách những ai còn trong giấc mộng phù-sinh, tiếc cho những ai còn chưa tỉnh-ngộ?

oOo

#### XXXIV. MỸ-CHÂU TÙ (6. 1842)

##### 媚珠祠

鍊箔烟斜罩柳絲  
露花如淚滴花枝  
可憐碧血俄流水  
最炤奇英海上祠

*Phiên âm.*

*Sor bạc yên tà tráo liễu ty,  
Lộ hoa như lụy trich hoa chi,  
Khả liên bích huyết tàng lưu thùy,  
Tu chiếu Kỳ-anh hải thương từ.*

*Dịch nghĩa.*

### **Đền thờ Mỵ-Châu**

Ngoài bức rèm thưa, khói hương bay theo tờ liễu,  
Sương trên hoa khác nào như cành hoa rơi lụy.  
Đáng thương giọt máu biếc còn tích - trữ trong  
đòng nước,  
Phải hẹn với đền thờ trên bờ biển huyện Kỳ-anh.

*Dịch thơ.*

Khói hương tờ liễu bức rèm thưa,  
Sương đầm cành hoa nhỏ lụy thưa,  
Nước chảy còn mang dòng máu biếc,  
Kỳ-anh trên biển hẹn đền thờ.

**Giải thích.**— « *Mỵ-Châu* » : Công-chúa con vua An-Dương-Vương (257-208 trước Tây-lịch), nước Âu-lạc (Bắc-Việt ngày xưa). Kết hôn với Trọng-Thủy, con Triệu-Đà làm quan úy quận Nam-Hải (Quảng-Đông ngày nay). Vua An-Dương-Vương nhờ có thần Kim-quí cho một cái móng

chân dè làm nò, đánh bách chiến bách thắng. Triệu-Đà mạnh tám chiêm dắt Âu-lạc, nhưng vẫn phải thua trận. Về sau, Trọng-Thủy lấy trộm được cái nò thần, khiến cho vua An-Dương-Vương phải thua trận, chạy trốn, có đưa My-Châu đi theo trên lưng ngựa. Khi chạy đến núi Mô-dạ (huyện Đông-thành, tỉnh Nghệ-an), thần Kim-quí hiện đến nói rằng : « Chính giặc ngồi sau lưng vua ». An-Dương-Vương rút gươm chém My-Châu rồi nhảy xuống biển tự-tử. Nguyên trước, My-Châu có hứa với Trọng-Thủy nếu phải đi đâu sẽ rắc lông ngỗng giữa đường, nay Trọng-Thủy theo dấu vết tìm đến nơi, thấy xác phu-nhân, vừa đau-xót, vừa hối-hận, an-táng xong rồi, về nhảy xuống giếng ở Lса-thành.

« Bich huyết » : ngày xưa, có Trương-Hoảng là tì-khỉ nhà Chu, nhưng lại chết ở nước Thục. Ba năm sau, người ta đào mồ lên, thấy máu có màu xanh biếc. Về sau, dùng chữ « bich huyết » để nói máu kè liệt-sĩ chết vì nước.

« Kỳ-anh » : một huyện ở phía Nam Hà-tinh. Vua Duệ-tôn nhà Trần (1374-1377) thân-chinh vào đánh Chiêm-thành. Có bà ái-phi Bich-Châu đi theo (năm 1376). Một hôm, bà chiêm-bao thấy thần Hà-bá đòi bắt vương-phi. Khi tỉnh dậy, thấy có sóng gió nồi lên tư-bề, nhiều binh thuyền đều bị đắm. Bà tin theo mộng-triệu, sợ vì mình mà thuyền vua phải chìm và không đánh được quân Chiêm. Vì vua, vì nước, bà nhảy xuống biển dè hiến thân cho thần Hà-bá, mong có thể-thần mới yên lặng cơn sóng gió. Về sau, nhà nước cho xây miếu thờ bà tại huyện Kỳ-anh, gần nơi bà đã trầm mình.

**Bình-luận.**— Tả cảnh đền thờ My-Châu, trước tiên, thi-sĩ nói đến khói hương nghi-ngút bay qua bức rèm, tòa

xuống trên những cành tơ liễu, dường như muốn nói cành hời-hợt, nhẹ-nhàng. Rồi thấy giọt sương trên cành hoa, tưởng như cành hoa kia cũng rơi lụy. Vì đâu ? Vì thương cho giọt máu biếc còn tích-trữ trong dòng nước chảy. Đó là giọt máu của My-Châu bị vua cha đã giết trên bờ biển.

Trong câu kết-luận, hai chữ Kỳ-anh khiến cho độc-giả có phần ngạc-nhiên. Sao dẽ dẽn thờ My-Châu lại nói đến Kỳ-anh, thi-sĩ đã làm chặng ? Hay là người muốn nhắc đến tích bà Bích-Châu. Đem so-sánh, có lẽ Tùng-Thiện-Vương đã muốn nói My-Châu đáng الثن với Bích-Châu. Vì một bên đã vô-tình mà hại nước hại cha, và một bên đã cõi ý cứu được vua được nước. Nói rằng thi-sĩ đã kết án My-Châu thì cũng oan cho nàng, chỉ vì chiều chung theo lẽ thường-tình, đưa nò thắn cho chồng xem và lập cách cho vợ chồng gặp nhau trong khi loạn-lạc, ngờ đâu chồng lại là kẻ gian-phi đã âm-mưu với cha mà cướp nước của vợ. Dù Trọng-Thủy có hối-hận mà tự-tử cũng không khỏi tội. Có lẽ hai chữ « tu chiều » là một kiều nói của thi-sĩ, chứ không hẳn là một lời kết án. Hay là cũng trách người phụ-nữ không biết khôn-ngoan cần-thận. Thi-sĩ thương tiếc thân-phận cành-tình của My-Châu, nên hai câu trên đã có những lời ngâm-ngùi than-thở.

oOo

## XXXV. NAM-KHĒ (9. 1843)

### 南 溪

亂山深處一溪橫  
十二年前駐馬情  
流水似知人事異  
漫漫不作昔年聲

*Phiên âm.*

*Loạn sơn thâm sú nhất khê hoành,  
Thập-nhị niên tiền trú mã tình,  
Lưu-thủy tự tri nhân sự dị,  
Sàn viên bất tác tích niên thanh.*

*Dịch nghĩa.*

### Khe phía Nam

Trong núi rậm, ở một nơi sâu, có khe nước chảy  
ngang qua,  
Mười hai năm trước đã biết nhau khi xuông ngựa,  
Nước chảy dường như đã biết việc người đời ra khác,  
Tiếng nước chảy không làm được tiếng năm xưa

*Dịch thơ.*

Núi rậm, nơi sâu, có nước khe,  
Mười hai năm trước, ngựa dừng kè,  
Ngày nay nước chảy, đời thay đổi,  
Tiếng nọ bây giờ chẳng được nghe,

**Giải thích.**— « *Nam-khé* » : không rõ khe ở phía Nam một dãy núi nào, hay là ở phía Nam Kinh-thành.

« *Thập-nhị niên* » : bài thơ này viết năm 1843, vậy 12 năm trước là năm 1831, thi-sĩ mới lên 12 tuổi, lúc ấy người đã cõi ngựa đi chơi rồi ư ? Và bạn là ai ? Hay là người kè chuyện của một người nào khác ?

« *Sàn-viên* » : tiếng nước chảy ồ ồ. Có lẽ mượn câu trong sách Sờ-tử : « Quan lưu thủy hè sàn viên :

*Nhin nước chảy ồ ồ*

**Bình-luận.**— Chỉ trong mấy tiếng đã rõ là nói đến một khe nước, núi rậm hai bên, giữa chốn thung-lũng hẹp mà sâu, có dòng nước chảy. Kè từ chốn kinh-thành đi lên phía Nam, có lẽ vào những khu lăng-tẩm. Dương thời buổi Tùng-Thiện-Vương, mới có hai lăng Gia-long và Minh-Mạng. Vùng lăng trước ít núi, nên có thể đoán được là trong khu lăng sau. Thi-sĩ nhớ lại chính mình đã dừng ngựa, nơi này, bên khe ấy, đã cảm-xúc một mối tình dõi với cảnh-vật hay là dõi với khách tương-phùng ? Trong khoảng thời-gian đó, nhân-sự đã bao nhiêu biến-thiên thay-dỗi, nhưng con khe dòng nước vẫn ở một chỗ như xưa. Thế mà khách nhìn nước chảy dường như nhớ việc dời ngày nay không còn như ngày trước. Vì chính mình không còn nghe được tiếng nước như xưa. Tâm-hồn thi-sĩ đứng trước cảnh-vật thiên-nhiên tưởng vẫn có một mối cảm-thông, khiến cho tình ý của mình lại thấy nơi cảnh-vật. Chính mình biết việc dời thay đổi, nên không còn nghe được tiếng nước như xưa. Đó là thực tình-ý trong tâm-hồn mình, nhưng thi-sĩ lại nhìn thấy nơi cảnh-vật cùng cảm-xúc như mình.

Lối cảm-thông này thường vẫn mạnh nơi một số người đa-tình đa-cảm. Hạng người này có hai thứ : có những người tuy nặng tình-cảm, nhưng vẫn đóng cửa lòng, đau-khờ, nhưng không chia sẻ với ai, một mình mình biết, một mình mình hay. Lại có những người đa-tình đa-cảm dường như thấy cảnh-vật cùng chia sẻ với mình. Cả hai hạng có thè là thi-sĩ, nhưng hạng trước hay có những lời ai-oán nǎo-nùng ; còn hạng sau lại có những lời thống-thiết lâm-ly. Hình như Nguyễn-Du, bà Huyền-thanh-Quan và Tùng-Thiện-Vương vào hạng sau này.

oOo

### XXXVI. LÝ-TỊNH (15. 1845)

李靖

殘燈斜月叩門聲  
相見分明恐未明  
懷刺十年空滅字  
不知悲眼在傾城

*Phiên âm.*

Tàn đèn tà nguyệt khẩu môn thanh,  
Tương kiến phản minh khảng vị minh,  
Hoài thích thập niên không diệt tự,  
Bất tri tuệ-nhẫn tại khuynh thà h.

*Dịch nghĩa.*

### Ông Lý-Tịnh

Lúc đèn đã tàn, trăng đã khuyết, có tiếng gỗ cửa,  
Thấy nhau rõ-ràng mà sơ là chưa rõ,  
Nhớ tờ thiếp đã mười năm phai hết chữ,  
Không biết là mắt sáng tờ lại ở nơi người làm cho  
nghiêng thành.

*Dịch thơ.*

Dưới trăng gỗ cửa lúc đèn tàn,  
Thấy rõ còn ngờ chẳng phải nàng,  
Danh-thiếp mười năm phai hết chữ,  
Nào hay thanh-nhẫn ở hồng-nhan.

**Giải thích.**— « Lý-Tịnh » : người đời Tùy, thấy vận nước suy-vi, mới đến dinh Thừa-tướng mong hiến kế cứu-quốc. Sau nhiều ngày chầu-chực, đến nỗi thiếp đã phai chữ, mới được vào. Trong thấy một ông già năm, có mấy người a-hoàn chầu hầu chung quanh. Lý-Tịnh trình bày ý-tưởng chương-trình của mình thì thấy Thừa-tướng là Dương-Tố lại dựa vào một a-hoàn mà ngủ. Trong lúc đó, lại có một thiếu-nữ chăm-chỉ nhìn mình. Ông chán-nản ra về. Không ngờ một hôm, lúc canh tàn, nghe tiếng gỗ cửa. Mở ra xem thì thấy một ông già nói với mình : « Sở-dĩ thiếp phải cải-trang, là để đến gặp chàng. Quý người thông-minh, lại biết thương nước thương dân, nên tiếp không dành để cho anh-hùng phải thất-bại ». Lý-Tịnh ngạc-nhiên, nhìn kỹ mới nhận

là chính người a-hoàn trong dinh Thùa-tướng đã chăm-chỉ nhìn mình. Rồi nàng xin ở lại đê cùng chàng cứu-quốc. Về sau cả hai đã thành-công, Lý-Tịnh lên làm Thủ-tướng nhà Đường.

« *Khuynh thành* » : Đời nhà Hán, Lý-diên-Niên có câu thơ : « Nhất tiếu khuynh nhân-thành, tái tiếu khuynh nhân-quốc » (Một tiểng cười làm nghiêng thành, cười lại một lần nữa làm nghiêng nước). Cũng có sách viết : nhất cỗ khuynh nhân-thành, tái cỗ khuynh nhân-quốc ». (Ngành nhìn một lần thì nghiêng thành, ngành lại một lần nữa thì nghiêng nước). Về sau mấy chữ « khuynh thành khuynh quốc » có ý nói người thiếu-nữ đẹp làm cho vua say mê đến nỗi thành phải nghiêng, nước phải đổ. Vì đó, chữ « khuynh thành » chỉ người phụ-nữ có nhan-sắc phi-thường. Như cụ Nguyễn-Du đã vịnh Thúy-Kiều :

*Một hai nghiêng nước nghiêng thành,  
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.*

**Bình-luận.** — Có biêt tích Lý-Tịnh mới hiều được bài thơ này. Trong bốn câu, thi-sĩ chỉ tả cuộc gặp-gỡ giữa Lý-Tịnh và giai-nhân. Hai câu đầu tả ngoại-cảnh, hai câu sau tả nội-tâm. Thấy giai-nhân mà nhớ lại xưa kia, khi mình đưa thiếp-danh vào dinh Thùa-tướng thì chữ đã phai mờ. Đầu còn mong ai biết đến mình là ai, ở nơi nào. Ngò đâu thực là một bậc khuynh-thành, lại có con mắt sáng tỏ, đê đọc được chữ trong thiếp-danh hay là soi thấu lòng mình. Hiều theo nghĩa sau này đủ thấy trong một câu mà bao nhiêu tình-tứ ý-nghĩa. Giữa Lý-Tịnh và giai-nhân, tình đã gặp tình. Không phải mối tình-duyên giữa hai người trai

anh-hùng với gái thuyền-quyên. Nhưng cũng đồng-thanh  
tương-ứng. Nàng đã có một mối tình sâu đậm, không phải  
chỉ vì thấy phong-mạo của nho-si, nhưng vì lòng nàng  
cũng đương lo cho nước cho dân. Phải phục-dịch một vị  
tè-tướng chỉ ham-mê sắc-dục, không lo đến trách-nhiệm dõi  
với vận-mệnh nước nhà, bắt đắc-dĩ nàng đã phải nén lòng  
mà chờ cơ-hội. Đến khi gặp được một người cùng chung  
hoài-bão như mình, nàng càng muôn phần cảm-xúc. Quyết  
ra đi tìm gặp để hòa lân tri-kỷ với tri-âm, đem tình cảm-sắt  
làm cho nghĩa đồng-chí càng thêm hiệu-lực. Và chính nàng  
cũng sẵn tài thông-minh, đã cùng Lý-Tịnh bàn mưu lập kế  
cứu lấy vận-mệnh nước nhà, nên nói được là có tuệ-nhẫn.  
Thi-si lại có ý dùng chữ « khuynh thành », nguyên là chỉ  
nhan-sắc làm nghiêng thành nghiêng nước, để chỉ một người  
diêm-lệ nhưng lại xây nước dựng thành, là nhờ có con  
mắt tinh đời. Cho hay không nên vội kết án người phụ-nữ,  
càng không nên kết án nhan-sắc. Có nhan-sắc phá-hoại thì  
cũng có nhan-sắc kiến-thiết, khác nhau là một bên chỉ có vật-  
chất và một bên vừa có vật-chất, vừa có tinh-thần, không  
nhưng là đẹp, lại còn có trí và có tình thì càng quý-biết bao !

◦◦◦

## XXXVII. VĂN TƯƠNG-AN CÔNG (32. 1854)

挽襄安公

少小相知意氣深  
國音佳作每相尋  
從今縱有新詞句  
地下何人共賞心

*Phiên âm.*

*Thiếu tiều tương tri ý khi thâm,  
Quốc-âm giai tác mỗi tương tầm,  
Tùng kim túng hữu tân từ cũ,  
Địa hạ hà nhán cộng thường tâm.*

*Dịch nghĩa.*

**Viếng ông Tương-An**

Lúc nhỏ đã biết nhau vì tâm-tình và khí-khai sâu xa,  
Thơ nôm hay, thường vẫn tìm nhau,  
Từ nay dù có câu thơ mới,  
Dưới đất nào ai hiều lòng mình.

*Dịch thơ.*

Lúc nhỏ biết nhau ý khí sâu,  
Thơ nôm đặc ý lại tìm nhau,  
Từ nay, dù có câu thơ mới,  
Dưới đất nào ai thấu hiều đâu !

**Giải-thích.**— « *Tương-An* » : hoàng-tử thứ 12 con vua Minh-Mạng, có tước Công, em thứ ba của Tùng-Thiện-Vương, tiếp theo sau Tuy-lý-Vương. Ba ông Hoàng kế-tiếp là ba nhà thơ danh-tiếng.

« *Quốc-âm* » : tiếng nói của nước nhà ; tức là chữ nôm đối với chữ nho.

**Bình-luận.** — Nhớ ông hoàng-dệ đã quá-vãng, thi-sĩ  
nhắc lại mối tình giữa hai anh em. Lúc còn nhỏ đã biết  
nhau ; lại mỗi khi làm được bài thơ nôm hay thì tìm nhau  
để bàn-bạc ngâm-vịnh với nhau. Đọc hai câu đầu, biết mối  
tình giữa hai anh em, tính-khi đã hợp nhau, lại bạn làng  
thơ với nhau. Hai câu sau tỏ lời thương tiếc, không nói tiếc  
người em, nhưng tiếc người bạn tri-kỷ. Nghĩ mình từ nay  
phải lẻ-loi, khi làm được bài thơ, không biết ngâm-vịnh bàn-  
bạc với ai. Dưới đất này, còn ai có lòng thường-thức với  
mình ? Cho hay người làm thơ cũng như người suy-tư nghị-  
luận, thường vẫn muốn có bạn tri-kỷ để cùng nhau phê-bình  
đàm-đạo, không phải vì muốn có người biết cái hay của  
mình, nhưng muốn có người chỉ diều lầm-lỗi cho mình.  
Độc-giả biết tiêu-sử của tác-giả thì không khỏi thắc-mắc.  
Không biết Tuy-lý-Vương đọc đến bài thơ này nghĩ thế  
nào. Người vốn là một thi-sĩ, cũng là hoàng-dệ và rất thân  
với Tùng - Thiện - Vương. Sao trong thơ này không nói  
đến người ? Kè người dường như không có ư ? Hay là vì  
thương tiếc một người rồi không nhớ đến người khác ? Kè  
như không còn ai vì đương trường nhớ một người, nhưng  
không hẳn là quên bõ bao nhiêu người khác. Hay là nói về  
thơ nôm thì có Tương-An, còn thơ chữ mới có Tuy-Lý.  
Những người biết chuyện Tuy-lý-Vương và chính người có  
nhận như thế chăng ?

oOo

## XXXVIII. XUÂN-NHẬT (33. 1855)

### 春 日

春道入各自成春  
花意迎人亦似人  
借問老頑春幾許  
不應春不到儂身

*Phiên âm.*

*Xuân du nhân các tự thành xuân,  
Hoa ý nghênh nhân diệc tự nhân,  
Tá vǎn lão-diên xuân-kỳ hử ?  
Bắt ưng xuân, bắt đáo nồng thân.*

*Dịch nghĩa.*

### Ngày xuân

Chơi xuân, người ta tự trở nên xuân,  
Ý hoa rirorc người thì cũng giống như người,  
Thử hỏi ông « lão-diên » đã được mấy xuân ?  
Không lẽ xuân lại không đến cho thân ông.

*Dịch thơ.*

Chơi xuân ai cũng trở nên xuân,  
Hoa cũng như người đón rước xuân,  
Thử hỏi « lão-diên » xuân mấy độ ?  
Xuân nào ! lại chẳng đè dành phần.

**Giải-thích.**— « Lão-diên » : nguyên chữ « Diên » có nghĩa là « ngã, đồ, lưu-ly khốn-khổ, chuyên tâm, đáng lo-nghī ». Vậy « lão-diên » có thè có nghĩa là một người « già cả yếu đuối », hay là « vừa già vừa lo ». Không biết thi-sĩ muốn dùng nghĩa nào, nhất là vì theo luật chữ nho, lại theo lối làm thơ, hai chữ « lão-diên » có thè khiến cho nhiều người phải thắc-mắc. Nhưng điều vẫn chắc là tác-giả tự-khiêm, tự kề mình như người không biết gì. Bài thơ này viết năm 1855, Tùng-Thiện-Vương vừa được 36 tuổi, đã tự gọi mình là « Lão ». Ngày xưa, trên 30 tuổi là đã vào hạng lão-thành đạo-mạo ; được 40 tuổi là đã mừng thọ tứ-tuần.

Nguyên trong thơ Viên-Mai có câu : « Nhược thuyết phong tình lão vô phận Tịch dương ưng bất chiểu đào hoa ». (Nếu nói về phong-tình, người già không có phần ; thì ánh tà-dương đã không giọi đến cành hoa đào). Nghĩa là ánh mặt trời chiểu vẫn còn giọi đến hoa đào, thì người tuy già cũng còn có phong-tình như một người khác. Không biết khi thi-sĩ viết bài thơ này có nhớ đến câu thơ ấy chăng ?

**Bình-luận.**— Muốn vịnh ngày xuân, thi-sĩ đã có cảm-tưởng người theo cảnh mà biến-dỗi. Đứng vê phương-diện tâm-lý, ngoại-cảnh và nội-tâm thường vẫn có liên-hệ đến nhau. Nội-tâm không có thè thay-dỗi ngoại-cảnh đổi với mọi người, nhưng chỉ có tự mình nhìn thấy theo tâm-trạng của mình. Cảnh là vật-chất hữu-hình, chung cho cả mọi người, thì tâm-trạng tinh-ý của mỗi người không thè thay-dỗi. Nhưng mỗi người thấy mỗi cách. Trái lại, ngoại-cảnh có thè gây ảnh-hưởng đến tâm-trạng của mỗi người. Nhất là không những người ta ngầm cảnh, lại còn hợp với cảnh.

Vì đó nên không những ngắm cảnh ngày xuân hay là chỉ sống qua ngày xuân, nhưng lại « chơi xuân » thì càng đem mình hòa với ngày xuân, khiến cho mình cảm thấy trẻ và vui, vì đó là hai đặc-điểm của ngày xuân.

Còn hoa chào đón người, cũng là cảm-tưởng của thi-sĩ đương như vật vô-trí vô-giác lại có ý, khiến cho hoa lại giống như người. Xuân là gì ? Không phải chỉ có ngày giờ hay khí-hậu, nhưng đối với thi-sĩ, cũng như đối với người có tâm-hồn thơ, biết thường-thức, hay là đối với người Việt-Nam, hoa là đặc-biệt ngày xuân. Người chơi xuân cũng là người thường-thức hoa xuân. Hình như hoa biết đáp lại tò-lòng nghênh đón, khác nào như nở một nụ cười, như đưa hai cánh tay chào đón, khiến cho thi-sĩ càng cảm thấy hoa cũng như người.

Theo những ý này, còn thấy ý chơi xuân có thể không phải là thường-thức riêng mình, nhưng thường-thức với người khác, với bạn-hữu và thân-nhân. Vẫn thực như thế, đầu ngày xuân là đoàn-tụ, đón-tiếp, ngắm hoa và thường hoa.

Thi-sĩ lại nghĩ đến riêng mình, tự hỏi mình nay đã được mấy xuân. Xuân này mình đương chào đón thường-thức, rồi còn có xuân khác, vì lẽ nào xuân khác lại không đến với mình. Với một niềm hy-vọng đặc-biệt, vì tự nhận mình hay lo nghĩ, nghĩa là khó có xuân và cũng không biết chơi xuân, thế mà xuân vẫn công phân, đã đến với người thì chắc cũng đến với mình.

oOo

## XXXIX. PHÙNG CỔ-NHÂN (42. 1860)

### 逢故人

馬首東來逢故人  
忽忽一笑忽沾巾  
如今何處無兵火  
努力家山且食貧

*Phiên âm.*

*Mã thủ đông lai phùng cổ-nhân,  
Thông-thông nhặt tiếu hốt triêm cân,  
Như kim hà xứ vồ binh hỏa,  
Nỗ lực gia sơn thà thực bần.*

*Dịch nghĩa.*

### Gặp bạn cũ

Cõi đầu ngựa, từ phương đông, đến gặp bạn cũ,  
Vội-vàng nở một nụ cười, bỗng-nhiên lại ướt khăn  
tay,  
Như ngày nay, nơi nào lại không có chiến-tranh,  
Gǎng sức chịu nghèo-nàn ở chốn quê-hương.

*Dịch thơ.*

Cõi ngựa từ đông gặp bạn xưa,  
Vội-vàng cười đón bỗng khăn thưa,  
Ngày nay nào chốn không binh lửa ?  
Gǎng sức chịu nghèo ở nước nhà.

**Giải-thích.** — « *Vô binh lửa* » : Không có binh lửa, giặc già. Bài thơ này viết năm 1860. Có lẽ Tùng-Thiện-Vương nói « hà xứ » là chỉ nói về trên đất nước nhà. Năm 1858, chiến-thuyền của Pháp và Tây-ban-nha do Trung-tướng Rigault de Genouilly vào đánh Đà-nẵng ; 1859, quân Pháp đánh lấy Gia-dịnh.

**Bình-luận.** — Không rõ thi-sĩ đi đâu và gặp ai, chỉ đoán được là gặp người bạn tri-kỷ. Vừa vui vì được gặp bạn, nhưng nhớ đến tình-cảnh nước nhà đang trong khói lửa mà phải rơi lệ. Chỉ trong mấy chữ đủ thấy tâm-hồn thi-sĩ đang thương đau cho nước nhà dân-tộc. Một lời than thở dường như tiếng kêu lên của một tấm lòng đau-khổ, mà thấy mình bất-lực, không biết làm sao để chấm dứt chiến-tranh. Nhìn lui lịch-sử, có thể đoán Tùng-Thiện-Vương nói đến nước nhà đang phải chống ngoại-xâm của quân viễn-chinh Pháp. Chính người đã thấy binh-sĩ quốc-gia không thể chống với quân thù sẵn có khí-giờ tối-tàn hùng-hậu. Nỗi đau thương của người là của một ông hoàng-tử và một người công-dân. Nhớ đến công-huân của các bậc tiên-dé triều Nguyễn đã mang một khoảng giang-sơn, đã thu-hồi thống-nhất nước Việt, mà ngày nay sắp vào tay ngoại-bang, đế-quốc thực-dân, khiến cho lòng người phải se lại ! Thực là vừa thương nước, vừa thương nhà : Người không còn nghĩ đến đi đâu, thôi dành cam tâm ở lại chốn quê nhà, mặc dù lâm-cảnh nghè-nàn. Không đi, vì đâu cũng có chiến-tranh. Nếu lấy các câu trên là nguyên-nhân, thì thấy tầm-thường, vì nơi nào cũng chẳng yên, thôi dành phải ở lại quê nhà. Nhưng nếu hiểu câu trên theo nghĩa là nước nhà bị chinh-chiến, thì mình xem như khắp nơi đều trong vòng khói lửa, nên mình chẳng

còn nghĩ đến việc đi đâu, càng thêm giá-trị cho chí-khí của một bậc ái-quốc trung-quân. Hay là đương thời của người, không có quan-niệm đi ra nước ngoài, khó về vật-chất, mà cũng khó về tinh-thần, chỉ biết di-chuyển trong quê-hương, dù thế nào cũng còn chia-xẻ với đồng-bào.

oOo

## XL. KHÁCH-DÌNH (43. 1860)

### 客亭

樵兄漁弟互來遊  
木竹三分屋數間  
他日客亭修故事  
棣花辰節憶倉山

*Phiên âm.*

*Tiều huynh, ngư đệ, hộ lai hoàn,  
Thủy trúc tam phân, ốc sò gian,  
Tha nhạt khách-dịnh tu cõ sự,  
Luyện hoa thời-tiết ức Thương-sơn.*

*Dịch nghĩa.*

### Nhà khách

Anh đốn củi, em câu cá, giúp đỡ lẫn nhau,  
Với cây tre nước ba phần, dựng nhà có mấy gian,  
Một ngày kia, có việc sửa lại nhà khách,  
Đến mùa luyện hoa, lại nhớ Thương-sơn.

*Dịch thơ.*

Anh dỗ, em câu, giúp lắn nhau,  
Mấy gian tre nước, có đâu giàu,  
Ngày kia chửa lại khu nhà k' ách,  
Hoa luyện Thương-sơn nhớ trước sau.

\* \* \*

Anh dỗ cùi, em đi câu,  
Tôi lui giúp đỡ lắn nhau bao lắn,  
Những cây tre nước ba phân,  
Một ngôi nhà lá, mấy gian tạm thời ;  
Ngày kia nhà khách tiếp người,  
Bàn nhau sửa lại, việc đời ngày xưa ;  
Luyện hoa chờ đợi đến mùa,  
Biết đâu chẳng nhớ cho vừa Thương-sơn.

**Giải-thích.** — « *Luyện hoa* » : hoa kim-linh, thường nở cuối mùa xuân.

**Bình-luận.** — Không rõ hai anh em nào, chỉ biết chắc là hai người có dịp gặp-gỡ thi-nhân, có lẽ cũng có một mối tình thân, chứ không cách-bié特 giữa một ông hoàng-tử và hai người thường-dân. Cho hay đương thời phong-kiến trưởng-giá, xuất-thân ở nơi vương-phủ, Tùng-Thiện-Vương đã có tinh-thần và thái-độ rất bình-dân. Tả cảnh-tình của hai người anh em ; hay là gọi một người là anh và một người là em ?

Nói đến nhà khách, có lẽ là của thi-sĩ, chứ không lẽ nào tiểu-phu và ngư-phủ lại có nhà khách. Hay là kè chuyện ngài tiếp hai người bạn nghèo-nàn trong phòng khách, rồi ngài phải thẹn, vì những ngày quá-khứ đã sống cuộc đời vương-giá, xa-cách khác-biệt với họ. Nay ngài muốn sửa lại chặng ? Nhưng còn làm sao để sửa được việc quá-khứ ? Có sửa chặng là sửa việc ngày nay do từ ngày xưa truyền lại, tất là sửa hậu-quả của việc ngày xưa. Hay là chỉ sửa về phượng-diện tinh-thần là không còn muốn theo những việc quá-khứ.

Có như thế thi qua xuân, nghĩa là qua năm mới, hai người tiểu-phu và ngư-phủ không khỏi nhớ đến ông hoàng-tử đã thân với mình, không còn muốn sống cuộc đời phú-quý trường-giá xa-cách với mình.

oOo

## XLI. QUẬT CHI TỬ

橘 枝 词

五	月	青	青	十	月	黄
歲	重	風	雨	歲	重	霜
甘	心	剖	自	情	人	手
要	識	儂	家	微	骨	香

Phiên âm.

*Ngũ nguyệt thanh thanh thập nguyệt hoàng,  
Kỷ trùng phong vũ kỷ trùng sương,  
Cam tâm phầu tự tình-nhân thù,  
Yếu thúc nồng-gia triệt cốt hương.*

*Dịch nghĩa.*

### Lời quà quít

Tháng năm thì xanh xanh, tháng mười lại vàng,  
Mấy lớp mưa gió và mấy lớp sương sa,  
Chịu đòn cho tự tay người yêu mở ra,  
Cốt cho người ấy biết rõ đến xương thơm.

*Dịch thơ.*

Tháng năm xanh đến tháng mười vàng,  
Mấy lớp gió mưa, mấy lớp sương,  
Chịu đòn người yêu tay tự mở,  
Cốt cho họ biết tận thơm xương.

\* \* \*

Tháng năm sắc vẫn xanh xanh,  
Tháng mười biến đổi trồ sinh màu vàng.  
Gió mưa bao dịp gian-nan,  
Sương sa dồn-dập mây ngàn đã qua ;  
Một lòng cam chịu thân ta,  
Đòn tay tình-ái mở ra mà nhìn.  
Cốt cho người ấy phải tin,  
Làm sao biết tận xương mình vẫn thơm.

**Bình-luận.** — Theo đòn bài thơ này là lời trái quít. Trái qua mấy tháng Chịu dù mưa gió sương sa, nhưng thân mình

vẫn giữ vẹn-toàn. Chỉ dè cho tay người yêu mở ra. Người yêu đây là ai ? Người ăn quít, người biết ưa ăn quít, hay là người qua đường có cảm tình với cây quít muôn hái cho mình ? Có lẽ không cần nói rõ, chỉ biết là chính người có lòng thương trường đến, biết quý trái quít, chứ không phải người phung-phi mà chơi. Câu sau lại càng tỏ rõ hơn nữa. Vì điều thiết-yếu, là làm sao cho người ta biết thấu mùi thơm của mình. Tuy dè là lời trái quít, nhưng có thể hiểu bài thơ này dưới hai phương-diện. Một là lời người ngoài vịnh trái quít và biết thấu tâm-tình của loại cây này. Hai là chính trái quít tự tả thân mình, tự nói cuộc đời và tự giải bầy nỗi tình thăm-kin mà cao-thượng của mình. Dưới phương-diện nào cũng thấy ý-tưởng thâm-thúy của thi-sĩ diên-tả đủ những nét sâu-xa công-dụng của trái quít đối với con người. Những chữ « tình-nhân thú » và « triệt cốt hương » khiến độc-giả càng nhận thấy đường như trái quít vẫn biết quý mình và trọng mình. Không phải ai cũng có thể chạm đến, nhưng chỉ dè cho tay người yêu. Không phải ai cũng có thể thấu biết, nhưng chỉ dè cho người yêu thấu biết tận xương tủy thơm-tho của mình.

Vì đã có nhan-dẽ, chứ không, cũng có thể hiểu là nói về Hạt thóc. Tuy có nhan-dẽ, nhưng cũng có thể hiểu nghĩa bóng, biết đâu không phải tác-giả ám-chỉ đời người quân-tử thanh-cao ?

oOo

## XLI. TÀN-TỐT (44. 1861)

殘卒

亂尸 葦裏 拔身 遺  
一領 草衣 戰血 殘  
倚杖 獨沽 山店 酒  
自言 生入 海雲間

*Phiên âm.*

*Loạn thi tung lý bạt thân hoàn;  
Nhất lanh đơn y chiến huyết ban,  
Ỷ trương độc cõ sơn diêm tửu,  
Tự ngôn sinh nhập Hải-vân-quan.*

*Dịch nghĩa.*

### Người lính sống sót

Giữa đám thây chõng-chất rối-loạn, trong chốn bụi  
rậm, kéo tấm thân ra vè.  
Một chiếc áo mỏng còn vết máu chiến-trường,  
Một mình chõng gãy đứng mua rượu trong quán núi.  
Tự nói là còn sống đ𝐞 nhập vào đồn Hải-Vân.

*Dịch thơ.*

Thây chõng, bụi rậm, kéo thân vè,  
Mảnh áo đơn vương máu chiến ghê,  
Chõng gãy một mình mua rượu núi,  
Tự xưng còn sống, Hải-Vân quy.

Chồng-chất một đám thi-hài,  
Từ trong bụi rậm, thân lai ra vè ;  
Còn mang áo mỏng dã-dề,  
Chiến-trường nhuộm máu, đậm-dẽ như mưa ;  
Một mình chống gậy đứng mưa,  
Rượu trong quán núi, tranh đua giải bầy,  
Bảo minh sống sót ngày nay,  
Đè vào cửa ài, chốn này Hải-Vân.

**Giải-thích.**— « *Hải-Vân quan* » : ài trên núi Hải-Vân, giáp-giới Thừa-Thiên và Quảng-Nam. Bài thơ này viết năm 1861. Không biết thi-sĩ muôn nói đến trận năm 1858 quân Pháp và quân Tây-ban-Nha, 14 chiến-thuyền chở hơn 3.000 quân vào bắn phá các đồn-lũy ở Đà-năng rồi đánh ra thành An-hài và Tôn - Mai hay là trận tháng ba năm 1860 quân Pháp đánh ở Trà-Sơn.

**Bình-luận.** — Trong mấy chữ, thi-sĩ đã tả được cảnh rùng-rợn chốn chiến-trường sau một cuộc bắn phá của khí-giới Tây-Phương vào khoảng đệ-nhị bán thế-kỷ thứ 19 trên đất Việt-Nam, là nơi tuy đã có một nền văn-hóa khá cao, nhưng còn chậm-tiến về văn-minh vật-chặt cơ-khí. Người đọc có thể tưởng-tượng thấy chết chồng-chất giữa một cánh đồng, có một người giữa đám áy chui ra. Người lính này mặc một chiếc áo nhuộm đầy máu, có lẽ là máu các thây chết vây vào. Và cũng là chính máu của mình, vì anh chàng bị thương, nên phải chống gậy. Nhưng người lính Việt-Nam

đương thời-buổi ấy, thấy bạn mình chết như thế, chính mình vẫn can-dảm ngang-nhiên, nên còn đến quán trên núi để mua rượu. Chắc không phải là đè đõ khát sau một chiến-trận vô-cùng tàn-khổc. Cũng không phải là đè giải-sầu. Nhưng có lẽ là vì tâm-hồn khí-khai. Chính câu sau đã nói rõ lên điều ấy. Vì anh thấy mình còn sống, anh tự-tin rằng mình còn nhiệm-vụ giữ-gìn non-sông và trà-thù bạn-hữu. Ài Hải-Vân là nơi có quân đóng. Anh định vào đây đè xin nhập bộ đội định-trú chờ ngày đón dịch-quân thù xâm-lăng cướp nước. Hoặc có thè trở vào Đà-nẵng đánh lại. Thua trận lần trước, còn mong gỡ trận kỵ sau. Hoặc đón đường không cho quân địch tiến về phía kinh-thành. Những ý đó có khi chỉ là trong tưởng-tượng của thi-si. Một đặc-diểm rất khéo là có thè nói lên tâm-hồn của thi-si nho-phong, là không hề có một lời căm-hờn oán-giận. Đường như thi sĩ là người đâu nước ngoài, hay là tả một cảnh chiến-trường xa-lạ, chứ không phải trên đất nước nhà. Nhưng đọc kỹ và suy-nghĩ đến từng câu, lại theo lối đọc thơ, phải hòa mình với tác-giả, và đem tài năng trực-giác mà thu lấy những ý-tưởng bên kia lời văn, có lẽ phải nhận thấy ở đây tâm-hồn của một ông hoàng-tử đang phải đau-thương trước cảnh nước nhà bị ngoại-xâm và đồng-bào hy-sinh phải thua trận. Nào có phải diêm-nhiên, nhưng với tâm-hồn cao-thượng của một nhà ái-quốc, lại có nền đạo-đức, thầm-nhuần Khòng, Mạnh, Lão-Tử, Thích-Ca, nên có những tiếng rất thanh-nhã ngũ-ý chua-chát buồn-phiền !

## XLIII. PHIẾM NGUYỆT (45. 1862)

送月

如此江山迹已陳  
吟翁何事苦翻新  
祇應晚景多迷誤  
滿眼風波記不真

*Phiên âm.*

Như thử giang sơn tích dĩ trân,  
Ngâm ông hà sự khô phiên tân,  
Chỉ ưng văn cảnh đa mê ngô,  
Mãn nhän phong ba ký băt chân.

*Dịch nghĩa.*

### Chơi trăng

Non sông như thế này tích đã cũ,  
Sao thi-sĩ phải khὸ tâm lo đồi mới ?  
Có lẽ về già nhiều lôi-lầm,  
Biển-cố trước mắt ghi nhớ không đúng thực.

*Dịch thơ.*

Non sông dấu cũ tự bao giờ,  
Đồi mới làm gì phải tốn thơ ?  
Có lẽ về già nhiều lú-lắn,  
Phong-ba trước mắt nhớ mù-mờ.

**Giải-thích.** — Viết năm 1862, Tùng-Thiện-Vương được 43 tuổi, tự nhận mình đã già. « Ngâm-ông » : ông ngâm-vịnh, thi-sĩ tự-khiêm hay là nói hài-hước minh chì là một người ngâm thơ.

**Bình-luận.** — Thi-sĩ tự đem mình so-sánh với cảnh-vật. Trước là nói chung. Tuy sao dời, vật dời, giữa trời đất vẫn biến-hóa không cùng, dù tang diên thương hài chăng nữa, cũng là những thứ vật-chất biến-chuyển, hoặc sau một khoảng thời-gian, hoặc trong một dời người, cũng vẫn thấy như cũ. Nhà làm thơ ngâm-vịnh, dù muốn tả cảnh, cũng không phải hoàn-toàn chỉ có ngoại-cảnh, bao giờ cũng có những tình-tử nơi mình. Đem tâm-hồn hòa với cảnh-vật. Khác nào như cảnh-vật cũ mà tâm-hồn mới, thì chính thi-sĩ đã làm cho mới. Hay là thi-sĩ lại có những thơ-mộng, vịnh-cảnh cũ người xưa với những ý-tưởng về hiện-tại hay tương-lai. Đó là nói chung về các nhà làm thơ.

Hai câu sau Tùng-Thiện-Vương lại nói riêng hoàn-cảnh của mình. Đường như tự bào-chữa cho mình. Tuy cảnh cũ mà mình diễn-tả có phần nào mới chăng, chăng qua vì mình cao-niên, không còn thấy rõ, đã xa rời thực-tế. Chính những biến-cố giữa dời mình chứng-kiến cũng không nhớ được chắc chắn phân-minh, sao khôi có điều sai-lầm.

Tuy chữa lỗi cho mình, nhưng khiến độc-giả lại có ý-tưởng làm thơ không phải như nghiệp-ành, thơ là tinh-thần chứ không phải vật-chất, dù có tả vật-chất, cũng có những cảm-hứng cảm-xúc tâm-hồn. Có lẽ đó là một đặc-diểm chung của nghệ-thuật, và riêng cho bài thơ này, để là « Phiếm

nguyệt • mà không thấy nói gì đến trăng. Nhà họa-sĩ phác-họa một bức tranh, nhà nhạc-sĩ phò một bản-nhạc cũng thế. Có phần lớn tự tinh-thần và tâm-hồn của mình. Theo những ý-nghĩa, biết đâu bài thơ này không nói lên ý-tưởng tuổi già có điểm sai-lầm, có điều không nhớ, nhưng đó là vì mình làm chủ cảnh-vật, không đè cho ngoại-giới chi-phối hay lấn-át. Trái lại, chính mình làm chủ được cảnh-vật, biến-dổi được cảnh-vật với nguồn cảm-hứng nội-tâm của mình. Như thế, thì càng già mới càng tinh-nhuệ nguồn thơ chăng ? Cố-nhiên không phải là đến lúc đã quá cao-niên, nhưng là đến một hạng tuổi nào, có lẽ như tác-giả bài này trên tuổi tú-tuần. Như thế thì người trẻ tuổi mà vịnh những bài thơ hay có phải là đã có tâm-hồn già dặn chăng ?

◦◦◦

## XLIV. TỔNG NHÂN TÙNG QUÂN (1. 1836)

送人從軍

離	亭	衰	柳	野	烟	和
涼	寒	江	起	白	波	
滾	霜	鹿	看	日	遠	
沙	漠	征	聽	狼	多	
城	長	夜	曉	狹	曲	
故	人	高	陽	間	歌	
壯	如	唱	闊	水	笛	
士	閒		易	宇		
不	名		垂	空		
有	大		朧	今		
空	優		月	月		

*Phiên âm.*

*Ly đình suy liêu dã yên hòa,  
Còn còn hàn giang khì bạch hoa,  
Sa-mạc chinh-trần khang nhặt viễn,  
Sơn-thành trường dạ thính viễn da.  
Cõ-nhân cao-xướng Dương-quan khúc,  
Tráng-si như văn Dịch-thùy ca,  
Bất hữu đại danh thùy vũ-trụ,  
Không linh tuế nguyệt dị ta-dà.*

*Dịch nghĩa.*

**Đưa người ra trận**

Tại chốn tiễn-đưa, thấy cây liêu già, và giữa đồng-nội có khói bay tòa, Dưới sông lạnh, nước chảy cuồn-cuộn, nồi lên những làn sóng trắng ; Giữa bãi sa-mạc, bụi chiến-tranh khiết cho thấy mặt trời xa, Nơi chốn đóng quân, đêm dài nghe nhiều vượn hót. Bạn cũ xướng cao khúc Dương-quan, Tráng-si như nghe bài Dịch-thùy ; Nếu chẳng có danh lớn lưu lại trong trời đất, Thì luống đè ngày tháng dễ hao mòn.

*Dịch thơ.*

Khói bao cội liêu chốn đưa nhau, Sông lạnh nước cuồn sóng trắng phau,

Bãi cát chán trời đầy bụi nồi,  
Đồn binh tiếng vượn suốt đêm gào.  
Dương-quan bạn cũ cao lời hát,  
Dịch-thủy anh-hùng lắng tiếng thau ;  
Nếu chẳng lưu danh trong vũ-trụ,  
Luống công ngày tháng dễ tiêu-hao.

**Giải-thích:** — Tùng-Thiện-Vương viết bài này lúc tiên đưa quan Phạm-văn-Điền được vua Minh-Mạng phong làm Kinh-lược trấn Tây đê bình-dịnh giặc ở Hà-tiền.

« Ly-dình suy-liêu » : tại Trung-quốc, ngày xưa, cứ năm dặm có một đoàn-dình, 10 dặm lại có một trường-dình, là trạm nghỉ dừng chân, tương-tự như những bến xe ngày nay, chính những nơi đó thành ra chỗ đưa đón nhau. Hai bên bình thường có trồng cây dương-liêu. Người tiên đưa hái một cành liêu tặng khách ra đi tượng-trưng kỷ-niệm roi ngựa, thay mình mà giúp bạn đi đường được bình-an, chóng đến nơi đến chốn, vì đường ngày xưa là nhè con ngựa. Vì thế nên đưa nhau hoặc thương nhớ, nhà thi-sĩ hay nói đến cây liêu.

« Dương-quan » : một khúc hát của Vương-Duy đời Đường. Có câu : « Khuyên quân cánh tận nhất bôi tửu. Tây xuất Dương-quan vô cõi nhân ».

(Khuyên người cạn một chén rượu. Ra khỏi Dương-quan về phía tây không có bạn cũ, người quen.

« Dịch-thủy » : bài hát nơi sông Dịch-thủy. Ngày Kinh-

Kha vâng lệnh đi ám-sát Tân-thủy-Hoàng, Thái-tử Đơn đem cả triều-thần mặc tang-phục đi tiên, dường như đưa đám tang, khi đến sông Dịch-thủy, Cao-tiềm-Ly hát lên câu : « Phong tiêu-tiêu hèle Dịch-thủy hàn ; Tráng-si nhất nhát khứ hèle bắt phục hoàn ».

(Gió hiu hiu, sông Dịch-thủy lạnh, Táng-si ra đi không trở về).

**Bình-luận.**— Đưa người đã buồn, lại người đi chinh-chiến, càng buồn hơn. Với tâm-hồn như thế, cảnh-vật cũng nhuộm đủ vẻ âu-sầu. Cảnh có thực, nào chốn chia tay, nào gốc cây liễu, nào khói bay, nào nước chảy, nhưng với mây chữ thi-si kheo lụa, khiến cho đọc lên đã cảm thấy ai-oán não-nùng : ly-dinh suy-liễu, đã yên, hàn giang. Cảnh trước mắt đã ai-oán, tình trong lòng lại gợi lên khung-cảnh xá-xăm. Rồi đây khách đến những nơi chiến-trường, giữa hai bãi cát trắng, mặt trời dâng xa, nơi quan-ải, đêm phải canh-phòng, nghe bầy vượn hót.

Sau khi nhắc đến hai bài hát ngày xưa trong lúc đưa tiễn, một bài có ý thương người đi phương xa cô-dộc, một bài nói đến công việc anh-hùng ra đi không nghĩ đến ngày về, chỉ lo thi-hành sứ-mệnh cao-quý, thi-si lại mượn một việc hiền-nhiên để khuyến-khích người ra đi. Cũng là câu nhắc lại với muôn người, thời-gian để cho người ta mưu điều hữu-ích thì trôi qua như không hao-mòn. Đã hữu-ích thì hữu danh, tùy theo địa-vị năng-lực của mỗi người. Càng cao địa-vị, càng nhiều khả-năng, thì phải có ích trọng và danh cao. Đó có thè là một câu nhẫn-nhủ, nhưng đem nói khi đưa

người ra chiến-trường, càng có ý-nghĩa khuyễn-khích tâm-hồn dũng-cảm của người chiến-sĩ xé tan được những nỗi u-sầu buồn-tủi trong mây cây trên. Không phải là khuyễn-khích khách-sáo, nhưng vì đã nhận biết mỗi tinh-tự-nhiên của con người, nhà chiến-sĩ vẫn không tránh khỏi. Nào ai dám khuyên đừng buồn, đừng nhớ, thi-sĩ hiểu biết hơn ai. Nhưng xin hãy nhìn đến tương-lai, đến sứ-mệnh, mà lo sao cho có danh lớn mới khỏi phi mất đời người.

◦◦◦

XLV. TẶNG HƯU-LƯƠNG-TẶNG  
(3. 1839)

贈休糧僧

打包問法萬山行  
偶被微書玉京  
出岫心如雲更  
休糧身似鶴輕  
遠歸利樹籬衣破  
獨笑臨流洗耳清  
莫說朱門似蓬戶  
可無祖石海鷗驚

Phiên âm.

Đã bao văn pháp vạn sơn hành,  
Ngẫu bị trung thư phó Ngọc-kinh,

*Xuất trục tâm như vạn cánh lại,  
Hưu-Lương thân tỳ hạc sai khinh.  
Viễn qui bát thụ phùng y phá,  
Đặc tiêu lâm lưu tẩy nhĩ thanh,  
Mạc thuyết chầu môn tự bồng hộ,  
Khả vũ ngoan-thạch hùi-âu kinh.*

*Dịch nghĩa.*

**Tặng nhà sư Hưu-Lương**

Đã mang hành-lý vượt qua muôn núi tìm đạo-pháp,  
Không ngờ lại có lệnh vua triệu về chốn thần-kinh;  
Bỏ núi ra đi sòng như mây càng thêm lười-biéng,  
Hết nhờ lương bồng, thân vi hạc càng thêm nhẹ-nhang.

Ở xa về cạo vỏ cây làm áo rách,  
Một mình đến dòng nước chảy rửa tai trong,  
Đứng nói cửa quan cũng như nhà chùa,  
Có thè không còn đá ngu và chim ấu ở biển cũng kinh-hãi.

*Dịch thơ.*

Tìm đạo mang bao, vạn núi qua,  
Ngờ đâu vua triệu chốn kinh-gia,  
Ra đi lòng tựa mây lười-biéng,  
Hết bồng thân như hạc nhẹ đà.

Về cạo vỏ cây làm áo rách,  
Đứng bên dòng nước rửa tai tà ;  
Cứa quan nào phải nơi tu-tỉnh,  
Chim đá rời dây cũng hững-hờ.

**Giải-thích.** — « *Hữu-Lương* » : theo *Liệt-truyện*, năm mậu-tuất (1838), vua Minh-Mạng đau mắt, các ngự-y điều-trị vẫn không thuyền-giảm. Một hôm, vua chiêm-bao thấy có một nhà sư mặc áo bằng vỏ cây, cầm ngọn lá phất trước mắt thì bệnh vua được khỏi. Đến lúc tỉnh mộng, vua hạ chiếu đi các nơi tìm xem có vị sư nào như thế chăng. Các quan tinh Bình-định gửi sớ về tâu tại địa-phương mình có một vị sư như thế, tu trên núi Linh-sơn, huyện Phù-cát, thường vẫn lấy vỏ cây làm áo, lấy hoa quả làm cơm. Cứ chiếu tối, có một bô củi đặt dưới chân núi, người ta biết là của nhà sư muôn tặng. Nhưng ai lấy củi cũng đặt thay vào lè-vật đè biểu-lại nhà sư. Vua nghe sự-tích mới cho triệu về Kinh. Quả nhiên, vị sư ấy đã lấy cành lá phất trước mắt thì vua được khỏi bệnh. Vua muôn giữ lại, nhưng nhà sư nhất-quyết xin lui về chốn cũ. Vua tặng cà-sa vàng ngọc làm kỷ-niệm. Nhà sư nhất-thiết không nhận lãnh gì. Về sau, khi nhà sư viễn-tịch, các quan vào kính viếng tận nơi, tìm thấy giấy tờ mới biết là sư họ Lê tên Ban, nhưng không rõ quê-quán ở nơi nào.

Tùng-Thiện-Vương đã làm bài thơ này để tặng nhà sư ấy.

« *Đà bao* » : đồ hành-lý của nhà sư. Nguyên trong thơ Lục-du có câu : « *Đà bao tăng săn tự chung lâu* » (nhà sư mang pháp-phục hành-lý đến lâu chuông trong chùa).

« Xuất trục » : ra ngoài hang núi. Nguyên trong thơ Đào-Tiêm có câu : « Vẫn vỗ tâm nhi xuất trục » (mây không có ý muốn mà tự-nhiên bay ra ngoài núi).

« Hưu Lương » : thôi bồng lộc, Nguyên cò-thi có câu : « Gia kê hữu thực thang dao cận, Dã hạc vô lương thiên địa khoan » (Con gà trong nhà có ăn thi gần nước sôi và dao ; con hạc ngoài đồng không lương lại thong-dong giữa trời đất).

« Tẩy nhī » : rửa tai. Trong sách Cao-si-truyện có kể ngày xưa vua Nghiêu mời Hứa-Do ra làm Tè-tướng đất Cửu-châu, Hứa-Do xuống sông rửa tai vì đã nghe điều danh-lợi, cho như đã làm dơ-bẩn tai mình.

« Ngoan-thạch » : đá ngu. Trong sách Cao-hiển-truyện có mấy chữ : « ngoan thạch điềm đầu », nghĩa là đá ngu mà cũng gật đầu. Nguyên tích nhà sư Hy-thiên đồi nhà Đường, (hay là Trúc-đạo-sinh vào núi Hồ-khưu) tu đặc đạo, mỗi lần giảng kinh Phật, mấy tảng đá đều gật đầu. Ý nói đá ngu cũng được cảm-hóa.

« Hải-âu » : chim âu ngoài biển. Theo sách Liệt-tử, chim âu là một giống chim thực-thà, không mưu-chước, tâm khi nào cũng thư-thái, ăn ở đâu cũng thung-dung. Có một ông già ở biển, làm bạn với chim âu, cùng đi với nhau, chim âu biết lòng ông. Một hôm, ông ấy đến, đoàn chim âu lại bay đi. Lý-thượng-ần giải-thích : « Hải ông vong cơ, âu nãi bắt phi. Hải ông dịch lư, âu nãi phi khứ » :

(Ông ở biển kia không có mưu-mẹo, thì chim âu không

bay đi ; khi biết ông đòi lòng lo mưu-kẽ, chim âu bỏ bay đi). Thơ của Vương-Duy cũng có câu : « Đà-lão dữ nhân tranh tịch bài ; Hải-âu hè sự cánh tương nghi ».

(Kè quê này không giành chỗ ngồi với ai nữa ; sao chim âu ở biển nhìn có cách nghi-ngờ) ?

**Bình-luận.** — Tặng một nhà sư, thi-si đã cõ diễn-tà những điều thăm-kin và cao-quý trong lòng một vị chân-tu. Trước là tìm nơi thanh-vắng, xa lánh chốn phồn-hoa đô-hội. Nếu phải bỏ nơi thanh-u tịch-mịch chỉ là một điều vạn bất-dắc-dĩ, mong cho hoàn-tất sứ-mệnh đè được lui về ẩn-dật, trong cảnh thanh-bần. Như vị sư Hữu-Lương khi chữa xong bệnh vua, thì nhất-quyết từ-giã chốn kinh-thành trở về nơi sơn-cốc. Lại còn muốn theo gương Hừa-Do mà rửa tai, vì mình cũng đã phải nghe những điều danh-lợi thê-tục. Tuy nhiên, lòng còn sợ không được như trước, khiển cho dá ngu không còn gật đầu, chim âu không còn lưu-luyến. Câu sau này không phải là tác-giả muốn trách nhà sư, nhưng người muốn nói đến chí-khi tinh-thần của một bậc cao-tăng. Có lẽ cũng là những lời nói đến quan-niệm lý-tưởng của một vị chân-tu. Vẫn sợ những danh lợi làm cho xiêu-lòng, vì có đức khiêm-tốn, không dám tin mình, mặc dù đã tu lâu năm, đã tận-tâm mộ đạo, nhưng cũng còn là một con người. Hay là sợ có người hiểu lầm mình. Vẫn hay nhà tu không nò-lệ dư-luận, nhưng phải giữ cho khỏi vì hành-năng thái-dộ của mình mà có người sai lầm.

Xa lánh điều danh lợi và đem lòng an-bần lạc-đạo, đó là yếu-điểm của bậc chân-tu, đạo nào cũng thế. Nhưng

bài thơ này cũng nhấn mạnh ý-nghĩa ẩn-tu. Ngày xưa, đạo Phật vẫn lấy làm quan hệ, dường như là yếu-thể của nhà tu. Ngày nay, trong đạo Phật, cũng thấy như trong đạo Thiên-Chúa, có nhà ẩn-tu, cũng có nhà hoạt-tu, nghĩa là có người tu xa lánh phồn-hoa đô-hội, có người tu ở giữa thành-thị, làm việc xã-hội, ở với đời để cưu-giúp đời. Nhưng theo lẽ thường và vì tính người yếu-duối, khó giữ được cảnh sen « giữa bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn ». Vì đó nên cảnh thanh-vắng ẩn-dật của Hữu-Lương là một phương-thể hoàn-cảnh thuận-tiện hơn. Dường như Tùng-Thiện-Vương đã muốn nhắc lại hay là cảnh-cáo với các bậc tu-hành những mối nguy-hiểm phá hại phai nhạt đường tu, cần phải biết khinh-chê chà-dạp những danh lợi giữa chốn trần-ai tục-lụy.

○○○

## XLVI. ĐĂNG TRẤN-VỐ-QUAN MÔN-LÂU (6. 1842)

登 鎮 武 銜 門 樓

高 檻 憂 眇 独 依 仰  
寂 寥 寒 鐘 幕 色 催 月  
古 木 有 枝 夜 苍 苔 在  
殘 碑 無 宇 鎮 鎖 然 已  
百 年 銅 保 門 半 雲 好  
五 代 金 係 湖 曠 奚 來  
只 隨 銅 刷 猶 佛 畫

### *Phiên âm.*

*Cao lầu độc thương từ đê hời,  
Tịch-mịch hàn chung mờ sắc thời,  
Cò thu hưu chí thê dạ nguyệt,  
Tàn bi vỡ tư iữa thương dài,  
Bách niên đồng-tương guy-nhiên tại,  
Ngũ đại kim môn bán dĩ đối,  
Chỉ thăng Tây-hồ vân thái hảo,  
Tùy phong do phất họa liêm lai.*

### *Dịch nghĩa.*

#### *Lên cửa lầu Trấn-Võ*

Lên lầu cao nhìn xuống, một mình băng - khuông,  
Vắng-vé lạnh-lùng tiếng chuông thúc-giục buồi đêm  
tàn.

Cây xưa có cành che phủ bóng trăng đêm,  
Bia mòn không chữ bao-bọc dấu rêu xanh.  
Trăm năm tượng đồng vẫn còn trang-nghiêm,  
Năm đời cửa vàng đã đồ mát nữa ;  
Chỉ còn Hồ Tây mây vẫn đẹp,  
Theo gió bức rèm còn phất-phơ qua lại.

### *Dịch thơ.*

Lầu cao nhìn xuống dạ thêm buồn,  
Vắng-vé đêm tàn giục tiếng chuông,  
Cây cỏ đưa cành, trăng bóng phủ,  
Bia mòn hết chữ, dấu rêu buông.

Tượng đồng trãm tuồi còn nghiêm-nghi,  
Cửa qui năm đời đã đồ tuôn,  
Thấy lại Hồ Tây mây vẫn đẹp,  
Rèm thưa theo gió chuyền bên khuôn.

**Giải-thích.**— « Trấn-Võ-Quan » : đền thờ Trấn-Võ, tức là Huyền-Vũ, tục gọi Thánh đồng đen, trên bờ hồ Tây, ở Hà-nội.

« Ngũ-đại » : năm triều vua (908-960).

**Bình-luận.**— Theo lời thơ, dường như chính thi-sĩ đã chứng-kien quan-cảnh, lúc ngài ra Hà-nội. Trước là lòng mình khi lên trên lầu cao, vào buổi chiều hôm thanh-vắng. Sau là tả cảnh quanh mình, nào ngoài trời cây xưa dưới ánh trăng tàn, tấm bia đã mòn không thấy chữ, chỉ thấy rêu xanh bao-phủ, nào trong nhà tượng Thánh đồng đen vẫn trang-nghiêm, nhưng cửa sơn vàng đã đồ nát. Dường như thi-sĩ đem so-sánh cảnh thiên-nhiên như hồ Tây dưới vẫn mây trên trời vẫn đẹp, nay vẫn như xưa, và bia đá, cửa vàng nhân-tạo đã phải hao mòn và đồ nát. Còn bức rèm kia, tuy nhò-mọn, yếu-duối, thưa-thớt, nhưng vì biết chiều theo gió phất-phơ qua lại nên vẫn còn. Biết đâu không phải thi-sĩ muốn mượn cảnh đền Trấn-Võ với tâm-hồn hoài-cố cảm-khai để nói lên cảnh-vật và tâm-tình ? Chỉ có thiên-nhiên và nhân-tâm có thể tồn-tại sau bao nhiêu biến-cố vật đổi sao dời. Còn những thứ nhân-tạo phụ-thuộc vẫn phải hao-mòn hư-hỏng, trừ phi biết uốn mình theo mưa gió dưới sức mạnh của thiên-nhiên.

Cao-bá-Quát cũng có làm một bài thơ vịnh đèn Trấn-Võ :

昔 造 無 計 復 登 樓  
斜 倚 開 千 望 碧 流  
君 亦 多 情 到 蒸 水  
我 猶 遺 怨 滿 滲 泣  
日 斜 天 地 双 遊 背  
春 寂 江 湖 一 白 鳥  
遠 想 當 年 行 樂 虞  
殘 花 猶 似 故 宮 頭

Tích du vô kế phục đăng lâu,  
Tà ý lan-can vọng bích lưu,  
Quân diệc đa tình đáo yên thủy,  
Ngã do di hận mãn Thinh châu.  
Nhật tà thiên địa song băng mǎn,  
Xuân tịnh giang hồ nhát bạch âu,  
Đao tường đương niên hành lạc xứ,  
Tàn hoa do tự cõi cung đầu.

Thi-sĩ Việt-Ngâm đã dịch hai bài thơ này :

Bài của Tùng-Thiện-Vương :

Lầu cao một chắc ruột vỏ tơ,  
Trời tối chuông chùa tiếng vẫn-vơ.  
Cây cỏ có ngành treo nguyệt rạng,  
Bi tàn mắt chữ phủ rêu lờ.  
Tượng đồng muôn thuở còn tro-trọi,  
Cửa ngọc năm triều nửa đồ hư,

Lụa có Hồ Tây mây khá đẹp,  
Bay theo chiều gió lọt rèm thưa.

(*Báo Tiếng Dân* ngày 21-9-1939)

Bài của Cao-bá-Quát :

Chưa thè chơi xa lại dựa lầu,  
Lan-can ngồi chêch ngắm dòng sâu.  
Nước mây dựa khách thêm buồn cảm,  
Doi bối riêng ta chất khơi sầu.  
Trời đất bóng chiều phai tóc bạc,  
Giang hồ xuân lặng lè mình âu.  
Trò vui ngày trước là nơi đáy,  
Cung cũ hoa tàn trải mây thu.

(*Báo Tiếng Dân* ngày 12-9-1939)

Dương-quảng-Hàm, Việt-Nam văn-học sù-yếu, tr. 345-347

oOo

## XLVII. ĐẠI-MÔNG QUÀ (41. 1859)

大 榮 華

大 榮 華 意 此 朝 客  
嘉 定 他 年 裝 巨 航  
幸 許 莫 尊 分 錫 貢  
急 急 山 駛 速 穗 將

戎 苦 久 已 劳 农 算  
土 物 由 来 出 外 郊  
深 懊 吾 生 徒 口 腹  
罔 恩 家 况 共 露 宿

### *Phiên âm.*

*Đại-mông thục ý thử triều thường,  
Gia-định tha niên tài cự hàng,  
Hạnh thác hà p<sup>k</sup>ù phán tích công,  
Hốt sâu sơn dịch viễn huề tương.  
Nhung tru cùu dī lao thǎn toán,  
Thò vật do loi xuất ngoại-hương ;  
Thâm qui ngô sinh đồ khầu phúc,  
Quốc-đn gia-huống cọng triêm thường.*

### *Dịch nghĩa.*

#### **Quả xoài-tượng**

Trái xoài-tượng ai đã có ngày thử nếm,  
Ở Gia-định, năm kia đã chờ một thuyền lớn,  
May mình được gửi vào như chút bèo bọt mà được  
phần của dâng-hiến,  
Chạnh buồn cho người trạm núi phải từ xa đưa đến  
Binh cơ lâu nay vẫn được vua trù-tính,  
Vật thò-sản từ xưa vốn là của quê bên ngoại ;  
Thẹn cho đời ta chỉ lo về ăn uống,  
Ơn nước tình nhà thêm ướt áo.

## Dịch thơ.

Xoài-tượng ai kia nếm có ngày.  
Năm xưa Gia-dịnh chờ ra đây,  
May mình bèo-bọt nhờ phần cống,  
Thương trạm núi-non đến chốn này.  
Chiến-lược lâu nay vua định-liệu,  
Ngoại-hương từ trước vật riêng tây ;  
Đời ta luống thẹn lo ăn uống,  
Ơn nước, tình nhà, lệ nhuốm đầy.

**Giải-thích.** — « *Gia-dịnh tha-niên* » : năm kia, không rõ là năm nào. Nguyên từ trước, cứ mỗi năm, quan tỉnh Gia-dịnh cho thuyền lớn chờ xoài-tượng ra Thuận-hóa dâng vua. Khi thi-sĩ viết bài thơ này là năm 1859 (Kỷ-mùi, triều Tự-Đức năm 12), quân Pháp và Tây-ban-nha vừa mới chiếm Gia-dịnh, và dốt phá thóc gạo thành-trì, quan Tòng-trấn Vũ-duy-Ninh đã tự-tận.

« *Hạnh thác hà phù* » : thi-sĩ tự ví mình như chút bèo-bọt có phúc được gửi vào cung-diện, nên mới có phần được nếm xoài-tượng là vật cống-hiến lên vua. Nên nhớ Tùng-Thiện-Vương là chú vua Tự-Đức. Cho hay đời quân-chủ phong-kiến, tuy cháu nhưng đã lên ngai vàng, thì chú tự nhận mình rất thấp kém hèn-mọn.

« *Sơn dịch viễn huề tương* » : trạm núi từ xa đưa đến, khiếu cho độc-giả ngày nay có thè hiều là xưa kia ghe thuyền từ Nam ra vẫn không vào được cửa Thuận, nên phải ghe lại Đà Nẵng, rồi phu trạm đưa từ đó ra Kinh-đô.

« Dung trù cừu dī » : câu này nhắc lại vua Tự-Đức lâu nay vẫn trù-tinh việc chống Pháp.

« Ngoại-hương » : bà Từ-Dũ sinh vua Tự-Đức là người quê ở Gia-định. Bà thân-mẫu Tùng-Thiện-Vương cũng là người Nam. Nhưng chắc ở đây thi-sĩ muốn nói ngoại-hương của vua, chứ không có ý nói đến mình.

**Bình-luận.**— Lấy việc xoài-tượng vừa nói đến mình, đến người, đến nhà, đến nước. Chính mình là ai mà dã có ngày được ném trái xoài-tượng ? Vốn là của từ trong Nam gửi ra triều-cống. Còn mình chỉ được phúc là sa vào trong chốn vương-cung. Lại nghĩ đến công người dịch-trạm chốn núi-non phải vất-vả chuyên-chở, khiến mình cảm lòng sầu-thảm. Mừng cho mình ở chốn giàu sang, lại được hưởng phần công-hiển, mặc dù mình không có công-cán giá-trị gì, rồi thương cho người đã phải nghèo-nàn lại còn phải trèo non lặn suối, có công đưa lề-vật từ phương xa đến cho vua. Trong hai câu, tính khiêm-tốn và lòng bác-ái sáng tỏ sâu-xa trong tâm-hồn thi-sĩ.

Nghĩ đến nước đương phải ngoại-xâm, mất một phần đất miền Nam. Nhưng không dám trách vua, vì nhận thấy vua vẫn lo trù-tinh việc binh-cơ. Nhớ đến xoài-tượng là thồ-sản miền Nam, lại nhớ miền Nam là ngoại-hương của vua Tự-Đức, càng hiều lòng vua đau xót đến thế nào. Không phải là vua tiếc gì thứ thồ-sản, nhưng vật và người vẫn tương-liên đến đất và nước. Đất là của nước, mẹ là người thân, đã làm vua phải lo giữ nước, đã làm con phải lo cho mẹ. Nay Gia-định bị quân Pháp chiếm-đoạt, vua càng đau-

đớn, trước trách-nhiệm đối với mẹ, với nước, với dân. Đường như thi-sĩ thấy nỗi đau-dớn ấy, muôn cho nhẹ bớt trách-nhiệm của vua Tự-Đức nên đã nhắc đến « Nhungen trù cừu dì lao thân toàn ». Chỉ có mình là kém-cỏi dở-dang, vì giữa lúc như thế mà nhớ đến xoài-tượng, thực là « thâm quí ngô sinh đồ khàu phúc ». Càng thẹn cho mình lại càng nhớ ơn vua, đối với thi-sĩ là một Hoàng-tử có quan-niệm vua là của nước, vua lo cho nước, nên nhớ ơn vua là ơn nước, và ơn vua cũng gợi đến tình nhà, khiến cho Tùng-Phiên-Vương phải rơi lụy ướt áo. Vừa thương nước trong khi thấy nước mất một phần đất, vừa thương nhà giữa lúc thấy vua Tự-Đức phải đau lòng, hay là thấy hoàng-gia có phần trách-nhiệm, thi-sĩ đau-xót vô cùng. Chỉ mấy tiếng diễn tả được tâm-hồn xao-xuyến, lo âu, buồn-tùi của một ông Hoàng ái-quốc, thân-dân và nhân-thân, thương nước, yêu người, quý nhà và thẹn cho mình.

oOo

### XLVIII· NGÕA-KIỀU (43. 1860)

瓦 悅

瓦	侍	老	世	清	寡	何	臨	下	詩	忘	不	清	寡	何	流	水	自	惟	是	江	灑	千	半	若	愁	潭	間	山	林	間	草	頰
憮	老	世	清	寡	孤	孤	孤	詩	歌	歌	歌	風	婦	意	意	歌	歌	歌	歌	廟	灘	半	若	哀	愁	潭	間	山	林	間	草	頰

### **Phiên âm :**

*Ngõz-triều kiểu hạ thủy san-san,  
Ý hạm nga thi nhi tự nhàn,  
Lão cảnh nan vong duy hàn măc,  
Thế duyên bắt yếm thị khè sơn,  
Thanh-phong tiêu sai giang thiên chuyền,  
Quả-phụ chưng thường miêu bán gian.  
Hà ý tẽ nhân tàn nhược bối,  
Lâm lưu vỗ han thảng suy nhan.*

## *Dịch nghĩa.*

## Câu nói

Dich tho.

Dưới cầu ngôi, nước chảy mênh mang,  
Tựa chiếc bao-lon, vịnh rành-rang.

Bút mực không rời vui cảnh lão,  
Núi khe chẳng chán tiếc đời tàn.  
Gió trong thanh-thoát sông ngàn khúc,  
Bà góa kính thờ miếu nửa gian.  
Đáng الثن cho ai không ý giúp,  
Trên dòng nhìn bõng lại đau thương.

**Giải thích.**— « Ngõa kieu » : chiếc cầu ngôi do một bà quái-phụ, không con, đã bắc trên con sông Triệu-nông, ở làng Thanh-Thủy, huyện Hương-Thủy, tỉnh Thừa Thiên. Cầu dài chừng 50 thước, rộng gần 6 thước, phía trên lợp ngôi, hai bên có bao-lon. Sách Đại-Nam nhất-thống-chí có ghi rõ những điều này, nhưng tiếc không thấy tên bà quái-phụ.

« Miếu bán gian » : cái miếu nửa gian do dân làng Thanh-thủy xây lên trên cầu vào năm Canh-Thân (1860) để nhớ công-đức của vị ân-nhân.

**Bình-luận.**— Bài thơ này thi-si viết năm 1860, có lẽ không bao lâu sau khi dân làng Thanh-thủy dựng miếu thờ bà quái-phụ đã bắt chiếc cầu. Hay là vào dịp khánh-thành ? Hay là trong khoảng ấy, người đã đến đứng trên cầu túc-cảnh-Tự cho mình là thư-thà, nên tựa vào bao lơn mà ngâm-vịnh, hình như đã tự cho việc làm thơ không ích-lợi gì. Nước kia vẫn chảy, người trước có công bắc cầu, còn mình thì chỉ biết ngâm-vịnh, nào có giúp ích gì cho ai ! Rồi lại xin lỗi, vì mình đã cao-niên, lại thêm nặng nợ với bút nghiên không thể quên được. Núi khe kia cũng nhiều duyên với

dời, nên lưu-tồn mãi. Xin ai đừng trách thi-sĩ cứ làm thơ, cũng như đừng trách khẽ sơn vẫn tồn-tại, người đa-cảm nợ với bút mực cũng như vật vô-trí duyên với thế-gian.

Cảnh-vật chung quanh, có luồng gió trong như thoát trần-tục, và con sông quanh co như đến ngàn vòng, lại có ngôi miếu nhỏ thờ bà quả-phụ, khiến cho thi-sĩ lại trách không những chính mình, mà cả những ai như mình, chỉ lo ngâm-vịnh, chứ không có ý giúp-dỡ người ta. Vật vô-trí như giỗ, còn biết giữ trong trắng, thoát khoài trần-tục, tính-cách thanh-cao, như nước còn biết uốn lượn, tránh những đá gõ-ghề, những đất do-bàn, nên thành ra những ngàn khúc quanh-co. Người hữu-tinh tri ân biết xây miếu kính nhớ ân-nhân. Còn bọn mình thi chằng hè có ý gì đến những việc thương giúp đồng-chủng đồng-bào, cứu-tế xã-hội. Giữa lúc hoài-cảm như thế, đứng trên cầu nhìn xuống dòng sông, nước chảy không dừng, thấy bóng mặt mình suy yếu, càng thêm bao nỗi đau lòng. Nước chảy khiến mình nhớ lại ngày tháng vẫn trôi qua, nhìn bóng mình thấy mình đã già yếu, mà chính mình chưa làm được chút gì cho nước, cho dân, bao nỗi ngậm-ngùi thương-tiếc âu-sầu ! Càng thấy tâm-hồn của thi-sĩ, thấy cảnh-vật mà nghĩ đến nhân-tình thế-sự, nghĩ đến thân-phận hành-vi trong dời mình, đã viết lên mấy câu thơ ngậm-ngùi ai-oán. Một tâm-hồn chan-chứa tình thương vẫn đặt nặng bao nhiêu vắn-dè, nào là trách-nhiệm đối với người trước, người sau, người đương thời, nào là bác-ái xã-hội, nào là thời-giờ trôi qua, phải dùng sao đè giúp người, chứ không phải chỉ làm những việc vui cho mình mà không ích cho người. Thi-sĩ đứng trên cầu không bằng

bà quâ-phụ đã bắc chiếc cầu, không bằng ngọn gió trong,  
dòng nước chảy ! Những kè hậu-sinh không biết làm thơ,  
chỉ biết quý thơ, cũng dám yên-ủi thi-sĩ, một bài thơ hay,  
hàm-ngụ nhiều ý-tưởng như trên có lẽ không thua gì một  
việc công-đức, vì là những lời nhǎn-nhủ kêu gọi muôn  
nghìn thế-hệ về sau nên tình-thức đẽ biết xả-kỷ vị-tha, đẽ  
biết dùng thời-giờ, tiền bạc, sức lực, mưu ích-lợi cho đồng-  
.chủng đồng-bào, mưu hạnh-phúc cho nhân-quần xã-hội.

oOo

## CÔ-THE

### XLIX. LUU-DÂN THÁN (49. 1865)

#### 流 民 歌

一 人 之 身 半 生 死  
欲 行 不 行 止 不 止  
父 母 不 獲 奉 养  
何 况 妻 與 子  
竟 此 流 畏 亦 徒  
十 百 成 露 遠 水  
故 鄉 有 田 为 畜  
適 地 青 青 化 鬪  
官 倉 來 足 無 窮  
朝 賑 雖 頗 竞

旬朝熱呻民苦鼓雨  
二懸荆吟縣民天中雨  
京鵝棄蜀南天填空道  
上如撥蜀廣呼填漫道  
間形者者歲天界雲漫道  
超病沒存太仰雷黑道  
將衣沉交四訴震道

### Phiên-âm.

Nhất nhân chỉ thân bán sinh tử,  
Dục hành bát hành, chỉ bát chí.  
Phụ mẫu bát hoạch dưỡng,  
Hà huống thê dũ tử.  
Phù-tỳ, bồ-dinh, diệc phục tận,  
Thập bát thành quần viễn lưu tỳ,  
Cố hương hữu diền tao thủy hạn,  
Biển địa thanh-thanh hóa vi tỳ  
Quan thương vị túc hướng quan-nhu,  
Diệu chấn tuy tàn cảnh vô kỳ.  
Việt quan thương Kinh thương nhị tuần,  
Bệnh hình như hạc ý huyền-thuần.  
Một già bát khí, trăm kinh trăng,  
Tôn già bồ-bắc, giao ngầm thán.  
Ai tai Quảng-Nam từ huyện dân,  
Ngưỡng thiên hô thiên tố dân khđ.  
Lời thanh diền-diền chấn thiên-cđ,  
Hắc vân mạn không đạo trung vũ.

## *Dịch-nghĩa.*

### **Lời than của người dân lưu-ly**

Thân của một người nửa sống nửa chết,  
Muốn đi không được, muốn dừng không  
dừng được

Cha mẹ không phẹng-dưỡng được,  
Huống hồ vợ với con.  
Củ riu, củ éo, con rạm, con còng, đều hết sạch,  
Mười người, trăm người, thành từng đoàn ra đi xa  
Tại làng vẫn có ruộng đất đều bị lụt hạn,  
Khắp nơi lúa xanh đã hóa thành lau.  
Kho của nhà nước chưa đủ cung-cấp cho quân,  
Mở kho phân-phát nhiều kỳ mà vẫn không thấm.  
Gần hai tuần vượt ài về thản-kinh.  
Hình người bệnh như con hạc, áo rách tơ-vơ,  
Kè chết đường, bỏ xác trong bụi bờ.  
Người sống sót, bò lết rên siết cùng nhau.  
Thảm thay cho dân bốn huyện Quảng-Nam,  
Ngửa mặt lên trời, kêu trời tỏ nỗi dân đau-khổ,  
Tiếng sấm rền-rền dội vang trời,  
Mây đen kéo đến, mưa sa xuống giữa đường.

## *Dịch thơ.*

Thân người sống chết bất phân,  
Muốn đi không được, muốn dừng không xong.  
Mẹ cha phẹng dưỡng chẳng mong,  
Còn đâu lo lắng vợ con phận mình.

Nhìn lên ngõ xuồng tìm quanh,  
Không chút cùi núi, chẳng mạnh cua đồng.

Người ta lũ-lượt rất đông,  
Đoàn trăm lớp chục bước cùng ra đi.

Vốn làng ở chốn thôn-quê,  
Ruộng nương nước ngập thêm kỳ nắng khô.  
Lúa xanh cũng héo cũng khô,  
Nhìn xem chẳng khác một bồ ngọn lau.

Nhà nước tích-trữ từ lâu,  
Kho kia chẳng đủ cung-cầu quân-nhu.  
Lại đem phân-phát dân-cư,  
Nào tiền, nào gạo, chẳng dư chút nào.

Nhân-dân vất-vả biết bao,  
Hai tuần vượt ài kéo vào Kinh-đô.  
Thân-hình gầy-guộc tơ vò,  
Áo quần rách rưới tơ-vơ tan-tành.

Người thì rũ-liệt phải đành,  
Xác kia vứt bỏ giấu quanh bụi bờ.  
Người thì sống sót lơ-thơ,  
Cùng nhau rên siết, chẳng nhở được ai!

Thương thay dân-chúng kêu nài,  
Quảng-nam bốn huyện, muôn người như nhau.  
Ngửa lên than-thở thương đau,  
Kêu trời chẳng thấu, khóc sầu không nguôi.

Lại nghe tiếng sấm giữa trời,  
Mây đen kéo đến, mưa thời tuôn sa !

**Giải-thích.** — « *Lưu dân* » : năm át-sửu (1865), hai tỉnh Quảng-nam, Quảng-ngãi, vừa bị hạn, vừa bị lụt, hai mùa đều mất, dân-cư đói kém, người nào sống sót đều phải tản-cư lưu-lạc.

« *Việt quan thương kinh* » : từ Quảng-nam, Quảng-ngãi, dân-chúng kéo nhau vượt Hải-vân-quan (đèo Hải-vân) đè ra kinh-đô Thuận-hóa.

« *Quảng-nam từ huyện* » : bốn huyện tỉnh Quảng-nam (ngày nay kè cả tỉnh Quảng-tín) : Hà-dông, Duy-xuyên, Diên-phuộc và Hòa-vang, là những nơi hу-hại đói kém nhất trong thời-kỳ ấy, hơn 5.000 người dân bị chết đói.

**Bình-luận.** — Dù không biết tác-giả là ai, đọc lên bài thơ này cũng không khỏi ngậm-ngùi cảm-phục một người biết khóc thương tình-cảnh đau-khổ của dân nghèo lâm nạn. Tả rõ từng chi-tiết ; không phải nghe thấy với tai mắt người phàm, nhưng với một tâm-hồn cung rung-động với những nỗi tang-thương. Khi biết thi-sĩ là một ông hoàng-tử, càng thấy những lời than-thở như phát-xuất từ một cõi lòng chan-chứa thương-yêu, chân-thực mà sâu-xa, đắm-thắm mà thống-thiết, không phải của một người đã kinh-nghiệm chung cùng số-phận, cũng không phải chỉ vì một mối động-tâm thường-tinh, nhưng của một tâm-hồn giàu thiện-cảm nên thấu rõ nỗi éo-le của con người đã nghèo-nàn, lại phải tai-ương mắt mùa lụt lội. Dường như thi-sĩ muốn hỏi lỗi ấy tại ai, nhưng

cũng không dám trách ai. Nhà cầm quyền dưới đất đã lo phòng-bị kho-lâm của chính-phủ, nhưng đương lúc chinh-chiến, không đủ cung-cấp cho quân-lính. Tuy nhiên, cũng đem ra phát tiền, phát gạo nhiều lần vẫn không đủ cho nạn-nhân. Có dự-phòng, nhưng không đủ, có lỗi chăng ? Lỗi vì không biết trước sẽ có nạn thủy-hạn đến thế nào, chứ không phải lỗi vì không lo trước cho dân. Đọc qua mấy câu thơ, không thể nói thi-sĩ trách sao triều-đình không lo trồng cây trên rìng đê chắn nước, đào thêm sông ngòi cho nước chảy đồng đều, hướng-dẫn dân-cư ở nơi cao-ráo. Chắc đương-thời thi-sĩ chưa có những ý-tưởng đó.

Ba câu sau dường như có ý trách trời, người dân đau-khô đương ngửa mặt kêu trời, lại gặp sấm sét mây mưa ! Trời đã không cứu-giúp, sao nỡ dồn thêm đau-khô ? Không rõ thi-sĩ có ý than-trách hay là kêu lên những lời thắc-mắc. Vì đâu Trời làm chi cực bấy Trời ! Hay là chỉ diễn-tả một quang-cảnh và một hiện-tượng. Theo lỗi thơ của Tùng-Thiện-Vương, thấy bao giờ viết lên một câu thơ nào cũng hàm-ngụ ý-tưởng sâu-xa. Ở đây, có lẽ không phải diễn-tả, và người không có tinh than-trách những điều chính mình chưa hiểu rõ căn-cứ và lý-do. Biết đâu thi-sĩ không có ý nói dân khô thì dân kêu trời, theo lòng tin tưởng hay là không còn biết kêu ai. Còn việc của trời thì trời cứ làm, vào giữa mùa mưa thì có mưa. Nước kéo lên nhiều thì mưa xuồng nhiều, mưa xuồng nhiều từ trên núi chảy xuồng, không có cây cỏ chặn lại và không có sông sâu ngòi rộng đê chảy ra biển, thì phải tràn vào những chỗ đất thấp thành ra có lụt. Dân-chúng

kéo nhau ra đi gặp vào lúc nước giữa trời phải tuôn xuống vì không-khí và thời-tiết, nên lại phải mưa. Chứ Trời nào có muôn hại ai, làm khὸ cho ai. Dân đã nghèo, Trời đâu còn muôn làm hại. Trái lại, mưa nắng đều là để giúp cho muôn người, nhất là giúp cho những người hiều biết để lợi-dụng cho mình và cho bao nhiêu người khác. Biết đâu bài thơ này không phải là một lời nhắn-nhủ với ai là người có trách-nhiệm dõi với nước, với dân, phải lo tồ-chức thế nào để tránh khỏi những nỗi tai-ương cho dân-chúng, chứ đừng oán tại trời cũng đừng đồ lôi cho dân.

oOo

## L. TỔNG ĐỐ-VĂN-HIẾN CHI GIA-ĐỊNH (3. 1839)

送杜文獻之岳定  
故人詩名動海內  
字鋐光萬家益仰  
城河千里候不違  
搏多十年頭還我  
先生南歸路期遲  
興來獨與南風還  
論詩如火渴欲焚  
虛堂交耿耿攀鉏

春中競逐紛淋漓  
 山魈木魅相對泣  
 太行五嶽高峯嶮  
 生氣萬川能造浪  
 有若百川之萬萬  
 文才未遇且蓬累  
 長歌猶足發胸奇  
 売如曹蜍志白日  
 馬用似人生厭厭

*Phiên âm.*

*Cố-nhân thi danh động hải nội,  
 Tự tự phong mang thò quang quái.  
 Thành trung kha lý thập vạn gia,  
 Ủng tuệ đa niên hậu khuynh cái.  
 Tiên-sinh trạo đầu bắt không cõ,  
 Hưng lai độc sinh thành nam lồ.  
 Luân thi dũng ngã như túc kỳ,  
 Hư đường đăng hòa lâu trì trì.  
 Quang thuyền giao phi xúc kích bát,  
 Túy trung điện mặc phân lâm-ly.  
 Sơn tiêu, mộc mị tương đối khắp,  
 Thái-hành, ngũ-nhạc, áp điện cao khâm-kỳ.  
 Sinh khí phân dung mặc nồng át,  
 Hữu nhược bách xuyên chí thùy vạn lý xu hải tranh  
 động qui.*

*Trương-phu hoài tài vị ngộ thả bồng lụy,  
Trường ca thông àm, túc phát hung trung kỳ.*

*Khi như Tào-Thử Lý-Chi bạch nhật yêm yêm khi thùy  
tận.*

*Yên dụng tự thử sinh nhân vi*

*Dịch nghĩa.*

### **Đưa ông Đỗ-văn-Hiển đi Gia-Định**

Người bạn cũ có tiếng thơ hay khắp trong nước  
đều biết,

Mỗi chữ như mũi giáo lưỡi gươm chiếu ánh sáng.

Trong thành khu có học tính mười vạn nhà,

Nhiều năm đã lo quét nhà đê đón rước.

(cầm chòi và nghiêng nón)

Nhưng thầy quay đầu không nhìn lại.

Khi cao hứng chỉ đi qua đường phía nam.

Bàn thơ cùng ta như đã hẹn trước,

Nhà trống, đèn sáng, đồng-hồ nước chảy từ-từ.

Chén tạc, chén thù, đánh bát đồng ra hiệu (cho rồi  
câu thơ)

Trong lúc say, viết càng trôi chảy như bút mực  
của Mè-Điên.

Quỉ núi thằn cậy nhìn nhau mà khóc,

Núi Thái-hành, Ngũ-nhạc, áp trước mặt cao vời vợi  
Khi tốt bay lên chẳng ngăn trở được.

Như nước trăm con sông, vạn dặm đường, đua  
nhau chảy ra biển về hướng đông.  
Kẻ trượng-phu chưa gặp thời ôm tài cao và đợi  
mão cỏ ;  
Hát lớn, uống say. đủ phát ra những tư-tưởng cao-  
xa ở trong lòng.  
Há như Tắc-Thử Lý-Chí ban ngày mà nằm thiêm-  
thiép như gần hết thở,  
Đừng làm gì hạng áy mà sinh làm người.

### Dịch thơ.

Bạn xưa có tiếng thơ hay,  
Đồng-bào trong nước biết tài nghe danh.  
Chữ nào chữ áy quang-minh,  
Như gươm, như giáo, sáng tinh rạng ngời.

Kia trong thành-thị đông người,  
Tinh nơi có học chừng mươi vạn nhà.  
Bao năm mong ước đợi chờ,  
 Tay cầm chòi quét, nón đà ghé nghiêng.

Ngờ đâu thấy lại thản-nhiên,  
Quay đầu chẳng đoái, không phiền nhìn lui.  
Có lúc cao hứng mua vui,  
Bước qua đường áy, thành đồi phía nam.

Bao nhiêu thi-tứ càng ham.  
Đường như đã hẹn luận-dàm cùng ta.  
Sáng đèn, tỏ bóng, vắng nhà,  
Đồng-hồ nước chảy dần-dà qua đi.

Chén thù chén tặc mấy khi,  
Bát đồng đánh hiệu giục thì câu thơ.  
Say sưa trôi chảy ngâm-nga,  
Mẽ-Điên bút mực tuôn ra không ngừng.

Thần cây quỉ núi muôn trùng,  
Nhìn nhau rơi lụy, phục tùng tài cao.  
Thái-hành, Ngũ-nhạc núi nào,  
Nhìn xem trước mặt lớn lao ngất trời.

Khác nào khi tốt vầng hoi,  
Chẳng ai ngăn nỗi những lời gấm hoa.  
Khác nào như nước chảy ra,  
Trăm sông muôn dặm, đưa về hướng đông.

Nhưng người quân-tử anh-hùng,  
Tài cao mảo cỏ, thong-dong chờ thời.  
Ngày ngày ca hát nhiều lời,  
Say sưa phát ý tốt tươi trong lòng.

Há như những kè long-đong,  
Tào-Thù, Lý-Chí, viễn-vông cả ngày.  
Hạng người thế ấy nào hay,  
Chẳng nên công-cán, tiếc thay làm người !

**Giải thích.**— « Đỗ-văn-Hiển » : người Nam-kỳ, đỗ tiến-sĩ, triều Minh-Mạng, đã hơn 50 tuổi mới làm Đốc-học-Tùng-Thiện-Vương tiếc cho người có tài mà không đặc-

dụng, vốn là bạn ngâm-vịnh, nên khi ông trở vào Nam, thi-sĩ đã tặng bài thơ này.

« Lâu trì trì » : ngày xưa dùng đồng-hồ bàng nước, từng giọt từ từ rơi xuống.

« Quang thuyền » : chén rượu hình chiếc thuyền.

« Xúc kích bác » : đánh bát đồng ra hiệu thổi thúc làm cho xong câu thơ.

« Điện mặc » : mực của Mẽ-Điện là một thi-sĩ ngày xưa có tài làm thơ rất nhanh, tay viết không ngừng, mực cứ tuôn ra không cạn. Không phải như những người chấm mực rồi còn phải suy-nghĩ đè ngồi bút phải khô.

« Sơn tiêu mộc mị » : cò-thư có câu : « Sơn tiêu mộc mị  
giải ngâm thi »

(Qui núi thần cây đều biết ngâm thơ).

« Thái-hành » : núi cao nhất bên Trung-hoa, giữa Trường-thành và Hoàng-hà.

« Ngũ-nhạc » : năm ngọn núi danh-tiếng bên Trung-hoa (Hoa, Thái, Tung, Hang, Hoành).

« Bồng-lụy » đội mao cỏ mà đi. Xưa Lão-tử có nói : đội mao « bồng lụy ».

« Tào-thử, Lý-Chí » : hai người ở đời Tấn, không có công-cán tài-đức gì, nên trong sách Thè-thuyết, Sưu-đào-Qui có nói : « Liêm-Pha và Lãnh-tương-Như, tuy chết đã trăm đời, mà vẫn còn như sống ; còn Tào-Thử, Lý-Chí, tuy còn sống nhưng cũng như đã chết rồi ».

**Bình-luận.**— Tuy đè là đưa một người đi Gia-dịnh, nhưng chỉ thấy thương tiếc một thi-sĩ biệt-tài mà không đặc dụng, chứ không thấy nói những lời đưa-tiễn và không tả cảnh quan-hà như trong mấy bài thơ ly-biệt. Hình như tác-giả có ý trách ai không biết dụng tài, một người như thế mà đè cho ngày tháng trôi qua, rồi nay lại không còn ở chốn kinh-thàn, là nơi tụ-hợp những tao-nhân mặc-khách thì nay lại phải mất một thi-sĩ lõi-lạc như thế kia. Thực là điều đáng tiếc. Nhưng cũng tiếc cho tác-giả chỉ nói đến tài làm thơ, chứ không nói đến tài chính-trị tö-chức. Vì có người thơ hay, chữ tốt, có tài văn-chương, nhưng không có tài kinh-bang tề-thế, thì không thể trách sao vua quan không trọng-dụng. Văn hay người có trách-nhiệm trong một đoàn-thê phải khuyến-khích và bảo-trợ những người có tài, bắt luận tài gì, phải theo từng phạm-vi mà ủng-hộ, không nên đè cho người có tài phải lâm cảnh đau-khổ nghèo-nàn, không thể phát-triền tài-nghệ của mình. Dù là nghệ thuật, từ thi-văn cho đến điều-khắc, hội-họa, tuy không trực-tiếp giúp việc kinh-luân, nhưng biết đâu lại không gián-tiếp làm cho nước nhà vè-vang trên đường quốc-tế, cho quan và dân thêm phấn-khởi trong lúc đọc bài thơ hay, nghe bản nhạc khéo, hay là ngắm bức tranh đẹp. Vì thế nên thời nào, nơi nào, những nhà văn-nghệ không được ủng-hộ khuyến-khích, có lẽ nước nhà phải thiệt-thòi trên con đường hưng-thịnh. Không dám nói Tùng-Thiện-Vương mượn dịp tiễn đưa Đỗ-văn-Hiến đè nhắc lại những ý đó, nhưng đọc bài thơ ấy, như bao nhiêu những bài thơ trên kia, có thể nhớ đến những ý-tưởng này.

## NHỮNG LỜI PHÊ BÌNH

— Thi-văn của Tùng-Thiện-Vương, như cỏ hoa giữa núi, như mây mõng trên trời, vẻ đẹp ở tinh-thần, dẫu ai khéo tay, theo dạng vẽ bầu cũng chỉ còn hình-thúc.

Tuy-Lý-Vương . . . 14

*Nhất đại thi-ông thê bất hoàn*

Sao thi-ông một thuở nỡ sớm về không trở lại ?

Tự-Đức . . . 17

*Gián tác thi ca khắp qui thần*

Thi ca linh-động đến làm cho qui thần phải khóc.

Lê-Tân, người Trung-Hoa  
nhà Thanh . . . 18

*Sở xích tân phẫn tị màu mồ,*

*Kỳ thiên cựu vịnh bá nhân hoàn.*

Vài thước đất un gần mồ mẹ,

Mấy bài thơ rải khắp bầu trời.

Tự-Đức . . . 17

*Như rợc sứ nguyên tinh giáng Trung-quốc,*

*Hàn triều Tô-Hai si đồng lưu,*

*Hu ta công hờ thùy dữ trù,*

*Hu ta công hờ vô dữ trù.*

Như Thương-Sơn sinh vào Trung-Quốc,

Thi tài ngang với ông Hàn, ông Tô.

*Than ôi ! đời nay ai sánh vai ?*

*Than ôi ! đời nay không ai sánh được.*

*Chung-Üng-Nguyên, Bắc-kinh . . . 20*

*Hiếu, hữu, trung, ái, đặt chữ mặc gian.*

*Đời với cha mẹ, với bạn hữu, với nước, với vua, với muôn người, tình tràn trên giấy mực.*

*Lão-Sùng-Quang, sứ-thần*

*Trung-Hoa . . . 20*

*Thương-Sơn nhất lão, Thiên đài dĩ chí thức thị,  
Nam bang khởi đặc, cần dĩ thi-nhân mục chí da.*

*Trời sinh ông Thương-Sơn đè làm gương cho  
dân nước Việt-Nam, ta há dám chỉ coi là một nhà thơ hay  
mà thói đâu ?.*

— n̄ —

*Thảo nguyệt câu tân; do bút điện đã.*

*Trăng với cỏ đều là những cảnh thường, mà  
ngòi bút khéo tả ra lạ, ra mới.*

*Bùu-Thanh, sứ-thần Trung-Hoa . . . 77*

*Điểm như hà sa mạt,*

*Tinh tự kiền tân trùu.*

*Đẹp giống rạng trời căng,  
Khéo như tờ tằm búa.*

*Lê-Tân . . . 89*

*Cú tắt hữu sắc,  
Tự tắt hữu thanh.*

*Mỗi câu có một họa-ý,  
Mỗi chữ có một nhạc-âm.*

Tuy-Lý-Vương . . . 90

*Văn đạo bạch my tri tối dị,  
Thần tiên đa tại hải thiên lai.*

*Nghe đồn có vị lông mày trắng,  
Âu hân thần tiên lại giáng-sinh.*

Cao-Úng-Nguyên . . . 97

*Thương-sơn sắc tú vô tỳ,  
Hương-giang thủy thanh thê mỹ,  
Sơn xuyên tinh khí từ chung linh,  
Kiệt xuất Nam-bang Bạch-hào-tử.*

*Thương-sơn đẹp đẽ biết bao,  
Hương-giang nước biếc ngầm vào càng xinh,  
Nhờ non sông có chung-tình,  
Nên Bạch-hào-tử mới sinh ra đời.*

Phùng-Tảng-Huân, nhà địa-lý  
Trung-Hoa . . . 97

*Độc đáo bạch-áu hoàng diệp cú,  
Mẫn hoài tiêu sát đái thu hàn.*

*Độc đáo câu « bạch-áu hoàng-diệp »,  
Cả người ôn lạnh với hơi thu.*

Lao-Sùng-Quang . . . 106



## ĐÍNH-CHÍNH

Trang	Hàng	In sai	Xin đọc
9	16	vì thẽ và nhũng nhà	vì thẽ mà nhũng nhà
9	19	Ứng-Trình	Ưng-Trình
	21	Ứng-Trình	Ưng-Trình
28	18	Huong non sông	Huống non sông
65	22	ầu Minh-viễn	Lầu Minh-viễn
72	26	nước măt sa	nước mắt sa
91	4	tượng	trượng
95	4	Mậu-thân 1840	Mậu-thân 1847
98	12	là trong trong lúc ngủ	là trong lúc ngủ
100	24	dù làm chúng	dù làm chúng
113	7	bà Thục-Tân	bà Thục-Tân
	11	nhớ nhữung việc	nhớ nhũng việc
	18	cũng khøng sao	cũng không sao
131	13	cụ Phạm-phú-Thú	cụ Phạm-phú-Thú
148	28	ngoại-tò-Hội.	ngoại-tò Bửu-Hội.
149	8	Bảo-vinh	Bao-vinh
151	14	bệnh lành, đæ	bệnh lành, dà
152	15	Tùng-Thiện-Vươngm ở măt	Tùng-Thiện-Vương mờ mắt
161	4	TÚ-NGÔN	TÚ-NGÔN
161	15	thâu-suốt	thấu suýt
169	13	Hnuõng nûra	Huõng nûra
181	1	nhớ lại mồi khồ	nhớ lại nồi khồ
197	10	dòi hoàn-tử	dòi hoàng-tử
198	7	ai-oán buôn-sầu	ai-oán buồn-sầu
210	3	sai lầm dám trách	sai lầm dám trách
223	14	Dù có tinh	Dù có tình
227	15	Phiêm-âm	Phiên-âm
228	24	hữu ích cno người ta	hữu ích cho người ta
243	12	Phiêm âm	Phiên âm
251	1	Phiêm âm	Phiên âm
253	22		

Trang	Hàng	In sai	Xin đọc
259	9	chuyện một nhà sư.	chuyện một nhà sư
260	13	ihi cũng may	thì cũng may
262	1	Đọc sách cò thè	Đọc sách có thè
283	25	mong có thể-thần mới	mong có thể, thần mới
286	24	nhiên thường vẫn có	nhiên thường vẫn có
287	4	nhưng không chia xẻ	không chia xé
	9	bà Huyện thanh.Quan	bà Huyện Thanh Quan
291	8	Lúc n'ó đã biết nhau	Lúc nhỏ đã biết nhau
302	4	chỉ biết là chính người	chỉ biết là chính người
323	14	gia-dịnh	gia-dinh
327	19	đã bắt chiếc cầu	đã bắc chiếc cầu
331	21	giữa đường	giữa đường



# MỤC-LỤC

---

<i>Lời giới thiệu.</i>	9
<i>Lời tựa.</i>	13
— <i>Chương I.</i> Nhất-đại thi-ông	17
<b>Triều Gia-Long</b>	
— <i>Chương II.</i> Ngọc-điệp	27
<b>Triều Minh-Mạng</b>	
— <i>Chương III.</i> Đoan-trang-viện	33
— <i>Chương IV.</i> Kim-sách, Ngân-sách	38
— <i>Chương V.</i> Tinh-tâm-hồ	44
— <i>Chương VI.</i> Ngự-hà	49
— <i>Chương VII.</i> Võ-xuân-Cần	53
— <i>Chương VIII.</i> Thiệu-phương-viên	58
<b>Triều Thiệu-Trị</b>	
— <i>Chương IX.</i> Thé Thịnh-an	63
— <i>Chương X.</i> Bắc-hành	71
— <i>Chương XI.</i> Nguyễn-văn-Siêu	78
— <i>Chương XII.</i> Văn-nghiệp	84
— <i>Chương XIII.</i> Nạp-bì	89
<b>Triều Tự-Đức</b>	
— <i>Chương XIV.</i> Thương-son	95
— <i>Chương XV.</i> Lợi-nông	99
— <i>Chương XVI.</i> Ký-thường-viên	103

— <i>Chương XVII.</i> Bạch-bí.. . . . .	108
— <i>Chương XVIII.</i> Tiêu-viên. . . . .	113
— <i>Chương XIX.</i> Tùng-vân. . . . .	119
— <i>Chương XX.</i> Nguyễn-trọng-Hợp, Phạm-phú-Thứ	126
— <i>Chương XXI.</i> Ngự-mặc-Đinh. . . . .	132
— <i>Chương XXII.</i> Đoàn-hữu-Trưng. . . . .	143
— <i>Chương XXIII.</i> Tuyệt-bút-tử . . . . .	150
— <i>Chương XXIV.</i> Ngự-ché-văn . . . . .	154

### **Thương-sơn thi-tuyển**

— Dẫn-thanh-ca . . . . .	161
— Bệnh-trung tư mẫu. . . . .	165
— Đoàn-ca-hành. . . . .	174
— Trường-ca-hành . . . . .	187
— Thụy-khởi . . . . .	198
— Sơn-trung . . . . .	201
— Cõ-ý . . . . .	202
— Hương-cần. . . . .	204
— Tùng-quân-hành . . . . .	206
— Tạp-cảm. . . . .	208
— Tạp-ngôn . . . . .	210
— Tổng khách vãng Hà-nội. , . . . .	212
— Tự quân chi xuất hỷ . . . . .	214
— Đông-viên hoa. . . . .	216
— Xuy tiêu-ỳ. . . . .	218
— Chiêm-dàn thụ. . . . .	221
— Thuận-an qui châu . . . . .	223
— Bǎn-gia . . . . .	228

— Dữ Tường-vân tăng thoại-cứu . . . . .	233
— Kiềm-Lâu tiên-sinh . . . . .	238
— Trác-mộc điêu. . . . .	244
— Tống khách. . . . .	247
— Lục-thủy. . . . .	250
— Nhàn cư. . . . .	253
— Tự-dật. . . . .	255
— Bài hài thè. . . . .	258
— Bài hài thè. . . . .	260
— Đào hoa. . . . .	263
— Dạ bạc nguyệt-biểu. . . . .	267
— Đổi-dịch. . . . .	270
— Tống biệt. . . . .	272
— Kim-long dạ bạc . . . . .	274
— Sơn-cư tảo-khi. . . . .	279
— My-châu từ. . . . .	281
— Nam-khé. . . . .	285
— Lý-tịnh . . . . .	287
— Văn Tương An-công. . . . .	290
— Xuân-nhật . . . . .	293
— Phùng cổ-nhân. . . . .	296
— Khách-định. . . . .	298
— Quật-chi-từ. . . . .	300
— Tân-tốt . . . . .	303
— Phiếm-nguyệt . . . . .	306
— Tống nhân tùng-quân . . . . .	308
— Tặng Hưu-Lương-tăng. . . . .	312
— Đăng Trần-võ-quan môn-lâu. . . . .	317

— Đại-mông qua.	321
— Ngõa-kiều	325
— Lưu-dân thán	329
— Tống Đồ-văn-Hiến chi Gia-dịnh.	335
— Những lời phê-bình.	343
— Đính-chính.	344

---

## SÁCH CỦA HIỆP-TÁ ƯNG-TRÌNH

*Hán-văn :*

- LUẬN-NGỮ TINH-HOA
- ĐẠI-HỌC TOÁT-YẾU

*Quốc-ngữ :*

- QUỐC-NGỮ DỊ-TRI
- NHƠN-SỰ NGỤ-NGÔN
- QUỐC-ÂM BỊ-THÈ
- THƯỜNG-SẢN THƯỜNG-TÂM THUYẾT
- NGOẠI-GIAO-SỨ (Việt-Nam cận-đại)

# SÁCH CỦA LINH-MỤC BƯU-DƯƠNG

## ⦿ NGÀI LÀ AI ?

(Tiêu-sử và Đạo-lý Chúa Cứu-thế)

ĐÀ-MINH xuất-bản

## ⦿ NGÀI MUỐN GI ?

(Phiên-dịch, giải-thích và bình-luận thư các mân-kết Chúa Cứu-thế)

Ban Tu-thư Hiệp-hội Tu-sĩ xuất-bản

## ⦿ NGÀI Ở ĐÂU ?

(Lịch-sử nhân-loại qua Thánh-kinh Thiên-Chúa-Giáo và Giáo-hội Công-Giáo)

ĐÀ-MINH xuất-bản

## ⦿ TÚ-THƯ GIẢI-LUẬN

(Phiên-âm, dịch-nghĩa, giải-thích và bình-luận bộ Tú-thư)

- I. Đại-học
- II. Trung-dung
- III. Luận-ngữ
- IV. Mạnh-tử

KHAI-TRÍ xuất-bản

## ⦿ VĂN-ĐỀ ĐAU-KHỒ

(đổi-chiếu các tư-tưởng tôn-giáo triết-học, văn-nghệ và khoa-học)

ĐÀ-MINH xuất-bản

## ⦿ TRIẾT-HỌC-QUAN

(các triết-lý Đông, Tây, Kim, Cồ)

- I. Quan-niệm Triết-học (Triết-học nhập-môn)
- II. Quan-niệm Người đời (Siêu - hình, Tâm - lý, Luận - lý)
- III. Quan-niệm Đời người (Đạo - đức, Xã - hội, Chánh - trị)

VĂN-ĐÀN xuất-bản



1868

1868